

Đặc san Xuân Nhâm Thìn

Hội Ái Hữu Giáo Sư và Cựu Học Sinh
Trung Học Trịnh Hoài Đức - Bình Dương
thực hiện



2012



Trước thềm năm mới Nhâm Thìn 2012
Kính chúc quý thầy cô nhiều được nhiều sức
khỏe, gia đình hạnh phúc, vạn sự như ý.
Suốt đời cựu học sinh Trịnh Hoài Đức luôn
luôn ghi nhớ công ơn khai sáng của thầy cô.

Hội trưởng,
Hội phó,
và toàn thể CHS Trung Học Trịnh Hoài Đức
Bình Dương

Ban Điều Hành Hội Ái Hữu GS và CHS Trung Học Trịnh Hoài Đức - Bình Dương:

Cố Vấn: GS Nguyễn Thanh Liêm, GS Nguyễn Trí Lục, CHS Nguyễn Văn Tiếp (khoá 9)

Hội Trưởng: CHS Nguyễn Văn Diệp (khoá 5), Email: diepvn4648@yahoo.com

Hội Phó đặc trách xã hội và văn nghệ: CHS Nguyễn Kim Nên (khoá 9)

Email: vo-nguyen@comcast.net

Hội Phó đặc trách thông tin, liên lạc kiêm thủ quỹ: CHS Từ Minh Tâm (khoá 11)

Email: minhnam_08@yahoo.com

Đại diện tại các địa phương:

Sydney: CHS Đỗ Thị Anh (khoá 2), Email: anh_do1944@yahoo.com.au

Melbourne: CHS Trần Văn Khanh (khoá 3), Email: vk_tran@hotmail.com

Canada: CHS Nguyễn Thị Kim Oanh & Nguyễn Thị Minh Lan (khoá 9), Email:

tran.thachoanh@gmail.com

Texas: CHS Nguyễn Kim Nên (khoá 9), Email: vo-nguyen@comcast.net

San Jose: CHS Nguyễn Thị Bì (khoá 9), Email: btran42@yahoo.com

Sacramento: CHS Nguyễn Văn Đông (khoá 9), Email: dongnguyen50@yahoo.com

San Diego: CHS Nguyễn Thị Khoẻ (khoá 3), Email: truck20nguyen@yahoo.com

Orange County và vùng phụ cận: CHS Nguyễn Văn Diệp (khoá 5), Email:
diepvn4648@yahoo.com

Lời ngỏ

Thời gian thấm thoát thoi đưa, một mùa xuân mới lại về với đất trời. Ngày xưa, mỗi khi xuân về, chúng ta lại náo nức mừng đón vì đó là dịp có quần áo mới, được lì xì, được tự do vui chơi với bạn bè và người thân. Ngày nay, chúng ta không còn những niềm hân hoan như thuở nào mà thay vào đó là những hồi ức về biết bao kỷ niệm ngày xanh khi chúng ta còn học chung trường, chung lớp. Báo xuân Trịnh Hoài Đức chính là nơi chốn để kỷ niệm xưa tìm về và chia sẻ với nhau. Kỷ niệm ấy có thể về vùng quê hương ngày thơ ấu. Kỷ niệm ấy có thể là trường lớp với thầy cô, bạn bè yêu dấu. Kỷ niệm ấy có thể là những ngày cùng nhau làm báo Xuân, tập văn nghệ, chơi thể thao hay rong chơi vui vẻ quên cả thời gian. Tất cả sẽ được ghi lại bằng những cây bút không chuyên nghiệp nhưng đầy tình cảm. Chúng ta chỉ có tâm chân tình, không cần văn hoa, bay bướm. Lời văn của các bài viết có thể mộc mạc, đơn sơ nhưng đầy ấp tình thầy trò, tình bạn hữu với ước mong đem đến cho người đọc những giây phút bồi hồi khi nhớ lại khung cảnh của một vùng quê hương thân yêu khi chúng ta còn đi học ở một trường trung học đầy thân thương trong lúc mọi người vui đón mùa xuân mới.

Báo xuân Nhâm Thìn 2012 Trung Học Trịnh Hoài Đức được thành hình là nhờ sự khuyến khích tinh thần và đóng góp bài vở của rất nhiều cựu học sinh và giáo sư. Nhóm thực hiện xin ghi nhớ những ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt của quý thầy cô và các bạn. Do điều kiện eo hẹp nên Báo Xuân của chúng ta chỉ có thể thực hiện dưới dạng báo trên mạng, từ đó bạn đọc có thể in ấn tùy ý. Tuy nhiên để dễ download, ấn bản trên mạng sẽ xuất bản với chất lượng hình ảnh ở mức độ vừa phải. Nếu bạn muốn có một ấn bản đẹp và sắc sảo xin liên lạc Minh Tâm theo địa chỉ email minhtam_08@yahoo.com hay gọi điện thoại số (310)523-1857 để chúng tôi gửi email đặc biệt riêng cho bạn. Bạn nào muốn chúng tôi in riêng

và gửi tận nhà chúng tôi cũng sẵn sàng giúp đỡ. Xin cũng liên lạc theo địa chỉ email nói trên.

Thực hiện tờ báo trong điều kiện hạn chế dĩ nhiên sẽ có nhiều thiếu sót. Ước mong quý thầy cô và các bạn góp ý để tờ báo sang năm được hoàn chỉnh hơn.

Đầu xuân Nhâm Thìn 2012, kính chúc quý thầy cô và các bạn một năm mới vạn sự cát tường, sức khoẻ dồi dào, gia đình hạnh phúc. Một lần nữa xin cảm ơn những tác giả nhiệt tình đã đóng góp cho tờ báo xuân của chúng ta được nhiều hương sắc.

TM. Nhóm thực hiện

Đặc San Xuân Nhâm Thìn – 2012
Trung Học Trịnh Hoài Đức Bình Dương

Từ Minh Tâm

Chúc Xuân Nhâm Thìn

(Phước Lộc Thọ)

***Nhâm Thìn khai bút, bút khai hoa
Vạn sự tất thành phước lộc đa
Kính chúc Thầy Cô và bạn hữu
Trang Nhà trường thọ tiếng vang xa***

VX đề tặng



Tâm Thư Hội Trường

Nguyễn Văn Diệp

Kính thưa quý thầy cô và quý anh chị,
Hằng năm cứ đến mùa Lễ Giáng Sinh và Tết Dương Lịch, trong khi hầu hết các tiểu bang của Hoa Kỳ đang đắm chìm trong những cơn mưa gió mùa Đông lạnh lẽo, thì tại quê nhà thân yêu của chúng ta, mọi người bắt đầu xôn xao chuẩn bị chào đón Tết Nguyên Đán cổ truyền.

Hội trường về những ngày Tết rộn ràng trên quê hương Việt Nam mền yêu, khi cả nhà cùng quây quần bên nhau trong đêm trừ tịch bên bếp lửa hồng của nồi bánh tét hay bánh chưng để chờ đón giao thừa, không kể ly hương nào mà không chợt nhớ nhà, nhớ Tết, nhớ cha mẹ, anh em. Thế nên tuy ở cách xa quê hương đến hàng vạn dặm, đồng bào mình ở bên này Thái Bình Dương cũng nô nức chuẩn bị đón Tết không kém bà con mình ở bên nhà, cho dù thời gian vui hưởng Tết đôi khi rất ngắn, chỉ một hoặc hai hôm, nếu chẳng may ngày mừng 1 năm ấy không rơi đúng vào các ngày cuối tuần

Nhằm mục đích duy trì văn hoá Việt Nam ở hải ngoại, từ nhiều chục năm qua, tại vùng nắng ấm Little Saigon - Nam California, thủ phủ của cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ, một Hội Chợ Tết Cộng Đồng do Tổng Hội Sinh Viên Miền Nam California đứng ra tổ chức, luôn luôn bắt đầu khai mạc và kết thúc trong tuần lễ có Tết Nguyên Đán. Đây là một sinh hoạt văn hoá lành mạnh được rất nhiều người Việt ủng hộ.

Cũng rộn ràng không kém, nhiều hội đồng hương tại đây đang chuẩn bị tổ chức họp mặt tất niên nhằm tạo điều kiện sinh hoạt vui chơi chung cho tất cả hội viên có cùng chung một quê quán ở Việt Nam.

Không giống như các hội đồng hương, hầu hết các hội cựu học sinh các trường trung và đại học ở hải ngoại thường tổ chức họp mặt vào dịp hè thay vì Tết Âm lịch. Có lẽ mùa hè là mùa của học trò và những cuộc tình thơ mộng (Mỗi

năm đến hè lòng man mác buồn – Nỗi Buồn Hoa Phượng – NS Thanh Sơn) nên thường được chọn làm thời điểm họp mặt của các hội ái hữu cựu học sinh. Hay vì mùa hè ở xứ này có ngày Lễ Độc Lập - July 04, cha mẹ được nghỉ lễ mà con cháu cũng đang kỳ nghỉ hè, rất thuận lợi cho cả nhà cùng đi chơi, vừa có cơ hội tham dự đại hội, vừa đi du lịch luôn thể, nhất cử lưỡng tiện? Chắc là cả hai đều đúng!

Do có ít người, lại sinh sống rải rác khắp nơi trên toàn thế giới, và theo một quyết định chung đã được thoả thuận tại Đại Hội THĐ Toàn Thế Giới lần thứ nhất tổ chức tại miền Nam California - Hoa Kỳ vào tháng 07/2010 thì cứ hai năm một lần, vào các năm chẵn, Đại Hội THĐ Toàn Thế Giới sẽ được tổ chức. Năm nay, Ban Điều Hành Hội Ái Hữu Cựu GS & HS Trường Trịnh Hoài Đức quyết tâm dồn hết mọi nỗ lực cho kỳ Đại Hội THĐ Toàn Thế Giới lần thứ hai sẽ được tổ chức vào ngày Chủ nhật 01/07/2012 cũng tại vùng Little Saigon - Nam California với một chương trình chi tiết rất hấp dẫn sẽ được thông báo sau. Rất mong quý thầy cô và quý anh chị ở khắp mọi nơi trên thế giới nhiệt liệt hưởng ứng để cho tình thầy trò và tình bạn học ngày càng thêm thân thương, gắn bó. Cali nắng ấm tình nồng rất hân hoan chào đón quý thầy cô và quý anh chị!

Năm ngoái, Đặc San Xuân THĐ đã được nhiều thầy cô và quý anh chị trong cũng như ngoài nước nhiệt liệt khen ngợi. Năm nay, để phát huy thành quả đó, đồng thời cũng để duy trì một sinh hoạt truyền thống rất đáng yêu của thời học trò ngày trước: “Viết và Đọc Báo Xuân Học Đường”, chúng tôi tiếp tục phát hành Đặc San Trịnh Hoài Đức Xuân Nhâm Thìn vào tháng 01/2012. Hình thức phát hành vẫn là online vì chi phí in ấn và cước phí vận chuyển quá cao, ngoài khả năng của Hội. Muốn đọc đặc san này, xin quý vị vui lòng vào trang nhà của chúng ta là:

<http://trinhhoaiduc.netfirms.com>. Nếu có nhu cầu cần giúp để xem hoặc in ra thành tập để lưu giữ làm kỷ niệm, xin vui lòng liên lạc riêng với người phụ trách là CHS Từ Minh Tâm.

Nhân đây tôi cũng xin thưa với quý vị là để tránh những chuyện không hay về tài chánh như một vài hội đoàn khác, chúng tôi không chủ trương thu lệ phí hội viên hay trực tiếp gây quỹ cho bất kỳ công việc gì. Mọi công tác cần chi phí đều do mọi người tự nguyện góp sức tùy khả năng. Quỹ điều hành của Hội có được chút ít hôm nay là do phần đóng góp còn thừa của buổi tiệc liên hoan trong kỳ đại hội lần trước.

Vẫn trung thành với chủ trương thuần túy ái hữu, Đặc San Xuân Nhâm Thìn là một tuyển tập của nhiều CHS/THĐ cả trong lẫn ngoài nước, viết về những kỷ niệm thân thương của mình với quê hương Bình Dương mến yêu, với trường xưa, bạn cũ. Bên cạnh đó là những tâm sự vụn vặt, thầm kín rất dễ thương của một thời áo trắng sân trường, tản mạn trong các bài thơ, văn xuôi, bút ký, phóng sự v.v... Ngoài ra còn có rất nhiều tin tức, hình ảnh sinh hoạt vừa cũ, vừa mới của tất cả các khoá. Một vài bài sưu tầm rất có giá trị về quê hương và con người Bình Dương làm phong phú thêm cho Đặc San. Cũng không thể thiếu phần tường trình công tác trong năm để quý thầy cô và quý anh chị kính trọng, những chuyện vui cười ý nhị, những câu đố vui để tăng thêm phần sáng khoái trong những ngày Tết và nhiều tiết mục hay, vui, lạ khác nữa.

Về việc hoàn thành Đặc San Xuân và điều hành trang web của trường mình, tôi nghĩ chúng ta cần phải đặc biệt vinh danh người phụ trách, anh Hội Phó kiêm Thủ Quỹ Từ Minh Tâm. Anh đã bỏ ra rất nhiều thời gian và công sức đôn đốc, chăm lo cho từng bài vở của quý

anh chị gửi đến, cũng như thường xuyên theo dõi email của tất cả các hội viên và thân hữu của Hội để cập nhật trang web của chúng ta với các tin tức nóng hổi của từng khoá, từng địa phương mà không hề quản ngại công khó nhọc của mình.

Nhắc đến quê cũ trường xưa, như nội dung chính của Đặc San này, ai mà không khỏi bồi hồi, cảm xúc. Tôi vẫn nhớ hoài câu chuyện của một người đi xa trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Câu chuyện có tựa đề là: “Chỗ Quê Hương Đẹp Hơn Cả”.

Chuyện kể về một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: “Ông đi du sơn du thủy, thế tất đã trông thấy nhiều cảnh đẹp. Vậy ông cho ở đâu là thú hơn cả?” Người du lịch đáp rằng: “Cảnh đẹp mắt tôi trông thấy đã nhiều, nhưng không đâu làm cho tôi cảm động, vui thú bằng lúc trở về chôn quê hương, trông thấy cái hàng rào, cái tường đất cũ kỹ của nhà cha mẹ tôi. Từ cái bụi tre ở xó vườn, cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi ra cho tôi những mối cảm tình chứa chan, kể không sao xiết được.”

Phải chăng, đối với các cựu học sinh Trường Trung Học Trịnh Hoài Đức, nhất là với các anh chị đã nhập học từ năm đệ thất cho đến khi hoàn tất chương trình trung học đệ nhị cấp, thì chỉ có mái trường mẹ thân yêu này mới là nơi đáng nhớ nhất trên đời? Tuyệt đối là như thế! Bởi lẽ, ngay khi

bắt đầu nhận biết trách nhiệm của việc học hành, thi cử, bắt đầu biết nếm chút hương vị ngọt ngào lẫn đắng cay của những cuộc tình học trò, vốn dễ vỡ và dễ bay như những quả bong bóng muôn màu của hạnh phúc, thì cũng từ đây họ đã bắt đầu cuộc đời bạch diện thư sinh đến sáu bảy năm trời, hay nhiều hơn nữa,



tại chỉ một nơi này. Làm sao có thể quên được cái thời hoa niên thơ mộng dài đằng đẵng ấy chứ!

Kính thưa quý thầy cô và quý anh chị,

Cứ mỗi độ Xuân về, tôi lại đến nhớ mấy câu thơ rất tình nghĩa của người mình như sau:

Mông mông đi chúc Tết cha

Mông hai Tết mẹ, mông ba Tết thầy

Nhân có một số anh chị hỏi tôi về việc “Tết Thầy” năm nay. Xin được thưa là tuy điều kiện khách quan năm này không được thuận lợi bằng năm trước, tôi nghĩ chúng ta vẫn nên tiếp tục nghĩa cử cao đẹp này. Ai cũng biết việc thực hiện công tác này khá nhiều khê do kè chân trời người góc bể, thêm phần vạn sự khởi đầu nan, nhưng nếu cố gắng làm được vài năm đầu liên tục thì hy vọng là nó sẽ trở thành một trong những công tác truyền thông đáng quý của Hội mình sau này. Sở dĩ tôi nói không được thuận lợi lắm vì năm nay không nghe thấy có anh chị nào về Việt Nam nhân dịp Tết có thể đích thân đi thăm viếng quý thầy cô, như tôi đã có dịp thực hiện hồi năm ngoái. Thế nên việc “Tết Thầy” sẽ được tiến hành dưới hình thức khác, sẽ thông báo sau khi hoàn tất.

Không phải chỉ thực hiện ở Việt Nam, mà ở khắp mọi nơi trên thế giới, tôi nghĩ, quý anh chị cư ngụ trong cùng một địa phương, nếu có thể được, nên phối hợp tổ chức đi thăm viếng quý thầy cô trong dịp Tết để tỏ lòng biết ơn muôn thưở của chúng ta đối với những người đã có công dạy dỗ chúng ta nên người hữu dụng hôm nay.

Nhìn lại quá trình làm việc hơn một năm qua, nếu có thời gian thường xuyên vào thăm trang nhà THĐ, dạo qua các tiết mục Hình ảnh Sinh hoạt, Tin tức–Thông báo, Chúc mừng–Chia buồn, v.v... chắc quý vị đã nhận biết được phần nào công việc làm của Ban Điều Hành chúng tôi. Dù đã cố gắng hết mình trong điều kiện thời giờ và sức khoẻ rất giới hạn, chúng tôi vẫn biết là không thể làm vừa lòng hết mọi người, bởi lẽ năm người mười ý! Và lại, “nhân vô thập toàn” và đôi khi “lực bất tòng tâm” nên một vài sự thiếu sót trong công việc điều hành

chắc không tránh khỏi. Kính xin quý thầy cô và quý anh chị vui lòng lượng thứ cho. Xin đa tạ quý vị.

Như đã nói ở phần trên, mùa hè năm 2012 sẽ là mùa họp Đại Hội Trịnh Hoài Đức Toàn Thế Giới Lần II, đồng thời cũng là thời điểm để bầu cử ban điều hành mới của nhiệm kỳ hai năm kế tiếp. Để cho công việc điều hành được liên tục, tránh tình trạng trì trệ do buổi giao thời giữa hai nhiệm kỳ cũ và mới, xin đề nghị quý thầy cô và quý anh chị nên chuẩn bị tinh thần trước, mạnh dạn đứng ra ứng cử vào ban điều hành mới, thay thế cho ban điều hành cũ sắp mãn nhiệm. Rất mong nhận được sự hợp tác tích cực của quý vị về việc này. Xin cảm ơn quý vị trước.

Cuối cùng, nhân dịp Xuân Nhâm Thìn 2012 sắp đến, tôi xin thay mặt Ban Điều Hành đương nhiệm kính chúc quý thầy cô và quý anh chị tất cả các khoá một năm mới an khang và thịnh vượng.

Kính chào đoàn kết và thân ái,

CHS Nguyễn Văn Diệp

Hội Trưởng

Hội Ái Hữu Cựu GS & HS Trường Trịnh
Hoài Đức



Một Năm Nhìn Lại

Táo THĐ

Muôn tàu Ngọc Hoàng,
Thần là Táo quân CHS THĐ, nhân ngày cuối năm xin báo cáo lên Ngọc Hoàng những sinh hoạt của Hội năm qua.

Đầu tiên xin nói về chuyện gặp gỡ, hội ngộ. Hơn 40 anh chị CHS & GS Trịnh Hoài Đức đã có một ngày vui vào tháng 7/2011 tại Hội Trường của Hội Lãng Ông, Nam California. Đây là một cuộc họp có tính địa phương của các CHS vùng Orange County và San Diego nhưng cũng có sự hiện diện của vài anh chị từ Việt Nam và từ San Jose đi du lịch ghé tham dự. Dịp này, do sự đề nghị của chị Nguyễn thị Khoẻ, một cuộc quyên góp tự phát đã được thực hiện và thu được \$510 đô la để giúp cho vài thầy cô ở quê nhà.

Ở trong nước, năm nay không thấy họp thường niên vào ngày 1/5, do đó hơn 30 anh chị em CHS yêu văn nghệ và thơ ca đã tổ chức họp mặt tại quán Đồng Quê ngày 18/6/2011. Trong cuộc họp mặt này đặc biệt có sự tham dự của GS Trần văn Quý (dạy sử địa).

Các CHS khoá 1 năm nào cũng tổ chức mừng xuân. Năm nay có khoảng 50 CHS đến tham dự tại nhà hàng Bách Hoa Viên. Dịp này, các CHS đã tổ chức mặc niệm nhớ về những thầy cô và bạn bè đã mất.

CHS Khoá 12 cũng giữ được truyền thống họp mặt hàng năm. Năm nay khoảng 60 CHS khoá 12 họp ngày 2/9 tại nhà của anh Dương Thế Phương. CHS khoá 12 là nhóm khăng khít với nhau nhiều nhất trong số CHS các khoá của trường Trịnh Hoài Đức. Ngoài ra CHS các khoá 4, 9, 11, 18 cũng tổ chức họp mặt khi có dịp và từ đó đã bồi đắp tình cảm CHS THĐ thật đậm đà và khăng khít.

Bên cạnh các cuộc họp lớp, mỗi khi có quý vị giáo sư đến thăm địa phương nào thì CHS THĐ ở địa phương đó tùy theo khả năng của mình mà tổ chức tiếp đón thân tình. Năm qua có các cuộc họp mặt nho nhỏ như:

- CHS Nguyễn văn Diệp viếng thăm và tặng quà cho thầy cô ở Việt Nam tháng 2/2011.
 - Tiếp đón GS Nguyễn thị Ngọc Sương tại Nam Cali ngày 23/4/2011 nhân dịp cô và phu quân đi du lịch thăm con ở Mỹ.
 - Tiếp đón GS Lê Tấn Lộc tại Nam Cali ngày 21/5/2011 nhân dịp thầy thăm Little Saigon.
 - CHS Nguyễn thị Kim Oanh và Nguyễn thị Minh Lan thăm viếng thầy Đoàn Phế tháng 5/2011.
 - CHS Huỳnh Xuân Khai viếng thăm GS Bùi Quang Lưu tháng 8/2011.
 - Tiếp đón GS Nguyễn Vũ Hải tại Nam Cali ngày 11/11/2011 nhân dịp thầy về thăm Nam Cali.
 - CHS khoá 14 đón tiếp GS Trần Minh Đẩu về thăm Việt Nam ngày 20/11/2011.
 - CHS Nguyễn Kim Nên viếng thăm GS Chu Bá Cao tại Dallas, Texas tháng 11/2011.
 - Cuộc hội ngộ của CHS Nguyễn Kim Nên và Nguyễn Thị Bi và GS Tô Mỹ Hạnh tại San Jose (12/2011).
- ... và rất nhiều cuộc thăm viếng khác mà thần không biết hết, vậy xin cáo lỗi với Ngọc Hoàng về chuyện này.

Tiếp theo, thần xin nói về chuyện liên lạc. Năm nay Hội đã liên lạc được thêm một số thầy cô như : GS Phạm Hoàng (San Jose), GS Tô Mỹ Hạnh (San Jose), GS Lê Hoàng Oanh (Cali), GS Ngô Thị Hồng Thanh (Cali), Nghiêm Toàn Thanh (Pháp), Phùng Quang Tuấn (Canada). Qua sự giới thiệu, chúng ta cũng biết thêm vài chi tiết về GS Nguyễn Khánh Do & Nguyễn Huy (Texas), nhưng chưa liên lạc được. Thêm vào đó các CHS sau đây đã nói dài thêm vòng tay thân ái: Nguyễn Văn Viện (K2), Châu Hoàng Anh (K2), Phan Quang Nghiệp (K2), Võ Thành Châu (K6), Lại Thành Đức, Nguyễn Thị Hồng Nguyệt (K7), Vũ Đức Quỳnh (K5), Lưu Minh Thành (K15), Phạm Kim Hương (K3) ...

Năm qua, Hội chúng ta vĩnh viễn mất đi hai giáo sư là GS Tô Hoà Dương và GS Nguyễn Quang Cận. Thêm vào đó một số CHS cũng đã mãn phần như: Mai Văn Thành (K2), Nguyễn Ngọc Nho (K12), Nguyễn Thị Chín (K11), Huỳnh Võ Hiệp (K11), Đỗ Thị Đâu (K8). Xin thấp nén hương lòng cầu nguyện cho những người quá cố sớm tiêu diêu nơi miền cực lạc.

Về tin vui, năm nay gia đình các CHS Trần Minh Tâm (K3), Lưu Thanh Bình (K12), Nguyễn Thuý Việt (K11), Trịnh Phi Anh (K 5), Kim Hồng (K 9), Nguyễn Hữu Hiệp (K11) có làm lễ thành hôn/vu quy cho con mình. Xin gửi lời chúc mừng đến các CHS nói trên cũng như các bạn khác có tin vui mà Hội không biết hết.

Về mặt tương trợ, năm nay ngoài số ngân khoản thu được nhân dịp họp mặt ở Nam Cali đã được chuyển về cấp tốc để giúp đỡ thầy Nguyễn Bé Tám và cô Kim Hưng, vào dịp Tết Nhâm Thìn, Hội sẽ chuyển tiếp số ngân khoản tồn đọng năm ngoái là 250 đô la cộng với số tiền đóng góp thêm của một số CHS ân danh khác để tiếp tục gửi về cho thầy cô dịp Tết. Vài CHS có hỏi địa chỉ của thầy cô ở Việt Nam để tự gửi thêm tuỳ ý. Hy vọng những sinh hoạt này sẽ giúp thầy cô có một mùa xuân vui vẻ trong năm mới.

Về mặt báo chí, Đặc San Xuân Tân Mão – 2011 của GS & CHS Trịnh Hoài Đức đã được ra mắt và được độc giả bốn phương khen ngợi. Điều này làm cho Ban Phụ Trách rất phấn khởi. Năm nay Hội tiếp tục ra báo xuân Nhâm Thìn. Hy vọng sẽ được CHS và GS đón nhận và ủng hộ. Tiếc rằng do ngân sách eo hẹp, số CHS không nhiều, nên báo xuân chỉ được thực hiện dạng báo “mạng”, không biết đến bao giờ CHS mới có cơ hội in ra tờ báo để chuyền tay nhau đọc như thời học sinh.

Về xuất bản, năm nay có 3 tác phẩm của GS & CHS Trịnh Hoài Đức được trình làng:

Đầu tiên là quyển Một Lần Toan Tính của GS Lê Tấn Lộc. Đây là quyển sách tổng hợp nhiều bài viết của GS đã đăng trong blog của mình.

Tiếp theo là quyển Đi Cruise Bắc Mỹ của CHS Minh Tâm. Sau hai tác phẩm viết về du

lich Á Châu, đây là cuốn sách thứ ba của tác giả và cũng là quyển du ký đầu tiên của người Việt về thể loại du lịch trên du thuyền.

Cuối cùng, tuy chưa xuất bản mà đã được giải thưởng về văn học của tỉnh Bình Dương là một tác phẩm của CHS Hoàng Anh: quyển Bình Dương Đất Người Quê Tôi. Nhiều bài viết trong quyển sách này đã được đăng trên trang nhà GS & CHS Trịnh Hoài Đức (trong số đó có hai bài được đăng trên Báo Xuân Nhâm Thìn). Tác phẩm này được biên soạn công phu, có thể tương đương một luận án thạc sĩ về lịch sử. Sách được giải thưởng văn học chính là một chứng nhận cả về giá trị nghiên cứu và công lao của tác giả. Chúc mừng Hoàng Anh, hy vọng sách sớm được xuất bản để người đọc thưởng lãm.

Trang nhà GS & CHS Trịnh Hoài Đức cũng phát triển đều đặn. Năm nay có vài cây bút mới xuất hiện như: Nguyễn Thị Cẩm, Huỳnh Thị Nhung, Bacsinhaque, Hạt Bụi A2, Vĩnh Xuyên TVS, Dộc Sói Xưa ... mỗi người một vẻ, văn thơ phong phú và trữ tình. Một điều hơi rắc rối cho trang nhà là do máy chủ bị tin tặc tấn công nên địa chỉ trang nhà GS & CHS Trịnh Hoài Đức của chúng ta bị mất ba chữ www. và đổi tên là <http://trinhhoaiduc.netfirms.com>. Hy vọng từ từ bạn đọc sẽ tìm được địa chỉ mới.

Về chương trình sinh hoạt năm tới, thần nghe nói Hội sẽ tổ chức họp mặt GS & CHS Trịnh Hoài Đức toàn thế giới tại Nam Cali vào đầu tháng 7/2012. Hy vọng buổi họp mặt này sẽ thành công mỹ mãn. Nếu Ngọc Hoàng muốn tham dự xin email cho anh Hội trưởng Nguyễn Văn Diệp. Ban tổ chức chắc chắn sẽ rất hân hoan đón tiếp. Xin Ngọc Hoàng nhớ chuẩn bị một bài hát, hay một câu chuyện vui để tham gia vào chương trình văn nghệ!

Kính thưa Ngọc Hoàng,

Hội GS & CHS Trịnh Hoài Đức có ít người nên sinh hoạt cũng không nhiều. Bản tường trình ngắn gọn của thần tới đây xin chấm dứt. Kính chúc Ngọc Hoàng vạn thọ vô cương. Bái bai Ngọc Hoàng, xin hẹn sang năm báo cáo tiếp...



Xuân tha hương

nhớ Tết quê nhà



Từ Thị Cảnh

Tôi đã xa quê hương gần 20 năm. Cứ mỗi độ xuân về, lòng tôi lại se thắt khi nhớ lại những mùa xuân năm cũ nơi quê hương Bình Dương thân yêu.

Mùa xuân ở quê tôi có bông mai vàng nở rục trước sân nhà, có những tiếng pháo nổ đi đùng trong đêm giao thừa. Còn nơi đây, tôi không còn nghe tiếng pháo nổ và nhìn thấy những bông mai vàng thực sự nữa. Hồi nhỏ, tôi rất mong đến Tết để được mặc quần áo mới, được đeo bông tai bằng vàng y, được đeo kiềng vàng để về quê nội ở Tân An Xã. Tôi được ông bà, cô, bác, anh, chị lì xì rất nhiều tiền. Tôi còn được chơi bầu, cua, cá, cọp, được đánh bài cào, đi đánh rất vui. Khi lớn lên, vì cha mẹ bận lo buôn bán ngoài chợ, tôi phải lo sắp xếp mọi việc trong nhà, lo trang hoàng nhà cửa, lo đi chợ mua thực phẩm về làm những món ăn truyền thống của ngày Tết. Nào là thịt kho, thịt hầm, khổ qua nhồi thịt. Nào là thịt phá lấu, lổ tai heo nhúng giấm, dưa giá để cúng ba bữa cơm trên bàn thờ gia tiên ... Má tôi lại mua cả chục con cá lóc và rọng trong một cái lu khá lớn. Những con cá to đùng sẽ được nướng lên và trét mỡ hành thơm ngậy để chúng tôi thết đãi bà con, bạn bè trong ba ngày Tết. Riêng ông ngoại tôi, cứ đến rằm tháng chạp là lật lá cây mai to lớn trước sân nhà để kịp nở vào ngày mùng một Tết. Ngày 23 tháng chạp, cả nhà xúm xít lại để chùi bóng các bộ lư đồng để chung lên bàn thờ cho đẹp.. Mấy đứa em lại lo đi dầy má ông bà ở vùng Tân An Xã. Sau đó lại lo sơn sửa, rửa nhà, chung bông kiềng để làm đẹp nhà mình. Riêng tôi, phải lo cắt lá chuối, phơi nắng, lau chùi sạch sẽ để má tôi gói bánh tét, bánh ít để cúng ông bà và biếu cho bà con hàng xóm. Với phong tục, tập quán của người

Việt Nam chúng ta, trong dịp Tết, bà con thân thuộc thường hay tặng quà cho nhau, nào là bánh mứt, rượu, trái cây... Do đó tình bà con, láng giềng càng ngày càng khăng khít hơn. Nhà tôi gói bánh tét nhiều lắm. Mấy chục đòn chớ không ít. Khi có bà con tới thăm như dì Ba, dì Hai Bé, thím Mười, thím Một ... thì má tôi hay tặng họ một đòn bánh làm quà để “ăn lấy thảo”. Mấy mươi năm đã qua nhưng tôi vẫn còn nhớ như in câu nói của bà.



Ngày xưa ở quê nhà, ngày mùng một Tết là đi chùa cúng Phật hoặc mở sòng bầu cua, cá, cọp, hay đánh bài cào, bài “cát tê” ăn tiền. Trong gia đình vui chơi với nhau thôi chớ không phải là cờ bạc chuyên nghiệp bởi vì ông bà cha mẹ đều chơi với nhau. Có khi đánh bài “cát tê” mà có tới 8 tụ thay vì 4. Có gia đình nhà như nhà ông Mười Láng ở sau nhà tôi thì mở sòng tứ sắc và đánh từ sáng đến tối. Chợ

búa không bán ngày đó. Qua mùng hai Tết, con cháu tụ họp về nhà từ đường để mừng tuổi ông bà và nhận tiền lì xì từ người lớn sau đó cùng ăn bữa cơm trưa với nhau rồi mới trở về nhà mình. Ngày mùng ba Tết là ngày Tết Thầy. Học trò rủ nhau đến nhà thầy, cô giáo để chúc Tết, tặng quà thầy cô và được thầy, cô mời ăn bánh mứt, và cùng vui vẻ chuyện trò với nhau. Mùng ba cũng là ngày Tết nhà. Sau khi cúng, ba tôi hay dán những tấm giấy tiền vàng bạc vào giếng nước, cây to, chuồng gà ... để cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng thuận lợi.

Ở xứ người, ngày Tết khác xa ở quê nhà. Trước Tết, người ta cũng mở ra những chợ bán hoa rất đẹp. Trong các chợ Việt Nam có những gian hàng bán bánh chưng, bánh tét. Trước khu Phước Lộc Thọ lại có chợ Tết bán đủ loại như hoa kiểng, bánh mứt, trái cây ... Tóm lại là không thiếu món nào tạo cho mọi người nhớ lại không khí Tết ở quê nhà. Đó là ở khu Little Saigon, còn những nơi xa thì hoàn toàn không có hương vị mùa xuân, thậm chí có nơi còn có tuyết rơi buồn bã.

Những năm đầu tiên đến Mỹ, khi nghe bài hát "Xuân Này Con Không Về" thì tôi rất buồn. Hình ảnh má tôi hiện lên trong tâm trí khiến tôi buồn vô hạn khi nghĩ đến người mẹ hiền đang mong ngóng người con gái ở quê xa không biết bao giờ mới trở về được ... Ở nơi đây, nếu Tết nhằm ngày thường, không phải ngày cuối tuần thì học sinh vẫn đi học bình thường, con cháu vẫn đi làm không nghỉ. Mọi việc đều không có gì thay đổi. Trong đêm giao thừa, người ta thường đi chùa cúng giao thừa, xin xăm, lễ Phật, xin lộc đầu năm vào đúng 12 giờ khuya. Họ thấp nhang lạy Phật, lạy bàn thờ cha mẹ đã qua đời để chúc thọ ông bà và cầu mong sang năm được bình yên. Có nhiều chùa lại cho xin xăm và có bản giải đoán kiết hung tại chỗ. Đa số chùa đều có Phật Tử đến cúng đông lắm nên kiếm chỗ đậu xe không phải dễ dàng. Qua 12 giờ đêm, mình tự về nhà rồi xông đất luôn. Người có đạo thì đến những nhà thờ trong vùng. Ở đó cũng có làm lễ để cầu cho gia đình được yên vui hạnh phúc trong năm mới.

Mấy năm gần đây, trong dịp Tết, Cộng Đồng Việt Nam có tổ chức đi diễn hành trên đường phố Bolsa vào ngày thứ bảy của tuần lễ

Tết. Trong buổi diễn hành có nhiều xe hoa trang trí rất đẹp. Có xe của dân biểu, nghị viên của thành phố Westminster và các thành phố lân cận tham dự. Ngoài ra, còn có các hội đoàn tham dự rất đông. Người xem đứng chật cả hai bên đường. Riêng cháu của tôi cũng được tham gia trong ban nhạc của trường McGarvin. Cháu mặc áo dài cổ truyền để tham dự trông rất vui. Có cả múa lân và biểu diễn võ thuật trong dịp này. Ngoài ra, còn có các dân tộc khác tham gia như Mexico, Hàn Quốc v.v. nữa.

Hội chợ Tết cũng được mở ra hằng năm ở Garden Grove Park vào 3 ngày thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật của tuần lễ Tết. Buổi lễ khai mạc được tổ chức thật long trọng. Trong hội chợ có nhiều trò chơi dân gian và tái dựng lại phong cảnh của làng quê Việt Nam, có ông đồ ngồi viết liễn, có vinh quy bái tổ, kiệu anh đi trước, võng nàng theo sau ... Ngoài ra còn có thi hoa hậu liên trường, thi trẻ em mặc quốc phục đẹp. Hàng đêm có văn nghệ với nhiều ca sĩ nổi danh tới biểu diễn.

Tôi có dịp về ăn Tết với má tôi và gia đình vào năm 2007. Tôi có cảm tưởng Tết ở quê mình bây giờ không còn vui vẻ như xưa. Không biết tại mình đã lớn hay do hoàn cảnh đổi khác. Ngày Tết, rất ít người đi thăm viếng nhau, nhà ai nấy ở, đường phố vắng vẻ, ngay trung tâm thành phố cũng vậy. Ngược lại ở Sài Gòn chắc vui hơn nhiều vì có đường hoa Nguyễn Huệ, mỗi năm trang trí khác nhau với nhiều loại bông hoa đủ loại. Du khách đi xem rất đông, nhưng ở đó lại có rất nhiều xe cộ và kẹt xe vô cùng. Tôi có cảm tưởng ngày Tết ở Việt Nam bây giờ, người ta hay thích phô trương bề ngoài hơn là thể hiện những tình cảm của con cháu đối với ông bà cha mẹ hoặc bạn bè với nhau như hồi xưa.

Ngày Tết là dịp để con cháu về thăm ông, bà, cha, mẹ. Nhưng giờ đây, các con bận lo làm ăn kiếm tiền sinh sống, không có thì giờ về thăm, chỉ chúc Tết qua điện thoại mà thôi. Ngày xuân không còn ý nghĩa thiêng liêng như ngày xưa nữa. Mùa xuân tha hương không có gì đặc sắc. Tuy rằng trên bàn thờ tổ tiên cũng có đủ bánh chưng, bánh tét, dưa hấu, trái cây, bông hoa tươi thắm nhưng mùa xuân ở quê người rất buồn vì không có bạn bè, bà con,

thăm viếng, không có những bữa ăn chung trong gia đình.

Mùa xuân đến, chúng ta lại thêm một tuổi. Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại. Nhắc lại những cái Tết ở quê nhà đã đi vào tâm tưởng của chúng ta để nhớ về quê hương nghìn trùng cách trở. Nói về cái Tết ở phương xa để bạn hình dung được một phần cuộc sống của người viễn xứ mà lòng vẫn nhớ cố hương. Bạn và tôi mỗi người mỗi nơi, chúng ta phải chấp nhận hoàn cảnh hiện tại để vui sống. Chúng ta phải tận hưởng những gì đang có, cố gắng sống vui, sống khỏe để được trường thọ cùng với các con và các cháu. Đó phải chăng là ước mơ đẹp của tất cả mọi người ...

Thân chúc tất cả bạn bè, thầy cô một năm mới an khang, thịnh vượng và có được sức khỏe dồi dào ...

(12/2011)



Áo trắng học trò
(CHS Lê thị Bạch)

Thơ

Xuân Nây!

*Xuân này em có lại về
Quê hương nắng ấm, bờ tre nổi hàng
Cánh đồng lúa trái thênh thang
Đường xe nhỏ, quanh quanh xóm làng
Những chiều mưa kéo miên man
Đêm nghe ếch nhái, dế kêu lạnh lùng
Cái thời niên thiếu mộng lung
Ôn bao kỷ niệm, mà lòng nhớ nhung!*

Nguyễn Thảo

Ý Xuân

*Hoa Xuân đua nở khắp trần gian
Chiếc bánh ngày Xuân gói kỹ càng
Cụ đồ viết liền ngòi cặm cụi
Lũ trẻ tung tăng đón Xuân sang
Trời Xuân trong sáng màu xanh nhạt
Nàng Xuân uyển chuyển bước dịu dàng.*

Trần thị Thúy A 2

Ợi Xuân

*Mây cuối Đông giăng sầu lơ lửng
Nhạn lạc đàn tìm tổ phương nao?
Cho tôi nhắn nhủ đôi câu
Nàng Xuân hãy đến để tôi ợi chờ.*

Lệ Anh A 2



Trịnh Hoài Đức – một thời để nhớ

Vĩnh Xuyên

(Cảm tưởng nhân kỷ niệm 50 năm khoá 2)

Kính thưa quý Thầy Cô

Thưa các bạn trong Hội Ái Hữu CHS và BGH trường THPT/Trịnh Hoài Đức cùng tất cả các anh chị em CHS từ Khóa 1 đến khóa sau cùng

Hôm nay là ngày vui đặc biệt của khóa 2 chúng tôi vì kỷ niệm đúng 50 năm.

Tôi vinh dự lên đây bằng chất liệu thơ, diễn tả cảm tưởng của mình về những kỷ niệm vui buồn để chúng ta cùng hồi tưởng, hoài niệm quá khứ, về một thời đã theo học tại ngôi trường THPT mến yêu này.

Nhưng trước hết cho phép tôi được kính lời chúc sức khỏe và lời chào mừng trân trọng nhất đến quý Thầy Cô và toàn thể các anh chị có mặt hôm nay.

"Cái thuở học trường Hoài Đức ấy

Ngàn năm hồ để mấy ai quên"

Và:

Tháng năm đến hẹn lại lên

Vui buồn ôn lại không quên những ngày

Thật vậy

Chúng ta hoài niệm về quá khứ để bây giờ nhìn lại với bao thổn thức:

Áo trắng một thời xinh đẹp mộng

Quần xanh ngày đó tuổi thơ ngây

Năm mươi năm ấy giờ nhìn lại

Thổn thức dâng trào dạ chẳng khuây

Từ hoài niệm và thổn thức dâng trào ấy đã khiến hồn thơ:

Kỷ niệm năm mươi năm nhận tại trường

Khóa hai Hoài Đức lắm thân thương

Bạn bè ngày trước nay còn đó

Ái hữu hôm nay mãi vẫn vương

Hồn thơ dẫn ta đến trung tâm cuộc họp mặt, hai câu luận:

Góp sức vun bồi luôn đặt trọng

Chung tay xây dựng đáng nêu gương

Phải chăng Hội Ái hữu CHS/THPT/THĐ ra đời đúng lúc, đáp ứng sự mong đợi của mọi người:

Trường nay có Hội tâm cao mới

Tổ Trịnh vui thay đã chỉ đường !

Hợp mặt nơi đây, bọn học trò chúng tôi không khỏi bồi ngùi nhớ về các bậc Thầy Cô ngày ấy - những Người Thầy đã từng dìu dắt dạy dỗ, vì tương lai của chúng tôi

Hội ngộ nơi đây dưới mái trường

Tâm tư xao động bởi yêu thương

Và cảm động nhất vì:

Thầy cô ngày ấy đã xa vắng

Lời dạy bây giờ vẫn vẫn vương

Ý thơ nhẹ nhàng, nhiều cảm xúc dẫn chúng ta càng nhớ công ơn Thầy Cô, công ơn ấy càng to lớn biết chừng nào. !

Trí đức luyện rèn so tựa biển

Nghĩa ân khai sáng sánh như gương

Ơn người nhớ mãi nên danh phận

Soi sáng đời ta mọi nẻo đường

Lời kết chan chứa tình cảm sắt son, tấm lòng tri ân sâu sắc.

Kính thưa quý vị,

Trường Trịnh chúng ta, hôm nay mang bộ mặt mới: có lầu cao, hiện đang tiếp tục xây mới thêm và qua báo cáo của thầy hiệu trưởng, chúng tôi cảm thấy rất khích lệ, rất tự hào và thật mừng cho ngôi trường mà một thời bản thân chúng tôi mài dũa quần theo học.

Và các bạn ơi!

Khóa 2 anh chị em chúng tôi, giờ đã có người đầu bạc hoa râm hay đã bạc trắng vì tôi thiếu trên U 60 rồi. Tuyệt đại đa số đã thành đạt, thành danh có gia đình và có con đàn cháu đống. Có anh nay gần U70 như bạn Nguyễn Văn Bung, Nguyễn Văn Hoàng v.v...

Riêng tôi nay là U64 rồi nhưng có điều các bạn khóa 2 nói riêng và cả trường nói chung đều hướng về tâm điểm là ngôi trường thân yêu THĐ này. Bao nhiêu việc chia vui sẻ buồn, tương thân tương trợ đều có nhau, xem đây là niềm vui lớn mà xuất phát điểm là nơi ngôi trường mến yêu này để chúng ta cùng hội tụ:

Ngày ấy xa rồi xa thật xa

Năm mươi năm ấy vẫn đây mà

Cuối cùng, tôi minh họa những kỷ niệm thời học trò bằng thể thơ song thất lục bát gồm 64 câu để kính gửi quý Thầy Cô hiện diện và bạn bè có mặt hôm nay. Tuy là nói riêng khóa 2 nhưng thiết nghĩ đây là hình ảnh thu nhỏ của ngôi trường ngày ấy nói chung. THĐ một thời đề nhớ là bài thơ truyền tải một thông điệp: yêu thương gắn kết. Nhưng qua nó tình cảm kính yêu đã lắng đọng, tình cảm nhớ ơn các bậc Thầy Cô rất đậm nét và thật trân trọng

Để kết thúc, từ đáy lòng mình, tôi xin kính chúc Thầy Cô và các anh chị em có mặt hôm nay được nhiều sức khỏe, gia đình an khang, hạnh phúc.

Sống khỏe, sống vui tròn đạo lý

Chúc nhau trường thọ thắm Xuân già

Xin trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Vĩnh Xuyên TVS



Khoá Hai mừng kỷ niệm 50 năm (Ngày 1-5-2006)

Vĩnh Xuyên

Hò hẹn đến trường Trịnh Hoài Đức,
Đề cùng nhau họp mặt tháng năm
Dù đời dẫu bẽ thẳng trăm
Nghĩa tình bè bạn quyết tâm giữ bền

Khóa đầu đàn có tên xin kể
Cũng là năm trường bệ dựng nên
Khóa một năm lăm đầu tiên
Năm qua Ái Hữu tặng liền kỷ chương

Ý nghĩa thật tấm gương cao quý
Ái Hữu nhà đặc biệt quan tâm.
Bạn bè hơn hở mừng thăm
Khóa hai năm tới không lăm năm mười.

Rà soát lại trình khai báo rõ
Khóa chúng tôi lúc ấy trên trăm
Đệ Thất sinh ngữ Pháp Anh
Đến năm Đệ Ngũ chỉ là một thôi

Bấy giờ đã ra đời lớp mix (trộn lộn)
Gái trai chung, mới biết đam mê
Mỗi ngày hai buổi đi về
Một thời áo trắng cận kề tung bay

Không dám nói, nhìn mây với gió
Bọn quần xanh lúc đó thơ ngây
Làm sao nói được gì đây ?
Tim thổn thức nhưng lời này lặng câm

Một ngày nọ sung bầm mí mắt,
Loại thuốc nào bôi dứt chỗ đau ?
"Sử còm" chữa mẹo chen vào
Mắt mọc mụn lẹo, bạn lau áo dài.

Tin lời bạn vén ngay vạt áo,
Quệt vô mi, liến láo ngó chừng
Tưởng lẹo lặn lại bị sung,
Lây qua mắt kẻ, nên chung phải chừa.

Tuổi học trò khó ưa là dấy,
Bời tin lăm gặp phải nhiễm trùng
Từ đây lòng lại dạn lòng
Đục trong gạn lọc, đề phòng thật hư

Năm bảy bảy (1977) tâm tư ray rút
 Lập gia đình, chấm dứt người xưa
 Chuyện tình khép lại cũng vừa
 Quyết tâm học tập, dạ thưa quý Thầy

Diễn hình nhất Cô Thầy "Cảm - Đức"
 Rất nhiều Thầy kiến thức vô biên
 Mang tâm sức, sự phạm chuyên
 Tương lai trò nhỏ, mới yên lòng Thầy.

Kiếp tầm nhỏ, cho em đứng dậy
 Công ơn Người biết mấy tầm cao
 Cưu học sinh rất tự hào
 Dụng xây thế hệ biết bao nhân tài

Nhớ thuở xưa bảng đề danh cử
 Xuống Sài thành xếp thứ hạng cao
 Học sinh xuất sắc đậu vào
 Phụ huynh hớn hở, dạ dào hân hoan.

Trong tương lai trường ngày hoa lệ
 Chất lượng ra, kính nể đàn anh
 Tầm cao cất cánh vượt nhanh
 Sao cho rạng mặt, lưu danh trường mình

Ta vẫn sống chung tình trọn nghĩa
 Hiệp hòa trong thiên địa bao la
 Trước sau như một trẻ già
 Bài ca Hoài Đức mượt mà ngân vang

Các bạn ơi! Lời vàng xin chúc
 Sống khỏe vui hạnh phúc lâu bền
 Tháng năm đến hẹn lại lên
 Vui buồn ôn lại không quên những ngày ./.

(Tổng cộng 64 câu, viết năm 64 tuổi)



Nghĩa tình sư đệ và bằng hữu

Trang mạng Trịnh Hoài Đức rất rõ ràng
 “Tương thân, tương trợ” bốn từ vàng.
 Nghĩa tình sư đệ và bằng hữu
 Mục đích dành rành tác dạ mang

Thổn thức dâng trào kỷ niệm xa
 Mừng nay hội ngộ ở trang nhà
 Thầy Cô ngày ấy nay còn mất
 Vẫn nhớ ân sâu nghĩa đậm đà

Carnot ghé lại ngôi trường xưa
 Bỏ mặc tùy tùng, kẻ đón đưa.
 Chạy thẳng tìm Thầy, mừng sức khỏe
 Vòng tay cúi lễ : “Con xin thưa”

Dương Lễ, Lưu Bình chí cốt thân
 Biếng lười ôm hận rút vài lần
 Châu Long giả kẻ, tin rằng thật
 Đỗ đạt thành tài, rõ nghĩa nhân

Hai chuyện kể trên định tỏ bày
 Thầy Cô bằng hữu vốn xưa nay
 Nghĩa ân sâu nặng vô bờ bến
 Khởi xướng do trò ý tưởng hay

Trang nhà Trịnh Hoài Đức mở từng ngày
 Số lượng người xem tăng mạnh ngay
 Bày tỏ chân tình ân nghĩa trọng
 Ý hay, làm đúng, đáng mừng thay !

Vĩnh Xuyên

Nhớ mãi ơn thầy

Em nên người hiểu biết nhờ Thầy
 Được học nhiều điều tốt lẽ hay
 Truyền đạt văn chương lòng chẳng nản
 Nâng tầm kiến thức dạ khôn khuây
 Tôn sư nghĩa cả bao la rộng
 Trọng đạo ân sâu trĩu nặng dày
 Đức độ tài năng gương mẫu mực
 Ôn Thầy nhớ mãi nguyện không phai.

Vĩnh Xuyên

Múa Cù

Hoàng Anh

Ở Việt Nam không biết chính xác trò múa lân được du nhập từ lúc nào, nhưng có thể suy đoán, có lẽ là do chính từ những cộng đồng người Trung Quốc sang sống ở nước ta đem theo. Đáng nói thêm, cả nước ta, ở đâu cũng gọi con ấy là con lân, là múa lân, chỉ riêng tại Bình Dương xưa giờ, người ta cứ nói là múa cù. Tại sao có cách gọi khác biệt như thế là chuyện nay ít ai còn biết.

Có một cách giải thích được nhiều người tán thành, mặc dù cũng không có gì để chứng minh cụ thể và chính xác cho lắm. Thời trước, khoảng đầu thế kỷ hai mươi, tại vùng chợ Thủ Dầu Một có một người rất giàu và có thể lực tên là Trần Văn Lân. Ngôi mộ ông nay vẫn còn ở phường Hiệp Thành, chiếm một khu đất khá rộng trên một quả đồi với nhiều cây rừng mọc lâu năm tạo ra một địa danh gọi là Mả Ông Lân. Nơi đây đã được nhiều đoàn phim chọn làm cảnh quay cho nhiều bộ phim khác nhau. Con cháu ông Lân cũng là những người giàu có nổi tiếng ở vùng chợ Thủ như ông Trần Văn Hồ (Độc phủ Đầu), và một vài người họ Trần khác, có thể cũng cùng tộc họ như ông Trần Công Vàng, Trần Văn Tề, Trần Trung Hiếu... nay vẫn còn lưu lại nhiều ngôi nhà cổ được xếp hạng công trình kiến trúc văn hóa của tỉnh.



Mả Ông Lân (Bình Dương)

Chính vì tôn kính ông Lân, người ta không nói múa lân mà chuyển qua nói múa cù, theo cách ky húy thông thường của người Việt thời trước. Cứ tạm chấp nhận cách giải thích như trên là đúng thì vẫn chưa hết thắc mắc, vì sao không dùng một từ nào khác mà lại chọn chữ cù? Đó là việc ngẫu nhiên hay người xưa đã có dụng ý khi thay thế lân bằng tên của một con vật trong truyền thuyết dân gian Việt Nam?

Trong bộ từ điển chữ quốc ngữ xưa nhất nước ta là Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của (1895) thì con cù là: “Loài rồng không sừng; tục hiệu nó thường nằm dưới đất, chỗ nó dậy thành sông.”

Về con cù này, nhà văn Đoàn Giỏi, trong những năm sáu bảy mươi có viết quyển “Những chuyện lạ về cá”. Trong sách này ông có nhắc tới hiện tượng “cù dậy”, một thành ngữ khá quen thuộc ở miền Nam. Ông có trích dẫn nhiều bài báo của các tác giả khác nhau ở miền Nam viết về hiện tượng này. Theo họ thì có những con cá sấu tu luyện lâu năm biến thành rồng, nằm ẩn mình trong đất sâu. Khi trời mưa to gió lớn, sấm sét rung chuyển đất trời, rồng sẽ tung mình bay lên mây, để lại nơi chỗ nó nằm một cái hố to có thể dài đến vài chục thước. Ông Đoàn Giỏi trung dẫn tạp chí Bách Khoa số 331 ngày 15 tháng 10 năm 1970, trong đó có bài “Hiện tượng lạ cù dậy” của tác giả Lê Văn Hương, kể một số giai thoại về cù dậy ở miền Tây xảy ra trong thế kỷ hai mươi, xin trích dẫn vài chuyện:

1/ Cù dậy ở rạch Cẩm Sơn và rạch Sáu:

Cuối năm 1945 quân Pháp đánh lan ra Sóc Trăng. Dân ở Kế Sách bỏ chạy qua sông Bát Xắc vào xã Ninh Thới quận Tiểu Cần (Trà Vinh) ở bên bờ rạch Cẩm Sơn, trong đất của ông Trương Hoàng Lâu, tục gọi là ông Hàm

Lâu. Qua năm 1946 đến năm 1947, một hôm tháng 6 trời mưa dầm, vào khoảng 4 giờ sáng bỗng nghe tiếng nổ ầm ầm. Mọi người cứ tưởng Tây ném bom, sau mới biết là tiếng động ở dưới đất, kéo dài hàng giờ. Ông Hàm Lâu bảo dân chúng hãy rình xem chỗ có tiếng nổ ở bãi xoài ven sông. Đến 5 giờ thỉnh thoảng chuyển mạnh, dừ, ối, xoài tróc gốc đổ nhào. Mặt đất mở ra, một vật đen to bằng chiếc ghe dài 30m bay vụt lên cao, biến trong mây. Ra đo chỗ đất: lỗ sâu hơn 3 mét, ngang 2 mét, dài khoảng 30 mét. Đó là Cù dật.

2/ Rạch Sáu xã Nhân Mỹ, quận Kế Sách (Sóc Trăng):

Cách tỉnh lỵ 25km. Tháng 07 năm 1969, 3 giờ sáng trời mưa. Nhiều người nghe có tiếng nổ cứ tưởng bom Mỹ. Nhưng lại nghe động ở dưới đất. 5 giờ 30 sáng, đất chuyển mạnh rồi thấy một vật đen thui từ dưới đất bay lên, hướng về Bãi Giá Rạch Gòi mà bay ra biển. Xem đất: Thấy hố sâu ở sau khu vườn dài 80 công đất. Ở Muong Sìn hai căn nhà bay tung, tại Rạch Sáu đến Phụng Tường nhà cửa xiêu vẹo. Ở sông Hậu, sóng cuốn một ghe chìm, hai người chết đuối. Tổng cộng thiệt hại một vệt dài trên 8 km, vườn tược, cây cối gãy đổ, nhà cửa hư sập do cù dật rất lớn. Xem lại cái hố thì sâu 3 mét, rộng 2 mét, dài khoảng 30 mét. Dân địa phương khẳng định vệt đen từ vùng đất bay lên, bay đi ấy là cù dật sau khi đã tu luyện thành công. Năm 1970 khi tác giả ấy viết bài này cái hố đó vẫn chưa bị lấp”

Liên quan đến danh từ “Cù”, ở Qui Nhơn, Bình Định, có một cái đèo tên là Cù Mông, nằm trải dài từ An Khê đổ ra biển, uốn lượn như một con rồng. Vì vậy tên xưa của đèo này là Cù Mãng. Mãng là con rắn thần, cù là linh vật đầu lân mình rồng. Một tác giả đã giải thích sự tích này như sau:

“Những khi thời tiết thay đổi, mưa gió bão bùng nổi lên, thì dân địa phương gọi là Cù dật, bởi cả một vùng đầy sấm chớp, những ngọn cây cong oằn trong màn mưa dày đặc tựa như cả thân con linh vật chuyển mình; đặc biệt từ ngoài biển ngó vào, những rìa đá lởm chởm, những ngọn núi chạy dài tận mép nước hứng nhận những đợt sóng tạt lên trông giống như

đầu con rồng đang há mồm hút nước vậy, mà đầu là từ Bãi Bằng, Bãi Bàu, Bãi Sáu...

Ngày xa xưa, mảnh đất từ An Khê đến Vân Canh đổ về phía La Hiên, Đa Lộc là nơi có nhiều âm binh quấy phá dân lành, phá hoại hoa màu, nhưng tệ hơn cả là có con beo thần mình dài 8 thước, hai chân sau có thể đứng thẳng và đi như con người. Con beo thần này thường lên hút hết nước từ các sông suối đưa lên tận Man Khê (An Khê?) khiến cho người dân trong vùng không có nước tưới hoa màu, gây hạn hán và đói kém triền miên cho nhân dân cả một vùng rộng lớn. Những ngày cầu đảo cúng tế đất trời kéo dài với tiếng than khóc của những người dân cùng khổ khiến thiên đình động lòng, bèn sai thần làm mưa đưa con rắn xanh-Cù Mãng (có nhiệm vụ coi sóc giếng nước thiên đình) xuống trần gian, nằm phủ phục trên đỉnh Cù Mông để bắt con beo thần và làm mưa cho vùng đất này. Beo thần bị con Cù Mãng bắt đưa về trời sau cuộc chiến kéo dài ròng rã mấy năm trời. Vì vậy, hàng năm cứ vào tháng 9, tháng 10 âm lịch là cả vùng đất Cù Mông mưa gió, sấm chớp nổi lên đùng đùng mà người dân gọi là cuộc huyết chiến giữa thần Cù Mãng và Beo thần ngày trước.” (trích từ internet)

Cũng tại Bình Định còn có một ngọn núi tên là Xà Cù, xưa là nơi hoang vu có nhiều loài rắn rắn lớn sinh sống, vì vậy mà đặt tên là Xà. Còn ghép chữ Cù, không hiểu có phải vì niềm tin dân gian vào sự biến hóa của hai con vật này hay không.

Tại Hội An có một ngôi chùa cổ nổi tiếng gọi là chùa Cầu, do thương gia người Nhật xây dựng vào thế kỷ 17 (có thể là năm 1617), nên tên gọi ban đầu của nó là Nhật Bản Kiều. Đến năm 1791, khi chúa Nguyễn Phước Chu tuần du đến đây mới đặt cho cái tên mới là Lai Viễn Kiều.

Có một số truyền thuyết xoay quanh việc xây dựng ngôi chùa này, cũng liên quan đến con cù mà ta đang bàn:

“Ở cảng thị Hội An ngày xưa cộng đồng người Việt, người Nhật, người Hoa có chung một truyền thuyết về nguyên nhân gây ra động đất. Họ cho rằng ở ngoài đại dương có một loài thủy quái mà người Việt gọi là Con Cù, người Nhật gọi là Mamazu, người Hoa gọi là Cầu

Long, đầu của nó ở Nhật Bản, đuôi của nó ở Ấn Độ và lưng của nó vắt qua khe ở Hội An mà cầu Nhật Bản bắc qua. Mỗi khi con thủy quái đó quấy mình thì nước Nhật bị động đất và Hội An không được yên ổn để người Nhật, người Hoa, người Việt được bình yên làm ăn buôn bán.



Chùa Cầu ở Hội An

Để không chế con Mamazu, người Nhật đã thờ các Thần Khi và các Thần Chó trên hai đầu cầu để "yểm" con thủy quái đó.

Những học giả của Trường Đại học Showa (Chiêu Hoà) đã đến nghiên cứu ở Hội An tháng 9-1992, tháng 3-1993 và tháng 9-1993 đã trao đổi với Ban Quản lý Di tích Hội An rằng những con thú thờ trên cầu không phải là những con thú bất kỳ mà là những vật linh theo tín ngưỡng vật tổ của người Nhật.

Người ta cũng thấy rằng người Minh Hương lập ngôi chùa nhỏ nằm sát cây cầu cổ để thờ Bắc Đế Chân Võ (hay Huyền Thiên Đại Đế) cũng với mục đích không chế con Cầu Long không gây ra động đất.

(Nguyễn Phước Tương, Đôi Điều về Chùa Cầu Hội An, <http://chimvie3.free.fr/17/levanhao/lvhs058b.htm>)

Một nhà nghiên cứu khác cũng viết tương tự:

“Tục truyền xưa kia người Nhật qua đây buôn bán cho rằng chỗ này là cái sống lưng con Cù, một quái vật giống như con rồng, đầu ở tận Ấn Độ và đuôi ở tận đất Phù Tang (Nhật Bản).

Mỗi lần nó quấy đuôi là nước Nhật bị động đất dữ dội. Vì thế họ cùng với người Việt, người Minh hương ở Hội An cùng dựng lên cầu này coi như yểm thanh kiếm xuống huyết lưng con cù, mong trừ tai họa cho nhân dân Nhật bản và dân chúng bản địa.”

(Nguyễn Q. Thắng, Quảng Nam, Đất Nước và Nhân Vật, Nxb.Văn Hóa Thông Tin, 2001, tr.100)

Trong các sách biên khảo về đồng bằng sông Cửu Long, nhà văn Sơn Nam cũng có đôi lần nhắc đến cụm từ “cù dật”, nhưng ông không giải thích điều gì thêm, có lẽ vì tác giả thấy chúng là thành ngữ quá quen thuộc ở địa phương, không cần nói dài dòng.

Một nhà văn nổi tiếng khác chuyên viết về phong tục đồng quê Nam Bộ là Bình Nguyên Lộc, trong truyện ngắn Câu Dằm kể chuyện con cù ở chợ Tân Uyên bên bờ sông Đồng Nai, quê hương của chính tác giả, giúp ta biết thêm một sự tích khác về cù dật:

“Trong khu rừng cấm trước chợ lại có cặp “cù” cũng tu lâu đời thành thần. Nhưng đó là hai vị thần nhỏ, tướng của thần cá bóng. Thần Cù rất hung ác, tham lam...

“À! Quên cái này, mấy ông nói nhỏ cho nghe rằng Thần Cù là cặp rắn, lớn mà ngắn, mòng đỏ, mỏ nhọn... hễ năm nào dân làng không cúng hối lộ thì năm đó thế nào cũng bị tai họa. Cái chợ hồi trước còn lợp tranh, cứ vài năm lại cháy một lần. Đêm trước khi cháy chợ, dân làng nghe bên rừng tiếng gầm thét vang trời. Bởi vậy, hằng năm làng có lập đàn làm chay trước chợ, để tế Thần Cù và luôn tiện bỏ thí cô hồn, các đảng.

Mấy ông lại thuật rằng có lần kia, một người câu xuống, bỏ neo tại bến Trâu, núp dưới bóng một cây nhông. Chỗ ấy rậm rạp, đi thuyền trên sông không thấy được. Khi đương câu, anh ta thấy giữa dòng sông nổi lên một con rùa lớn bằng cái nia. Rùa ngo quanh quất rồi lặn xuống liền, nửa giờ sau, người đi câu được mục kích một cảnh tượng hết sức lạ lùng. Nơi mà con rùa hiện lên hồi nãy, thấy có khối từ dưới nước bay lên khắp mặt sông. Rồi từ từ nổi lên hai vị thần, một vị nam, một vị nữ, ngồi đối diện trước một bàn thạch. Hai vị thần này, đen hắc, đầu đội mào hình đuôi cá, xiêm y rực rỡ những vảy cá

ngũ sắc, những vỏ ốc xa cừ. Xem kỹ lại thì thấy thân đương đánh cờ. Chùng đầu được tàn một điều thuốc bỗng nghe vị nữ thần nói: “Ông nè, ở đây nghe như có hơi phạm”. Vị nam thần bèn ngược lên, nhìn quanh, dùng mắt lại phía xuống câu, nhìn chăm chỉ rồi châu mày, tỏ vẻ khó chịu. Người đi câu còn hoảng sợ thì cả thần và bàn thạch đều chìm một cách mau lẹ.

“Một lát sau, nơi khúc sông ấy, máu trào lên nhuộm đỏ khói nước và thây con rùa ban nãy nổi lên bênh. Các ông nói đó là một vụ trùng phạt tên lính dọ đường không kỹ, để mắt tục dòm thấy cảnh thân mật của thần.

“Tôi chặn ông Ba lại nói: “Tích này tôi đã biết, người nào ở Tân Uyên lại không rõ chuyện “Cặp Cá Bống tu dưới chùa Ông và chuyện Cặp Cù gây cháy chợ”.

(Bình Nguyên Lộc, Câu Dằm, Cuốn Rún Chứa Lìa, Tuyển tập Bình Nguyên Lộc, nxb. Văn Học, 2002, tr.988)



Múa cù ở Bình Dương

(Huyện Tân Uyên có một địa danh liên quan đến tích cù dậy là Miếu Ông Cù. Tên thời xưa của nơi này là Miếu Bung Cù, có giai thoại rằng thời trước nơi này là vùng gò đồi khô cằn, ngày kia cù dậy, biến nơi đây thành vùng đất bung có thể trồng tía được.)

Tại xã Thạnh Mỹ Lợi, nay thuộc phường Cát Lái, quận Thủ Đức trước đây có một cái gò gọi là gò Cát vì trên gò ấy có rất nhiều cát. Gò cũng có nhiều cây quéo mọc, một loại xoài rừng, trái chua và nhỏ hơn xoài trồng, nên còn có tên là gò Quéo. Điều lạ là mỗi khi dân địa phương đến đây đào lấy cát tạo thành cái hồ lớn, thì hôm sau cát lấp đầy bằng phẳng trở lại. Gần đồi có một cái trũng gọi là trũng Bứa, chắc do có nhiều cây bứa mọc tại đây, một loại cây có trái màu vàng, ăn được; lá non thì dùng làm rau. Trũng này quanh năm lúc nào cũng có nước, trong và ngọt. Người ta cho rằng đây là đầu Cù. Quả đồi đó còn có tên là đồi Cù Quéo. Sau năm 1975, khi có người lên ở trên đồi, cát trên ấy từ từ biến mất, đồng thời cát lại xuất hiện phía bên kia, nơi gọi là gò Quéo trên, lấp kín bên nước ở doi sông. Nay thì những điều trên không còn lưu lại dấu vết gì nữa.

Qua các giai thoại về cù vừa kể, ta không biết hình dạng con cù ra sao, ngoài đặc điểm chung rằng nó là con vật nằm ẩn mình trong đất, khi trời có mưa to gió lớn, nó vùng mình bay vào không trung mất dạng, để lại những hố đất sâu. Rất có thể, đó chỉ là cách giải thích của dân gian cho những hiện tượng sụp lở đất thường xảy ra ở những vùng ven sông nước, mà thời xưa kiến thức về khoa học tự nhiên của họ chưa đủ để hiểu hết. Giải thích hiện tượng cù dậy, bộ từ điển của ông Huỳnh Tịnh Của cũng nói: “Cù đội đất mà lên. Tục hiệu cù lao nổi cũng là tại *cù dậy*”

Ngày nay, ta không còn có thể biết chính xác có phải người Thủ Dầu Một xưa, đúng là vì kỵ húy ông Lân mà gọi “cù” thay cho “lân” hay không. Dầu sao việc dùng tên một con vật huyền thoại của miền Nam, có nhiều đặc tính tương tự như con lân của người Tàu để thay thế cho nó cũng là lựa chọn khá thông minh, hợp lý và phản ánh khuynh hướng chung muốn Việt hóa những du nhập từ bên ngoài của người Việt. Có thể vì sự hợp lý này nên “Múa Cù” đã dễ được số đông chấp nhận và trở thành tên gọi đặc trưng của dân xứ Thủ Dầu Một từ thời ấy cho đến bây giờ.

(9/9/2011)

Trường xưa ngày trở lại

NTĐ

(Trường nhớ về quý thầy cô với lòng tri ân, đặc biệt đối với những vị đã mất phần: Nguyễn Hiến, Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Trọng Nhượng)

Tôi về đất Búng vào một ngày cuối năm giáp Tết mong tìm lại chùm khế ngọt ngào của những ngày xưa thân ái, tìm lại một thời tuổi trẻ hồn nhiên trong trắng, tìm lại con đường xưa giữa cánh đồng lúa vàng ngập hương lúa chín dẫn đến trường trung học, ngôi trường chứa một quãng đời hạnh phúc nhất .

...Tôi đi lại con đường xưa với tâm trạng của người lữ hành cô độc, với nỗi bẽ bàng của người bị lỗi hẹn, vì con đường xưa không còn nữa, không còn là em nữa. Cánh đồng lúa chín vàng đã biến mất thay thế bằng những dãy phố, hàng quán xô bồ. Con đường giữa cánh đồng lúa ngày xưa, rợp những tà áo trắng bay trong gió, với tiếng guốc gõ lóc cóc, nón lá che nghiêng mái tóc thề chỉ còn trong ký ức. Giờ đây con đường đã được trải nhựa rộng thênh thang xe cộ ngược xuôi chóng mặt.

Trường nữ trung học cũ năm nào vẫn còn đó ẩn mình sau ngôi trường tiểu học bán trú bề thế mới xây sau này, như một chứng tích hoang phế ngậm ngùi thân phận. Ôi, thời oanh liệt nay còn đâu!

...Tôi lặng lẽ bước lên bậc tam cấp có mái hình vòng cung. Tôi nghe như có tiếng người xưa gọi về. Dòng sông ký ức ngược dòng quay trở lại những tháng năm đẹp nhất đời người cách đây hơn bốn mươi năm về trước...

Khoảng rộng thênh thang cạnh cầu thang lên lầu là nơi thầy cô để xe. Tôi nhớ như in chiếc xe vespa xanh nhạt của thầy Lê Đức Cửu

thường dựng sát vách tường cạnh chiếc bàn đôi dành cho học sinh trực. Xe Sach của thầy Phán để kế đó. Chiếc Suzuki của thầy Thuật màu đỏ. Còn chiếc Yamaha màu xanh là của cô Đan Hội... Bọn học trò chúng tôi thường liếc qua đó để coi thầy cô vô chưa. Tuy là toàn nữ nhi nhưng chúng tôi phá phách không kém ai. Có hôm cả bọn hái hoa dại trước sân trường cắm đầy xe vespa của thầy Cửu để làm xe hoa. Có khi không chơi hoa nữa mà rắc đầy cát lên xe. Ôi, nhút quý nhì ma, thứ ba là học trò ... nữ.

Từ mái hiên hình vòm cung nhìn ra sân trường rộng mênh mông ở giữa có cột cờ cao vút. Mỗi sáng và chiều các lớp ra sân cỏ sắp hàng chào cờ. Nơi đây có hình ảnh cả lớp năm đệ lục bị quì gối dưới sân cờ vì tội cười (hay lầy) khi hát quốc ca.

Bước qua phòng giám thị là tầng trệt có bốn lớp. Ký ức năm đệ lục cả bọn tôi gồm Xuân Dung, Huỳnh Chân, Huỳnh thị Mỹ, Thái Hào... chui hàng rào mua củ sắn ăn nhiều đến đau bụng bị "Tào Tháo rượt". Xuân Dung có



Một góc trường Trịnh Hoài Đức nữ
(ảnh của GS Nguyễn Trí Lục)

một bộ đồ chơi bán hàng bằng nhôm má mới mua cho. Học lớp đệ lục rồi nhưng chúng tôi vẫn còn thích mê tơi. Đi học xong hai giờ đầu buổi sáng rủ nhau về ngõ ruộng, qua đám đậu que đây trái lủng lẳng. Chợt một đứa có ý nghĩ hái mấy trái đậu que về nhà Xuân Dung chơi nấu ăn. Thế là đứa nào cũng bứt lia lịa bỏ vào cặp. Đang hái, bỗng từ sau lưng có tiếng chạy thình thịch và tiếng la óm tởi của bà chủ ruộng: “Ai cho tụi bây hái đậu?”. Cả bọn xanh mặt cầm đầu chạy thoát thân không dám ngoảnh mặt lại, áo dài bay phất phới trong nắng trưa. Ôi, tuổi nhỏ dại khờ!

Lớn hơn một chút, lên lớp đệ ngũ, không còn chơi trò bán quán nữa. Không thể giải thích tại sao. Sáng nào tôi với Xuân Dung cũng đi bộ vô chùa Phước Tường chơi. Ngôi chùa cổ kính nằm dưới những tàng cây cổ thụ và giữa rừng sim tím, tím cả mắt mỗi mùa trái chín. Trong chùa có nhiều học trò trọ học. Có bạn cùng lớp là chị Hồng, chị Niềm. Em của chị Hồng là Hữu Linh. Thêm vào đó là các anh học lớp đệ nhị, đệ nhất là anh Châu, anh Thạch. Nhìn các anh ngồi học bài chăm chỉ, tôi và Dung thật ngưỡng mộ. Tôi còn nhớ bên hông chùa Phước Tường có cái giếng nước rất trong, chung quanh giếng trồng đầy rau trái thật mát mắt. Có bà sư già gọi là bà Ba, vào buổi trưa bà thường hay vo gạo nấu cơm ở đó. Ôi một thời tuổi nhỏ hồn nhiên, sau này mỗi lần Xuân Dung về thăm quê hương, tôi và Dung thường ngồi nhắc lại những kỷ niệm ngày nào, rồi nhớ lại những người xưa để xem ai còn ai mất. Ngày đó, trong mắt tôi và Dung, chị N. là một nữ sinh thật xinh đẹp và có nhiều chàng trai vây quanh. Tuy cùng lớp nhưng tôi và Dung chỉ là những đứa trẻ con bên chị. Chị H. thường đi chung với chị N. Cả hai cùng từ Phú Hoà Đông qua trọ học. Cuộc đời sau này không ai ngờ được “hồng nhan đa truân”. Chị N. vẫn ở quê cũ. Chị H. không đẹp như chị N. nhưng có gương mặt rất có duyên, đảm đảm, tự tin, nói năng dịu dàng nhỏ nhẹ. Hiện giờ chị H. là một người thành đạt và có một gia đình viên mãn ở Sài Gòn. Anh Châu không biết bây giờ ra sao, còn anh Thạch được biết là một "người làm vườn" thành đạt ở Úc Châu. Anh Thạch chắc không còn nhớ hai đứa bé con này đâu!. Và hai

đứa bé con ngày xưa, sau những tháng ngày khó khăn gian khổ của thời bao cấp, bươn chải vất vả nuôi con, khi con cái trưởng thành, ngược mặt lên thì “chiều đã tím loang via hè”. Dung định cư cùng gia đình bên kia bờ đại dương. Tôi về làm dâu nơi xứ lạ, xin nhận nơi ấy làm quê hương thứ hai, đề: “*Chiều chiều ra đứng ngõ sau, trông về quê mẹ ruột đau chín chiều*”.

Lớp đệ tứ học lại phòng học của lớp đệ thất, phòng kế chót. Tôi nhớ trước hết là thầy Đệ dạy toán. Thầy trẻ đến nỗi có đứa nói các anh lớp đệ nhất bên trường nam qua dạy. Cô Tính dạy quốc văn. Thầy Đặng Thanh Châu dạy vạn vật. Thầy đi dạy tay không cầm một thứ gì. Thầy vẽ cơ thể con người rất nhanh và rất đẹp. Thầy giảng bài như kể một câu chuyện, thật giản đơn, không lý thuyết. Năm ấy, những ngày tháng 12 rất lạnh, bông bù xít nở trắng cả một góc rào sau cửa sổ, thầy nhìn ra lặng yên một chút rồi kể cho chúng tôi nghe, lúc thầy còn trong lính đi hành quân, mùa lạnh bông bù xít nở đầy cả núi rừng, thầy gọi là Vương Hậu Rừng Hoang. Sau này chúng tôi thường bắt chước thầy cũng gọi bông bù xít là Vương Hậu Rừng Hoang.

Năm đệ tứ lớp có một thành viên mới từ trường ngoài vô. Bạn tên T., ốm như sợi dây leo, đôi mắt tròn xoe đen thui thật ấn tượng. Vì bạn vô sau nên cô xếp bạn ngồi bàn chót. Ngày đầu tôi chỉ biết bạn vậy thôi. Sau này tôi được biết thêm một điều nghiệt ngã nữa. Bạn là em gái của người xưa, của mối tình đầu trong trắng đã vỡ tan. Ngày ngày nhìn T., tôi nhớ lại anh. Những ký ức ngọt ngào, những cảm xúc nồng ấm trở về. Phải thật lâu tôi mới lấy lại thăng bằng, và coi T. như những người bạn bình thường trong lớp. Tuổi trẻ hồn nhiên và thời gian một lần nữa làm lành lại vết thương ngày xưa xưa ấy. Tôi còn nhớ những năm sau này T. học rất giỏi. T. và bạn B. thường đi học chung vì gần nhà. Tin cuối cùng là T. và B. cùng thi đậu vào Đại học sư phạm. Sau biến cố 1975 tôi không còn biết tin gì về bạn. Nghe B. nói bạn và gia đình định cư bên kia bờ đại dương xa thăm. Ôi không bao giờ tôi quên đôi mắt của bạn T., tròn xoe, đen thật đen, ngơ ngác bước vào lớp tứ P1 lần đầu tiên. Đôi mắt thật đẹp.

Trở lại kể bên phòng giám thị là lớp đệ tam, năm ấy trường đổi lại là lớp 10. Tôi bỗng nghe văng vẳng tiếng thầy Cửu giảng ca dao, giọng Bắc kỳ của thầy ngọt ngào, sâu lắng, buồn mênh mông :

*...Ba đồng một mớ trâu cay,
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng....*

Hay nghe như có tiếng người thiếu phụ ru con giữa trưa hè như khóc thầm cho thân phận mình :

*Ấu ơ, trông giếng sâu, tôi thất sợt dây dài.
Ai ngờ giếng cạn, tôi tiếc hoài sợi dây.*

Tôi lại nhớ tới hình ảnh thầy Trần Khắc Cung dạy Pháp Văn. Thầy đi chiếc mobylette xanh nhạt. Nhớ tới lúc thầy thở dài ngao ngán cho lớp Pháp văn vì cả kỳ thi cá nguyệt ít ai trên điểm trung bình, trừ Lâm Thuý Vân, Lê Tâm, Trương thị Bảy...

Thầy Bùi Thế San dạy Vạn vật, đeo kiếng cận trắng, cao lớn đẹp trai. Thầy đi chiếc xe vespa màu trắng, giọng Bắc giảng bài của thầy thật truyền cảm. Tôi còn nhớ cuối năm lớp 10 thầy đem vào lớp những logo đủ màu hình bông hoa thật đẹp, cho mỗi đứa một cái. Tôi cũng được thầy cho một cái bông màu xanh dán lên cặp táp, và chiếc cặp da dán bông tròn màu xanh đã theo tôi hết quãng đời trung học.

Cô Hoàng Thị Đan Hội năm ấy dạy Sử Địa lớp tôi. Cô mới ra trường rất trẻ và năng động. Cô như một làn gió mới, nóng bỏng thổi vào trường. Khi giảng bài, nhất là những bài sử ký, cô giảng với tất cả tâm huyết nên rất sinh động, hết giờ hỏi nào không hay. Hình ảnh sinh động của cô còn ở chỗ cô có giọng Huế dịu dàng đầm thắm. Dáng nhỏ xinh, trẻ trung của cô thật duyên dáng di chuyển từ bục giảng qua tấm bảng đen hay xuống bàn học trò như con chim se se nhảy chuyền cành. Hình ảnh của cô chấp cánh cho ước mơ làm cô giáo của tôi bay cao (nhưng không thành).

Tôi nhớ năm ấy Ngọc Liễu làm trưởng lớp. Liễu rất đẹp nhưng hơi đầy đà. Tuy vậy, dáng đi của cô nàng nhẹ nhàng như lướt gió. Lưu Ánh Tuyết làm trưởng ban thể thao, làm trưởng đoàn lớp 10 A1 theo thầy Nguyễn Trọng Nhượng đi cắm trại ở Bãi Dầu Vũng Tàu. Còn tôi trong ban báo chí với Hoàng Mai. Năm ấy

(lớp 10) cả lớp ra được tờ báo Xuân đặt tên là Cỏ May. Toàn ban chấp hành lớp qua bên trường nam bán báo. Báo Cỏ May của chúng tôi đất như tằm tươi, bán hết trơn trong một thời gian ngắn thật là vui.

Tôi leo từng bậc cầu thang lên lầu. Kỷ niệm lớp 11 ủa về. Ký ức một thời con gái đã biết làm dáng, tóc dài ngang vai, nón lá bài thơ che nghiêng tà áo trắng, đôi guốc gỗ khua lóc cóc mỗi khi lên trả bài.

Thầy Nguyễn Hiền dạy Pháp văn chỉ mấy tháng đầu năm. Nhà thầy ở Sài Gòn. Thầy đi dạy bằng chiếc xe Honda màu xanh biển. Tôi còn nhớ thầy đeo kính cận gọng đen, và Pháp văn vẫn là món ăn khó nuốt của phần đông chúng tôi. Một hôm, tới giờ học mà cả lớp đợi hoài không thấy thầy Hiền vô. Hơn một tiếng sau thì được tin thầy Hiền trên đường đi dạy bị tai nạn giao thông, gãy chân, đang nằm ở bệnh viện Bình Dân. Thế là cả lớp, leo lên xe đồ Đồng Hiệp chạy đường Bình Dương – Sài Gòn để đi thăm thầy. Áo dài của lớp tôi trắng cả phòng bệnh viện Bình Dân ngày hôm ấy và nhiều tháng ngày sau nữa. Xóm nhà lá thường xuống thăm thầy, vì vết thương nặng nên thầy nằm ở đây thật lâu. Sau này thầy phải đi với một chân bị tật... Và cuộc đời như gió cuốn, tôi còn nhớ khi tôi tắt bật đèn sách những năm đầu đại học, thầy có tới ký túc xá thăm tôi. Thầy đi với cây gậy... Sau cơn bão 1975, không có tin gì của thầy đến khi 40 năm sau đọc trên trang nhà Trịnh Hoài Đức mới biết thầy đã mãn phần. Ôi! thầy ơi!

Thầy Nguyễn Văn Mẹo thay thầy Hiền. Thầy thật hiền, vui tánh, thầy có lối kêu trả bài thật lạ, cả lớp im phăng phắc trong giờ trả bài, thầy nhìn sổ điểm gọi tên:

-Năm nhơn hai trừ một (5x2) - 1.

Không khí căng thẳng đã giãn ra nhưng thầy gọi ai? Tíc tắc còn chưa kịp hiểu ra thì có một bóng áo dài cầm tập đi lên.

Cả lớp “à” lên một tiếng và phục lẫn trí thông minh của bạn Nguyễn thị Chín (Chín đã mãn phần sau tết 2011). Lớp có bạn tên Đỗ thị Năm, thầy gọi ngược lại là Năm thi đỗ, bạn Năm rất thích thú với cái tên thầy gọi và năm ấy bạn Năm thi đỗ tú tài phần một kỳ đầu. Bạn Xuân Mai bị bệnh tim thường hay mệt xỉu.

Hôm ấy, giờ trả bài, thầy kêu Xuân Mai. Nhỏ Mai đứng lên chưa đầy một phút rồi từ từ ngã quỵ xuống sàn nhà bất tỉnh vì sợ hãi (ai làm học trò mà không sợ bị kêu lên trả bài), làm cả lớp và thầy Mẹo một phen hú vía. Còn Phương Loan mồ hôi ra ướt đầm cả hai tay khi giải bài toán trên bảng.

Thầy Trà vẫn Gởi dạy Vạn Vật. Lớp 11 học Thực vật. Thầy dạy tới bài Hoa và Trái, thầy sai tôi, Xuân Mai, Hoàng Mai (ngồi bàn đầu) đi xuống lầu hái cho thầy thật nhiều bông. Ba đưa qua trường tiểu học Thạnh Bình cạnh trường nữ xin hái bông để học, không những được tặng rất nhiều bông, mà còn được thầy Nguyễn văn Là (hiệu trưởng trường tiểu học Thạnh Bình) chụp tặng cho mấy tấm hình thật đẹp, giờ là những tấm hình kỷ niệm rất quý mà chúng tôi còn giữ mãi.

Thầy tên Gởi nhưng chúng tôi đặt thầy là Chùm Gởi, chẳng hạn như: “Ê, hôm nay thầy Chùm Gởi trả bài đó” (xin thầy Gởi tha lỗi cho nhân vật thứ ba.. tui em). Lớp 11, xóm nhà lá chúng tôi ngồi gần nhau chơi chung một nhóm (học trung bình) Nguyễn thị Tư, Bạch Vân, Nguyễn thị Chín, Phương Loan, Đỗ Năm, Huỳnh Chân, Xuân Dung, Huỳnh thị Mỹ, Thái Hào... Mỗi tuần mấy lần, có giờ trống là leo lên xe đồ xuống nhà bạn Tư tận Vĩnh Phú chơi. Chúng tôi mê xuống nhà bạn Tư như mê đi chùa Phước Tường ngày xưa. Cả bọn phá phách, hái trái, đùa giỡn la hét. Ba má bạn Tư không những không la rầy, mà rất thương, còn làm đồ ăn khoán đãi. Tôi nhớ hoài món gỏi bông sần riêng má bạn Tư cho ăn. Lạ và ngon không thể tưởng!. Giờ được ăn nhiều món ngon, đắt tiền hơn, sang trọng hơn, nhưng không bao giờ tìm được hương vị ngon ngọt tuyệt vời của gỏi bông sần riêng ngày xưa ấy. Hồi học lớp 11, bạn Bạch Vân xinh nhất, có nhiều người theo đuổi. Có anh Hùng nhiều lần đi theo bọn chúng tôi đến nhà bạn Tư chơi.

Hùng có máy chụp hình chụp cả bọn rất nhiều hình. Bây giờ xem lại những tấm hình này thì thấy như cả một thời con gái hiện về, hồn nhiên, vô tư lự. Cuối năm lớp 11 ấy, Bạch Vân theo chồng bỏ cuộc thi, và kỳ thi tú tài phần một cũng làm tứ tán mỗi đứa một phương trời. Bạch Vân giờ ở phương xa chắc vẫn còn nhớ những ngày rong chơi ở Vĩnh Phú ...

Lớp 12 qua trường nam học. Con đường đến trường nam cũng đầy bướm vàng bay. Sau kỳ thi tú tài phần một, tôi chia tay tất cả, chỉ



Được nghỉ tiết học cả nhóm kéo nhau xuống chơi nhà bạn Tư ở Vĩnh Phú

còn Huỳnh Chân, Hoàng Mai là bạn thân. Lớp 12 A1 là lớp đầu tiên của dãy lớp mới do công binh Đại Hàn xây tặng, nằm kế bên hàng rào trường Nông Lâm Súc. Mỗi sáng, tôi hồn nhiên xách cặp đi bộ tới nhà Huỳnh Chân gần trạm xá Búng rú nhỏ đi học. Hai đứa nói đủ thứ chuyện trên đường đến trường. Thích nhất là những ngày cuối năm. Tiết trời lạnh lạnh. Cánh đồng lúa vàng bát ngát cạnh trường nam có đám đã gặt còn trơ gốc rạ. Khói đốt đồng bay trong nắng hoà cùng sương mù buổi sáng sớm, thơm mùi lúa chín, mùi đất, mùi sương khói và vương vương lên tà áo dài đi học buổi sớm mai. Gió lập đông thổi về làm những tà áo dài trắng bay bay, làm mái tóc dài ai đó rối tung. Qua sân

trước văn phòng rộng mênh mông, tượng danh nhân Trịnh Hoài Đức uy nghi thâm trầm dưới tán những cây dầu to lớn. Sau văn phòng là khoảng sân cát trắng rợp bóng những cây me Tây già, chạy dài tới cột cờ. Dưới bóng mát me Tây già cạnh văn phòng là chiếc xe hơi màu trắng của thầy hiệu trưởng và của thầy Nhượng thường đậu. Lá vàng rụng đầy xe thật đẹp. Tôi và nhỏ Chân thường vào quán bác Trâm mua bánh mì ăn sáng. Bác Trâm gái rất thương bọn học trò con gái, nhận bánh mì toàn thịt nạc. Bác nói còn thịt mỡ để dành cho bọn con trai. Ăn thêm một ly đậu đỏ bánh lọt là vừa lúc chuông vào học.

Năm học lớp 12 là mùa hè đỏ lửa 72. Chúng tôi học Pháp văn với thầy Nguyễn Trọng Nhượng. Thầy ăn mặc rất đẹp, đứng một. Thầy thường nói: “Chỉ còn một năm nay nữa thôi, sang năm không còn ai ở bên cạnh các em để dạy bảo nữa đâu”. Thầy thường dạy chúng tôi cách ăn nói, đi đứng như thế nào cho lịch sự, như không bao giờ bỏ dép ra khỏi chân khi ngồi trong lớp hay những chỗ đông người... Những lời dạy dỗ ấy quý báu biết bao cho cuộc sống sau này của chúng tôi.

Lớp chúng tôi học sử địa với thầy Nguyễn Thiện Thuật. Thầy rất đẹp trai, ăn nói lưu loát như bôi mỡ vào miệng. Thầy dạy sử địa rất hay. Cả lớp rất thích giờ thầy. Thầy Thuật có hai kỷ niệm với lớp tôi năm ấy. Tôi nhớ lớp qua học ở dãy trệt, phòng đầu tiên của trường nam. Chuyện cũng không có gì to lớn lắm, nói chuyện trong giờ học thường thì thầy cô chỉ nhắc nhở rồi thôi, trước thầy cũng vậy, nhưng hôm ấy bạn Q. cũng nói chuyện, không hiểu sao thầy kêu lên tát vào mặt Q. một cái thật mạnh, rồi đuổi ra khỏi lớp. Q. ôm mặt ra ngoài đứng một hồi rồi ôm cặp về luôn. Cả lớp sững sờ im lặng. Mấy hôm sau có giờ của thầy, bạn Q. cũng đi học bình thường, và tưởng thầy đã nguôi cơn giận, nhưng không ngờ, thầy đuổi bạn Q. ra ngoài tiếp và nói bạn Q. ngày hôm qua bỏ đi về là sai, dù có bị đòn chày máu môi cũng phải đứng ngoài cửa lớp!

Kỷ niệm thứ hai là hôm ấy thầy vô lớp sớm khi bàn giáo sư còn nhiều đồ đạc linh tinh chưa kịp dọn. Thầy hỏi của ai, cả lớp im lặng. Thầy không dạy, phạt cả lớp ngồi im đến hết giờ,

luôn cả tuần sau, không khí thật là ngột ngạt, khó chịu. Không biết sao, sau đó nhỏ L. thú nhận. Thầy phạt L. quỳ gối giữa cửa ra vào đến hết giờ hôm đó. Tuổi trẻ dễ quên và ngày hôm sau vẫn hồn nhiên vô tư đùa giỡn... Giờ nghỉ lại thấy thầy thật nghiêm khắc, nhưng chính nhờ sự nghiêm khắc ấy chúng tôi ngày nay mới nên người.

Thầy Nguyễn Tường Thụy dạy toán. Thầy trẻ, bao giờ cũng chỉ mặc một tông màu là quần kaki vàng và áo sơ mi trắng. Giờ học toán thật vui và lạ lùng nhất vì tập toán không ai được bao sạch sẽ. Học hình học hay bất cứ điều gì không được kẻ bằng thước kẻ, mà kẻ bằng tay, cho nên chỉ một cây viết và một cuốn tập trong giờ toán mà thôi. Thầy bảo là để chuẩn bị cho chúng tôi năm sau vào đại học, không ai đọc cho chép đâu, thầy giáo đại học chỉ giảng bài như bay trên bảng, học trò bên dưới muốn ghi bài ra sao thì ghi. Sau này tôi cũng thấy nhờ vậy, nên chúng tôi không hề lạ lẫm trong giảng đường đại học. Có một kỷ niệm đẹp với thầy mà bây giờ tôi mới nói. Không phải chuyện của tôi mà chuyện của một người bạn cùng lớp. Hôm ấy, bạn tôi cứ ngập ngừng mãi, rồi cuối cùng nhờ tôi một chuyện thật bất ngờ, không có trong trí tưởng tượng của tôi. Bạn tôi nhờ tôi trao dùm cho thầy Thụy một phong thư. Tôi ngu ngơ làm theo lời bạn nhờ, lúc thầy đứng một mình ở hàng ba lớp học, tôi đưa bao thư đó cho thầy. Thầy nhận và mỉm cười không nói gì. Rồi tôi chạy vụt đi khi mình đã hoàn thành nhiệm vụ. Các bạn cũng biết đó là bao thư gì rồi chứ.

Thật là vụng dại, sau này bạn tôi cũng quên đi như bao kỷ niệm đẹp của một thời làm học trò nhiều mơ mộng.

...Kỷ ức mênh mang dẫn tôi già từ trường nữ, đi lại con đường cũ trở lại trường nam. Ngã ba đường rầy có ngôi nhà xinh đẹp giữa vườn cây đầy hoa bướm vẫn còn đây, nhưng con đường đến trường mỗi ngày của tôi và Huỳnh Chân không còn nữa. Cánh đồng lúa vàng cạnh trường nam đã biến mất thay vào đó phố thị sầm uất, xe cộ ngược xuôi. Tất cả giờ chỉ còn trong kỷ niệm. Trường xưa được xây cất lại thật hoành tráng, đẹp như trong truyện cổ tích, chứng tỏ sự phát triển của nước nhà, nhiều dãy

lầu ngang dọc, mái ngói đỏ thắm nhìn xuống hàng phượng vĩ rợp bóng sân trường.

Bước chân tôi dừng lại bên tượng người xưa dưới tàng cây dầu xao xác lá vàng rơi trong cơn gió cuối năm lạnh buốt, chứng tích duy nhất ngày xưa còn sót lại. Hàng cây dầu vẫn còn đây giờ đã thành cỏ thụ. Tượng người xưa vẫn còn đây vai áo bạc màu năm tháng. Và hình như cơn gió lạnh vừa thổi qua là cơn gió của những ngày cuối năm lớp 12. Còn y nguyên tiếng cười của Huỳnh Chân, của Hoàng Mai hồn nhiên trong vắt bên hồ nước long lanh dưới chân tượng đài. Chiếc lá vàng nào đó rơi trên vai bức tượng làm nhớ lại bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan mà thầy Cử trên bục giảng năm nào:

*...Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương...*

Văn phòng trường nam xưa với khoảng sân rộng mênh mông cũng chỉ còn trong quá khứ. Bây giờ nơi đây là phòng truyền thống, xây dựng chiếm luôn khoảng sân xưa, hoành tráng rộng lớn hơn nhiều nhưng sao vô hồn và xa lạ quá. Biết cuộc đời là vô thường nhưng sao lòng tôi vẫn xót xa...

Bóng chiều đã về màu tím trên ngọn cây dầu cỏ thụ. Gió cuối năm xao xác thổi từng cơn lạnh giá.

Xin giã từ tất cả, giã từ những kỷ niệm buồn vui, giã từ trường trung học thương yêu, ký ức và hiện tại đan xen. Cánh cổng trường khép lại sau lưng tôi, như thâm hiểu rằng đây là lần cuối cùng tôi trở lại.

Ôi! Một thời tuổi trẻ hạnh phúc nhất xin giữ lại làm hành trang cho con đường phía trước không còn bao xa nữa. Dù mỗi người trong chúng ta có được vòng tròn viên mãn hay không viên mãn. Dù cuộc đời còn không ít khó khăn, xin hãy để nụ cười ánh mắt hồn nhiên ngày xưa đó xoá tan mọi ưu phiền khi nhắc lại.

Giã từ Trịnh Hoài Đức với lòng nhẹ tênh!
Cho tôi xin được yêu thương và xin được thứ tha! Trịnh Hoài Đức ơi! Thầy cô ơi! Bạn bè ơi!

NTĐ

Cuối năm 2011.



Tho

Mừng tuổi em (của đôi mắt A2)

*Anh viết cho em bài thơ mừng tuổi mới
có mùa thu thương nhớ đọng trong tim
bến cũ thuyền xưa vẫn mỗi mắt tìm
người phương đó vẫn mịt mù xa vắng*

*Em ở đâu với tháng ngày thình lặng
những nụ cười đã vỡ vụn trên tay
nước mắt chiều mưa ướt đầm áo ai
liều xiêu bước... cứ ngập ngừng đứng lại*

*Anh viết cho em bài thơ nhiều vụng dại
ý thì đầy nhưng chữ bỏ đi xa
phím gõ nghe như có tiếng khóc òa
thanh âm đó gọi dội vào núi đá*

*Cũng xin mừng em ngày tròn tuổi lạ
cũng hoa hồng cũng nên tím ghi tên
cũng cụng ly mời rượu ngọt môi mềm
vô hình thôi, vẫn thật lòng anh đó*

*Anh viết cho em bài thơ tình tự nhỏ
nhớ thương vô cùng ánh mắt ngày xưa
biết nói bao nhiêu thương nhớ cho vừa
thôi anh đã nặng oằn giông bão tới...*

Ý Thu
01/2012

Ngọt ngào cuối năm

[tản mạn]
Chu Ngạn Thư

Khi người bạn đời nhắc nhở : - “Anh ơi hãy ngưng tưới mấy chậu bông giấy để kịp ra hoa vào giáp Tết đó”. Minh ngân người ra !, ấy thế là chuẩn bị đội thêm trên đầu một tuổi nữa và cũng chính trên mái đầu này lại xuất hiện muối nhiều hơn tiêu.

Nhớ lại lão thi sĩ Nguyễn Đức Sơn – Sơn Núi đã từng nói lại lời Khổng Tử:

... ‘ tam thập nhi lập
tứ thập mãn gì mãn giáp
kéo ngũ thập run lập cập ! ‘ ...

Vậy mà mình đã bước qua ngưỡng lục thập.

Vẫn còn năng tưới được cây , quý quá rồi .

Tròn 42 năm bước chân rời khỏi mái trường, nơi đã gói gọn thời học sinh trung học của mình. Ngôi trường cũ bây giờ không còn công trình xây dựng nào được giữ lại, ngoài pho tượng bán thân của danh nhân Trịnh Hoài Đức, trong Gia Định Tam Gia, được lấy tên đặt cho ngôi trường trung học công lập đầu tiên của tỉnh Bình Dương sau hiệp định Geneve 1954 .

Pho tượng ngày đó được dựng trước

văn phòng nhà trường, nay văn phòng đã đập bỏ xây lại một công trình trệt, chẳng biết sử dụng làm gì ? Ba cây dầu to trồng lúc an vị tượng, bây giờ đã sừng sững dáng hình cổ thụ, phủ bóng mát lên khoảng sân khiêm nhường nơi đặt tượng.

Nhớ năm nào thầy Lê Tấn Lộc và phu nhân về thăm trường, một số anh chị em khóa 8 có ghi được cùng Thầy mấy tấm hình dưới chân tượng này, không biết bây giờ Thầy Lộc có còn giữ hay không ? (*)

Mình không thấy các anh chị hôm đó có ai



Hình kỷ niệm GS Hiệu Trưởng Lê Tấn Lộc và các CHS nhân dịp thầy về thăm trường cũ năm 2003 (*)

giữ được tấm ảnh này, xin post lên trang nhà Trịnh Hoài Đức để cả nhà cùng xem .

Bỏ viết văn xuôi ngay sau 1975, giờ ngồi thử viết lại sao thấy nai vàng ngơ ngác thế nào! Hoài niệm, phải chăng là một trong những điều “át có và đủ” cho những lứa tuổi đi phía hoàng hôn ?

Gần hết năm dương lịch, thấy bạn Từ Minh Tâm giục viết bài cho báo Xuân. Tuổi này có còn háo hức đón Tết hay không ? Lại nhớ đến những trại Tết của trường, rộn rã ngày đó, đón chờ giai phẩm xuân của trường, của các trường bạn từ Ngô Quyền (Biên Hòa) đến Gia Long, Petrus Ký (Sài Gòn) trong những ngày cuối năm cùng xuất hiện trong trường. Quá khứ đây ắp kỷ niệm, bây giờ quên nhớ lẫn lộn rồi .

Thơ gửi đăng báo Tết, mình sợ nhất chữ Xuân, sợ nhì chữ Tết . Cố gắng lắm thì ráng dán vào hai chữ cuối năm, mấy tập thơ viết từ năm 1971 đến tận bây giờ, đọc lại thấy chỉ có một bài có Xuân: Bài *Xuân Vịnh*. Có lẽ đây là vết tích còn lại trong mình khi học năm đệ tứ với thầy Nguyễn Đông Ngạc và năm đệ nhị với thầy Nguyễn Tăng Huyền về môn Quốc văn. Lục ra và chép lại gửi Minh Tâm đưa lên trang Nhà Trịnh Hoài Đức đọc chơi !

*chẳng thương cao lâu, ra quán cóc
uống rượu chờ say, chắc ngồi lâu !
quán tướng ngồi lâu tay hào sảng
ta râu tàn rượu, bước về đâu ?*

*đâu biết về đâu, ngày xuân nhạt !
đành ngồi quán cóc, trước cao lâu
có phải mềm môi nghe rượu lạt
hay đôi môi ngậm lệ ai trào ?*

*bạn bè đôi đứa nơi viễn mộng
cách mặt, ta “trùng” cả chiêm bao
những muốn nhắn nhe thằng xa xír
với ta thà mặt với quê nghèo*

*chợt bàn tay nhón râu con mực
ngâm cuộc đời ta vương lưới câu
tuổi trời cho đã ngoài bốn chục
dòm thấy trong gương, mặt dầu dàu !*

*kiếm com sao phải thân điên đảo
chữ nghĩa nổi cơn quậy - xé - rào
thường mặc vợ lo đường áo
thương em chưa nếm vị ngọt ngào
ngày xuân con chẳng thêm tấm áo
com nhìn chỉ thấy muối độn rau !*

*ngày xuân thêm một thằng bạn cũ
ra quán cóc ngồi nhấm - tào - lao
chẳng thấy liễu xanh và áo đỏ
ngó chừng chai rượu, sợ cạn mau !*

bài thơ như vậy mà đã gần hai mươi năm, giờ thì đâu dám trách bạn bè phương xa, bạn cũ có đũa ở gần – rượu chẳng dám đụng; nên bây giờ rượu sao chậm cạn quá !
thôi đành ngơ ngác cuối năm.
vậy thôi ./.

CNT. 01/12/2011

(*): Hình đính kèm do thầy Lê Tấn Lộc gửi đăng trên trang nhà GS & CHS Trịnh Hoài Đức.

Đố vui:

1. Câu hỏi nào mà bạn không bao giờ có thể trả lời “Ừ”?
2. Câu hỏi nào mà bạn không bao giờ có thể trả lời “Không”?

Trả lời:

1. Câu hỏi “Bạn đang ngủ à?”
2. Câu hỏi “Bạn có nghe thấy tôi nói không?”

Dấu yêu còn mãi

T. Thúy

(với bạn bè K.9, Cẩm K.14 và mùa-Thu của tôi)

Thời tiết vừa se se lạnh mùa Giáng Sinh, những cây thông vẫn còn lấp lánh đèn sao, không khí Tết Dương lịch chưa tan thì Tết ta đã chen chân bước tới. Người ta nói năm nay ăn Tết sớm, nghe thật buồn cười phải không? Bởi một năm vẫn từng ấy ngày (không kể những năm Nhuận làm gì), sớm hay muộn cũng thế thôi mà. Phở xá bắt đầu thay đổi, ồn ào hơn, nhộn nhịp hơn, hời hả hơn. Không biết tôi nên vui hay phải buồn? Thêm một tuổi là con dốc đời ngắn thêm một đoạn nữa, mỗi người già thêm một chút nữa, khoảng cách từ quá khứ đến hiện tại dài thêm một chút nữa...

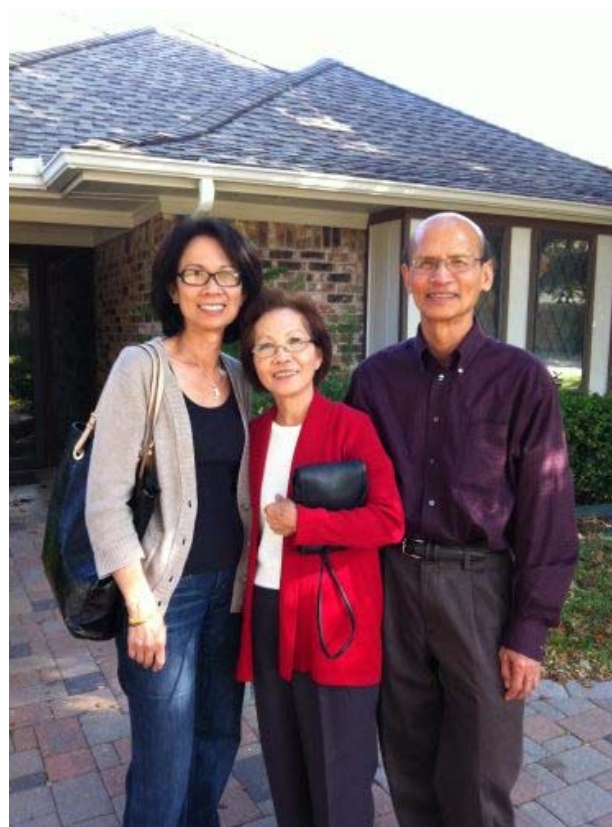
Như khi nhìn thấy tấm ảnh Cẩm chụp tên trường, cổng trường hôm gặp lại thầy xưa, thật lòng tôi đã bồi hồi xúc động. Thương quá những năm tháng tuổi trẻ của bạn bè, của tôi, ở đó. Tất cả giờ xa như trời mà đôi lúc cũng gần trong tầm tay. Như giữa tháng Mười Một, Kim Nền đã đi về gần ngàn cây số để thăm Chu sư phụ, tưởng Houston lên Dallas như Saigon về Bình Dương.

Niềm vui gặp gỡ sau hơn bốn mươi năm không thể nói hết bằng lời nên thầy đã viết “Plano. Một trưa Chúa Nhật” thật hay và cảm động. Rồi Nền cũng gỡ nhanh tường trình “Thầy trò hội ngộ” gửi về cho tôi kịp in ra cùng lá thư “Thầy trò” đưa đến bạn bè trong tiệc cưới con trai Kim Hồng. Ngắm thầy cô và Nền trong ảnh mấy đứa A2 đã long lanh nước mắt, những nụ cười đã lâu mới tròn đẹp trên môi... Hạnh phúc thật đơn giản, bình dị như gương mặt đám học trò Trịnh Hoài Đức ngày xưa của thầy và tôi mừng vì mình đã tìm ra điều giản dị đó một cách dễ dàng.

Và niềm hạnh phúc lại được nhân đôi nhân ba sau lễ Tạ Ôn năm nay khi Kim Nền và Bi gặp được cô Tô Mỹ Hạnh ở nhà Bi trên San Jose. Tôi đã gọi và ghen lời với Bi, với Nền,

sao cô giáo dạy Văn nhỏ xinh của tụi mình năm đệ Ngũ bây giờ trông lạ quá. Năm tháng đi qua đời người, còn lại là môi cười quen thuộc của cô đã đưa A2 trở về vùng trời Hoa Nắng với Diễm Phượng ngày xưa ngày xưa. Rồi sẽ có nhiều giọt nước mắt nhớ cô, nhớ một thời ép lá đề thơ, nhớ... em tan trường về đường quê gió hát trên cánh đồng lúa chín vàng không cô ơi! Cô ơi! Tiếng gọi từ trái tim tôi và bạn bè như vọng về cõi chiêm bao nào đó, nửa tỉnh nửa mê, hoang mang hồn xác bất ngờ.

Như khi Tiếp gửi mấy tấm hình đón thầy



Kim Nền viếng thăm thầy cô Chu Bá Cao
(Dallas – Texas)

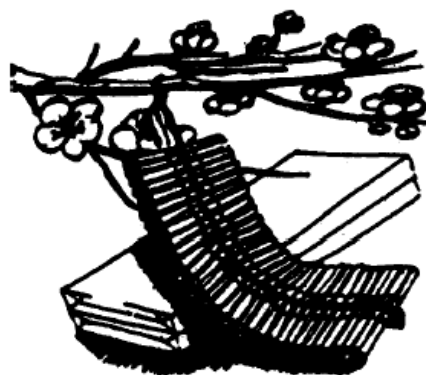
Lộc ở Cali hồi cuối tháng Năm, có tấm Tiệp nói chụp với thầy để gửi riêng cho tôi, đã làm tôi buồn vui đan xen kỳ lạ. Những ông đồ già hao gầy như vẫn còn nguyên dáng bên bục giảng năm nào. Ở đó là lớp tôi, lớp bạn, lớp được thương, lớp ty hiềm; là hành lang ngại ngừng đi qua lao xao mắt nhìn; là khung cửa sổ có khoảng sân cỏ nối dài hai dãy phòng học cùng đợi một giờ ra chơi... Ở đó còn có Từ, một ngày Houston tháng Tám hào hứng kể cho tôi nghe chuyện bày trò phản đối thầy P. làm hai đứa được một lần cười thích thú vì chưa bao giờ vui như thế. Ôi những ngày xưa thân ái là gia vị cho cuộc sống hôm nay, là sợi dây liên lạc bền vững, là tình cảm thiêng liêng tìm lại được sau hơn bốn mươi năm chia cách. Cầu xin được nâng niu và gìn giữ đến khi lia xa cái cõi trần gian tạm bợ này.

Bây giờ là khoảnh khắc ngắn ngủi còn lại của năm cũ, hình như chỉ có trên mảnh đất quê nhà và chỉ có với những ai làm người ở lại như bọn tôi. Đọc trên email nhiều câu chúc Tết mà ngậm ngùi. Mùa Xuân bay lạc đâu đó lâu lắm rồi. Dòng sông ký ức cứ cuốn trôi cuộc đời mất hút về một chỗ nào, không nhìn thấy nữa. Mỗi năm qua như đánh dấu một bậc thềm bước xuống, ba mươi sáu rồi ba mươi bảy, một chặng đường chênh vênh quá, chông gai quá cho cả người đi kẻ ở. Tuổi trẻ của tôi đã ngủ yên trong ngôi trường cũ, bình an của tôi đã gửi lại trên góc phố xưa. Nơi mà mỗi bận về ngang trái tim cứ nhói đau tiếc nhớ, cứ nghe lời muôn trùng dỗi dần nhắc nhở. Bàn tay đã che khuất bên trời, một mắt nhìn nghiêng nghiêng lạ lẫm. Bàn tay đã miệt mài trên phím chữ, trên dây đàn, đã vẽ giấc mơ tuyết vời, cầu mong được thành hiện thực. Bàn tay đã đan những sợi tóc trắng làm tơ lưới đợi đón một giọt lệ rơi trong đêm... Tất cả gom vào mùa-vàng-son như là Tết để vỗ về mình - thôi cũng vui đi.

Như một bài Xuân ca thưở trước lồng lộng trong gió chiều, hàng cây cao vẫn rung những chiếc lá tàn muộn, lá hát dưới chân tôi và con đường bỗng dài vô tận. Con đường dẫn lối chiêm bao, con đường mộng寐 năm mươi bốn mươi lăm, con đường gian nan của một thời đổi thay không ngờ. Trăm nẻo rồi cũng về bến đỗ cuối cùng, hết ngày là đêm, hết xuân-hạ-thu-

đông rồi lại Tết. Dù đã lâu, rất lâu không nghe tiếng pháo nhưng trong sâu thẳm hồn tôi vẫn còn văng vẳng âm thanh đó, còn nguyên mùi khói cay nồng khó chịu đó. Dù đã lâu đánh mất những chiều cuối năm ngồi canh lửa cho nồi bánh tét của Ngoại nhưng tôi vẫn nhớ như in góc sân sáng lung linh môi cười mong Mừng Một tới. Dù đã lâu lắm rồi... mà vẫn không quên phải không những người-muôn-năm-cũ?

Như năm nay, thử về với phiên chợ đầu đêm suốt sáng trước tối giao thừa ở Lái Thiêu, Búng hay Bình Dương để sống lại thời thơ trẻ của chúng mình đi. Sẽ thấy mai vàng rực rỡ bên sông, sẽ thấy lòng nôn nao muốn mang hết những hoa trái về nhà, sẽ tìm được bình yên khi đứng nhìn dòng nước trôi miên man những tảng màu lục bình xanh xuôi qua cầu. Sẽ đặt chân trên nhịp ván xưa mà nhớ vòng xe đạp ai ngấp ngừng chờ ai buổi tan trường về. Nghĩ vậy thôi mà mắt tôi đã rung rung, muốn khóc, thương lắm khung trời quê quen thuộc mà ai xa chắc phải quặn thắt tim đau. Chỉ xin nỗi đau thật dịu dàng lắng đọng, đừng đầy đọa, đừng hành hạ nhau là tôi mừng. Cho đường về vẫn thênh thang và những hội ngộ thầy-trò-bạn-bè vẫn tiếp nối cùng năm tháng. Xin thời gian hãy đứng yên để tuổi đời đừng chắt chùng thêm nữa. Cát gánh nặng trên vai, lòng nhẹ tênh hát khúc tương phùng trong bốn mùa đều là Xuân không thôi.



Rồi những ngày cuối năm cũ sẽ qua nhanh, những ngày đầu năm mới sẽ đến trong vô vàn tâm trạng buồn vui của mọi người. Tôi sẽ có nhiều sớm mai lặng lẽ trên đường đi lễ nhà thờ. Những buổi sáng hiếm hoi nhìn phố phường

ngủ muộn, thừa thớt người và xe cộ, thấy sự thanh thản tự nhiên ùa về, như đang sống lại một thời đã mất.

Con sóng nhắc vỗ vào bờ nhớ thật nhẹ nhàng để ru mình chìm đắm trong từng lời kinh cầu nguyện cho tất cả thân sơ xưa nay. Và tôi biết, ở một nơi xa lắc xa lơ kia cũng có người góp lời nguyện cầu cho tôi, bình an nhé phần đời còn lại. Cứ để sóng đưa thuyền về phía trước, đừng bận tâm cây đa cũ bên nước xưa còn hay mất. Bởi mọi thứ đều nguyên vẹn trong ngăn kéo kỷ niệm, làm của để dành mang theo về cuối dốc ngày mai.

Mùa Xuân cứ ẩn hiện, lan man trên từng con chữ lạc nghĩa, không biết bắt đầu và kết thúc ở đâu. Viết để chung tay với Tâm, tôi nghĩ đơn giản như thế nhưng thật khó cho một chủ đề quen thuộc. Muốn trở lại thời học trò làm báo Xuân Trịnh Hoài Đức cũng không dễ chút nào. Cảm nhận sự lẻ loi len vào tận ngõ ngách tâm hồn nên cứ loay hoay hoài. Phải chi tôi dần trải được hết nỗi lòng ra đây, được nói cười tự nhiên với những bằng hữu ngày xưa, được về ngôi lại một lần ở dãy bàn học cũ nghêu ngao hát...”Cho tôi lại từ đầu, cho tôi lại từ đầu. Để được khóc, được thương, được nhớ. Cho tôi lòng thật thà... trên môi đời nghiệt ngã. Để hương xưa...nhỏ xuống tình già...”

Thôi cũng đành dằn dò mình lặng im, quên đi phiên muộn để bước tiếp vào một hành trình mới. Có thể gập ghềnh thêm hay bằng phẳng trở lại, làm sao ai biết được. Mùa Xuân hay mùa Thu đều giống nhau phải không người ở đó? Nhớ tiếng cười kéo dài theo chữ “thôi” hôm nào còn mãi trong tôi... một nỗi niềm thật lạ. Đã nối gần hai bờ vui, đã xóa mờ những dấu chấm hỏi, đã có chung một đức tin... và bây giờ còn có chung một năm dài đang đến nữa. Nhiều giông bão cần yên ắng, nhiều bất an cần sẻ chia, và lối hẹp cần soi sáng để thoát ra cùng nắng ấm bên ngoài. Cũng cần thu ngắn những hạn kỳ mà tôi phải lãnh nhận theo buồn vui thất thường của trời đất xa xăm. Cũng cần nghe để đáp lời à oi cho bản tình ca đồng vọng muôn đời muôn kiếp, không phai.

Thêm một lần chia tay Trịnh Hoài Đức ở đây nhé!. Xin mùa Xuân gieo đầy hạt yêu thương trên những mảnh đất đời riêng lẻ. Nhờ

gió đưa hương Tết nồng nàn đến khắp mọi nơi, mọi nhà. Mong nỗi nhớ quê cũ trường xưa vẫn ngập tràn trong tim mỗi người, mãi mãi... Và bây giờ, thôi trả mấy câu thơ lồi nhíp bay về trời, đừng vu vơ nhắc tới nữa để được vui như là Tết... (cũng hết phải không người yêu dấu, chim mùa Xuân bay về lối thu không, em đâu đó xin đừng bật khóc, giọt lệ vàng đủ nhưc nhớ trăm năm)

(Xuân Nhâm Thìn 2012)



Danh Ngôn:

Chúng ta đều là những người lữ hành trong sự hoang dã của thế giới, và điều tốt đẹp nhất mà chúng ta có thể tìm được trong các chuyến đi này là một người bạn chân chính (Robert Louis Stevenson)

Chuyện học trò làm báo

Nguyễn Thị Cẩm
Khóa 14- Lớp A3

Hồi năm học lớp đệ thất, tôi thấy cái lạ nhất so với thời học ở trường tiểu học là có những tờ bích báo. Nhớ thuở ấy ở trường nữ Trịnh Hoài Đức bích báo cứ được các lớp làm rồi lần lượt gắn lên bức tường đối diện cầu thang, bên hông phòng giám thị. Những tờ bích báo hoa hòe xanh đỏ lòe loẹt mới được dán thu hút đông đảo đám học sinh giờ ra chơi, vài ngày sau thì loe hoe ế khách, vài hôm nữa thì bị gỡ xuống rồi lại xuất hiện tờ báo của lớp khác. Cứ thế quanh năm chứ không chỉ có vào dịp Tết.

Qua cái thuở ngỡ ngàng đệ thất, năm đệ lục lớp tôi cũng tí toe làm báo. Tôi cũng không nhớ rõ năm ấy lớp tôi thầy cô nào là giáo sư hướng dẫn (bây giờ gọi là giáo viên chủ nhiệm) và có đóng vai trò gì trong việc làm bích báo hay không?. Nhưng tôi nhớ rất rõ cứ mỗi lần làm bích báo thì chúng tôi lại nhờ cậu của bạn Huỳnh Nga vẽ hình trang trí bên trên góc trái của tờ báo. Bạn nào thích thì viết bài, thơ, văn, vui cười... rồi góp cho trường bạn báo chí lớp. Vài bạn viết chữ đẹp tranh thủ giờ chơi hí hục chép hoặc ôm tờ giấy croquis to tưởng về nhà bạn nào đó rồi cùng nhau viết, vẽ trang trí. Giờ nghĩ lại còn phục mình, sao hồi xưa còn nhỏ mà tụi mình có tinh thần trách nhiệm cao và lòng say mê đến vậy!

Thuở nhỏ tôi mê đọc và cứ ước ao lớn lên sẽ thành nhà văn cho dù chưa viết câu chữ nào ra hồn, vậy mà năm đệ lục tôi viết bài “Một Buổi Picnic” kể về lần đi chơi suối với một nhóm bạn bè. Bài được đăng báo - báo tường của lớp

thôi - cũng đủ làm tôi vui hết biết. Quả vậy, năm nào trường cũng có ra Giai Phẩm Xuân, nhưng đâu dễ gì bài của mình được đăng! Từ năm lớp 8 (đệ ngũ) Tết nào tôi cũng gửi bài cho báo Xuân của trường, vậy mà đâu có được đăng. Có lẽ khó vậy nên năm lớp mười, chúng tôi rủ rê nhau làm một giai phẩm xuân cho riêng mình. Được giáo sư hướng dẫn lúc ấy là cô Ngọc Sương đồng ý, lớp tôi dự kiến sẽ làm cho mỗi học sinh của lớp một quyển, thêm một số quyển tặng cho các thầy cô và giao lưu với các lớp bạn. Về chi phí, cả lớp sẽ hùn tiền lại. Bài vở góp về cho cô Sương chọn, có bạn nộp đến 2, 3 bài, thật là phong phú. Cúc nhờ một người quen vẽ giúp trang bìa, nhưng đến giai đoạn đem đi in mới thật là nan giải. Tụi tiền học trò có hạn, đâu thể thuê ngoài, vậy là nhờ vả thôi. Thời ấy không photocopy dễ dàng như bây giờ mà phải đánh máy lên giấy stencil rồi nhờ thầy Bùi Thế San quay ronéo. Xuân Mai đem bài về nhờ người chị đang làm thư ký



đánh máy giúp được một số trang rồi do chị bận việc gì đó phải ngưng. Tưởng đâu phải bỏ dở giữa chừng nhưng lũ học trò bướng bỉnh không bỏ cuộc. Không nhờ được người đánh máy thì viết tay vậy. Viết trên giấy stencil rất khó, hình như lúc ấy chúng tôi dùng đầu compa, vừa phải ấn mạnh cho hẳn nét chữ mà lại không được làm rách giấy. Hẹn

nhau mỗi chiều ở nhà Thầy Bùi Thế San gần Gò Đậu, nhà thầy có sẵn bàn ghế (hồi đó thầy có lớp dạy thêm) mấy đứa chúng tôi hí hục chép. Trời ạ! Mỏi cả tay mới được một dòng,

chúng tôi đâm nản. Tết đến nơi rồi, Giai Phẩm Xuân của trường mình, trường bạn đến tận lớp mời mua ào ào, các lớp đàn chị cũng xong báo lớp đem biểu thầy, biểu bạn tung bưng, vậy mà chúng tôi còn đang hí hục chép tay từng chữ. Không nhớ chúng tôi phải mất bao nhiêu buổi chiều như thế mà khi xong việc rồi thì không còn thời gian quay roneo nữa, tất cả được xếp lại, nằm chờ chúng tôi ăn Tết.

Qua Tết, chúng tôi chăm chút trang trí, vẽ thêm hoa lá cành gì đó cho từng trang rồi quay roneo. Có lẽ quyển báo Xuân của lớp 10A3 THĐ là tờ báo duy nhất được hoàn thành sau Tết. Hí hửng cầm trên tay chồng báo Xuân còn thơm mùi mực có in bài của mình, chúng tôi mang đi biểu thầy cô, tặng lớp bạn mà không hề áy náy ngượng ngùng. Giờ nghĩ lại mới thấy buồn cười, quê thiệt!!!

Thời gian thầy Nguyễn Văn Hộ làm hiệu trưởng, năm nào trường cũng mở cuộc thi làm bích báo hăng hái. Bên trường Nữ làm xong nộp qua trường Nam chấm chung. Năm nào lớp tôi cũng hăng hái dự thi nhưng có lẽ Trường Ban Báo Chí & Văn Nghệ lớp (là tôi) quá tẻ nên chưa được giải bao giờ! Năm 1974-1975 lớp 12 chúng tôi chuyển qua học ở trường nam, lần đó cuộc thi bích báo được chấm và được trưng bày thật hoành tráng nơi phòng thí nghiệm. Thật là ganh tỵ với lớp đàn em là lớp 11C (lớp ban C đầu tiên của trường) do Thầy Lê Vĩnh Thọ hướng dẫn thực hiện tờ báo tường thật chất lượng và phong phú với 3 tờ croquis trình bày thật đẹp đoạt giải nhất, nhưng sau đó lớp không trưng bày chung ở phòng thí nghiệm mà mang trưng bày ở trước cổng trại Tết của lớp mình.

Giai Phẩm Xuân của trường như thường lệ vẫn cứ ra đều vào dịp Tết, năm học lớp 11 tôi mới bắt đầu có bài được đăng. Nhưng là báo của trường nên tôi chỉ việc gửi bài, còn tất cả những lo toan vất vả phía sau tờ báo tôi không hề biết. Ngay cả việc một số bạn tình nguyện mang báo đi bán tôi cũng không tham gia, không phải tôi không nhiệt tình nhưng ngoài việc bán báo cho các bạn trong trường còn phải đi bán cho các trường bạn tận Bình Dương, Lái Thiêu mà tôi không có xe gắn máy nên đành chịu. Vậy mà có một điều tôi nhớ mãi là gần Tết năm 1975, sau khi bán báo xong

xuôi, Thầy Lê Vĩnh Thọ trao cho tôi (học trò cưng của Thầy!) năm chục ngàn đồng nói đó là tất cả tiền lời từ việc bán báo. Thầy giao tôi trách nhiệm lo bữa tiệc liên hoan cuối năm để mời các Thầy Cô trong trường và tất cả các học sinh có bài viết, có công đi bán báo tham dự. Ủa, hóa ra làm báo Xuân mà cũng có lời ư?!!! Đối với tôi đó là một số tiền rất lớn, tôi giữ số tiền chỉ có vài ngày mà lòng cứ nơm nớp lo âu, sợ mất. Nhưng may quá, Nông Thị Ngọc Diệp lớp 12A2 chia sẻ cho tôi gánh nặng. Bạn nhận một số tiền để đặt bánh patéchaud và các loại bánh kẹo khác ở Bình Dương mang xuống. Tôi chỉ có mỗi việc đến tiệm tạp hóa ở chợ Búng mua xá xí, nước cam mà thôi. Bữa tiệc thật vui. Nhạc cụ của trường thời đó rất nhiều và tốt. Tôi còn nhớ giàn đàn trống thật hiện đại nhưng khi chúng tôi mời thầy Lê Vĩnh Thọ góp vui, thầy đã yêu cầu ngưng đàn trống, và chỉ với cây ghita thùng và giọng hát ấm áp Thầy đã làm cả hội trường lặng đi vì xúc động.

Bao nhiêu năm đã trôi qua, tưởng chừng đã quên nhưng không phải vậy. Tết năm ngoái được đọc đặc san Xuân của CHS Trịnh Hoài Đức bỗng dung sống lại trong tôi bao kỷ niệm. Một thời đã qua rục rịch của tuổi cắp sách đến trường thật khó quên không chỉ trong tôi mà có lẽ trong tất cả mọi người.



Hình bìa Giai Phẩm Xuân THĐ năm Ất Mão
(ảnh Huỳnh Thị Nhung)

Nhớ về một thuở

Lưu Thanh Bình

Thời trang

Đầu thập niên 70, thời trang nữ sinh có một sự thay đổi đáng kể: chiếc áo dài raglan tay ráp không thắt eo giúp người mặc có vẻ cao hơn, tha thướt hơn và che bớt đi những khiếm khuyết cơ thể, nhất là làm giảm đi độ cong của những chiếc lưng tôm và phần mông không bị phình ra (thắt eo như chiếc áo dài cũ khiến người nhìn có cảm giác thân thể người ta chia làm hai phần: trên eo và dưới eo), vạt áo rút ngắn lên dưới gối một chút, trông thanh thoát hơn, trẻ trung hơn và gợi cảm hơn. Cộng thêm chiếc giày bít mũi quai dây treó vừa kín đáo vừa khoe khoang một chút. Rồi thêm chiếc nón lá và chiếc cặp che ngang là đủ bộ. Những năm đệ nhị cấp, buổi sáng chịu khó đi học sớm hơn một chút, không phải để quét lớp mà ra tựa lan can ngắm tà áo dài Tuyết Đông và Túy Oanh thướt tha khoan thai băng qua sân trường. Ngày đó kể như đủ vốn.

Hình như hồi ấy gu nhỏ nhắn, thon mảnh đang lên ngôi kiểu “vai em gầy guộc nhỏ”, nói chung ốm là đẹp.

Còn thời trang nam sinh, cứ nhìn trong trang nhà Trịnh Hoài Đức phần hình ảnh sinh hoạt, các bạn sẽ nhớ lại một thời: Áo sơ mi không còn rộng thùng thình nữa mà ôm sát người kiểu The Beatles, cổ áo bẻ to bản, chất liệu vải KT 3000 trông thật mỏng manh, nếu rui mà bị ướt do mưa chẳng hạn thì phần da

thịt như lộ hẳn ra ngoài, quần không còn túm nũa mà dưới gối bắt đầu loe ra đến 20-30 cm, thắt lưng ít khi may con bọ để xỏ dây nịt mà cài bằng móc nhỏ vắt qua, giày bốt cao hơn mắt cá chân, đa số chuộng màu nâu hoặc vàng da bò hơn màu đen...

Ở Sài Gòn hiện nay có một quán cà phê thoáng mát yên tĩnh nằm trong một ngõ nhỏ trên đường Nguyễn Văn Trỗi (Công Lý cũ) Q3, tường treo đầy những hình ảnh sinh hoạt Sài Gòn thời thập niên 60, 70 thế kỷ trước như cầu Bình Lợi, công tam quan Lăng Lê Văn Duyệt, chiếc Velo Solex, trường nữ Lê Văn Duyệt, trường Văn Hiến, trường Gia Long, xe taxi con cóc, chợ Bến Thành, đường Lê Lợi, Thảo Cầm Viên... làm khách gợi nhớ đến một thời đã qua. Thật khó bút ra khỏi những hình



Nữ sinh khoá 11 trong phòng thí nghiệm
(ảnh của CHS Nguyễn Xuân Dung)

ảnh đen trắng hoặc màu nhờ nhờ cất ra từ những tờ báo cũ cách nay nửa thế kỷ. Chứng tích của một thời mà mỗi người đều tự tìm thấy mình trong đó. Quán cà phê có tên là Một Thuở.

Thơ

Mỗi lần đi qua Biên Hoà, mình thường đưa mắt tìm trường trung học Ngô Quyền toạ lạc bên trục đường chính, có kiến trúc y hệt như Trịnh Hoài Đức chúng ta. Nếu Trịnh Hoài Đức hãnh diện là chiếc nôi của Ngụy Văn Thà thì Ngô Quyền cũng hãnh diện với một Nguyễn Tất Nhiên (sinh năm 1952), nhà thơ trẻ một thời nổi tiếng với những bài Cô Bắc Kỳ Nhỏ, Masoeur, Khúc Buồn Tình, Hai Năm Tình Lận Đận (đã được Phạm Duy phổ nhạc), Linh Mục (Nguyễn Đức Quang phổ nhạc) ... Nhà thơ tuổi Nhâm Thìn, đồng tuổi với cựu học sinh khoá 9, khoá 10 trường ta. Tuổi ấy ra đường lúc nào cái bóp cũng dày cộp, không phải có nhiều tiền mà nhiều... giấy tờ.



Nguyễn Tất Nhiên (nguồn: Wikipedia)



GS Nguyễn Thiện Thuật và nam sinh lớp B4 khoá 12
(ảnh của CHS Lê Thành Danh)

Thơ Nguyễn Tất Nhiên thật lạ, vẫn điệu ra ngoài những khuôn sáo cũ, tứ thơ cũng thật dữ dội, mà lại phù hợp với tâm lý giới trẻ nên được đón nhận nồng nhiệt, nhất là khi một số bài đã được phổ nhạc. Thật buồn là nhà thơ đã tự kết liễu cuộc đời đầy trắc trở của mình khi mới 38 tuổi, hay tại tình anh phát tiết ra ngoài sớm quá nên yếu mệnh? Mộ ông hiện nằm trong nghĩa trang Westminster, Little Saigon California, đến nay vẫn được nhiều người đến viếng.

Khúc buồn tình (1970)

*Người từ trăm năm
Về ngang sông rộng
Ta ngoác mòn tay
Trùng trùng gió lộng
(Thà như giọt mưa
Vỡ trên tượng đá
Thà như giọt mưa
Khô trên tượng đá
Có còn hơn không
Mưa ôm tượng đá)...*

(Phạm Duy phổ nhạc bài này thành “Thà Như Giọt Mưa”)

hay Lý Thường Kiệt gì đó, nhưng cái miệng liến thoắng nhí nhảnh thì không quên được...

Có một khoảng lặng sau năm 1968, an ninh tạm vẫn hồi ở các đô thị và trực lộ chính. Sinh hoạt hiệu đoàn Trịnh Hoài Đức nhờ vậy cũng hoạt động rất sôi nổi: thể thao, văn nghệ, công tác xã hội và cắm trại. Hiệu trưởng là thầy Lê Tấn Lộc cũng rất ủng hộ những hoạt động này, mà điển hình là lần văn nghệ học đường Trịnh Hoài Đức lên truyền hình và lần cắm trại toàn trường tại Vũng Tàu đầu năm 1971. Đây cũng là thời hoàng kim của báo học trò: báo tường, báo lớp, báo trường, báo liên trường... nhất là những dịp Xuân về Tết đến, tất cả lại rộn ràng với những chương trình, kế hoạch viết bài như trăm hoa đua nở. In xong rồi phân phối cho lớp, khối lớp kiểu cây nhà lá vườn.

Rồi thành lập đoàn đi bán báo dạo ở các trường bạn. Thầy cô phải dừng lại bài giảng vài phút để “phái đoàn” tiếp thị. Đi dọc theo lối đi giữa lớp, mỗi bàn rải vài quyển nơi đầu bàn kèm một cái nhoen cười thật dễ thương. Trong lúc đó một cô nàng lém lỉnh đứng giữa lớp thao thao tự giới thiệu. Gọi đặc san cho oai chứ thật ra chỉ là tập giấy xấu màu ngà, quay roneo khổ nhỏ, nhiều trang chữ bị vết mực lem luốc, bên ngoài là hình bìa thường trang trí những chú chim bồ câu, những cánh phượng rơi rơi và làn tóc dài buông xuôi xuống hai vai.

Nhớ có lần một cô nàng nữ sinh trường bạn lại còn đưa thơ vào lời giới thiệu đặc san của trường mình làm thầy cô cũng bật cười:

*Tóc em dài, em cài hoa thiên lý
Cái miệng em cười, anh để ý anh thương*

Bao năm qua rồi cô nàng là “dân” ở đâu không còn nhớ nữa, hình như là Ngô Quyền



Miên Đức Thắng, Trịnh Công Sơn, và Khánh Ly, chụp ảnh kỷ niệm với thầy Nguyễn Trí Lục, Phạm Đức Liên trong chuyến biểu diễn tại trường Trịnh Hoài Đức năm 1967 (ảnh của GS Nguyễn Trí Lục)

Nhạc

Nếu được hỏi ai là người hát nhạc Trịnh hay nhất thì tôi xin trả lời ngay: Khánh Ly ! Một giọng ca trời phú để hát nhạc Trịnh, rất riêng, rất độc đáo. Khi Khánh Ly hát bài nào của Trịnh Công Sơn rồi là như đặt luôn dấu ấn lên bài đó, như đúc cốt luôn, những người hát sau chỉ là trắng men mà thôi. Đối với công chúng, họ là người của nhau. Thật xúc động khi nghe Khánh Ly thổn thức “...ông là hình còn tôi là bóng...” trong một đêm diễn năm 2001 để tưởng niệm đến cố nhạc sĩ.

Nói thế không có nghĩa là phủ nhận giọng hát của Lệ Thu, Cẩm Vân, Hồng Nhung, Lan Ngọc... là những giọng hát cũng rất điêu luyện khi hát nhạc Trịnh sau này, nhưng làm sao xoá được dấu ấn Khánh Ly trong lòng người yêu nhạc (Đây chỉ là cảm nhận chủ quan của người viết mà thôi). Sự gắn kết của hiện tượng Khánh Ly – Trịnh Công Sơn còn do đặc điểm thời cuộc, hoàn cảnh ra đời của nhạc Trịnh lúc đó. Và nổi tiếng cùng thời với nhạc sĩ Trịnh còn có Ngô Thụy Miên, Vũ Thành An, Phạm Duy... mỗi người có nét hay riêng như bầu trời có nhiều vì sao cùng soi sáng cho nhau.

Dù cho đến nay vẫn còn nhiều ý kiến trái chiều khi nhận xét về con người này, khen có chê có nhưng khó mà phủ nhận mảng tình ca của Trịnh Công Sơn có một vị trí đặc biệt trong lòng giới sinh viên học sinh thời ấy. Nhớ những ngày xuống Sài Gòn đi học thêm toán lý hoá, buổi trưa tập vào cà phê Nguyễn Du trốn nắng, nhấp từng ngụm cà phê nghe Hạ Trắng, Như Cánh Vạc Bay xen với những bản hoà tấu của Paul Mauriat, The Beatles...

Nhạc Phạm Duy cũng rất gần với giới sinh viên học sinh. Mỗi lần qua đường Duy Tân bây giờ gọi là Phạm Ngọc Thạch mình lại nhớ bài Trả Lại Em Yêu với câu “uống ly chanh đường, uống môi em ngọt”. Thực ra gu hồi ấy là trà Lipton chanh đường chứ không phải chanh đường. Nhưng cây dài bóng mát thì quá đúng, mát chỉ thua Thảo Cầm viên mà thôi. Và biệt tài phổ nhạc thơ hay của ông thì ai ai cũng công nhận.

Ngoài ra nhạc tiền chiến cũng chiếm một vị trí đáng kể trong lòng giới sinh viên học sinh yêu nhạc. Lời nhạc trữ tình lãng mạn, cung bậc êm êm nhẹ nhàng sâu lắng. Nên ai đang yêu thì rất thích nghe mà ai đang ... không được yêu cũng thích. Thực ra gọi là nhạc trữ tình mới đúng, như bài Mắt Biếc của Ngô Thụy Miên do Duy Trác hát, có thể nói hay không thua bài Lá Thư của Đoàn Chuẩn - Từ Linh chút nào. Sau này có thêm bài Riêng Một Góc Trời (1997) do Tuấn Ngọc hát cũng vậy.

Chỉ trừ dòng nhạc bolero là không được (giới HS-SV) yêu chuộng, đó cũng là một bất công mà mình đã nói đến trong bài Khai Bút Đầu Xuân... Thử nghe lại bài Tạ Từ Trong Đêm trong một không gian trầm lắng, yên tĩnh coi. Có thể bạn sẽ trải nghiệm một cảm giác chưa hề biết đến, như gặp lại người bạn cũ sau ba bốn mươi năm quên lãng, như đọc lại một quyển sách quen quen đã bị một lớp bụi thời gian phủ mờ...

Nhạc vàng một thời bị lên án, nay cũng đã lấy lại vị trí vốn có của nó. Bằng chứng là Chế Linh, Thanh Tuyền... cũng được ái mộ rần rần

khi về Việt Nam biểu diễn ở Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn vừa rồi. Quả thực thời gian là vị phán quan công bằng nhất. Chỉ mong sao một ngày nào đó, sử trong nước cũng sẽ được viết lại, đánh giá lại khách quan công tội triều Nguyễn chứ đừng giận cá chém thớt bôi đen cả một vương triều như vậy.

Học hành

Hồi ấy, mỗi tỉnh ở miền Nam đều có một trường công lập mang tên danh nhân lịch sử mà chỉ cần nghe tên là biết ngay trường đó ở đâu, như Trịnh Hoài Đức - Bình Dương, Ngô Quyền - Biên Hoà, Lý Thường Kiệt - Hóc Môn, Nguyễn Đình Chiểu - Mỹ Tho, Phan Thanh Giản - Cần Thơ, Thoại Ngọc Hầu - Châu Đốc, Hoàng Diệu - Trà Vinh, Châu Văn Tiếp - Phước Tuy... Học sinh các tỉnh được mang phù hiệu trường công lập là một vinh hạnh bởi vì không phải ai muốn vô học cũng được mà phải thi tuyển, có khi phải hai keo mới vượt vũ môn. Trường tốt, học sinh giỏi, giáo sư tận tâm nên tỷ lệ học sinh đậu Tú Tài cũng cao hơn những trường khác.

Nhớ những buổi trưa từ trường về lua vội ba hột cơm rồi hồi hả vọt xuống Sài Gòn học thêm. Nắng gay gắt như đổ lửa khiến mặt đường nhựa QL 13 hắt lên những dòng không

khí nóng loáng thoáng như làn hơi nước. Kẻ ngồi trước gò người ghi chặt tay lái mà mắt nhúu lại dưới vành nón, cố vượt qua cung đường ngã tư Bình Phước, quán Mèo Mun, đồng Chó Ngáp, cầu Bình Triệu... rồi vào nội thành, hoà vào dòng xe cộ hồi hả xuôi ngược như đàn kiến khổng lồ. Thịnh thoảng tất cả đều phải nép sang một bên nhường đường cho những đoàn công voa GMC mui phủ bạt trùm kín, phun khói bụi mù trời...

Nhớ mùa hè Sài Gòn 1972 với những cơn mưa chiều dai dẳng, ngày đã tàn mà đèn phố chưa lên;

những ánh đèn mà Trịnh Công Sơn gọi là “nắng khuya” trong bài Chiều Một Mình Qua Phố, mình cùng Quang, Lắm, Có bốn đứa vừa



chạy vừa tránh từng vũng nước to nhỏ đọng trên mặt đường, từ Lý Thái Tổ men theo Yên Đỗ ra Hai Bà Trưng về ngã tư Phú Nhuận, Quân y viện Cộng Hoà, thành Cổ Loa, ngã tư Ga, cầu sắt xe lửa Phú Long... Về đến nhà thì áo quần sũng nước, mười đầu ngón tay móp hết; khi ấy thì với bản tính vô tư của tuổi mới lớn, bọn mình nào biết đến sự bồn chồn lo lắng của các đảng sinh thành, mãi đến sau này khi trông ngóng con sau giờ tan học mới hiểu được lòng cha mẹ.

Nhớ buổi sáng dùng xe trên đỉnh dốc cầu Bình Triệu nhìn về hướng cư xá Thanh Đa, xa xa là những bưng khói đen che kín cả một bầu trời, nghe kháo kho xăng Nhà Bè bị đánh bom. Chiến tranh không còn giới tuyến nữa mà đã len vào đô thị, vào từng nhà người dân miền Nam. Cuộc sống trở nên đầy bất trắc, lo âu cùng với những bót gác đã chiến xét hỏi giấy tờ mọc lên bên đường. Năm 1972, Hiệp định Paris đang đi vào giai đoạn cuối, các bên đều muốn giành thắng lợi quân sự để chiếm ưu thế trên bàn họp nên cuộc chiến thật khốc liệt, lệnh tổng động viên đặt dấu chấm hết cho những học sinh học trẻ tuổi theo quy định. Kỳ thi Tú Tài chưa tới mà số phận kẻ như đã an bài. Kể cả những sinh viên Văn khoa và Luật khoa năm hai, năm ba mang kiếng cận dày cộp cũng vậy. Sau này, chiến trường Quảng Trị năm 1973 đã thu hút phần lớn số đó. Lớp 11 B5 cũng nằm trong hoàn cảnh chung, sĩ số học sinh hao hụt đến nỗi mùa tựu trường năm sau lớp phải bổ sung thêm gần phân nửa là dân mới, những học sinh giỏi của các trường tư thục trong tỉnh.

Nhìn lại quãng thời gian đã qua, quả thực thời cấp sách đi học ở trường Trịnh Hoài Đức thật đẹp. Chỉ biết học và vui chơi. Trong thời buổi nhiễu nhương, bom đạn khói lửa, bọn mình như những người lữ hành may mắn được nấu mình vào ốc đảo yên bình giữa sa mạc nóng bỏng. Dù không thể nói là xã hội ấy không có bất công nhưng chỉ nội việc tạo cơ hội “hoãn dịch vì lý do học vấn” thì kể như số phận bọn mình cũng được ưu ái hơn hàng trăm ngàn bạn kém may khác rồi. Có ai thống kê số người đồng trang lứa như bọn mình (sinh năm 1954) bao nhiêu người đã nằm xuống, bao nhiêu người thành phế nhân. Như lớp mình là

Khiết, Đức, Đức, Hùng Dũng, Thế, Hùng A, Hùng C, Thành, Sên... Xét cho cùng họ có tội tình gì? Rất nhiều bạn trong số đó biết đến cây súng trước khi biết thế nào là tình yêu. Và vĩnh viễn như thế. Có lần không nhớ bạn nào đó đã nói đùa: “Tuổi 54 chín nút mà sao xui quá”. Nghe như có vị chua chát làm sao!

(12- 2011)



Thơ

Ước Mơ

*Ngày xưa em còn bé
Thường mơ ước xa vời
Nào là em học giỏi
Được lãnh thưởng cuối năm
Để ba mẹ thương nhiều
Và lắm người tung tiu
Nào năm châu bốn bể
Hay cực bắc cực nam
Em chu du thiên hạ
Để kiến thức hơn người
Bây giờ em đã lớn
Chỉ mơ ước một điều
Là chim câu trở lại
Trên chữ S thân yêu.*

Nguyễn Thị Hiếu A 2

Năm Đệ Thất

Từ Minh Tâm

Lời nói đầu:

Nhớ lại hồi nhỏ, mỗi năm tới Tết Âm Lịch thì trường Trịnh Hoài Đức hay thực hiện báo xuân của học sinh. Truyền thống đó không biết ngày nay còn giữ hay không?. Riêng cựu học sinh Trịnh Hoài Đức chúng ta tuy già nhưng vẫn còn ... sung. Năm nào anh chị em chúng ta cũng rủ nhau viết bài về những kỷ niệm thời học trò nhiều thơ mộng. Tôi xin góp một bài hồi ức về năm tôi mới vào học ở Trịnh Hoài Đức. Nhớ gì viết nấy, mong bạn đọc thông cảm, có gì sai xin góp ý ...

Tuổi trẻ ham chơi, sau khi tham dự cuộc thi tuyển vào lớp Đệ Thất trường Trịnh Hoài Đức xong thì tôi cứ tà tà ở nhà vui chơi mà không đi coi kết quả. Lúc này đang vào mùa hè, ve đang kêu rang ở ngoài vườn. Một hôm đang lấy mũ mít quần vào đầu một cây sào tính sẽ chích vào cánh, bắt mấy con ve sâu để chơi thì thầy Vân và hai bạn Sơn và Hà tới nhà cho hay tôi đã đậu vào trung học lớn nhất tỉnh Bình Dương. Thầy Vân là thầy dạy tôi năm lớp Nhứt ở trường Nam Châu Thành. Sơn và Hà là hai anh em ruột mà lại cùng học chung lớp nhứt với tôi. Tôi mừng thì ít mà ba tôi thì mừng nhiều bởi vì nhà tôi rất đông anh em. Lo cho các con ăn học rất tốn kém. Nay tôi đậu vào trường công khỏi đóng học phí thì ông cũng nhẹ lo phần nào. Ông tỏ lời cảm ơn thầy Vân và mấy ngày sau nói tôi dẫn ông vào nơi thầy Vân ở trọ trong xóm Bung Cải để tặng thầy một món quà kỷ niệm.

Đầu tháng 9 năm 1965, tôi cùng với các bạn học hồi lớp Nhứt là Trần Công Hào, Lê quang QPhước cũng như Từ Minh Thạnh là em chú bác cùng vào nhập học lớp Đệ Thất. Chúng tôi được tự do chọn sinh ngữ. Lúc đầu thấy anh chị

trong nhà đều học Pháp Văn nên tôi tính chọn Pháp Văn, nhưng chị Tư tôi khuyên rằng tôi nên học Anh Văn vì lúc này ảnh hưởng của người Mỹ đã rất mạnh trên khắp thế giới. Còn ở Việt Nam người Mỹ đã vào khá nhiều. Học Anh Văn sau này dễ có cơ hội thăng tiến hơn. Quả là một lời khuyên rất chí lý và giúp cho tôi khỏi phải lãng phí thì giờ sau này.

Năm này có hơn 150 học sinh được tuyển vào đệ thất trường Trịnh Hoài Đức. 100 nữ sinh chia làm hai lớp Đệ Thất P1 (Pháp Văn), Đệ Thất A2 (Anh Văn). Hai lớp này học bên trường Nữ. 150 nam sinh chia làm ba lớp Đệ Thất P3 (Pháp Văn), Đệ Thất P4 (Pháp Văn), Đệ Thất A5 (Anh Văn). Ba lớp này học bên trường Nam. Lớp học là dãy ba lớp trệt ở sát hàng rào gần Trường Nông Lâm Súc.

Thanh được xếp vào lớp Đệ Thất P4 (Pháp Văn). Hào, Phước và tôi được xếp vào lớp Đệ Thất A5. Ở đây tôi gặp rất nhiều bạn mới nhưng tôi thân nhất là hai bạn Nguyễn Hữu Hiệp, Nguyễn Văn Đức. Tôi không thích (thậm chí sợ hai bạn Nghĩa và Quý). Hai bạn này là anh em ruột, cao lớn và hơi ... quậy. Ban Đại Diện lớp là: Trần Văn Lực được bầu làm Trưởng Lớp, Nguyễn Đình Dũng làm Thư Ký, Trưởng Ban Thể Thao là Dương Quang Phước, Trưởng Ban Văn Nghệ: Từ Minh Tâm

Đồng phục khi đi học Trịnh Hoài Đức là quần xanh áo trắng cho nam sinh và quần trắng áo dài trắng cho nữ sinh. Học sinh phải có phù hiệu trên ngực trái, nếu không thì không được vào trường. Thường chúng tôi đi xe đò Đồng Hiệp từ Bình Dương xuống Bung. Lớp học bắt đầu lúc 1 giờ trưa thì khoảng 11 giờ rưỡi đã phải có mặt ở bên xe trước Phòng Thông Tin chợ Bình Dương để khi xe đò tới chuyên thì lên. Khoảng 1965, bên xe đò Bình Dương - Sài Gòn nằm ở đó, sau này dời về trước trường Bồ Đề. Học sinh Trịnh Hoài Đức chỉ được ngồi ở phía sau. Mỗi xe chừng 15-20 em mà thôi.

Phần phía trước xe để dành cho người lớn đi xa tới Lái Thiêu hay Sài Gòn. Vào buổi chiều, khi tan học lúc 5 giờ thì chúng tôi phải đi bộ chừng 1 cây số xuống Búng để đón xe đò trở ngược về Bình Dương vì xe hay ngừng ở Búng mà không ngừng ở trường Trịnh Hoài Đức vì đã hết chỗ. Bạn nào có tiền thì đi xe lam. Vài bạn khá giả như Tuyết Đông thì có xe nhà đưa đón. Điều này làm cho mấy bạn trai nào cũng hơi ... ngưỡng mộ.

Hồi học lớp Nhứt tôi học giỏi nhứt lớp. Lúc vô Đệ Thất thấy bạn bè cùng lớp lại siêng năng lắm. Nguyễn Hữu Hiệp, Nguyễn Văn Đức là hai người thông minh và chăm chỉ nên lúc nào cũng có điểm lớn hơn tôi. Tôi cũng tức lắm và cố gắng học thêm. Ganh đua là bản tính của tôi đó mà. Nhưng do sức khỏe không tốt và môi trường học cũng mới. Mạnh ai nấy học một cách tự giác chớ không bị thầy quở mắng như hồi tiểu học nên có khi tôi cũng lơ là đôi chút. Thêm vào đó lại ham vui, lại tham gia văn nghệ văn gừng với thầy Bé Tám nên cuối năm kết quả thua hai bạn trên, chỉ đứng hạng ba trên số 53 học sinh.

Về bạn bè trong lớp, năm này mới quen nhau nên không nhớ nhiều về tánh tình của họ lúc đó. Chỉ nhớ nhiều nhứt là Hiệp và Đức là hai bạn hiền lành và siêng năng. Hai anh này đều đã mất phần rất sớm. Nguyễn Hữu Hiệp mất khoảng năm 1980 vì bệnh gan. Nguyễn Văn Đức mất khoảng năm 1995 trong một hoàn cảnh rất đáng thương. Ngoài ra, có hai bạn có năng khiếu về vẽ là Huỳnh Thanh Hùng (ở Lái Thiêu) và Lê Thanh Sơn (ở Búng). Hai anh này rất có hoa tay nhứt là Hùng.

Về thầy cô, nhờ có học bạ do ba tôi cất giữ cẩn thận mà có đủ danh sách nên xin ghi lại nơi đây:

Danh sách giáo sư dạy lớp Đệ Thất A5 niên khóa 1965-1966:

Cô Tiêu Thị Tú (Quốc Vần): Cô là một cô giáo rất

hiền, rất đẹp và dạy cũng rất hay nên tôi học môn này cũng siêng. Chương trình quốc văn đệ thất ngoài Nhị Thập Tứ Hiếu hơi không đúng sự thật thì có những bài ca dao rất hay như:

*Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen ...*
hoặc

*Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay...*

Thầy Nguyễn Văn Phúc (Công Dân Giáo Dục): Năm này chắc thầy mới về dạy ở Trịnh Hoài Đức. Tôi không nhớ rõ, và không có ấn tượng gì về thầy trong thời gian này. Chỉ nhớ là thầy nghiêm nghị và dạy đúng giờ, đúng bài như một công chức gương mẫu. Riêng bạn Nguyễn Đình Dũng thì nhớ thầy ở chỗ thầy hút thuốc lá (hiệu Bastos) liên miên, hết điều nọ thì châm điều kia. Dũng nhắc lại là anh ta lấy viết gạch xuống bàn mỗi khi thầy hút một điều thuốc để coi trong một buổi dạy thì thầy hút bao nhiêu điều.

Thầy Huỳnh Ngọc Anh (Anh Văn – sinh ngữ 1): Thầy là người Trung, hình như Quảng Nam, Quảng Ngãi. Thầy dạy học rất siêng năng nhưng do thầy nói tiếng Trung nên chúng tôi cũng không nghe rõ lắm và cũng không thích



Dãy ba lớp học nằm gần trường Nông Lâm Súc
(đã bị phá bỏ để xây trường mới)

thầy lắm. Bạn Dũng nhớ rằng khi thầy Anh kêu chúng tôi đọc bài mà anh ta lại nghe là “đạp” bài nên cứ cười thâm hoài. Năm đệ thất chúng tôi học theo cuốn Let’s Learn English. Cuốn này có phần dạy phát âm rất hay, nhưng cũng rất khó. Thí dụ như cách phát âm chữ “th” trong các từ this, that Qua năm sau do ảnh hưởng của Mỹ chương trình Anh Văn trung học đổi qua học cuốn English for Today.

Nguyễn Thị Lệ (Sử Địa): Hoàn toàn không nhớ gì về cô.

Đoàn Văn Vượng (Toán): Thầy người mập mạp, dạy Toán dễ hiểu. Trong phân đại số, chúng tôi bắt đầu biết số âm và giải phương trình có một ẩn số x.

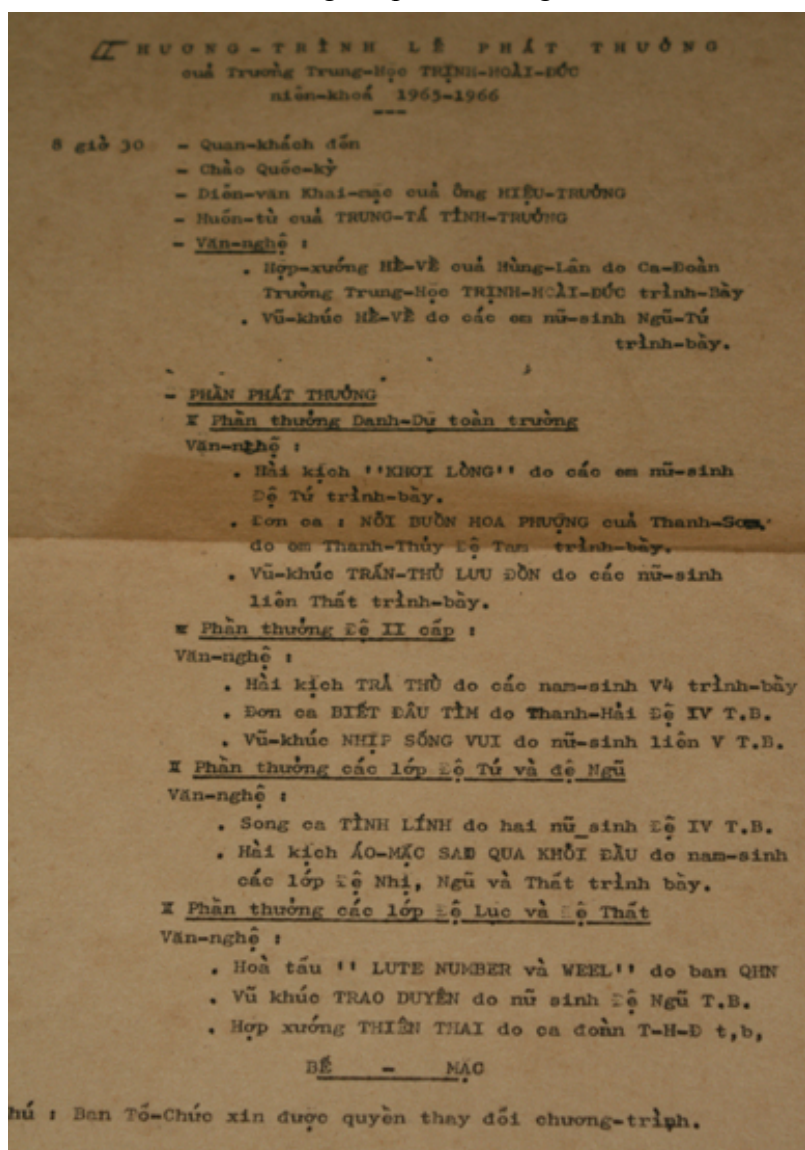
Nguyễn Đức Giang (Lý Hóa): Thầy hơi ốm, và chịu khó giảng bài nhiều lần cho học sinh hiểu. Gần cuối năm, tới giờ của thầy là tôi lại đi tập văn nghệ cho chương trình lễ phát thưởng với thầy Bé Tám nên cũng ít nhớ về thầy. Về môn Lý Hoá, học lớp đệ thất thì biết cách ký hiệu Hoá Học và biết rằng nước được cấu tạo từ hai chất khí là Hydrô và Oxy. Trường có Phòng Thí Nghiệm nhưng trong bảy năm học chúng tôi không bao giờ được xem một thí nghiệm nào dù rất đơn giản như phân tích nước hay biết được những hoá chất thông thường như acid, base hay thí nghiệm về vụn vật.

Đoàn Văn Vượng (Vạn Vật): Không ngờ thầy có dạy môn Vạn Vật nữa.

Lê Văn Bình (Vẽ): Thầy là người ốm yếu. Mỗi tuần chỉ học vẽ có 1 giờ nên cũng không dạy được nhiều. Đa số là vẽ tự do, vẽ trang trí, kẻ chữ ... Tức cười là hồi trung và đại học, tôi học Toán rất giỏi. Hiện giờ làm kỹ sư tưởng rằng phải dùng toán rất nhiều. Té ra không phải như vậy mà tôi lại làm về nghề vẽ (bằng máy vi

tính) và vẽ họa đồ công chánh chớ không phải vẽ nghệ thuật. Tuy nhiên kiến thức về môn vẽ và thủ công cũng giúp cho tôi rất nhiều trong công việc.

Nguyễn Bé Tám (Nhạc): Thầy rất khó tánh, hay la rầy học trò. Cách cho điểm của thầy cũng lạ: thuộc bài 20, không thuộc: “ăn hột vịt”, chớ ít khi thầy cho điểm ở khoảng giữa như 15, 16. Thầy chỉ dạy đúng giờ vào đầu năm. Tới cuối năm thì thầy lo tập văn nghệ để hát trong lễ phát thưởng nên lúc đó học trò



Chương trình Lễ Phát Thưởng
 Trường Trịnh Hoài Đức niên khoá 1965-1966
 tại Hội Trường Toà Hành Chánh
 (do CHS Hồ Thị Kim Ngân giữ được)

được nghỉ, thành ra, cả năm học nhạc thì bài vở chỉ có chừng bốn, năm trang nhạc lý mà thôi. Tôi còn nhớ bài hát đầu tiên thầy dạy cho tôi là bài Xuất Quân của Phạm Duy (mà đám con nít quý sửa lại là bài Xúc ... Quân).

Hiệu trưởng của trường vào niên khoá này là thầy Nguyễn Trí Lục, giám học là thầy Phạm Ngọc Em, giám thị là thầy Công, bác Phu ...

Trong sổ học bạ không thấy có môn thể dục. Hình như trong chương trình dạy thì có môn này học mỗi tuần một giờ nhưng kiểm không ra huấn luyện viên.

Cuối năm Đệ Thất, do thầy Bé Tám kêu gọi và bản tánh ham vui. Tôi tham gia chương trình văn nghệ của Lễ Phát Thương với màn hợp xướng mở đầu là bài Hè Về và màn kết thúc là bài Thiên Thai. Mỗi tuần chúng tôi tập khoảng 2 giờ vào chiều thứ năm cho tới ngày nghỉ hè. Ban hợp xướng có khoảng 30-40 học sinh chia làm bốn nhóm: thiếu niên, thanh niên, thiếu nữ thanh nữ. Mỗi nhóm hát khác nhau nhưng hoà hợp với nhau thì rất hay. Thầy Tám tập văn nghệ khó lắm và hay la rầy học sinh vì muốn chương trình phải thật hoàn hảo. Mấy bạn cùng lớp bên trường Nữ như Ngọc Sương, Ngọc Tuyết, Xuân Mai, Xuân Đào, Phùng và Tuyết Đông ... cũng tham gia bài vũ Trần Thủ Lưu Đồn do thầy hiệu trưởng là Nguyễn Trí Lục đề xướng. Về ban nhạc tôi không nhớ tên mấy anh khác mà chỉ nhớ có anh Trương công Bình đàn mandoline. Chương trình văn nghệ năm này rất xôm tụ với những màn ca múa, kịch, hoà tấu, hợp xướng ... Bạn Hồ Thị Kim Ngân còn giữ được tờ chương trình lễ phát thưởng đính kèm. Trong chương trình có vở kịch mang tên Khơi Lòng, nói lái là Không Lờ và bản song ca Tình Lính do hai cô nữ sinh trình diễn trong đó có một cô mặc áo lính giả trai. Về đơn ca có anh Hải hát rất hay, không bao giờ bị thầy Tám rầy. Anh hát bài Biết Đâu Tim rất vững nhịp và đi vào lòng người. Ngày nay khi viết bài này tôi vẫn cảm giác nghe lại đoạn mở đầu của bài hát thật hay do anh trình diễn:

*Năm năm mỗi lần nghe hè đến
Lòng đắm đuối những giờ phút hè xưa
Hồn lâng lâng như buồn nhớ băng khuâng
Và thương tiếc vô cùng ...*

Về vũ ngoài bài Trần Thủ Lưu Đồn của nhóm lớp đệ thất, còn có vũ khúc Nhịp Sống Vui với (bản nhạc Quảng Đường Mai) và Trao Duyên (với bản Tình Bắc Duyên Nam) do những chị học lớp đệ ngũ trình bày.

Trong dịp này tôi biết thêm vài chị rất đẹp ở các lớp trên như chị Kim Nên, Xuân Diệu, Minh Lan ...

Lễ phát thưởng năm này được thực hiện ở Tòa Hành Chánh Tỉnh Bình Dương và có ông Tỉnh Trưởng tới tham dự. Tôi lãnh phần thưởng hạng ba, bên trong có một cuốn kỷ yếu in rõ danh sách ban lãnh đạo, các giáo sư, bạn đại diện học sinh và tên của từng học sinh được lãnh thưởng từ đệ nhứt tới đệ thất. Không biết có bạn nào giữ được tài liệu này sau 45 năm biến đổi?. Do tập luyện công phu nên chương trình văn nghệ đã hoàn thành rất tốt đẹp, không sai sót. Sau đó mấy ngày, Ban Văn Nghệ có họp nhau ở Phòng Thí Nghiệm để liên hoan vui vẻ. Dịp này mỗi thành viên được thầy Tám tặng một bản nhạc là Nỗi Buồn Hoa Phượng. Chúng tôi dùng bản nhạc này để “xin chữ ký” của các bạn cùng tham gia văn nghệ, không biết có ai còn giữ được hay không sau mấy mươi năm biến đổi.

Sau lễ phát thưởng, chúng tôi về nghỉ hè, nhưng ngoài chuyện vui chơi như đá banh, câu cá, bắn chim ... tôi và các bạn khác như Thạnh, Phước, Ngô Quý Nam ... đi học thêm Toán với thầy Nguyễn Kim Long ở nhà của thầy (gần tiệm hủ tiếu Cây Me – đối diện nhà bà Bảy Lin). Lúc này tôi học chung với nhiều bạn khác lớp từ Trịnh Hoài Đức, An Mỹ ... nhưng tôi chỉ nhớ bên nữ lúc đó có bạn Nguyễn Thúy Việt là đẹp nổi tiếng và có nhiều bạn trai để ý. Học thêm Toán với thầy Long vui lắm. Thầy dạy hay và dễ hiểu nên sau này khi lên Đệ Lục tôi không cần học gì nhiều mà cũng giải được những bài toán Đại Số, Hình Học rất nhanh, hơn hẳn Hiệp và Đức.

Bài đã dài, xin tạm chấm dứt ở đây hẹn với các bạn sang năm sẽ kể tiếp chuyện học năm Đệ Lục nếu bạn không thấy chán ...



Mùa xuân có gì vui

Hồ Thị Kim Ngân

Năm cũ đã dần hết. Mọi người mọi nhà lại rộn rịp đón năm mới sắp đến.

Đó cũng là lúc KN thường xuyên nghe văng bên tai đâu đó câu hát: “*Hỏi xuân có gì vui. Hỏi xuân có gì vui. Xuân làm dáng cho đời ...*” (lời một bài hát của nhạc sĩ Châu Kỳ).

Chà, các bà nội bà ngoại cùng một lứa với mình có vui đón Xuân như ai không ta. Đâu để mình hỏi thử coi.

Vậy là KN bốc điện thoại gọi bốn phương tám hướng. A lô, á lô. Sao, Tết sắp tới rồi. Nhà bạn ăn Tết ra sao. Thường nấu món gì. Thích nhứt món nào. Chung bông gì... Ăn rồi tới chơi. Có chơi bởi gì hông.

Bla bla... Rồi KN cũng tóm hơi tắt một chút như vậy.

Sửa soạn nhà cửa, chung dọn bàn thờ tổ tiên sáng rực để đón ông bà vui vầy cùng con cháu trong ba ngày tết là chuyện đầu tiên, đương nhiên theo đúng tục lệ.

Bông cúng thường là vạn thọ, huệ ta, cúc vàng.

Mâm ngũ quả cũng đầy đủ: cầu, sung, d(v)ừa, đu, x(o)ài.

Cầu được nhiều may mắn hơn năm cũ bằng cách chung một chậu mai (gởi) trước hiên nhà hoặc trong phòng khách.

Nếu không chung mai thì cũng chung trên bàn khách một bình bông lay đơn. Mà phải lay đơn vàng đó nha. Ủa, vui chưa kìa. Có mấy bạn đều thích y như vậy. KN cũng y luôn.

Các bạn không chung bông cát tường à. Có biết, nhưng chưa.

Bây giờ tới chuyện cũng khá chánh yếu. Ăn, thì chắc chắn phải có nồi thịt kho nước

dừa, dưa giá, khổ qua hầm. Đặc biệt địa phương một chút là thịt ram cuốn bánh tráng. Giữ được truyền thống đó nha.

Vậy có bạn nào gói bánh tét, làm mứt gì không?. (Thôi rồi, thiệt là mắc cỡ). KN cũng giống các bạn. Không biết làm. Mua chợ làm sẵn. (Dù có hơi sợ vụ an toàn). Ăn không bao nhiêu. Lại còn sợ ngọt.

KN hơi khác các bạn là KN thích ăn mứt đủ loại. Mứt dừa béo, mứt măng cầu chua, mứt gừng cay, hột sen bùi.

Ủa, quên hỏi vụ cắn hột dưa lia chia lách chách xả vỏ đầy bàn nữa chứ.

Ăn đã rồi chơi. Đây là nói bọn nhỏ, chứ tụi mình cũng đâu có chơi bởi gì. Tùm tùm mấy anh chị em. Dễ nhứt là chơi bài cào, lắc bầu cua, kêu lô tô... Không khác gì những Tết xưa.

Hông xúm lại hát karaoke sao. Hồng, hồng có hát gì hết.

Đi du lịch những nơi nào. Hồng luôn, ở nhà cả ba ngày Tết. Cùng ông bà ngày mấy bữa. Đi chúc Tết nội, ngoại, sui gia, họ hàng, bạn bè.



Hoặc chờ con cháu về chúc Tết rồi làm nhiệm vụ phát tiền lì xì.

Được lắm các bạn, niềm vui của ngày Tết chính là niềm vui của sum họp gia đình với những lời chúc đẹp đẽ. Cũng là niềm vui bao la, khi nhận được tiền lì xì.

Cách đây mấy năm, ngày mừng hai Tết. KN về Sa Đéc thăm nhà một học trò.

Chào hỏi mừng vui xong. Nhìn thoáng qua, KN đã thấy chị bạn chủ nhà bày đủ thúng gạo nếp ngâm, thau thịt mỡ và đậu xanh trên bộ ván sau bếp. Chồng lá chuối xếp lau sạch bóng bên cạnh bó dây lạt. Nghĩa là việc gói bánh tét đã sẵn sàng.

KN tưởng rằng mình có dịp học gói bánh như đã hằng mong. Nào ngờ, KN vừa đi một vòng thăm vài người bạn trở về. Bước vào bếp, chị và con dâu đã gói bánh gần xong. Tối hôm đó, KN chỉ được ngồi nói chuyện vui với cả nhà quanh nồi bánh bập bùng.

Sáng dậy, ăn bánh tét nóng hôi hổi mới vớt ra. Chào ra về, KN còn được lì xì mấy đòn bánh nữa để về Sài Gòn ăn tiếp.

Thật là một cái Tết vui. Món quà giản dị nhưng đầy ấp chân tình.

Bằng những tấm chân tình tương tự, KN mong cho các bạn mình giữ được những mùa Xuân tươi như một lời chúc tha thiết vang vọng mỗi năm: *Muôn người hạnh phúc chan hòa.* (lời bài hát Ly Rượu Mừng, nhạc sĩ Phạm Đình Chương)

HỒ THỊ KIM NGÂN
Xuân Nhâm Thìn 2012



Vui vui

Vua và chữ LONG

Áo vua mặc tiếng Mỹ là Long Dress
 Vua đi ngủ gọi là long vẹo (leo võng)
 Đồng hồ Vua đeo là longines
 Mũ vua là long mào
 Vua đi đánh bạc là long sên (lên sòng)
 Vua đi đánh giặc rồi gọi phone cho hoàng hậu là long distance
 Vua mà mê tín gọi là long đền (lên đồng)
 Mắt vua là long nhãn,
 Vua đi bán dạo là long đong,
 Óc của vua là long não,
 Vua đi chui hàng rào là long xuyên
 Vua gặp lại bồ nhí thì nói "Long time no see"
 Vua đi chơi về trễ phải long kéo (leo công)
 Vua kiss thì gọi là long mi
 Vua có vợ bé bắt ghen thì là Long trời lở đất
 Vua đi vượt biên là long du (lưu vong)
 Vua bị ể mình gọi là long thể bất an
 Cái gì của Vua mà dài thì gọi là long trường
 Vua mà bị đau bụng thì gọi là Dạ Long còn cào
 Biển vua tắm là Long Beach
 Vua chạy là long run.....
 Vua đi nhảy đầm là long mắc (lắc mông)
 Vua đi cuốc đất gọi là gì? long đao (lao động)
 Vua bị lật đổ gọi là hạ long
 Vua đón tiếp quần thần gọi là long trọng
 Vua thường thư giãn nghỉ ngơi ở long tỉnh
 Đảo của vua gọi là Long Island
 Ngày nghỉ cuối tuần của vua là long weekend
 Vua bị thất nghiệp là long term vacation
 Vua mất nước gọi là long đong
 Vua mà uống Viagra thì sẽ là long phúc
 Vua đi từ tây sang đông là Longitude
 Vua bị lên máu gọi là long tăng sên (lên tension)

Những con đường chợ Thủ

Hoàng Anh

Thuở xưa, sông Sài Gòn chảy dọc theo chiều dài của tỉnh là lối giao thông chủ yếu, ghe thuyền xuôi ngược trên dòng sông vận chuyển những người khai hoang đi tìm đất mới hay đem hàng hoá xuống tận miền Tây, lên tới Dầu Tiếng, Cao Miên. Người Pháp, khi đánh xong thành Gia Định cũng đã dùng chiến thuyền ngược theo dòng sông này mà lên chiếm luôn Thủ Dầu Một. Một trận đánh ác liệt, đổ nhiều máu có lẽ đã diễn ra trên dòng sông này, giữa những tên xâm lược và những chiến binh dân ấp dân đình liều chết để giữ gìn sông nước của quê hương. Một vị võ quan, tương truyền tên là Văn Đức Lại đã chỉ huy việc trấn thủ và hy sinh trong trận đánh ấy, nay, tiếc rằng sử sách không còn để giúp ta biết thêm về những vị anh hùng vì quốc vong thân thời xưa ấy.

Chiếm được đất rồi, kẻ cai trị lo xây dựng củng cố vùng đất mới và việc giao thông dần dà hình thành, phát triển, quá trình ấy bắt đầu được ghi nhận bằng giấy bút lưu lại đời sau giúp cho hôm nay ta còn biết được ít nhiều về quang cảnh thời ấy.

Nhà văn Sơn Nam viết:

“Năm 1900, lúc kỹ thuật xe ô tô còn thô sơ, một tay thực dân là Ip-po-lit-tơ (Ippolitts) đã thầu dịch vụ chở thư từ, công văn đi Thủ Dầu Một mỗi tuần. Công ty tàu thủy của Pháp thử mở tuyến đi và về, 2 tuần một lần, vào ngày thứ sáu, từ năm 1885, nhằm chở lính, gạo cho đồn bót, chuyển về thì kéo đoàn ghe chở củi, cây súc.”

(Sơn Nam, Truyền thống văn hoá, Địa chí tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.339)

Thập niên sau, căn cứ theo tập Địa chí tỉnh Thủ Dầu Một năm 1910, việc lưu thông có bước phát triển khá hơn:

“Một chiếc sà-lúp của người Hoa tương đối tiện nghi mỗi ngày có chuyến khứ hồi giữa Thủ

Dầu Một với Sài Gòn. Tàu khởi hành 7 giờ sáng ở Thủ Dầu Một và 6 giờ chiều thì đã về cập bến. Mỗi lượt đi hay về chỉ mất 2 giờ 30. Đường sông quanh co đẹp như tranh vẽ, giữa đôi bờ xanh tươi và thuyền bè đi sông đi biển chở nặng gỗ cây, trái cây, lúa gạo và muối ăn.”

(Nguyễn Đình Đầu, Địa lý lịch sử Sông Bé, Địa chí tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.213)

Tư liệu của Tổng niên giám Đông Dương 1910 cũng cho biết:

“Một tàu thủy của hãng Yeng-Seng chạy trên sông Sài Gòn mỗi ngày một chuyến khứ hồi từ Thủ Dầu Một tới Sài Gòn. Sáng 7 giờ khởi hành từ Thủ Dầu Một tới Sài Gòn hồi 10 giờ. Chiều 3 giờ khởi hành từ Sài Gòn tới Thủ Dầu Một hồi 6 giờ. Lượt đi cũng như về, đều có ghé tại Lái Thiêu. Giá vé một lượt, hạng nhất 0đ80, hạng nhì 0đ50 và hạng ba 0đ40.”

(Nguyễn Đình Đầu, Địa lý lịch sử Sông Bé, Địa chí tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.220)

Muốn qua sông, người ta phải đi đò. Bến đò nằm ngay tại khu chợ cá. Thời đó đò chưa có động cơ mà phải nhờ hai trục bánh xe gắn ở hai bên đuôi thuyền, nối liền với các cánh quạt. Khi di chuyển có hai người đàn ông đập trục bánh để tạo lực và điều khiển hướng đi của thuyền. Gặp khi nước ngược, thuyền thường bị đẩy dạt đi khá xa. Mỗi chuyến chò được cũng đôi ba chục khách. Có vị cao niên kể rằng đôi khi thuyền còn chở cả xe ngựa, nhưng phải đợi khi nước lớn để tránh độ dốc ở hai bờ sông.

Những con đường bộ được hình thành dần sau đó, đường đất, gập ghềnh và lầy lội trong mùa mưa, phương tiện di chuyển chỉ có xe bò hay xe ngựa. Một đoạn văn xưa miêu tả:

“Chợ nằm ngay khúc quanh của dòng sông, chiếm hết hậu trường của khung cảnh. Bên phải và bên trái là những lùm bụi um tùm và các cội

cao tơ như nếp sát vào bờ sông bên con đường mòn màu đất đỏ quạch đã vẽ thành những đường rức lửa cắt ngang nền xanh của vùng đất trù phú hoang vu này”

(Hoài Anh, Thủ Dầu Một dưới mắt người Pháp, tạp chí Xưa và nay số 45B, tr.15)

Mãi đến khi người Pháp qua mới bắt đầu mở mang kiến thiết đường xá thành một mạng lưới giao thông cơ bản và khá hoàn chỉnh, một số con đường chính cũng được tráng nhựa để phục vụ cho xe có động cơ chạy xăng dầu. Hệ thống giao thông toàn tỉnh được ghi nhận như sau:

“Toàn tỉnh có 210 km đường bộ, chia ra 190 km đường rộng 4m và 20 km đường rộng 3m. Chỉ có 25 km đường thuộc Sở lục lộ, còn là đều do tỉnh phụ trách bảo trì. Người đứng đầu cầu đường tỉnh là một viên chức bản xứ. Du khách ai cũng thán phục là đường lộ của tỉnh nhà thật tươm tất.

Một số đường đang được cải thiện và nối dài”

(Nguyễn Đình Đầu, Địa lý lịch sử Sông Bé, Địa chí tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.213)

Những con đường đang được “cải thiện và nối dài” đó là đường từ Sài Gòn lên tới Bến

Cát, đường qua Biên Hoà, Tây Ninh, và con đường từ Lái Thiêu qua Tân Uyên, Biên Hoà.

Đến năm 1934, chợ Thủ Dầu Một, nhà làng Phú Cường, hệ thống dẫn nước được khánh thành trọng thể, cùng với những con đường được tráng nhựa giới hạn xung quanh khu vực chợ.

Con đường quan trọng nhất ở giai đoạn này là đường liên tỉnh nối liền Sài Gòn với Thủ Dầu Một, nối dài thêm mãi về sau chạy lên tới Lộc Ninh, qua Cam Pu Chia, ngang qua các đồn điền cao su rộng lớn, dưới chế độ miền Nam có tên gọi là Quốc lộ 13. Tài liệu từ năm 1910 cho biết:

“Đường bộ nối Thủ Dầu Một với Sài Gòn dài 28km luôn được bảo trì tốt. Nếu đi xe hơi (1910) thì mất 3 khắc, còn xe ngựa thì mất 2 giờ 30. Tới Lái Thiêu đã bắt đầu leo dốc quanh co thoải thoải, cảnh vật thật ngoạn mục.”

(Nguyễn Đình Đầu, Địa lý lịch sử Sông Bé, Địa chí tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.212)

“Đường bộ từ Sài Gòn tới Thủ Dầu Một mất 20km qua đường thuộc địa số 2. Mỗi ngày có 2 chuyến xe đò. Đường đó sang tới Cam Pu Chia”

(Nguyễn Đình Đầu, Địa lý lịch sử Sông Bé, Địa chí tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.220)

Như vậy tên của con đường quốc lộ 13 thuở đầu thế kỷ là đường Thuộc địa số 2, một cái tên khá xưa nay còn biết. Đây là con đường huyết mạch của tỉnh, hai bên nhà cửa san sát, kang trang, hàng quán trung bày đẹp



Khu vực trước chợ Thủ Dầu Một ngày xưa

mất. Đến năm 1973, người Mỹ xây dựng thêm tuyến đường mới, gọi là đường xa lộ (nay thuộc đại lộ Bình Dương), chạy từ Lái Thiêu lên đến khu vực Mũi Dùi (xã Chánh Hiệp, nay là phường Hiệp Thành) để giải tỏa bớt áp lực của xe cộ lưu thông trên đoạn đường chạy ngang trung tâm chợ. Đường xa lộ rộng, láng, đem đến sự ngạc nhiên và thán phục của dân chúng, tuy nhiên xe cộ chưa lưu thông nhiều trên đường này mà dành cho xe loại lớn như xe be, cam nhông và đặc biệt, các loại xe quân sự, đôi khi chạy rì rầm cả đêm. Xin mượn tạm đoạn văn sau đây, ghi lại hình ảnh của con đường xa lộ ngày trước:

“Một đoàn xe nhà binh mở đèn từ phía Tân Cảng Sài Gòn rầm rộ tiến trên xa lộ Bình Dương, kéo lê theo sau những thùng sắt khổng lồ chứa đựng quân lương và đạn dược. Bánh xe ép trên mặt lộ truyền từng cơn chấn động đến chỗ Cúc đang ngồi trong quán nước cạnh xa lộ. Chiếc xe quân cảnh mở đường hụ còi, đèn đỏ lớn hai bên vè chớp tắt cuống quýt. Người lính ngồi trên xe nổ súng, đoàn xe dừng lại trước cuộn rào kẽm gai kéo chắn ngang con đường đất đỏ khá rộng dẫn vào rừng, hai người lính đứng sát hai bên rào gai. Gã quân cảnh bước xuống xe móc túi đưa lộ trình. Đoàn xe chậm chạp quẹo vào con đường đất đỏ, động cơ rầm rì. Cúc ngồi trong quán bên kia đường ngó qua. Cho tới lúc chiếc xe bọc hậu khuất sau đám bụi đỏ mịt mù. Trời xế trưa, nóng hực.”

.....
“Từ phía Bình Dương ào ào xô tới một đoàn xe tăng rầm rĩ, xích sắt chấn động làm rung rinh ghé Cúc đang ngồi,

ly chai trên bàn va chạm leng keng. Cúc sốt ruột đứng dậy ra đứng bên cạnh Sáu Cụt. Đoàn xe tăng kéo lê theo sau mỗi chiếc một khẩu trọng pháo, nhiều cỡ khác nhau. Chiến xa dẫn đầu từ từ quẹo vô con đường đất đỏ, những chiếc sau nối đuôi, bầy rùa sắt chậm rãi bò tới, nặng nề, doạ nạt. Tiếp đến bốn chiếc cuối cùng có gắn liền ở tháp xe những khẩu trọng pháo dài ngoằng độ sáu bảy thước, theo sự ước lượng của Cúc, nòng pháo chĩa nghiêng chéch lên trời.”

(Kiệt Tán, Điểm Hẹn Cuối Năm)

Từ năm 1999, đoạn đường từ ngã ba Mũi Tàu (thuộc phường Hiệp Thành, Thủ Dầu Một) đến giáp ranh xã An Thạnh có tên mới là Cách Mạng Tháng Tám (dài 5.509, 9m).

Chạy song song với con đường này là con đường dọc theo bờ sông, từ giao lộ Bàu Bàng, đi 1741m đến Miếu Tử Trận, nay là một công viên nằm giữa ngã ba rẽ lên trường Sĩ quan Công Binh. Thời Pháp, đó là đường LaGrandière. Tên đường hầu hết là do Tây đặt, và dĩ nhiên mang tên Tây, nay có lẽ chỉ còn duy nhất đường Yersin là dấu vết của thời đó.

Đường Bạch Đằng bắt đầu từ miếu Tử Trận, đi ngang qua khu vực xưa có tên là An Nhất Thuyền, nhiều người cho rằng sở dĩ có địa danh



Đường Hàng Dương (Đường Bạch Đằng)

đó là vì xưa đây là vùng đóng thuyền ghe nổi tiếng của Nam bộ, có lẽ do suy ra từ chữ “Thuyền” chăng?. Theo học giả Nguyễn Đình Đầu, thì “Thuyền” chỉ một đơn vị hành chánh tương đương cấp ấp, thời đó cả miền Nam có năm “thuyền” như vậy. về các trại ghe, nhà văn Sơn Nam cho biết rõ hơn:

“Theo tư liệu của sĩ quan Pháp là Đờ-Gra-Mông (Lucien De Grammont) thì đã có một viên quân đồn điền nắm quyền, dân tập trung ở khu vực gọi “đường phố dài”, tại thủ (đồn) có đến 22 xí nghiệp cỡ lớn chuyên đóng ghe. Tác giả này không ghi chi tiết. Ta suy luận là những trại của xe gỗ đóng ghe tải (grands chantiers de construction). Có lẽ người Hoa tập trung về đây chăng?”

(Sơn Nam, Truyền thống văn hoá, Địa chí tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.334)

Ông Nguyễn Liên Phong, đến năm 1909, cũng ghi nhận hình ảnh này:

*“Trại ghe trại ván sẵn cùng
Sông sâu nước chảy điệp trùng bán buôn”*

*(Nguyễn Liên Phong, Nam kỳ phong tục
nhơn vật điển ca, Sài Gòn, Phát Toàn, 1909,
tr.14)*

Trại đóng ghe, qua những gì còn lưu lại như trên, cho thấy từ khi Pháp mới đến cho tới hồi đầu thế kỷ 20 là một hình ảnh ấn tượng của địa phương. Nơi đóng ghe, tất yếu phải nằm men theo kinh rạch, sông để thuận lợi cho việc vận chuyển cây gỗ và hạ thủy khi sản phẩm hoàn thành. Có thể suy luận thêm, như vậy từ thời xưa, con đường này đã khá nhộn nhịp, đông đúc xe cộ và người qua lại. Tuy nhiên không biết tại sao, chỉ vài mươi năm sau thôi thì các trại ghe này không còn nhìn thấy nữa.

Qua khỏi thuyền An Nhất thì đến cầu ông Kiềm (còn gọi cầu Cây Cui, có phải đọc trại từ cây Keo, vì bên cầu có một cây keo rất lớn?), phía tay phải là trường Mỹ Thuật (xưa hay gọi trường Bá Nghệ) xây dựng tại đây từ đầu thập niên 30 thế kỷ trước. Tay trái là sở Quan Thuế. Từ đây, phía mặt tiếp giáp với dòng sông, phía trái là các trụ sở cơ quan của chính quyền, cho đến khi tới chợ. Dựa vào hình ảnh trên các tấm bưu thiếp từ thời Tây nay còn lưu lại, có thể nói rằng đây là đoạn đường xưa và đẹp nhất của

chợ Thủ nhò nằm sát bờ sông, phía bên sông là vườn trái cây xanh hiền hoà, bên đây là nhiều công trình kiến trúc của Tây. Nhất là ngọn đồi cao với nhiều cây cổ thụ, bao quanh toà nhà làm việc của quan Tham Biện tỉnh. Theo Trần Bình Dương, (Trong bài Hàng Dương-con đường đẹp nhất Bình Dương) dựa vào tài liệu của Baurac (La Cochinchine et ses habitants-Sài Gòn 1899) và Monographie de Thu dau Mot 1910, đầu những năm 1890, chính quyền Pháp ra lệnh đốn hết hàng trăm cây dầu mọc ven đường và trồng toàn cây dương (peuplier filao), từ đó, dân gian mới gọi là đường Hàng Dương (Bình Dương, miền đất anh hùng, nhiều tác giả, nxb.Trẻ, 2006, tr.149). Từ năm 1910 đổi thành đường Bạch Đằng, dân gian cũng gọi là bến Bạch Đằng (Pháp gọi Quai de Belgique) để chỉ đoạn đường chạy ngang toà Tham biện tỉnh.

Bài về xưa về chợ Thủ mô tả con đường này:

*“Bên sông chợ cá
Đường đi mát quá
Lại có Hàng Dương
Đi thẳng một đường
Lên cầu ông Kiềm
Máy cưa băng điện
Bá Nghệ một bên
Từ đó đi lên
Có hai dãy phố
Đàn bà thiệt ngộ
Quần vận bằng chần
Đầu uốn tóc quăn
Xem ra rất tốt
Nhìn bốn cây cột
Có bốn con rồng
Chữ đề ở trong
Là Miếu Tử Trận”*

Hồi ký của Grammont có đoạn văn khá tài hoa hết lời ca ngợi quang cảnh nơi đây:

“Sự bố trí ở đây được coi là một khung cảnh hoành tráng, cộng thêm những vẻ mỹ miều của các danh thắng, mà không làm mất đi phần nào tính cách hoang sơ thôn dã của nó. Độc đáo tự nhiên của khu vực đã tạo ra một nhiệt độ ôn hoà, nhờ những cây cổ thụ đã che bớt sức nắng gay gắt của buổi ban trưa. Vào những ngày đẹp trời, khi chiều xuống, nếu có ai dừng lại ở giữa cao nguyên, vì ngay lúc mặt trời sắp

lặn, các ánh hoàng hôn hiu hắt sẽ được ngọn gió nồm đều hiu thổi về làm tắt lịm hẳn đi. Ánh vàng bàng bạc còn chiếu lên tất cả những đường nét chi li của toàn khung cảnh trang hoàng tuyệt mỹ này, một cách tự nhiên, hoà hợp với vô vàn hương sắc hoà quyện trong hơi ẩm của dòng sông, toả lên tận các tầng cây rủ bóng, từ các lùm bụi cỏ hoa, ta tưởng chừng một thoáng đã để hồn lâng lâng giữa một toà nhà kính bao trùm lên những lượn sóng triều, xanh biêng biếc. Thế là ta không còn tưởng mình ở đất Nam kỳ nữa: không còn những ruộng lúa, những đầm lầy với ánh nắng chói chang như lửa. Ta cứ tưởng như gặp lại đâu đây những cảnh đẹp lừng danh của vùng Tân thế giới và ta như cảm thấy sống lại trong ta một kỷ niệm xa xôi, vui nhộn, mà rạo rức, của những dòng sông trù phú đã được mô tả trong áng cổ thi bất hủ của Attala. Tôi đã sống qua suốt bảy tháng trời tại đây. Trong suốt thời gian này (Tôi ngần ngại không dám tự thú) dường như có đôi lần tôi đã quên hẳn nước Pháp.”

(Hoài Anh, *Thủ Dầu Một dưới mắt người Pháp, tạp chí Xưa và Nay số 45B, tr.16*)

Một trăm năm sau, năm 1954, nhà văn, nhà thơ Thanh Tâm Tuyền có thời gian về dạy học tại trường trung học tư thục Nguyễn Trãi ở Bình Dương. Trong một lá thư ông viết cho một người học trò cũ của mình ở thời kỳ ấy (giáo sư Võ Tấn Phước), ông cũng nhắc đến con đường Hàng Dương:

“Tôi rất thích con đường bờ sông vắng vẻ với một bên là khu toà tỉnh cây cối um tùm, một bên là mặt nước trải phẳng, xa xôi và hiền lành; ngôi ở ngôi nhà thủy tạ bên bờ sông có thể trông xa tới tận ngôi trường Công Bình nằm phía bên kia cây cầu xi măng ngăn nơi ngăn cách con đường tráng nhựa của thị xã và con đường đất bụi của vùng ngoại vi.”

(*Thư của thi sĩ Thanh Tâm Tuyền gửi người học trò cũ, ngày 18-01-92*)

Khi người Pháp đến, trên đường đã tồn tại hai ngôi chùa cổ:

“Một ngôi chùa nho nhỏ đã biến cải thành vọng gác cất chồm ra bờ sông và nằm chắn ngang giữa bãi. Làm nền cho ngôi chùa là một cây xoài to, điểm nhô ra xa nhất của cái ghềnh nho nhỏ này.

“Ngôi chùa kia nằm lui về đường ranh giới bên trong của địa điểm nổi bật này. Ngôi chùa đã biến thành một thứ đồn lũy nhỏ với các trại quân và công sự phòng thủ. Hông chùa tiếp giáp với bờ sông là một chiến lũy có lỗ châu mai thiết lập dài theo bờ thành. Sự bố trí ở đây được coi là một khung cảnh hoành tráng, cộng thêm những vẻ mỹ miều của các danh thắng, mà không làm mất đi phần nào tính cách hoang sơ thôn dã của nó.”

(Hoài Anh, *Thủ Dầu Một dưới mắt người Pháp, tạp chí Xưa và Nay số 45B, tr.15*)

Tác giả nhận xét về hai ngôi chùa như sau:

“Toàn vùng sẽ tạo cho ta một nỗi niềm thành kính đối với quê hương đất nước này. Ai cũng nhận thấy điều đó nhờ có hai ngôi chùa. Mỗi ngôi chùa là một toà kiến trúc uy nghi. Ngôi nằm gần dòng sông là ngôi đẹp nhất. Từ ngày bị xâm chiếm, ngôi chùa đã trải qua bao cuộc đổi thay. Đầu tiên là trại quân, tiếp sau đó làm lỵ sở của tỉnh, rồi toà án, rồi nhà ở của Bộ Chỉ Huy, và cuối cùng chùa được giao cho một nhiệm vụ tầm thường là một câu lạc bộ, rồi một phòng ăn.”

(Hoài Anh, *sđd*)

Nhà văn Sơn Nam ghi chép rằng:

“Các vị bô lão còn kể lại: địa điểm chợ Thủ Dầu Một là bến xe trâu, thuận lợi để tắm trâu và rửa xe. Gần bến là quán trà Huế, quán cơm, lần hồi thành chợ”.

(Sơn Nam, *Truyền thống văn hoá, Địa chỉ tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.337*)

Ông Nguyễn Liên Phong, vào năm 1909, cũng cho biết một chi tiết quan trọng về nguồn gốc của chợ Thủ:

“Chợ đông người nhóm dập dề
Chợ Thủ nguyên trước cựu triều bến xe”

(Nguyễn Liên Phong, *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca, Sài Gòn, Phát Toàn, 1909, tr.14*)

Khu vực bến đò và chợ cá, rất có thể là bến xe trâu thuở xưa. Qua khu vực chợ cá, có nhà thầy Năm Trong nổi tiếng giàu có, nay chỉ còn lưu lại cây trụ cửa ngõ đúc bằng gạch và xi măng có chạm trổ hoa văn. Kế đó là nhà bảo sanh của bà Năm Chi, nay là khu chung cư cao tầng. Vượt qua cây cầu là khu vực của người

Tàu, đồng đúc, náo nhiệt, nhà cửa có nhiều màu đỏ đặc trưng của họ. Phía tay trái có ngôi nhà to và đẹp nhất khu vực là dinh cơ của Hội đồng Ngôn, vào thập niên 50 là xưởng sản xuất loại đĩa nhựa 45 vòng chuyên dùng để thu các tuồng cải lương và vọng cổ. Đến giao lộ Bàu Bàng (trước là đường Trương Vĩnh Ký), còn gọi khu Lò Heo, thuộc đường Nguyễn Tri Phương, kéo dài 3350m đến giao lộ 30-04.

Từ lúc này, con đường chạy len lỏi giữa những làng mạc vườn quê xanh mát và hiền hoà, qua nhiều cây cầu nhỏ và ngôi miếu thờ Bà Thiên Hậu (bên cầu Thủ Ngũ, đây là tiền thân của “Chùa Bà” ở đường Nguyễn Du hiện nay). Đi mãi, sẽ đến cảng Bà Lụa với ngôi đình cô nổi tiếng linh thiêng và nhất là nét đẹp về kiến trúc đặc trưng truyền thống của Nam bộ. Đình xây từ khi Pháp mới qua, ngôi đình này đã có mặt và được nhắc tới:

“Sau khi đi ngang qua chợ, các bạn sẽ ra đi khỏi làng, về phía Nam. Rồi các bạn lần theo một con đường mòn xinh xinh có những đường viền linh động. Nhiều cây cầu bắc ngang, những hàng rào xương rồng cao cao, những cây cối xum xuê đầy triển vọng, nó dành cho bạn muôn ngàn sự bất ngờ sau mỗi bước đi. Bạn sẽ đi tới bờ kinh, nơi kết thúc khu dân cư, cách đó chừng năm cây số. Tại đó bạn sẽ gặp ngôi chùa Bà Lụa, chùa cất dưới một vòm lá cao khoảng 150 bộ, giữa gốc ba cổ thụ to, tôi chưa từng thấy bao giờ. Có khi chúng tôi cũng đi sẵn tới nơi đó và ở lại nghỉ chân suốt nửa ngày mà không phải lo sợ điều gì, cuộc dừng chân là để chúng tôi giải khuây phần nào với những người dân địa phương và nghề nghiệp của mình”

(Hoài Anh, sđd, tr.16)

Chạy song song và cắt ngang hai con đường Bạch Đằng và Cách Mạng Tháng Tám có nhiều con đường ngắn hơn, tạo thành mạng lưới giao thông của khu vực chợ Thủ. Đáng kể trước tiên nhất là hai con đường chạy cặp hai bên ngôi chợ, đường Nguyễn Thái Học và đường Đoàn Trần Nghiệp.



Chợ cá Bình Dương năm 1950

Đường Nguyễn Thái Học từ nhà làng Phú Cường (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phú Cường) chạy đến đường Bạch Đằng ở bờ sông, dài 356,9m. Đồi Pháp, gọi là đường Garrido, sau 1954, đổi lại là Thái Lập Thành, rồi mới có tên Nguyễn Thái Học cho tới nay. Thái Lập Thành là tên của vị Thủ Hiến Nam Kỳ, thay ông Trần Văn Hữu. Ngày 31 tháng 7 năm 1951, trong một lần tham dự buổi lễ tại tỉnh Sa Đéc, ông cùng viên Tư lệnh quân đội Pháp ở Nam phần là Charles Chanson bị ám sát chết bởi một cảm tử quân kháng chiến Việt Nam tên là Phan Văn Út. Sự kiện này gây rúng động cả Sài Gòn và Paris vào thời đó.

Đường Nguyễn Thái Học thời xưa có đường ray xe điện làm bằng gỗ cây, có móc nối vào dây điện phía trên, chạy đến nhà hàng và phòng ngủ Nam Bắc Hiệp. Phía bên kia, trước chợ đông hồ có nhà ga cát hình chữ thập (sau 1945, khi nhà ga ngừng hoạt động đổi lại là phòng

Thông tin, rồi là nơi bán sách vở, văn phòng phẩm). Xe điện có được ba toa, có bánh lái ở hai đầu xe, khi rời bến, tài xế chỉ việc đổi ra phía sau. Mỗi đầu xe có hai ngọn đèn làm tín hiệu, khi bật đèn trắng là đầu xe, còn đèn đỏ là phía sau xe. Khi xe chạy, sẽ có người đi bán vé, từng trạm sẽ có màu vé khác nhau thuận tiện cho nhân viên đi kiểm tra.

Lại cũng có mấy người lớn tuổi, thưở nhỏ từng đi xe điện nay vẫn còn nhớ, người nói là xe điện; người thì bảo thực ra xe chạy bằng hơi nước. Gần đây đọc một bài viết của Sơn Nam, ta biết thêm:

“Pháp cho mở thêm tuyến xe lửa (chạy hơi nước, sau chạy điện) từ Sài Gòn, Bà Chiểu, Hóc Môn lên Lái Thiêu, về sau nối lên Lộ Ninh nhằm chở mủ cao su về Sài Gòn).

(Sơn Nam, Người Bình Dương, Nam Bộ xưa và nay, nxb. Tp Hồ Chí Minh, 1998, tr.154)

Chỗ này dường như ông Sơn Nam cũng có điếm lằm, thực ra lúc đó có hai đường rầy khác nhau, một cho xe lửa và một cho xe điện. Tuy nhiên kết hợp hết các thông tin này, có thể nói rằng đường xe điện lúc đầu chạy hơi nước, về sau tiến bộ hơn thì mới thực sự chạy điện, vì vậy mà các cụ kể lại không giống nhau vì họ đi ở các thời điếm khác.

Qua khỏi chợ, xe chạy vòng qua Nhà Làng, vòng qua bến xe cũ (nay là công viên Phú Cường) xuống trạm Phú Văn, Búng, Cây Me, Lái Thiêu rồi mới qua cầu Phú Long.

Đường xe điện này bắt đầu có giấy phép thực hiện vào ngày 27-7-1889, đưa vào sử dụng từ 17-09-1897, chạy từ Sài Gòn tới Gò Vấp, sau nối dài qua vùng Ba Thôn tới bờ kia của sông Sài Gòn ở Lái Thiêu. Sau khi cầu Phú Long xây dựng xong, đường ray được nối dài lên chợ Búng, Phú Văn và tới chợ Thủ vào năm 1923. Đến năm 1945, vì chiến tranh, tuyến đường này ngưng hoạt động.

Trên đây phổ đọc theo con đường Nguyễn Thái Học nay còn lại vài ngôi nhà đã trên 70 năm, kiến trúc khá đẹp theo kiểu thời xưa. Một trong những căn đó là Thiện Đức Đường, của ông bang Kê, người Việt đọc trại ra là bang Cờ, người Phước Kiến. Nổi danh là người giàu có, ông còn được người thời nay nhớ đến vì giai thoại thi nhau đốt pháo với một ông bang giàu

có nhà kế bên trong lễ hội rằm tháng giêng. Chuyện này được nhà văn Bình Nguyên Lộc kể lại trong truyện ngắn “Người tài xế điên”, với hai nhân vật mang tên “ông bang Sa”, chủ tiệm sắt và “ông bang Lénh”, chủ tiệm gạo:

“Nhưng chắc chắn là cúng nhiều, kéo nhau đi ngoài đường và “cái đình” của ngày lễ là đốt pháo đua. Ông các chủ nào đốt nhiều hơn ông khác là ăn. Không ăn cái gì hết, nhưng được đồng bào của họ phục lằm.

Thực ra chỉ vài ông bang trong tỉnh lỵ mới dự cuộc đua đốt pháo này, vì phải đốt hàng mấy giờ liền, nếu không làm ăn lời to thì đừng mong đua với ai.”

(Bình Nguyên Lộc, Người tài xế điên, Tuyển tập BNL II, nxb. Văn Học, 2002, tr.794)

Về sau, vợ chồng bà bảy Lìn có thời gian sống ở ngôi nhà này trước khi dời qua căn nhà ở đường Đoàn Trần Nghiệp, trước là tiệm thuốc tây Trần Tấn, nay là tiệm giày Bitis.

Đường Đoàn Trần Nghiệp dài 366,7m, tên thời xưa là Rechaud, chạy song song với đường Nguyễn Thái Học, cũng bắt đầu và kết thúc như con đường này. Về xưa tả lại cảnh vật trên đường khá sinh động:

*“Có tiệm cà phê
Có người quạt nước
Rủ nhau bày soạn
Có tài có tuổi
Có may có rủi
Có vận có thời
Ngồi nghỉ một hơi
Bước vô tiệm hút
Người hút pho pho
Kẻ thì nằm co
Người thì nằm thẳng
Ba tiệm đặng đặng
Người ta rất đông”*

Chợ Thủ xây cất theo mô hình một chiếc tàu, nên dân chúng có người còn gọi vui là “Hàng không mẫu hạm”, nếu vậy thì hai con đường cặp hai bên có thể mừng tượng như hai dòng nước chảy hai bên mạn tàu khi lướt sóng trên đại dương, nhưt là khi ngắm nhìn từ trên cao, lúc xe cộ nối đuôi nhau dập dìu trên hai con phố. Các bức ảnh còn lưu lại từ hồi đầu thế kỷ cho thấy thời trước chỉ là những ngôi nhà thấp đơn sơ, có lẽ phải đến khi chợ được xây

dựng lại vào đầu thập niên 30, hai con đường được trải nhựa thì các ngôi nhà lầu đẹp mới thi nhau lần lượt mọc lên.

Nằm bên trái đường Đoàn Trần Nghiệp có vài con đường chạy song song với nó, gần nhất là con đường ngắn dài khoảng 100m bắt đầu từ đường Hùng Vương đến đường Trừ Văn Thố. Trước năm 1980 có tên Triệu Âu, sau đổi thành Bà Triệu. Trên đường này có hai căn nhà xưa, ở góc đường là nhà của ông chủ rạp Thanh Bình, giữa đường là nhà của dòng họ ông Đốc phủ Biện. Hai căn nhà này nay vẫn còn, nhưng có vẻ cũ kỹ, hoang phế. Có một thời, con đường này còn là bến xe ngựa, mãi đến sau 1985, khi người đi xe ngựa thưa thớt dần thì mới hết.

Kế tiếp là đường Văn Công Khai. Thời Tây gọi là Rue Daniel, sau 9/3/1945 Nhứt đảo chánh Tây thì đổi lại là Rue des Poteries. Dưới chế độ miền Nam đặt lại là Võ Tánh, đến 1980 có tên là Văn Công Khai cho tới nay. Đường dài 487,7m từ đường Hùng Vương đến đường Bàu Bàng. Đầu đường có ngôi nhà không to lắm nhưng kiến trúc cũng khá đẹp là nhà của ông phán Dân, làm lục sự toà án. Trên đường có nhiều trường học, như trường tiểu học Trí Trí (ngôi nhà xưa bên cạnh phòng khám đa khoa thị xã hiện nay, ngôi nhà này nguyên của ông Trần Văn Lý, còn gọi là ông Tư Lý, cũng từng có lúc là phòng khám bệnh của bác sĩ Rạng, con ông bà Năm Chi, mua lại của ông Ba Cảnh), trường Chim Non (Thầy Giáo Thọ dạy, nổi tiếng nghiêm khắc), trường Nghĩa An của người Hoa, trường trung học tư thực Nghĩa Phương (do thầy Lê Bích, một kiến trúc sư từ Sài Gòn về là Hiệu trưởng). Trường trung học tư thực Nguyễn Trãi do thầy Nguyễn Tiên Sanh sáng lập năm 1955, một trong những ngôi trường đầu tiên của tỉnh, nằm cách đường cũng chỉ vài chục mét Đường từng có tên là Rue des Poteries, tiếng Việt là đường Lò Chén, có lẽ vì nếu đi thẳng riết trên con đường này, người ta sẽ đi qua vùng lò chén nổi tiếng của người Tàu ở Chánh Nghĩa, Bình Dương.

Thứ ba là đường Trần Tử Bình, trước năm 1999 có tên là Phan Văn Hùm. Đường bắt đầu từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Lý Thường Kiệt, dài 343m. Ở đoạn có đường Hùng Vương cắt ngang tạo thành ngã tư, có tên

là ngã tư Quốc Tế. Không ai nhớ chính xác tên này có từ bao giờ và tại sao lại gọi như thế, nhưng từ xưa đây đã là nơi có nhiều tiệm cà phê, tiệm kem và quán ăn có tiếng, người qua lại khá tấp nập. Giai đoạn giữa thập niên 60, ngoài số khách người Việt, đi với lính tráng còn có nhiều người Mỹ, Tân Tây Lan... có lẽ cái tên Ngã Tư Quốc Tế ra đời trong bối cảnh này.

Từ đường Nguyễn Thái Học, có các con đường chạy cùng chiều song song bên cánh phải: đường Đinh Bộ Lĩnh, đường Ngô Quyền, đường Nguyễn Văn Tiết.

Đường Đinh Bộ Lĩnh, kết nối hai con đường Trần Hưng Đạo và Bạch Đằng, dài 339,5m, có tên đó từ 1945 đến nay. Khu vực đầu đường trước 75 là trụ sở của sở Học Chánh, qua phía ngã tư trở đi là trại giam, tường xây cao, đến cuối đường công trình kiến trúc đáng kể có nhà Buu Điện, xây từ thời Tây, dân gian còn gọi nhà dây thép. Phía tay trái của đường có ngôi nhà cổ của ông nha sĩ Trần Công Vàng, do ba của ông là Hội đồng Cần xây cất từ năm 1889, nay vẫn còn hầu như nguyên vẹn.

“Từ đó đi lên

Ông cò ở trên

Khám đường ở dưới

Tường xây cao dữ

Lại gấn miếng chai

Từ đó đi ngay

Xuống phông tên nước

Đi xuyên tuốt luốt

Tới nhà việc Phú Cường

Nhà cất bằng tường

Gắn máy radio”

Đường Ngô Quyền, tên thời Tây là Commandant Henri, nối hai con đường Phạm Ngũ Lão và Bạch Đằng, dài 539, 5m. Khởi từ đầu đường, phía tay trái là phía sau của nhà thờ chánh toà Phú Cường, phía tay mặt có khu trượt patin Tứ Hải, hoạt động nhộn nhịp được thời gian ngắn thì ngưng do lệnh cấm trò chơi này của chính phủ trước 75. Chạy dài theo con đường, qua ngã tư piscine (gần đó có một hồ bơi) đến ngã ba có con đường Nguyễn Trường Tam rẽ phía tay mặt chạy lên Thành Quan, ngang ngôi nhà to và đẹp của ông Cả Luận, một thầy thuốc Đông y nổi tiếng, đường này nay đổi lại là Ngô Chí Quốc, thời trước dân địa phương

chỉ gọi là đường Đắp Mới, dù sau 1963 đã có tên là Nguyễn Tường Tam. Cũng trong năm này, cây cầu bắc qua con rạch nhỏ được làm lại kiên cố hơn, bọn trẻ con trong xóm thích đứng trên thành cầu nhảy xuống nước bơi lội, nơi đây trở thành địa điểm vui chơi của lũ nhỏ một thời. Qua khỏi cầu, phía tay mặt có nhà ông Năm Hí là một lò võ cổ truyền đã đào tạo được nhiều đệ tử.

Từ ngã ba rẽ lên đường đắp mới, phía tay trái đường Ngô Quyền là khu cư xá cảnh sát rồi đến khu cư xá sĩ quan gần tới bờ sông, còn tay mặt là khu xóm đạo, tức khu cư ngụ của người Công giáo. Hồi ký của ông Grammont mô tả khu vực này vào đầu thập niên 60 thế kỷ 19 như sau:

“Ở phía Bắc, cánh rừng thiêng danh tiếng là nơi tập hợp các họ đạo mới thành lập.”

(Grammont, Hoài Anh dịch, Thủ Dầu Một dưới mắt người Pháp, Xưa và nay 45B, tr. 15).

Một tài liệu khác cho biết rõ hơn về xóm đạo này. Trong bức thư của linh mục Phêrô Nguyễn Đức Nhi, cha sở người Việt Nam đầu tiên của họ Thủ Dầu Một viết cho linh mục Poinat vào năm 1910 có đoạn:

“Vốn trước kia, Đại Pháp qua Nam kỳ thì chưa có họ Thủ, hoặc có một hoặc hai người đạo hạnh lều láo theo ở giữa kẻ ngoại hoặc có kẻ trốn con bắt đạo, đến đó ẩn tránh vậy mà thôi. Đến lúc đại Pháp đánh lấy thành Biên Hoà là năm 1861, thì qua chiếm cứ Thủ Dầu Một, vậy thì bốn đạo Tân Triều, Bến Gỗ, Búng, Lái Thiêu, Bến Sắn đổ tràn đến Thủ hoặc nương bóng cờ Langsa khỏi Trào Nam bắt bớ vì đạo, hayặng buôn bán với người ngoại quốc.

Bởi vậy sinh ra đông người có đạo ở đó. Tôi tưởng gốc họ Thủ như vậy”

(Kỷ yếu giáo phận Phú Cường 1965-2005, tr. 206)

Những người miền Bắc đạo Công giáo di cư năm 1954 có thể cũng đã gia nhập thêm vào khu vực này, nhưng góc gác của xóm đạo, theo mô tả của các đoạn văn trên cho thấy bắt nguồn từ xa xưa lắm.

Con đường này còn là lối đi chính dẫn lên trường Sĩ Quan Kỹ Thuật Công Binh, xưa gọi



Miếu Từ Trận

thành Săng Đá (Vassoigne), do phát âm trại từ chữ soldat mà ra). Đây là một trong những con đường khá đông đúc của một thời. Nhất là vào những ngày cuối tuần. Những người lính quần áo ủi hồ phẳng phiu đáng đi mạnh mẽ cùng với những người đi lễ nhà thờ quần áo tề chỉnh rào bước. Tà áo dài đủ màu sắc của các cô gái thướt tha theo gió đã làm cho phố phường như xinh đẹp hẳn lên.

Đường Nguyễn Văn Tiết, trước 1980 là Châu văn Tiệp, bắt đầu từ cuối đường Bạch Đằng, chạy dài 1276m thì gặp đại lộ Bình Dương, ngang qua địa phận của hai phường Phú Cường và Hiệp Thành. Tại điểm khởi đầu có một công viên nhỏ, trước đây là Miếu Từ Trận, được xây dựng từ thời Tây để tưởng nhớ những

người Việt bị Tây bắt đi đánh trận chết ở nước ngoài, trong cuộc Đại chiến lần thứ nhất.

*“Nhìn bốn cây cốt
Có bốn con rồng
Chữ đề ở trong
Là Miếu Tử Trận*

Khoảng năm 1970, tại đây có một cái tủ đựng máy vô tuyến truyền hình, ban ngày khoá lại, đến tối thì có người mở ra cho dân chúng trong xóm đến coi, ngồi chen chúc trên bãi cỏ. Hồi đó máy vô tuyến truyền hình, nay gọi ti vi, rất hiếm, nên dù phải ngồi dưới đất, ai nấy cũng say mê, nhất là vào những tối thứ sáu, thứ bảy có chương trình cải lương. Tại đây cũng là bến xe ngựa, vì rẽ về hướng trường Công Bình, phía tay trái có một ngôi chợ kiểu tiền chế do lính Tân Tây Lan (New Zealand) dựng lên, gọi là chợ Tân Tây Lan. Từ ngôi miếu, có :

*Có đường đắp ngăn
Chạy thẳng Thành Quan
Có đường đắp ngang
Đi qua cầu dốc...”*

Con đường mỗi lúc một cao dần, đi ngang qua khu ký túc xá của quân đội Tây, nằm phía tay trái, gọi là Thành Quan, công trình kiến trúc đó nay vẫn còn, là một di tích quý hiếm của tỉnh ghi dấu thời kỳ thuộc địa âm đạm của địa phương. Phía tay phải, đối diện khu thành Quan này có một ngôi nhà nằm giữa khu vườn có trồng nhiều cây kiểng, khoảng năm 1973 được chọn làm cảnh quay bộ phim Ngọc Lan do nam diễn viên Bảo Ân và Thanh Lan thủ vai chính. Người trong xóm kéo đến chen chúc xem hai tài tử điện ảnh nổi danh đóng phim.

Khi vượt qua quốc lộ 13 cũ, đường dẫn vào một xóm quê gọi là xóm chùa Đức Sơn vì phía bên trái, cách đường không tới 100m có ngôi chùa cổ xây từ thế kỷ 18 (1775) mang tên đó.

Ngoài các con đường vừa kể, có vài con đường nữa cũng đáng nhắc đến.

Đường Nguyễn Du, trước năm 1945, tên Tây là Rue La Bataille, dài chỉ 138,1m, từ Cách mạng Tháng 8 tới đường Yersin. Đường này tuy ngắn, nhưng dân ở đây ai cũng biết vì có ngôi chùa Bà, vào dịp rằm tháng giêng thì chen chân không lọt, trống múa cù rộn rã ngày đêm. Xung quanh đó lại có ba ngôi trường, trường Nam (trường tiểu học Nam Châu Thành, nay là

trường Nguyễn Du), trường Nữ (trường tiểu học Nữ Châu Thành), hai ngôi trường xưa và lớn nhất tỉnh, và trường tư thục Đăng Khoa do thầy Nguyễn Văn An (ông Đốc An) lập. Tại trường này có một nữ sinh từng theo học một thời gian trong khoá hè, tên là Nguyễn Thu Cúc, sinh năm 1947, quê quán Bình Long, về sau trở thành ngôi sao ca nhạc nổi danh của miền Nam là Mai Lệ Huyền.

Sau năm 90, khu nhà trước chùa Bà bị giải toả để làm công viên, quang cảnh nơi đây trở nên rộng rãi, thoáng đãng hơn, và vào ngày rước cộ Bà, cũng đỡ cảnh chen lấn như trước. Đường Phạm Ngũ Lão, xưa gọi là Rue des Jardins, từ đường Yersin, chạy 1280m thì đụng đại lộ Bình Dương. Ở đầu đường, đổ xuống một con dốc, phía tay trái là mặt sau của nhà thờ Chánh toà Phú Cường, từ giữa thập niên 60 đã xây dựng ngôi trường trung học Thánh Giuse. Phía tay mặt là ngôi biệt thự khá đẹp của một ông quan Tây làm việc tại tỉnh trong những thập niên đầu thế kỷ. Đường thường được dân gian gọi là đường Giếng Máy hay đường Bung Cãi.

*“Xuống tới đầu chợ
Trại cửa trước mặt
Thỏ mộ có hàng
Rủ nhau soạn bàn
Đi về Bung Cãi”*

Đầu và cuối con đường là hai cái dốc rất cao, phía giữa, như một thung lũng, là vùng đất thấp, có nhiều mạch nước ngầm phun lên, từ ngữ địa phương gọi là mội, nước trong, ngọt. Người Pháp xây một nhà máy khai thác nước ở vùng này để phục vụ cho khu vực chợ Thủ, do vậy mà có từ Giếng Máy để phân biệt với các mội nước tự nhiên trong vùng. Ông Nguyễn Đình Đầu nhận xét:

“Toàn tỉnh có nhiều mạch nước ngầm tốt. Chính toà bố đã dùng nước giếng ngầm dẫn từ xóm Bung Cãi cách 800m về. Một lâu nước xây trên đồi cao cùng với 23 phong-ten ở rải rác cung cấp nước cho cả thôn Phú Cường. Nước Bung Cãi rất tốt, không phải các tỉnh khác của Nam Kỳ đều được nước tốt như vậy.”

(Nguyễn Đình Đầu, Địa lý lịch sử Sông Bé, Địa chí tỉnh Sông Bé, nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.212)

“Lầu nước xây trên đồi cao” mà tác giả đề cập, được mô tả vị trí chính xác là:

“Đài nước này rất gần trụ sở thanh tra, ở trên chỗ cao trông ra sông. Độ cao của nó cho phép cung cấp nước đáp ứng nhu cầu cho tỉnh.”

“Nước do các nguồn nước của Bưng Cãi cung cấp có chất lượng tuyệt hảo. Đó là một thuận lợi lớn cho tỉnh. Ở khắp vùng Nam Bộ, nước ăn uống hầu như không tốt cho sức khoẻ dân chúng”

(Địa chí Thủ Dầu Một-1910, tr.6, Thủ Dầu Một xưa qua địa chí 1910 và bưu ảnh, Hội khoa học lịch sử Bình Dương, 2007)

Đây là một trong những con đường quê hiền hoà và nên thơ nhất của thị xã. Hai bên đường dẫn đến cây cầu nhỏ là hàng cây dầu cổ thụ cao vút, kế đó là hai mương nước trong veo, nhìn thấy rõ những đám rong xanh biếc và từng đàn cá đủ màu sắc sỡ nhờn nhờn bơi lội. Thời đó không hiểu sao người ta không bắt cá, không chích điện để tiêu diệt sạch sẽ tất cả các loài



Bờ sông Bình Dương với nhà thủy tạ

sinh vật sống dưới nước như bây giờ. Nhà cửa thưa thớt, nằm ẩn mình giữa những vườn cây trái xanh um, mùa hè, ve kêu ran cả trời đất, trái chín lủng lẳng trên cành rất đẹp mắt. Giữa khung cảnh của làng quê nghèo hiền hoà mộc mạc ấy, ngôi nhà của ông Huyện Tình chợt hiện

ra trắng lệt, uy nghi. Năm tháng trôi qua, nó vẫn đứng yên như vậy như thách thức với thời gian, chỉ có rêu mốc đóng trên mái ngói và tường vôi, nhất là trong những buổi chiều nắng vàng, là gợi cho người ta khó ngăn được cảm giác bùi ngùi mơ hồ, chạnh lòng trước những dấu bề và tàn phai của muôn vật ở cõi trần gian này. Người xưa đâu tá?

Đường Trừ Văn Thố, tên thời Tây là Rue Lacotte, (có tài liệu ghi là Moriet, tên một sĩ quan Pháp), giai đoạn 1957-1980 đổi tên là Lê Văn Duyệt, dài 138,3m gồm hai đoạn, nối đường Văn Công Khai và Đinh Bộ Lĩnh, bị cách ngăn bởi khu chợ Thủ. Trên đường này, xưa Tây cho trồng hàng me hai bên đường, dấu vết nay vẫn còn. Một tiệm mì nổi tiếng trước 75 bán ở lề đường có thương hiệu là mì Cây Me, nay dời qua bán ở đường Văn Công Khai. Có vài ngôi nhà đáng chú ý như nhà bà Bảy Lin, nay là nhà hàng Bông Sen, đối diện có khách sạn Bông Sen, lúc đầu dành cho Mỹ thuê, trước cũng thuộc bà Bảy. Kế bên nhà bà Bảy có ngôi nhà cũng khá xinh xắn là nhà của ông phán Nhơn, làm Đệ Tam Tham Vụ trong toà Đại Sứ của chế độ miền Nam ở nước ngoài. Sau 75 ông bán nhà dời về Bình Chuẩn và qua đời nơi đó ít năm sau. Phía bên kia chợ có khu nhà nghỉ Phi Long, có nhà ông đốc Di, một nhà giáo danh tiếng của thị xã trước đây, và nhà thuốc của đông y sĩ Nguyễn Văn Khê, thường gọi thầy Bảy Khê.

Đường Lý Thường Kiệt, tên thời Tây là Rossigmeux, dài 813,4m từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Nguyễn Thái Học. Trên đường này nhà cửa san sát, có nhiều quán ăn, tiệm nước, có nhà bào chế thuốc Võ Văn Vân nổi tiếng cả Đông Dương một thời, và gần đó là rạp hát Bầu Liêu, rạp hát đầu

tiên của chợ Thủ chuyên trình diễn các tuồng hát bội. Biệt thự tư nhân có nhà ông Đốc phủ Biện (Hạ Quang Biện), về sau có lúc là trụ sở Bảo an đoàn (1959), ông Phạm Ngọc Thảo (1922-1965), Tỉnh Đoàn Trưởng, từng ở đây, nguyên mẫu của nhân vật Nguyễn Thành Luân trong bộ phim tình báo Văn bài lật ngửa. Con gái ông bà Đốc phủ, vợ của tiến sĩ Trần Văn Trai, từng lập ra hãng Mỹ Vân phim, có công phát hiện ra minh tinh Thẩm Thúy Hằng và thực hiện bộ phim Người đẹp Bình Dương tạo nên thanh danh cho phụ nữ tỉnh nhà. Căn nhà ông Đốc phủ Biện xưa đó, từ sau 1975 là trụ sở hội Chữ Thập đỏ tỉnh Bình Dương.

Đường Hai Bà Trưng, tên thời Tây là Outrey, sau 1954 đổi lại là Trưng Vương, đến ngày 20-04-1998 Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương ra quyết định số 52/1998/QĐUB đặt lại là đường Hai Bà Trưng cho đến nay. Con đường này dài 250m, nối hai con đường Văn Công Khai và Đoàn Trần Nghiệp, thuộc phường Phú Cường.

Outrey là quan đầu tỉnh Thủ Dầu Một vào đầu thế kỷ 19, từ năm 1901, ông đã cho xây dựng trường Bá Nghệ (École des arts) trước chợ Thủ. Về sau trường này được dời về vị trí hiện nay ở đường Bạch Đằng. Đây được xem là ngôi trường mỹ thuật sớm nhất ở nước ta. Trước khi được bổ nhiệm làm quan đầu tỉnh TDM, ông từng làm cũng chức vụ ấy ở Vũng Tàu, là người có công vạch kế hoạch thiết kế Vũng Tàu thành trung tâm nghỉ mát miền biển.

Người Bình Dương khó quên con đường này, vì giữa đường có rạp hát Trần Trung Hí Viện, về sau đổi tên là rạp Thanh Bình, nơi diễn các tuồng hát bội, cải lương, đại nhạc hội và về sau còn chiếu phim. Bình thường đây là khu phố của người Tàu, với vài tiệm làm mì, bán tương, nhang đèn ở đầu đường, ở bên lề, có một vài người Việt bán truyện tranh, bán dế, cá lia thia...khách hàng chủ yếu là bọn trẻ con, nhưng mỗi khi có đoàn hát về, nhất là vào mấy ngày Tết thì con đường trở nên đông đúc, náo nhiệt, rộn rã ngày đêm. Ở góc đường tiếp giáp với đường Võ Tánh là công xi rượ của bà Bảy, nay không còn.

*“Từ đó xuống sông
Tới nhà Út Chánh
Có đường đắp ngăn
Đến rạp Trần Trung
Chung hình mỹ nữ
Bán đồ sành sứ
Đông đảo chỗ này”*

Kể đến đây, dĩ nhiên là chưa nói hết về các con đường ở thị xã, hy vọng sẽ có dịp bổ sung, khi sưu tập thêm được nhiều tư liệu.

*“Mênh mông đại hải
Khắp cả châu thành
Tôi không biết nữa...”
(Về chợ Thủ)*

Viết về đường chợ Thủ như trên, điều làm người viết lo lắng nhất là sự chính xác của những gì trình bày. Chúng tôi đã cố gắng thu thập từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, quan trọng nhất là ghi lại từ lời kể của các cụ cao niên nay còn nhớ chuyện ngày cũ, chỗ được chỗ mất. Chúng tôi đã nhờ nhiều cụ đối chứng, kiểm tra, tuy vậy thời gian đã quá lâu thì những gì còn lưu giữ trong ký ức khó tránh được sự nhầm lẫn. Chúng tôi sẽ tiếp tục công việc của mình, và rất mong được sự giúp đỡ của tất cả những ai còn nhớ về chuyện cũ ở Bình Dương.

Kể chuyện quá khứ xa xăm, mù mịt, mong nhất là ít điều sai sót. Muốn vậy, phải nhờ cậy đến sự chỉ bảo của nhiều người.

(06-07-10)



Ngày Xưa: Tôi Về Tân Uyên!

Nguyễn Thảo

*(Kính tặng: Quý Thầy, Cô và bạn bè
Cùng tất cả những ai có quê hương là Tân-
Uyên)*

Người ta nói: Người già thường hay sống về những hoài niệm trong dĩ vãng. Tôi cũng vậy, bây giờ đã không còn sức lực bươn chải cho cuộc sống như ngày xưa, nên tôi có được nhiều thì giờ để ôn lại vài giai đoạn mình đã đi. Trước là để thỏa mãn với ký ức của chính mình; sau là vui cùng với vài người bạn. Những kỷ niệm ấy là những kỷ niệm của một thời khó quên!

Có lần tôi đã kể: Tôi có dịp đến Tân-Uyên là tại vì tôi học dở. Điều ấy không phải sai đâu! Nếu tôi đậu vào được trường Trung-học Trịnh-Hoài-Đức để học, thì chưa chắc sau này tôi có dịp đến Tân-Uyên dù Tân-Uyên cũng chẳng là xa với làng quê tôi là bao, chỉ có mười mấy cây số thôi!

Tôi cũng như bao nhiêu đứa bé trong làng quê thuở ấy, mình được đi học chỉ mong vào học ở những trường công để khỏi phải đóng tiền, mà cha mẹ mình có thể cáng đáng nổi. Chính vì thế mà khi thi rớt xong, tôi chỉ mong ngồi học lớp Nhứt trở lại để năm sau thi tiếp. Tôi cùng với nhiều bạn bè đã phải xin chuyển ra Búng học ở trường Cộng-đồng Dẫn-Đạo mong kỳ thi vào Đệ-Thất năm sau được lọt vào học ở trường Trịnh-Hoài-Đức là trường công lập đầu tiên, cũng là trường duy nhất của Tỉnh Bình-Dương lúc bấy giờ. Đạp xe đạp đi xa mỗi ngày được khoảng hơn tháng trời để theo học lớp Tiếp-Liên tức là lớp cho những học sinh đã từng thi rớt, trong một chương trình cao hơn đối với một lớp bình thường, để kỳ thi tới hi vọng có được nhiều học sinh đạt được kết quả tốt.

Nhưng bỗng một trưa ngày nọ, bạn bè không biết tại nó bắt tin từ đâu cho hay có tin rằng: Ông Luật sư Trần-Văn-Trai, dân biểu

Quốc-Hội của tỉnh muốn xin mở chi nhánh của trường Trung Học Trịnh-Hoài-Đức ở tại xã An-Mỹ và trường trung học tư của ông sẽ biến thành chi nhánh đó. Thế là tại nó bàn đến cách bỏ học ở lớp tiếp liên này để về trường tư thực An-Mỹ học để cầu may! Nay nghĩ đũa này, mai nghĩ thêm vài đũa. Tôi cũng thấy bồn chồn nôn nao, một ngày tôi nói với ba tôi để xin ý kiến. Vì thương con ông cũng ráng cho tôi chuyển về trường An-Mỹ học lớp Đệ Thất, tất nhiên là phải đóng học phí mỗi tháng! Học trong niềm hi vọng của cầu may! Nhưng chưa! Cách vài tháng sau, tại nó lại báo một tin khác: Trên Tân-Uyên mở một trường Trung học mới của tỉnh Phước-Thành mới thành lập, đang nhận đơn xin thi vào lớp Đệ Thất (lớp 6 bây giờ). Tôi nghe nói vậy thì về nói với ba như vậy, chứ không thiết tha lắm và mình cũng còn chờ hi vọng trường tư thực của ông Trai biến thành trường công. Một ngày đi học về ba tôi cho hay là đã đi lên Tân-Uyên với tại thằng Huệ, thằng Năm nộp đơn cho tôi rồi! Thế là tôi cũng chuẩn bị cho ngày đi thi.

Ngày đi thi, bạn bè trường Tân-Khánh của chúng tôi cũng được khoảng mười mấy đũa. Hôm ấy, tôi theo chị Thay ở trọ nhà người quen của chị ở ngã ba Bình-Hóa trên trục quốc lộ 16. Nửa đêm nước sông lên cao tràn vô nền nhà, chúng tôi phải lội nước để đi ra bên ngoài. Sáng hôm sau, tôi và chị Thay, chị Mượp cùng cưỡi xe đạp qua cầu Rạch Tre lên trường Tiểu-học Uyên-Hung dự khóa thi cùng với khoảng hơn trăm rưỡi thí sinh, đa số thuộc tỉnh Biên-Hòa. Họ cũng là những thí sinh đã bị rớt khi thi vào lớp Đệ-Thất của trường Trung-học Công-lập Ngô-Quyền ở Biên-Hòa. Trong khóa thi có nhiều người Bắc từ Hồ-Nai, Tam-Hiệp cũng đến dự. Có hai trường hợp đặc biệt mà khiến tôi không thể quên trong kỳ thi đó là có chị nàng chắc người xứ Huế có tên thật dài của người hoàng tộc: “Công-Tằng Tôn-Nữ Mai-Hoa”; và

một anh chàng đục rựa có tên thật là con gái “Ngô-Hạnh-Thị”, cho nên anh chàng được xếp ngôi thi chung với đám con gái. Chúng tôi nhìn thấy mà cứ tức cười. Anh chàng này cũng đậu và học trong vài tháng thì chuyển trường, không biết có được về trường Công-lập không, hay là bỏ học để về học trường tư cho thuận tiện hơn!

Ngày nhập học, chúng tôi thuộc trường Tiểu-học Tân-Khánh cũ cũng được trên mười người của sĩ số lớp là sáu mươi lăm học sinh. Theo những danh sách trên sổ thì lớp này có nhiều nhân vật thuộc về “chúa sơn lâm”: Hồ, Beo, Cọp, Báo đều có đủ. Lớp được khai giảng tại trường Tiểu-học Uyên-Hung, nằm bên hông trụ sở Quận Tân-Uyên và trên nông cao bên kia là Chi Công-An. Quận Tân-Uyên lúc đó không lớn lắm. Dân chúng thường tập trung gần khu chợ và theo trục quốc lộ 16 tính từ cầu Rạch Tre cho lên gần đến dốc Bà Nghĩa.

Khu chợ là khu đông dân, có nhiều nhà. Chợ Tân-Uyên đầu ngoài góc ra quốc lộ là đầu chợ chính, nơi có bến xe, khu lồng chợ và khu chợ cá ở phía sau gần bờ sông. Ở bờ sông có bến đò mà người dân từ bên cù lao 6 xã qua sông đi chợ mua sắm, bờ bên kia là khu vực của một cái đình làng. Khu vực này được nhà văn Bình-Nguyên-Lộc diễn tả ở đoạn văn trong một tác phẩm nào đó của ông, mà tôi đã có dịp được xem qua đoạn văn ấy. Khu tập trung nhiều dân nhất của Quận Tân-Uyên là hai bên chợ có hai dãy phố buôn bán vật dụng, hàng hóa. Phía trong sau hai dãy phố đó là nhà dân; nhưng khu phía Đông Bắc từ chợ cho đến Quận là nhà cửa và người là nhiều hơn cả. Còn đối diện khu chợ, phía bên kia đường ngoài dọc đường là phố xá buôn bán, bên trong nhà cửa không nhiều nhưng rải rác trải ra cho đến bìa ruộng. Còn khu từ chợ về hướng cầu Rạch Tre hay từ trường học Uyên-Hung về dốc Bà Nghĩa thì nhà cửa cũng chỉ lẻ tẻ ở hai bên đường xen lẫn với những vườn hay ruộng của cư dân.

Ngày đến Tân-Uyên, ba chúng tôi có ý xin chùa cho chúng tôi ở tạm đi học, nhưng sau đó vì thấy chùa không có chỗ và khá bất tiện, đồng thời cũng nhờ vào dịp may gặp được bà út Nghệ đi chợ về ngang trú mưa khi mưa lớn. Sau khi biết, bà Út cho chúng tôi về ở trọ nhà của bà mà không lấy tiền, tất cả là 5 đứa gồm thằng Thạch,

tôi, Sơn và hai anh em Long, Phụng. Nhưng vài ngày sau Sơn không ở trọ mà cưỡi xe đạp đi học và về với Huệ, Năm, Tô, Lực và mấy người nữa mà tôi không nhớ rõ. Từ đó chúng tôi ở thường xuyên là 4 đứa và gắn liền với khu vực sân banh của xã Uyên-Hung.

Trường Trung-học Công-lập Phước-Thành ở Tân-Uyên là trường trung học đầu tiên, duy nhất của tỉnh mới thành lập bao gồm ba quận Tân-Uyên, Phú-Giáo và Hiếu-Liêm bao quanh khu vực chiến khu D lưng danh trong kháng chiến. Lớp Đệ-Thất mà chúng tôi đang theo học là lớp đầu tiên của trường mà Hiệu-Trưởng là người ở dưới Bộ Giáo-Dục đứng tên. Chúng tôi không nhớ rõ là (Đặng-Duy) Chiểu hay “cái gì Chiểu” đó! Thực ra trường được đặt tên của Hung-Đạo Đại-Vương là “Trần-Quốc-Tuấn” với huy hiệu là ba cây, có ý nghĩa theo tục ngữ “Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” để nói lên ý nghĩa đoàn kết trong hoạt động cũng như học tập. Nhưng về sau người ta thường hay nói đến trường Trung-học Phước-Thành hơn là Trường Trung-học Trần-Quốc-Tuấn. Suốt mấy năm chúng tôi chỉ được thấy ông Hiệu-Trưởng một đôi lần. Người trực tiếp điều hành trường thuở đó là Ông Tổng-Giám-Thị Mã-Sám (gốc Hiệu-Trưởng trường Tiểu-học Tân-Ba ở xã Tân-Ba) và hai vị Giáo-sư kiêm nhiều bộ môn là Thầy Trần-Văn-Khánh người Nam và Tạ-Kim-Anh người Bắc. Sang niên học sau (1960-1961) trường được 2 lớp Đệ-Thất và một lớp Đệ-Lục. Lúc này có vài học sinh từ Phú-Giáo phải xuống Tân-Uyên học vì trường Trung-học Công-lập của tỉnh ở Tân-Uyên chứ không là Phú-Giáo mặc dù Tỉnh lỵ Phước-Vĩnh ở ngay Quận lỵ Phú-Giáo.

Trong năm này tôi nhớ có vài sự kiện lớn mà chúng tôi đã tham dự hay chứng kiến. Sự kiện ông Quận-Trưởng Nguyễn-Văn-Lời bị giết



mìn tử nạn ở Cầu Đúc Hồ Khởi thuộc xã Tân-Hóa-Khánh. Thi hài đưa về trụ sở quận, làm xôn xao, thương tiếc của người dân. Sự kiện thứ hai là đoàn công-voa chở học sinh, nhân viên, công chức, quân đội từ Tân-Uyên đi theo quốc lộ 16 qua các khu vực được coi là vùng chiến khu D (Bình-Cơ, Bình-Mỹ, Bó-Mua, Bó-Lá, Nhà Đò gì đó) cho đến Phước-Hòa rồi Phước-Vĩnh để dự lễ khánh thành Tỉnh-ly Phước-Vĩnh. Dọc đường tôi mới biết có các sở cao su của ông Nguyễn-Đình-Quát (sau này ông có ra ứng cử Tổng-Thống). Sự kiện thứ ba là về khu vực Khánh-Vân của xã Tân-Hóa-Khánh để tham dự lễ khánh thành Khu-Trù-Mật Khánh-Vân mà Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đến dự lễ cất băng khánh thành. Những sự kiện ấy tôi không nhớ theo thứ tự được vì lúc ấy còn nhỏ mà cũng không hề để ý đến chúng, nay chỉ ghi lại các sự kiện ấy cũng như là những kỷ niệm ôn lại của ký ức thời nhỏ mà thôi!

Chiến sự cứ tăng dần, đêm đêm nằm nghe đại bác từ những ụ pháo 105 của quận bắn đi, sau có pháo lớn hơn là 155 li. Những đoàn hành quân đến rồi đi; đi rồi lại về. Những người lính Nùng kho thịt hay cá rất mặn, họ nói đùa ăn như vậy chắc da chắc thịt đạn trúng không lủng; nói thế, chứ trước khi đi hành quân họ đốt từng bó nhang lớn trên đầu ngọn súng, khói bay mù mịt. Qua những tháng ác liệt số người Nùng giảm dần, đến trước 75 chỉ có vài người nổi bật mà tôi biết có ông Lý-Xiu-Cón hình như ra ứng cử Hội-Đông Tỉnh Bình-Dương hay quốc hội gì đó thì phải? Tỉnh thoảng, bên kia sân banh Uyên-Hung những vụ đốt xác, hỏa thiêu của lính bốc mùi khét lẹt, chúng tôi cũng đã quen với mùi ấy rồi!

Tôi ở trọ nhà bà Út Nghệ được hơn hai năm, khi bắt đầu trường thành thì tôi đủ sức đạp xe đạp theo bạn bè, sáng đi trưa hay chiều về tùy theo buổi học. Trong khoảng hơn hai năm đó, khi thì sáng thứ hai tôi đón xe đò Bửu-Ánh hay xe đò của ông Tư Chon để lên Tân-Uyên, rồi khi về thì cưỡi xe đạp đi về với bạn. Vào những năm, các cầu bị đốt hay đường sá bị đào, đắp mô thì tôi phải cưỡi xe đạp vào trong Tân-Hội để đi với thằng Lục. Có nhiều hôm có trăng, tôi không biết giờ giấc, sợ trễ nên vào tới nhà thằng Lục lại rất sớm. Có khi tôi vào ngủ ở trong nhà

của Ông Năm nằm trong khu vực công nhân của sở 49 từ hôm Chủ Nhật, rồi sáng hôm sau mới đi Tân-Uyên. Đường sá lúc ấy còn có nhiều vắng vẻ. Từ chợ Tân-Khánh qua dốc dài Hồ Khởi thì có nhiều nhà, nhưng đến đường gò Cây Trắc thì vắng. Vào Tân-Hội, Tân Long thì nhà cửa rải rác, rồi qua ruộng, hai cầu vũng, cầu suối cái đến Tân-Long trong thưa thớt người. Sau đó đến những đoạn đường rừng và cao su, qua cầu Hồ Cao lên dốc khá cao thì bên phía tay phải có sở cao su số 10, trong đó có trại cùi Bến-Sấn; bên trái có sở 49; nối tiếp là đoạn đường rừng vắng vẻ mà có những buổi sáng tôi phải đạp xe đạp chạy nhanh vì những con chim “bò chao” hót inh ỏi như để hù cho tôi sợ. Ra đến cưa (khúc quanh) Bình-Chánh tôi mới hoàn hồn vì đã có nhà dân. Tôi đạp tà tà để thả theo dốc dài và vào khu nhà Bình-Hóa để rồi ra tới ngã ba Bình-Hóa, qua cầu Rạch Tre lên Tân-Uyên.

Nhưng trong thời chiến tranh cho nên đoạn đường cũng không đơn giản như vậy. Các cầu bị đốt, phá hư chúng tôi phải đi bộ qua những đả sắt lật ngang, vai vác xe đạp một cách khéo léo, nếu không sẽ bị rơi xuống hố, hay vũng nước. Và khi đoạn đường bộ từ sở 49 đến cưa Bình-Chánh bị chặn bởi những cây sao cưa ngã chúng tôi phải len lỏi đạp xe băng qua sở cao su Bác-Vật rồi ra bìa sở 49 để đi về. Đối với tôi thuở ấy chỉ thỉnh thoảng đạp xe theo bạn vào đầu hay cuối tuần vì thời gian ấy tôi còn trọ ở nhà bà Út Nghệ để đi học.

Khi ở Tân-Uyên chúng tôi có khi được Bác Sáu con Bà Út dẫn đi theo vào sở Kẹo-Bay ở đầu trên dốc Bà Nghĩa để xem cạo mủ và những tiến trình chế biến mủ. Tôi cũng thử làm được đôi ba lần ở sở 49 lần Kẹo-Bay. Có một buổi chiều gần cuối năm, lúc đó, cao su bắt đầu rụng lá sở và công nhân nghỉ, Bác Sáu lại dẫn tôi và Long đi về hướng Tân-Hòa, Tân Tịch rồi đi vào một ngã ba. Tôi không nhớ là đi khoảng bao xa thì đến nhà quản lý của sở. Chúng tôi ngủ đêm ở đó. Bác Sáu đưa tôi và Long đi dạo quanh khu vực. Chiều dần xuống, hương rừng lành lạnh, bên kia bờ xóm, những chiếc xe bò vẫn còn chất vật liệu nhà cửa lên xe vì lúc ấy đang là thời kỳ dồn nhà dân vào áp “dồn dân lập ấp” để mở đầu cho kế hoạch “ấp chiến lược”. Mãi sau

này, vào năm 1999 khi tôi theo ông anh bạn đi lên điền để thăm vườn cao su, nhân của anh thì mới biết đó là khu vực được gọi là “Thường-Lang, Đất-Cuốc”. Nơi mà tiếng tăm của nó đã có trong lịch sử kháng chiến của vùng chiến khu D.

Tân Uyên là nơi ghi dấu nhiều kỷ niệm khó quên trong những năm đầu bậc trung học của tôi. Nó cũng là nơi mang lại bao nhiêu nỗi cảm hoài. Đó là cảm giác mát lạnh khi tôi bì bõm tập bơi, hay đắm mình giữa dòng nước sạch trong ở bến Ông Quận, bến Vườn Xoài, bến Cây Dầu, bến Cây Xanh, bến Cây Sung. Tại bến Cây Sung này chúng tôi đã chứng kiến xác Thầy Khuê và vài người khác trong lần đi công tác đã bị đơn vị thiết giáp bắn lầm. Ở đây tôi mới biết đến cây giá ty, cây bàng để cụ thể cho bài giảng văn “Nhật lá bàng”.

Đi học xa, nhất là trong lứa tuổi nhỏ như tôi thuở ấy thường có những cảm xúc, chiều ngồi phía sau vườn nhà của bà Út, nhìn ra cánh đồng mông lung, sóng lúa nhấp nhô, mặt trời lặn xuống bên kia ngọn đồi Bình-Hóa; những tia nắng cuối cùng vàng ửng phóng lên không trung, và tiếng ếch nhái cũng bắt đầu vang vọng, những ngọn đèn thấp thoáng đó đây, lòng trở nên buồn, nhớ nhà khôn tả. Thuở chúng tôi được học bài Kim văn “Nhớ Cố Hương” trích từ cuốn “Mây Ngàn” của Vi-Ta, cái cảnh bên ngoài sao có nét diễn tả trong bài làm sao ấy khiến tôi cũng cảm thấy buồn và nhớ cố hương lây. Hay ngồi ở bến Cây Sung, nhìn khói bốc trên mặt nước của sông Đồng-Nai mà tôi lại nhớ đến mấy câu thơ của Thôi-Hiệu đã học: “Nhật mộ hương quan hà xứ thị, Yên ba giang thượng sử nhân sầu” mà Tản-Đà đã dịch “Quê



hương khuất bóng hoàng hôn, Trên sông khói sông cho buồn lòng ai”.

Ở tại trường Trung-học Tân-Uyên có thể nói Thầy Trần-Văn-Khánh đã trang bị cho chúng tôi rất nhiều khả năng về văn. Xuyên suốt mấy năm chúng tôi được thường xuyên học dựa trên căn bản: “Những Lỗi Thông Thường Trong Thuật Viết Văn” của Nguyễn-Văn-Hầu và “Việt-Nam Văn-Học Sử-Yếu” của Dương-Quảng-Hàm. Có lẽ nhờ đó mà mặc dù tôi không có khiếu về văn chương, nhưng khi có cơ hội để viết lách, tôi đã không thấy vương vấp hay khó khăn trong sự viết của mình. Về các bài hát tôi còn nhớ được bài “Hoài Thu” của Văn-Trí mà Thầy Ân đã dạy; Thầy Nguyễn-Thanh-Tuyền dạy Pháp-Văn, Sử-Địa với bài “Đón Xuân” của Phạm-Đình-Chương, Alouette và giọng harmonica của Thầy. Đến những năm sau tôi còn có Thầy Nguyễn-Văn-Thại dạy Pháp-Văn cũng là Hiệu-Trưởng của trường. Thầy Mai-Văn-Phú, Cô Mai-Thị-Hồng, Cô Trần-Kim-Vân, Thầy Xuân, Thầy Lịch, Thầy Thạc, Cô Hoan và một số Thầy dạy ở những lớp khác mà tôi không biết tên.

Từ cuối năm Đệ-Ngũ (lớp 8 sau này) số bạn bè đi học đạp xe đạp đi về khá nhiều, nên tôi không ở trọ ở trên Tân-Uyên nữa, mà theo tụi nó đạp xe đạp đi học mỗi ngày. Thủ-Đông-Sứ (tên cũ của Tân-Uyên) bây giờ không gần bó với tôi nhiều nữa, nhưng tôi thường đi ngang cánh đồng lúa trĩu bông, hay mênh mông sóng lúa của vùng Tân-Uyên mà thẳng Huệ hay nói: Nghe nói: Ngày xưa cánh đồng này hoang vu có nhiều nai ra ăn, cho nên nhà văn Tô-Văn-Tuần mới lấy bút hiệu cánh đồng (Bình-nguyên) nai (Lộc) thành ra Bình-Nguyên-Lộc. Sự việc ấy chưa có cơ hội để kiểm chứng, nhưng sự thực nhà văn Bình-Nguyên-Lộc đã có sinh quán là Tân-Uyên.

Chiến tranh càng ngày càng ác liệt hơn, làng xóm trong Tân-Long, Tân-Hội phải tản cư, dồn ấp và đường sá bị đứt, lần chiến trận dễ xảy ra ở các nơi đó, chúng tôi phải chuyển đường đi học. Bây giờ chúng tôi phải đi đường từ Tân-Khánh ra Cầu Xéo, Phước-Lộc, băng cánh đồng qua Khánh-Vân, rồi ra ngã ba Bình-Chánh, đi lên dốc đồi nhà cao cảng (gọi như vậy vì nhà có gác cao, hai tầng cất cheo leo gần đỉnh đồi)

qua Bình-Hóa mới tới cầu Rạch Tre và tới Tân-Uyên. Đường đi xa hơn nhưng tương đối an ninh. Chúng tôi phải vác xe qua những cầu khỉ, hay bằng một thân cây dầu xẻ đôi, có khi muốn thử tài cứ cưỡi xe thử xem sao, đương nhiên là trong tư thế chuẩn bị “bị té”. Nhưng cũng may trong chúng tôi chưa đứa nào “được té” như vậy. Trên đường đó, chúng tôi sợ nhất là đoạn đường từ nhà cao cảng cho đến ngã ba Bình-Hóa vì đoạn đường này thường hay bị “giật mìn” và đung độ hai bên ở đó. Nếu không may phải lọt giữa vòng thì cũng phải đành chịu thôi! Đi học mà cưỡi xe đạp trên đường bờ ruộng cũng có khá nhiều khéo léo và lanh mắt; tuy nhiên đi vào những mùa sương mù, hay lạnh lạnh, hoặc vào mùa gặt có những thích thú riêng của nó. Riêng tôi thích nhất vào khoảng tháng chín, tháng mười ta tức vào khoảng tháng 11 tây, tức là tháng có nhiều sương mù, lúa ngâm sương. Cảnh người đi chợ đi làm mờ mờ trong sương. Sương mù làm ướt mi, mặt mình nghe lạnh lạnh, ướt ướt mà gió thì hây hây. Mặt nước trong vũng gợn sóng lặn tẩn. Cảm giác thật kỳ thú, khi mình đang đẩy xe qua cầu mà chiếc cầu dường như cũng đang trôi đi.

Tôi đi xe đạp để đi học cùng với bạn bè suốt trong thời gian năm Đệ-Tứ (lớp 9 sau này). Có những lúc chúng tôi phải đi khác đường tùy theo tình hình an ninh và chiến sự. Có khi phải theo lộ mới qua Khánh-Vân; có khi phải ra Bình-Chuân về Nhà Thơ, ra Tân-Ba rồi mới lên Tân-Uyên. Cuối cùng rồi thì năm học cũng trôi qua. Mùa phượng vĩ năm ấy chúng tôi về Biên-Hòa để thi lấy bằng Trung-học Đệ-Nhất-Cấp, rồi với tám bằng ấy chúng tôi lại chuyển đi những trường khác. Người thi về trường Ngô-Quyền (Biên-Hòa); Thạch, Lực về trường Trịnh-Hoài-Đức; còn tôi, Sơn, Huệ thì về trường An-Mỹ để rồi hai năm sau tôi và Huệ lại gặp Thạch, Lực ở trường Trịnh-Hoài-Đức, cùng nhau kết thúc bậc Trung-học để rồi mỗi đứa một đường, đi kiếm một cái nghề cho cuộc đời của chính mình. Tân-Uyên đã xa dần cũng như bạn bè hợp rồi lại tan! Cho đến giờ này không mấy đứa cùng trường cùng lớp lại có dịp gặp nhau!

Riêng trường Phước-Thành bây giờ được mang tên của một vị tướng, trường quân khu 7,

hình như quê của ông ở Tân-Hòa hay Tân-Tịch gì đó; ông cũng là nhà thơ tác giả của hai câu thơ:

“Từ thuở mang gươm đi mở cõi

Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long”

Không biết là tôi có nhớ đúng nó hay không? Nhưng chắc chắn tác giả chính là Huỳnh-Văn-Nghệ. Trường mang tên của ông ấy cũng là một điều hợp lý thôi!

Tân-Uyên quả là một thời của kỷ ức và kỷ niệm trong tôi! Mà kỷ niệm thời thơ ấu cũng thật khó mà phai, có phải vậy không cùng các vị?

(6/11/2011)

Thơ

Xứ Tôi!

Có ai về xứ “Thủ”

Xin nhắn thử đôi lời

Có còn cây “Dầu Một”

Một lần vào trong tôi!

Quê hương tôi xứ “Thủ”

Người gọi nó Bình Dương

Dù Bình Dương hay Thủ

Cũng chẳng cách đôi đường!

Quê hương tôi thời chiến

Có lắm chỗ chiến khu

Chiến tranh ngày ác liệt

Anh em chết, hận thù!

Ngày tàn rồi cuộc chiến

Hận thù vẫn liên miên

Cùng nhau còn ngoảnh mặt

Mộ, mộ khắp mọi miền!

Đỗ Ngông

22/11/2011



Một Thuở Thanh Bình

Kim Nên

Từ Bình Dương đi về hướng bắc, theo một tỉnh lộ đất đỏ thì đến Bến Súc rồi lên Dầu Tiếng. Ngoài ra, cũng có thể đi lên Bến Cát rồi vòng qua Bến Súc thì cũng tới nhưng đường sẽ xa hơn. Bến Súc còn có tên rất đẹp là Thanh Tuyền. Nó nhớ thật rõ ràng mặc dù lúc ấy nó mới khoảng 8, 9 tuổi. Đây là vùng đất mới, từ Dầu Tiếng chạy xuống Bến Súc trước khi tới chợ, bên phải là trường học nơi nó học hết lớp nhì thì gia đình nó dọn về quê nội dưới Bình Dương. Đó là ngôi trường đầy kỷ niệm ấu thơ. Nhớ lại, một buổi trưa họ cả đám học trò rủ nhau vào vườn hái trộm hột điều, trái điều ăn vị chát tụi nhỏ không thích, nên rủ nhau vụng lầy hột để đem về nướng hoặc nấu chè. Mãi mê phá phách nên đám nhóc quên cả giờ học. Trở về đến trường thì thấy ông hiệu trưởng tên Trên cầm roi đứng chờ. Ông bắt cả đám nằm xuống đất lấy roi quất cho một trận. Một đứa sợ đòn quá lấy giấy báo bỏ vào quần che cái đít để khi bị roi quất thì đỡ đau. Khi ông hiệu trưởng quất roi vào đít nó nghe bình bịch, làm cả đám học trò nhỏ vừa khóc vừa cười. Học ở trường đó năm nào anh em nó đều được lãnh thưởng.

Nhà thương ở cạnh trường. Bên kia đường là sân vận động nơi các anh nó thường vui chơi đá

banh. Chạy qua vài căn nhà là lò đường. Nhà nó ở không xa có miếng đất nhỏ ba má nó trồng mía lao. Đền mùa mía già, cả nhà cùng chặt, bó đem lên lò đường cho thợ xay ép và nấu làm đường thè. Nó thích nhất là những buổi trưa hè ở quê. Không có gì ăn vặt, chị nó mua bánh đa nướng đem lên lò đường, nhờ chú thợ nhúng bánh đa vào chảo đường đang sôi nhay bọt. Thè là chị em nó có một món kẹo bánh đa giòn tan ngon thật là ngon. Bên kia lò đường là một bãi xác mía cao như đồi núi, nơi đó bọn trẻ nhà quê của nó thường leo lên chạy nhảy nô đùa trong những đêm sáng trăng.

Qua dốc Năm Vô có một cây đa to lớn trước căn nhà âm u, vắng lặng. Tụi trẻ trong làng đồn nhau là nhà đó có ma. Chạy xe về hướng chợ là những căn nhà với hàng cây trứng



Đường lên Thanh Tuyền (Bến Súc)

cá chạy dài hai bên đường là công lao của ba nó trồng cho đẹp đường phố. Đám trẻ trong làng thích trèo lên cây hái mấy trái chín ăn rất thơm ngọt. Đến ngã ba là chợ Bến Súc, trước chợ có xây một bia đá có cần một miếng phản chiếu (luminer) màu vàng để chiếu sáng khi ánh đèn xe chiếu vào lúc ban đêm. Cái bia đá đó là nơi vui chơi của nó và đám trẻ, nhất là những ngày cùng nhau tắm mưa, rượt nhau chạy chung quanh bia đá và đưa con mắt thật gần miếng luminer màu vàng để xem bên trong có những vết sáng màu vàng xen lẫn, di chuyển theo con mắt ngây thơ quê mùa của đám con nít. Tại ngã ba đường, quẹo trái là đường đi Bến Cát, quẹo phải đi về phía sông Bến Súc, bên kia sông là Phú Mỹ Hưng.

Con sông này đã ghi lại hình ảnh thân yêu của người cha khuất bóng thường đưa con gái út sang sông chữa bệnh. Con đò cập bến, nó được ba nó chở trên chiếc xe đạp chạy lọc cọc trên con đường đất gồ ghề đến nhà bên chông của di Năm. Cái bệnh của nó thật lạ kỳ không hiểu tại sao ngón tay cái của nó thường sưng to và đầy mủ. Bác Ba nói tay nó bị nhiễm độc vì lông sâu rọm, cái con sâu màu đen đầy lông nhìn thấy ghê sợ. Bác Ba chữa bệnh bằng cách lấy trái chanh cắt làm hai rồi chà trên ngón tay cho đến khi da tay mỏng ra (trong chanh có chất acid).. Bác dùng gai chanh khều lông sâu rọm ra, sau đó bác lấy một trái cà tím nướng chín còn nóng đắp trên chỗ ngón tay bị nhiễm trùng. Thế là vài ngày sau ngón tay lành lại.

Con sông này cũng là nơi ba nó thường rửa xe. Vui lắm vì ở quê ít ai có cơ hội được đi xe hơi nên hôm nào ba nó rửa xe là hầu như cả xóm đi theo. Dù lên xe chỉ được chở đi một chút nhưng cũng đủ làm cho mọi người hơn hờ vui tươi. Một hôm xe đậu rất gần mực nước sông không ngờ nước lớn lên quá nhanh, tràn vào máy xe, thế là xe không nổ máy, mọi người phải hi hục nhau đẩy xe về nhà.

Ban đêm ở Bến Súc khung cảnh rất êm đềm có khi lại quá yên tĩnh. Đường đêm thanh vắng đi qua bãi tha ma sao mà ớn lạnh. Chập chờn mấy chiếc xe tăng rỉ sét của mấy ông lính Tây năm nào bị bắn chết, hư hại nằm chơ vơ giữa trời trông thật buồn thảm. Xa xa bên kia đường

những mái nhà tranh của những người Bắc mới di cư vào Nam.

Ngày xưa ở Bến Súc đa số là người miền Nam, sau này có một số người Bắc đến định cư. Họ đã gây nhiều chú ý, thắc mắc cho dân làng, từ cách sinh hoạt, ăn mặc, giọng nói. Đám con nít như nó thì thường bị người lớn dọa nhát không dám ra đi chơi nhiều vì sẽ bị họ bắt làm chả lụa, vì thế mỗi lần đi thăm di Năm của nó có căn nhà ở gần bờ sông và phải đi ngang qua xóm nhà người Bắc là nó vắt giò lên cổ chạy một hơi về nhà. Năm ngoái hộp mặt Trịnh Hoài Đức ngồi nhớ chuyện xưa, mấy bạn Nam kỳ nhắc chuyện ”Bắt con nít làm chả lụa” rồi cùng nhau cười rũ rượi cho cái ngu ngơ của mình, trong lúc hai cô bạn Bắc kỳ ngỡ ngàng: “Thiệt hả?”.



Ngôi nhà đầu tiên ba má nó cất là nhà tranh vách đất ba gian rộng rãi, phía sau là rừng cao su xanh thẳm. Đây là chỗ cho nó và người anh thứ sáu hay trốn ngủ trưa chạy rong chơi, đi lượm hột cao su cho đầy thùng đem đi bán, cái loại thùng đựng dầu lửa, còn gọi là dầu hôi. Có khi trời đang nắng mà đôi khi xảy ra một cơn mưa bất chợt. Đó là lúc trong rừng có nấm mối. Lúc này lũ nhỏ rủ nhau chạy vào rừng cao su để tìm nấm, nhỏ về cho má nấu món nấm chung hột vịt ngon số một. Bến Súc về đêm với vài ánh đèn dầu leo lét, khá giả lắm thì đèn “măng sông”. Ba nó quen sống ở thành thị, về đây ông nhớ những ánh đèn điện màu. Tánh ba vui vẻ, thích trang trí... Ông mua vài chục cây đèn dầu nhỏ, rồi sơn cái chụp đèn đủ màu xanh đỏ tím vàng. Mỗi buổi chiều ông bảo người anh thứ ba của nó châm đầy dầu. Đêm về, ông đốt

đèn và treo lên. Từ xa nhìn thấy trông như đèn điện chói sáng muôn màu rực rỡ

Ngôi nhà thứ hai ba má nó cất gần chợ hơn, được xây cất bằng vật liệu gạch, xi-măng, đá rửa, lót gạch tàu. Nhà rộng lớn, phía trước một gian bán tập hoá, kế là phòng ngủ có một gác lửng. Một gian có bàn bi da, bóng bàn, banh lắc .v.v. Nó thích chơi banh lắc với mấy đứa nhỏ hàng xóm. Nó thua thì không phải trả tiền. Mấy đứa kia thua thì phải bỏ tiền vào trong máy mới được chơi nữa. Nơi đây là nơi giải trí của những thanh thiếu niên trong làng, cũng là nơi nhiều người đến để trồng cây si vì chị Mai của nó đẹp. Nhà bếp được nối liền với nhà trên qua một phòng ăn rộng rãi, hai bên là khoảng trống lộ thiên, ba nó trồng một cây bông giấy thật to trổ đầy hoa thật đẹp, loại hoa hai màu trắng, hồng mà ba nó công phu ghép tía.

Bến Súc là cả bầu trời thương yêu của tuổi ấu thơ đơn sơ, mộc mạc, vui đùa với thiên nhiên luôn sống động trong tâm hồn nó. Nhớ những đêm sáng trăng anh Vân hàng xóm đánh đàn dạy nó hát, để có dịp làm quen chị Mai nó. Vui làm sao trên tay cầm gói kẹo chocolate "kiss" là món quà của người anh đi học ở tỉnh về thăm nhà cho nó. Nhớ sao là nhớ những ngày anh em nó đi theo thầy giáo lên Dầu Tiếng làm văn nghệ, đi xem đá banh. Nhớ nhất là khi anh nó đem chiến thắng cho đội banh nhà bằng một cú đá rất ngoạn mục. Trên đường trở về làng, bà con lối xóm ngồi trên chiếc xe đồ của ba nó vẫn còn háo hức, vui mừng thắng trận. Nhớ những trưa hè ra ngoài đồng lượm một những trái dưa hấu ẻo uột nhỏ đem về nấu canh tôm, một giá đậu phộng về cho má làm món giá xào ăn rất ngon. Những ngày nghỉ học đu đưa tòn ten sau chiếc xe bò đi chơi suối Cát. Rừng sâu âm u cây cao vời vọi vang rền tiếng ve kêu hạ, tìm hái trái cây rừng, vú bò, gui, nhãn lòng... Nhớ biết bao nhiêu cái không gian tĩnh mịch của một quê hương thật thanh bình!

(Houston, Hè 2011)

Thơ

Xuân nhớ bạn

*Hai đứa quen nhau nhờ thi rớt
Đành vào Nguyễn Trãi học chờ may
Rủ nhau học lại thi lần nữa.
Hai lần mới đậu nhớ không mi?*

*Trịnh Hoài Đức duyên tình hai đứa
Cho chúng mình cùng lớp A 2
Tao cao nghệu được làm Trưởng Lớp
Mày nói nhiều Trật Tự cũng hay*

*Mấy năm trời vô tư, siêng học
Bỗng một ngày tao bỏ trường đi
Lấy chồng xa tao buồn nhớ bạn
Thăm nhà "bồ", bồ đã đi xa ...*

*Chỉ có mày tình không thay đổi
Thương yêu tao như thuở ban đầu.
Vui chưa trọn tao bỏ mày đi nữa
Lần này đi xa lắm, mày ơi.*

*Nhớ đến mày mùa Đông giá lạnh
Tao băng khuâng nhớ Tết quê nhà
Mát thật rồi mùa Xuân tuổi ngọc
Tết xứ người buồn lắm mày ơi!*

Thương Hoài A 2



Dưới mắt học trò

Bài và ảnh: Huỳnh T. Nhung

(Lớp A2 – Khoá 13)

Xuân lai

Chuyển mùa, khi hơi sương se lạnh, bạn mình liên tục Alô: có tin báo hỷ, tập trung nha. Và cũng có tin buồn: Alô chia sẻ với bạn mình nghe. Chúng tôi, những cô học trò nhỏ nhỏ được các bạn nam sinh hồi đó gọi là mấy Tiểu Thư khoá 13. Khoá ra trường năm 1974 mà Thầy Cô đều ấn tượng gọi là khoá IBM (bạn nào buồn, ráng chịu).

Năm ấy, lần đầu tiên sau 13 năm ra trường, chúng tôi về lại mái trường thân yêu xưa được hơn chục đứa. Vô cùng cảm ơn Anh Bình đã có công nối kết. Chúng tôi chờ nhau trước cổng trường: “Ừa, bạn đó hả? Sao phì nhiều dzậy?. Đẹp lão dzữ nha, tóc bạc hết trơn rồi”.

Lại ríu rít hồn nhiên mày tao như hồi nào hồi nao. “Sao rồi?. Có cháu nội ngoại gì chưa?”. Kỷ niệm đây ấp kể hoài không hết. Chuyện học giỏi ngoan hiền ít nhắc tới. Chuyện xí xọn lại được nhắc nhiều: bị thầy cô rầy, bị điểm 0 môn toán tới 26/50 học sinh cả lớp. Nhổ trộm củ sắn bị cô Hương kêu lên văn phòng, Cô chưa rầy đã khóc. Chuyện văn nghệ: làm đặc san Lớp, bích báo, Nhóm Múa, hội trại Xuân. Những giờ học được nghỉ đi chơi nhà bạn Ngọc Tuyết. Lúc nào cũng được Bác Sáu gái dọn cơm cho ăn, rồi ra gốc mận ngồi ăn mận chầm nước mắm đường. Sao vui, sao ngon quá là ngon. Chuyện đi xe ngựa đến nhà bạn Ngọc Ánh ở Bà Lụa. Má bạn đãi một bữa cà tím nướng nhớ đời ngon hết biết....

Mùa mưa, chúng tôi đi bộ trên đường đất đỏ từ quốc lộ 13 vô trường Nữ. Học trò nhỏ - áo dài trắng - mang guốc thuyền sơn đen quai trắng, trong cặp tạp phải có mấy cây đinh đóng guốc, phòng khi đứt quai. Mùa mưa, áo dài trắng thành áo dài hoa lấm bùn là chuyện

thường ngày có gì mà mắc cỡ. Bài thơ “Chiếc Áo Dài Bông” viết trên tường trường nữ ngày đó, giờ đã quên rồi.

Còn chuyện bây giờ mới kể: tìm bạn bốn phương, những bức thư trong hộp bìa nếu kể ra thì: “mua vui cũng được một vài ...”.

Nhớ ơi là nhớ chuyện học trò. Có chuyện bạn này tưởng quên được bạn khác nhắc lại. Chuyện hồi đó mà cứ như là cổ tích. Rồi bạn ở nơi xa: Thủy, Loan, Hạnh ở Úc về, và lại có cơ hội đoàn tụ rồi.

Bạn Mộng Hoài ở CaLi mong tìm lại bạn cũ. May quá, có anh Huỳnh Xuân Khai nối nhịp cầu vui. Thế là alô, gửi hình về coi còn đẹp gái thì gả chồng cho. Vui đến các đảng phụ quân cũng vui theo và ngạc nhiên: “Sao mấy bà dzui dzữ vậy?”.

Bạn đồng môn bảy năm nên hoài niệm nhiều ơi là nhiều. Còn các bạn khác giờ ở tận đâu?. Cuộc đời có được như mơ ước? Vẫn tìm, vẫn mong tin bạn và mong nhận hồi âm.

Ôn cố

Năm đầu:

Trường Nữ THĐ năm 1967 có 2 lớp đệ thất nữ là P1 (Pháp Văn) lớp A2 (Anh Văn). Sau đó có thêm lớp A3. Lớp tôi có đến 7 bạn tên Tuyết và 1 bạn tên Phước thì hơi lùn, vì vậy các thầy hay gọi lớp tôi là “7 Bạch Tuyết, 1 chú lùn”. Thầy Huỳnh Ngọc Anh vào lớp vừa mở nón xong nói: “Lấy tạp ra đập”, “Repeat after me”. Thầy phì cười khi chúng tôi cũng lặp lại “Repeat after me” (mà thường xuyên lặp lại vậy đó). Thầy Phán Giám Thị rầy rà: “Chém cha không bằng pha tiếng”.

Thương ơi là thương Thầy Bình dạy Vẽ chịu chuộng học trò hết biết. Cô Hiếu dạy Nữ Công tha hồ cho mấy chị trở tài. Thầy Nguyễn

Nhật Duật dạy Việt Văn mà mỗi lần nhớ thầy đều tiếc nuối. Sao không tiếp thu kho tàng văn học của thầy được một tí tí nào, cứ lú lú: “Thầy ơi không hiểu”. Thầy an ủi: “Lớn lên sẽ hiểu”. Lớn lên và cần hiểu, thì có còn thầy đâu mà hỏi?

Thầy Bùi Thế San dạy Vạn Vật. Thầy là “Papa” của chúng tôi rất nhiều năm, nên cũng phát huy được một chút phong trào văn nghệ. Làm sao quên được những ca khúc vượt thời gian mà thầy từng hát: Mộng Dưới Hoa, Dư Âm, Ngâm Ngùi, Suối Mơ, Tiễn Em

Trường Nữ năm đó, lớp tôi có một giờ học nhạc với thầy Bé Tám. Nhưng thầy nghỉ. Giờ học đó, lớp tôi tiếp những vị khách lạ rồi nhận những tờ màu hồng, xanh, vàng bằng giấy pelure giấu trong ống tay áo dài. Cờ được kéo lên cột cờ phát phới. Sau sự kiện đó, chúng tôi được chuyển qua học bên trường Nam và học buổi chiều. Chúng tôi có những anh chị “học tử” buổi sáng. Sau này mấy bạn chỉ cho: “Anh Thiện hồi đó viết thư bỏ trong học bàn cho mình đó”. Có người chị kết nghĩa Yến Châu vừa học giỏi vừa hiền. Tết đến chị còn gửi thiệp chúc xuân chúc các em học giỏi, sau này mới biết chị học cùng lớp với chị Đình Thúy. Không kể cũng biết: một bạn viết thơ nhưng có tới hơn một chục bạn làm đạo diễn: “Phải viết dzây nè.....”. Trường mời phó nhóm chụp hình cho chúng tôi hình trắng đen. Bạn nào cũng nhỏ xíu xinh xinh (đính kèm)

Năm đệ lục:

Làm sao kể hết những niềm vui. Năm đó đến giờ Lý Hoá của thầy Bùi Lý Hồng, bạn mình gọi giờ Lý Hoá là giờ hội hộp. Thầy có thể gọi trả bài bất chợt. Một hôm thầy giờ danh sách lớp. Chúng tôi đang hội hộp hội. Thầy hỏi: “Em nào hay ăn quà nhất lớp?”. Sợ quá, chỉ chò: “Bạn H. đấy”. H. bị gọi đứng dậy.

Thầy móc tiền trong túi ra: “Đi mua củ đậu giúp thầy”. Hết hồn.

Cô Nghiêm Thuý Liễu dạy Sử Địa luôn khuyến khích học trò thuộc bài bằng phần thưởng là những quyển sách hình, nhìn thấy đã mê mẩn (sách nước ngoài mà). Môn đó chăm học ời là chăm.

Cô Nga dạy Toán cho điểm 0 : 26/ 50 em. Thiệt đáng đời, môn Toán mà. Nhờ vậy các bạn



Nữ sinh khoá 13 THĐ

siêng hơn một tí. Thầy Bình dạy vẽ khuyến khích chúng tôi vẽ theo bia Báo Tuổi Ngọc, Tuổi Hoa. Lúc chấm điểm, thầy hỏi: “Sao nhiều em giống nhau thế” (“cọp dề” ấy mà).

Năm lớp 8:

Năm đó không còn ghi trong học bạ chữ Đệ ngũ, mà viết là Lớp 8.

Một năm học qua quá nhanh với bao nhiêu là niềm vui. Cô Hoàng Thị Đan Hội với chiếc áo dài màu tím Huế, giọng nói như chim hót, dạy môn Sử Địa. Nghe riết giọng Huế của Cô mà ghiền.

Thầy Bùi Thế San dạy Vạn Vật, phong trào văn nghệ tung bùng. Giờ học của thầy, bạn nào cũng được thầy khuyến khích hát để thầy được nghe giọng hát học trò. Ca sĩ hát trên đài chuyên nghiệp làm sao bằng các em hát. Làm sao quên được những lời thơ qua tiếng nhạc. Cảm nhận học trò hồi đó sao thiết tha:

.... Chưa gặp em tôi vẫn nghĩ rằng.....
 Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn diu
 muôn tiếng tơ.....
Nắng chia nửa bãi chiều rồi vườn hoang
 trinh nữ xếp đôi lá rầu....
Nghìn trùng xa cách người đã đi rồi.....
 ... Lên xe tiễn em đi chưa bao giờ buồn thế....

Và cũng thật bất giờ khi Bạn Lương Thị Lễ Minh học giỏi nhất lớp hát bài Clementime bằng tiếng Anh điệu nghệ.....

Năm đó, tôi được thầy Bé Tám đào tạo song ca bài “Trường tôi” với hoa khôi Trịnh Hoài: Nguyễn Thị Mỹ Linh. (xem hình).



Nguyễn Thị Mỹ Linh & Huỳnh Thị Nhung (K13)



Vũ khúc Cành Hoa Trắng (K 13)

Vào dịp lễ cuối năm, chúng tôi múa bài “Cành Hoa Trắng”. Nhóm múa gồm 7 bạn: Tuyết Phan, Giang Mỹ, Nguyệt Hồng, Nhung, Phụng Loan, Mỹ Hạnh, Mỹ Linh (ngồi giữa). Tuyết Phan là đạo diễn. Năm đó chúng tôi chụp hình với cô Hà Thị Liên dạy Anh văn. Học trò cứ len lén ngắm cô mà mơ ước: lớn lên giống Cô mặc áo dài không cổ màu xanh thiên thanh, mang giày ‘bit’. Không làm sao quên được vẻ đẹp xinh tươi hồn nhiên quý phái của cô.

Chuyện bây giờ mới kể: Giờ Toán của thầy Đặng Văn Danh. Trường Nữ có Phòng Giáo Sư ở trên lầu một. Bạn X. ở lớp A1 đã bóp khoá nốt thầy bên trong. Hai lớp bị rầy mà lớp tôi thì bị hàm oan. Ai cũng biết là bạn X., nhưng đến giờ vẫn nhất quyết thề không khai báo (nhất quỷ, nhì ma, thứ ba là con gái).

Năm lớp 9:

Chúng tôi học ở Trường Nữ. Lớp tôi bắt đầu có những thành tựu ở những bài báo tường. Chúng tôi ra đặc san “Dưới Mắt Học Trò”. Báo in ở nhà sách Khai Trí của Thầy San. Thầy Đoàn Phế đã vui vẻ khuyến khích và chỉnh sửa bài viết của chúng tôi.



Hình bìa đặc san Dưới Mắt Học Trò

Biết bao nhiêu là chuyện hậu trường quanh đặc san. Thầy Đình Đức Vượng đã dành riêng cả buổi cho chúng tôi thảo luận cái tên đặc san.

Nhiều ý kiến ý cò. Thầy cà rớn: “Thì giản dị thôi: tên là “Ăn Uống Ngũ”. Dzậy mà bí quá, cả bọn ồn ào: “Theo ý của thầy đi”. May quá, Thầy Phê đã gỡ rối cho lớp, để bây giờ bao nhiêu bạn đọc lại bồi hồi bồi hồi: “Hồi nhỏ mình cũng giỏi dzữ hén?”.

Cuối năm, nhóm múa diễn bài Mùa Hoa Anh Đào với 4 bạn: Phụng Loan, Thẩm Mỹ, Lại Tuyết, Nhung. Chúng tôi không tập múa ở trường mà tập ở hang Đức Mẹ ở Nhà Thờ Lái Thiêu. Giờ nhớ lại, bạn nói: “Sao quờn dzậy nhi?” .

Trong năm này, tôi vẫn tiếp tục viết bài cho đặc san Xuân của Trường, tham gia đi bán báo trường, học đàn với thầy Bé Tám, dự các hội trại của Trường. Cũng bày đặt ghi bút danh cho bạn bình loạn lung tung. Dù sao cũng một thời áo trắng.

Lớp 10:

Nhiều dấu ấn cùng thầy bạn. Bắt đầu điều điều. Lại được cô Hương Giám Thị quan tâm cho đi dự các chương trình của trường vì các chị lớp 11, 12 phải thi Tú Tài 1, Tú Tài 2. Thầy Lê Vĩnh Thọ dạy Việt Văn. Nhà thầy toàn là sách, nhiều hơn cả thư viện của trường. Cô Nguyễn Thị Xuân dạy Anh Văn. Cô dạy hát rất nhiều bài: Dola dola, Silent night.... Thầy Võ Kim Lân dạy Pháp Văn với một chuyện cười bằng câu: “Fémine et masculin?”, hoặc “Vỏ cá bự lại rẻ” từ chữ vocabulaire. Thầy Gời dạy Vạn Vật với chữ ký giống hệt hàng rào kẽm gai dài ngoằng. Thầy Đình đạo mạo. Thầy Em dạy môn Công Dân. Học trò ví von thầy giống lính dù rằn ri hơn thầy giáo. Lúc thầy bị tai nạn giao thông ở Cầu Bà Hên, học trò lú rú đi thăm ở Bệnh viện Bình Dương mới có cảm tưởng thân thiện với thầy.

Lớp 11:

Chúng tôi qua trường Nam học, đã được gọi là tiểu thư và nhiều bạn đã nhận được thư (gửi bằng phi tiêu bay) :

*Có phải em mang trong áo bay
Hai phần gió thổi một phần mây,
Hay là em gói mây trong áo
Rồi thổi cho làn áo trắng bay.*
(Thơ Nguyễn Sa)

Tuổi ô mai mới lớn kỷ niệm nào cũng quá ngọt ngào. Tình hình thời sự bên ngoài càng dữ dội, chúng tôi càng quý mến nhau. Năm đó, chúng tôi mỗi đứa diện một bộ đồ trắng đi diễu hành. Đi đầu là chị Ngọc Liễu nên đứa nào cũng biết chị.

Chúng tôi đọc Vòng Tay Học Trò của Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng, đọc Buồn Ôi Bất Tay của Fr. Sagan, đọc Doctor Zivago, Chiến Tranh Hoà Bình, Cuốn Theo Chiều Gió, tiểu thuyết của Quỳnh Dao với kỳ vọng sau này thành đại ... văn hào.

Năm đó báo Xuân của Trường có bài viết của tôi với lời khen của thầy Lê Vĩnh Thọ và thầy Phước, Phó Hiệu Trường.

Thầy Phan Huy Đạt dạy Sử Địa đã đem lại cho chúng tôi thật nhiều kiến thức về lịch sử.

Chúng tôi quý mến thầy, quý hơn nhiều vì thầy là em trai của bà Phan Lệ Thanh, người đã dịch tác phẩm Love Story.

Thầy Võ Kim Lân là giáo sư hướng dẫn



Hội Tết trường Trịnh Hoài Đức

lớp. Thầy nhiệt tình đem thư từ văn phòng cho mấy đứa không có tên trong danh sách lớp. Mỗi khi thầy kêu Ngọc Minh có thư, là rất nhiều bạn phì cười. Tội cái “ông” đứng trước cổng trường chờ gặp Ngọc Minh mà không hề biết Ngọc Minh là một nhóm, nên văn hay chữ tốt quá chừng chừng.

Một chuyện làm đau lòng bạn Võ Hồng và bạn Thanh Thủy. Giờ học của thầy Hào dạy Anh Văn. Buổi chiều u ám ấy, chúng tôi về trễ. Hai bạn bị mất trộm hai chiếc Honda Dame mới tinh. Thời buổi ấy, chiếc xe đó có giá trị lớn, là niềm mơ ước của rất nhiều người. Ngày hôm sau, một nhóm bạn đi Vũng Tàu, nghỉ ở nhà thầy Lê Bích, hiệu trưởng trường Nghĩa Phương. Thầy Lộc hiệu trưởng trường Trịnh Hoài Đức cùng Thầy Bích đi nghỉ ở khách sạn, nhường nhà cho học trò cung. Bạn Út nói: “Mình đi chơi vui, bạn mình thì buồn”.

Năm cuối:

Thầy Phúc dạy Triết học. “Thầy ơi ... không hiểu gì hết”. Thầy an ủi: “Thầy còn chưa hiểu hết, lớn lên các em sẽ hiểu”. Một nhóm rủ rê đi học thêm Anh Văn. Thầy Hào dạy ở nhà Thầy Anh đường Bạch Đằng. Môn Lý Hoá học với Thầy Phạm Ngọc Em ở trường Nguyễn Trãi. Thầy ơi, trò học dở là có tội nhiều lắm với người thầy đã đem hết tâm huyết ra giảng dạy cho trò. Rồi một nhóm lại bon chen xuống trường Văn Học ở Sài Gòn học Triết với thầy Trần Bích Lan (nhà thơ Nguyên Sa). Trường lớp ngọt ngào chật chội. Thầy kể hết chuyện phiếm này đến chuyện phiếm khác chẳng liên quan gì đến Triết học, mà học trò vẫn ngủ ngon. Thầy tự trào, có công “tôi ru em ngủ”, “mộng vẫn bình thường”.

Chúng tôi học tiếp năm cuối với thầy Phan Huy Đạt dạy Địa Lý. Quý thầy nhiều hơn khi thầy trò cùng làm Báo Xuân Trịnh Hoài Đức

năm 1974. Bây giờ tôi vẫn nhớ mình đã làm thơ trên sân cỏ Trịnh Hoài với nắng vàng dưới gót chân. Nhưng giấc mơ làm nhà văn, nhà thơ... thân của tôi vĩnh viễn chia ly ngậm ngùi với tôi sau bài thơ lãng mạn đến nỗi tôi bị ăn đòn của cha tôi năm ấy.

Xuân đến, trường tổ chức Hội Tết. Thầy Mẹo, giáo viên chủ nhiệm, giúp chúng tôi xây dựng khu trò chơi. Lớp tôi lo trang hoàng, nhưng con gái mà... Trại chúng tôi hoa lá cành đủ kiểu và vui mắt nên được bằng Tường Lục của trường. Tôi lên nhận bằng khen từ thầy Hiệu Trưởng Nguyễn Văn Hộ. Có một bạn bày tỏ niềm vui trên bằng trắng “Vương quốc A2 giành giết giải nhất”. Bây giờ mình nghĩ lại, chỉ có Phụng Loan là hay nghịch nhất nhưng bạn nói quên hết rồi.

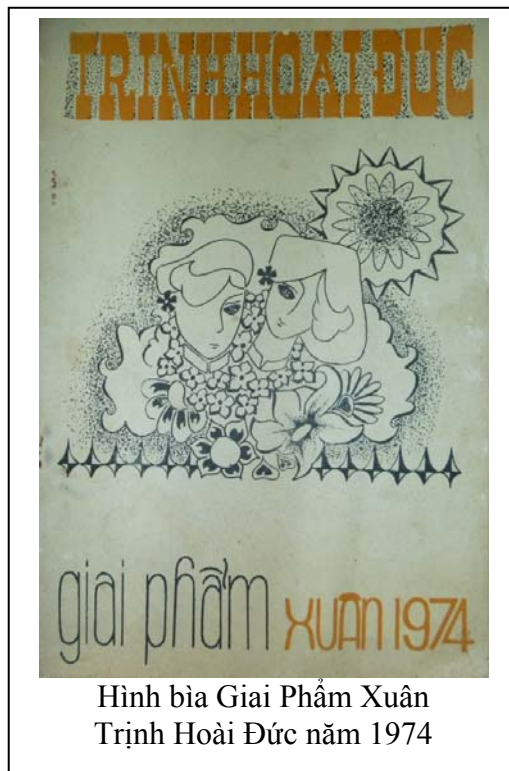
Rồi chúng tôi viết lưu bút chia tay. Bạn Thu Hà vẫn giữ còn như mới, đọc lại giống hệt tuồng cái lương cũng mùi thấy thương... Phía sau tấm hình lưu niệm nhất định phải là câu: “Dù cho ảnh có phai màu, xin đừng xé bỏ mà đau lòng người”. Ôi kỷ niệm sao mà ...

Một niềm vui lớn trong năm học năm học cuối cùng của tôi là được nhận phần thưởng an ủi do trường tặng. Tôi chụp mấy tấm hình nhưng không rõ mặt các Thầy và quan khách đến dự.

Thêm một kỷ niệm với thầy Phan Huy Đạt khi học ở Trường Đại Học Văn Khoa. Tôi cùng thầy và các em khoá sau làm đặc san Xuân 1975. Tôi nhớ hoài câu Thầy nói: “Hành trang của Thầy chỉ

có một valy đựng sách”.

Mùa xuân, mùa vui tươi, mùa hội ngộ. Tôi sợ sẽ rớt ròi hết những kỷ niệm trường lớp nên xin ghi lại những kỷ niệm xưa để nhớ về khối tình trường, lớp, bạn bè, và để hãnh diện khoe cùng con cháu: Trịnh Hoài Đức là ngôi trường mà tôi đã học ./.



Hình bìa Giai Phẩm Xuân Trịnh Hoài Đức năm 1974

Xuân Suy Tư

Nguyễn Thị Tư

Chỉ còn vài tuần lễ nữa là bước sang năm mới. Ba trăm sáu mươi lăm ngày thoáng chốc qua nhanh. Đúng là thời gian thấm thoát thoi đưa, lặng lẽ không chờ ai đợi ai.

Xuân đã về. Xuân ơi. Ta đã còn được gì và mất chi trong cuộc sống hôm qua, hôm nay và những ngày đang tới?

Ngoài kia Giáng Sinh về tràn ngập mọi nẻo đường. Từ thành phố xa hoa rực rỡ cho đến tận chôn thôn quê êm đềm cũng rực sáng hoa đèn. Thế là ai cũng biết rằng năm mới đã cận kề.

Hôm nay, nếu bạn có dịp lang thang lúc đêm về để dạo quanh vùng trời Bình Dương, bạn sẽ sửng sốt vì quê mình đón Xuân tung bùng, rực rỡ biết bao!. Người ta kết đèn như những rừng hoa, người xe ngộp cứng từng con đường. Nhà nào cũng thức thật khuya để vui chơi, ca nhạc hoặc ăn uống tung bùng.

Tuy hoa mai vừa mới chớm nụ trên cành, chợ hoa còn lác đác chưa trưng bày nhiều, nhưng mùi vị năm mới đã tràn ngập trong lòng mọi người.

Năm nay, Tết Dương Lịch vừa đến thì chỉ còn hai mươi mấy ngày nữa là Tết Nguyên Đán. Hình như mọi người ai cũng như có gì đó vội vàng hơn, gấp rút cho kịp thời gian. Ai cũng sắp soạn, lo toan để đón Tết quê hương mình. Bây giờ mình đã già, nhìn đám trẻ bộn bề, tất bật chuẩn bị cho năm mới, lòng già cũng nghe nhộn nhịp theo. Nhớ thuở còn thơ, những ngày cận Tết mình mong chờ từng phút giây, trông cho mau tới. Nhất là thời còn cấp sách mới vui sao. Những ngày này chúng ta cùng nhau tổ chức viết báo trường, tập văn nghệ, đóng vai ông bà Táo để trình diễn vào ngày liên hoan cuối năm. Ôi, bao nhiêu là chuyện phải làm của bọn học trò trong những ngày này!.

Đã bao mùa xuân đi qua với bọn mình rồi nhỉ?. Năm mới cứ đến rồi đi. Thời gian cứ xoay vần theo ngày tháng. Tâm tư mình cũng lênh đênh, dập dềnh với chất chùng bao nỗi buồn

vui. Con sóng đời cứ xô đẩy làm cho ta mỏi mệt, già nua cả thể xác và tâm hồn.

Xuân lại về. Bạn mình ơi, nơi xa xôi nào đó bên kia đại dương, những bạn của một thời chung trường chung lớp, bạn có nghe lòng rung động, xôn xao?. Tâm tư bạn có chợt lắng đọng vài phút giây để hướng về quê hương và hồi tưởng lại một thuở nào cùng chào xuân bên ngôi trường thương yêu, có thầy cô, bạn bè thân ái?.

Nơi quê nhà, tuy cuộc sống còn lắm khó khăn, bọn mình mãi chật vật bao vấn đề thiếu đủ, nhưng để mừng xuân, bọn mình cũng phải lo toan, chuẩn bị mọi thứ. Theo tập tục ông bà ta truyền lại, trong ba ngày đầu năm mới bọn mình sẽ gặp nhau vui vầy, cùng chúc nhau những điều tốt đẹp nhất, dù ai cũng biết rằng trong cuộc đời này có mấy ai tròn vẹn tốt đẹp bao giờ.

Mới năm nào đây cũng vào xuân, bỗng nhiên bạn từ phương xa quay về để gặp lại bạn bè xưa nơi quê nhà đủ đầy sau ba mươi mấy năm xa cách. Ôi quá là vui, người già hóa trẻ, niềm vui tràn đầy qua những lời kể lể cho nhau nghe những bao kỷ niệm vui buồn mà một thời tuổi ngọc còn sống mãi trong tim bọn chúng mình. Chuyện vui buồn giận ghét ngày xưa khi ta còn bên nhau bên mái trường thân ái ngày ấy, đã bùng lên trên đôi môi của bọn mình, để chúng ta cùng nghe cỗi lòng ấm áp.



Nhưng, chuyện đời không như giấc mơ đẹp. Nó luân chuyển theo bánh xe thời gian làm cho ta bồng bềnh, nổi trôi như con thuyền giữa đại dương mịt mùng sóng nước. Có lúc nó yên ả như áng mây trôi hoặc nhẹ nhàng như đàn chim lặng lẽ vẫy cánh bay về tổ mới, khi thì bão

bùng vật vã với sóng to gió lớn, chao đảo, gập ghềnh chẳng biết nơi nào là bến bờ.

Chuyện bọn mình cũng thế. Mới họp nhau đủ đầy vui vẻ với nhau với bao niềm vui nỗi buồn còn đọng trên vành môi thì thoáng chốc ngoái đầu nhìn lại vài người bạn đã già từ ra đi mãi mãi, không bao giờ còn có ngày gặp lại. Hôm nay, xuân về, biết có gặp nhau không, khi những căn bệnh ngặt nghèo đang ập vào những người bạn tôi thương, tàn phá thể xác với bao đớn đau, mệt mỏi trên giường bệnh. Ôi, sao quá nghiệt ngã số kiếp của con người!

Xuân qua đi, xuân lại đến. Còn bao nhiêu cái xuân để bọn chúng mình được gặp nhau, để những câu chuyện một thời áo trắng còn nhắc mãi trên môi ta, để những kỷ niệm khó quên của nhất quỷ nhì ma còn kê hoài không dứt.

Sáu mươi năm cuộc đời. Sáu mươi mùa xuân đi qua. Nhìn lại mình chỉ còn tuổi già với vài con bệnh đang chen chúc trong cơ thể ta. Nó đợi ta lơ đãng sẽ quật ngã ta một ngày gần đây không tiếc thương. Thôi thì, ta đem kỷ niệm thuở ấu thơ bọn mình bên nhau mà cất giữ làm kỷ vật quý báu, đừng để nó lìa xa ta nhé bạn.

Xuân về, sao mình không cảm thấy vui để đón chào như ngày nào. Mình không nháy mắt lên khi được may quần áo mới, không nôn nao chờ đợi phút giao thừa bên nồi bánh tét thơm lừng mùi lá dứa, không xôn xao chờ bạn từ phương nào ấy sẽ về. Có phải tuổi già, cuộc sống đảo điên làm cõi lòng mình nguội lạnh?. Bánh xe thời gian bào mòn khối tình cảm ngày nào tươi xanh, nay đã quá khô khan cần cỗi.

Năm mới bước sang. Những người bạn mình ngày nào, bạn ở tận phương trời xa đó có vui nhiều không?. Bạn đón xuân nơi xứ người có gì mới lạ không?. Chắc bạn sẽ thoải mái dạo chơi phố phường bên người thân để cùng ngắm bao nhiêu là cảnh đẹp. Bạn sẽ thăm bạn bè thân quen, vui cười mừng xuân mới, nhưng trong đám bạn bè ấy chắc chắn không có bọn mình rồi. Thế rồi bạn sẽ quay về với công việc hàng ngày, đầu ngày Xuân mới vẫn còn chưa qua.

Nơi quê nhà, bọn mình phải lo nhiều, tất bật lắm, vì là Tết cổ truyền tục lệ ông bà ta là thế. Phải chuẩn bị mọi thứ trước ngày ba mươi, để

rồi ba ngày đầu năm bọn mình thanh thoi đón Tết bên những người thương yêu và bạn bè. Sau đó chúc cho nhau những lời chúc đẹp ngày đầu năm mới. Rồi quây quần bên nhau, với mâm cao cỗ cố đầy để cúng ông bà và đãi bà con. Bạn biết không?. Lo thật nhiều lắm nhưng nghĩ lại cũng vui.

Bao nhiêu mùa xuân rồi bạn rời xa quê hương. Cuộc sống nơi xứ người có làm bạn quên đi hình ảnh êm đềm ấm áp của ngày Tết quê nhà không ?. Ngày xuân, lòng bạn có xôn xao phút giây nào để nhớ những ngày còn thơ đón xuân trên quê hương nhỏ bé mình không?. Bạn có nhớ cảnh mai vàng đang rực rỡ ngoài ngõ đó không?. Bạn có nghe phảng phất mùi bánh tét trong nồi đang sôi sục bên hè nhà đó chăng?. Bạn có thèm được xòe bàn tay tuổi thơ để nhận bao lì xì đỏ chót của Mẹ bạn cho mừng tuổi mới với bàn tay vuốt nhẹ lên mái đầu mình không?. Bạn có nghe lòng rộn ràng, sung sướng khi nhớ thuở nào Mẹ mặc cho bộ quần áo mới còn thơm mùi vải trong ngày mừng một Tết trước ánh mắt thương yêu và nụ cười hiền hậu của Ba đang nhìn mình nữa không ?.

Bao nhiêu cái đơn sơ giản dị, nghèo nàn là thế, nhưng chất chứa biết bao ân tình thương mến mà người thân giành trọn cho nhau vào những giây phút thiêng liêng mà chỉ có được Tết ở quê mình mà thôi, phải không bạn ?

Xuân ơi - Ngày Tết sắp đến mà bạn tôi còn ở mãi phương xa, xa lắm. Bạn sẽ về lại một ngày nào đó để cùng bạn bè đón xuân nơi quê nhà hay bạn sẽ mãi còn nơi xứ người xa lắc đó.

Chút ân tình của người bạn nhỏ ngày nào thời áo trắng, cùng bạn chung trường chung lớp. Xin gói gọn thương yêu gửi theo áng mây trời. Mây ơi - Hãy bay về nơi phương xa ấy, gọi cho những người bạn tôi thương lời chúc đầu năm tốt đẹp và bình an nhất./.



Chỉ còn trong ký ức

Nguyễn Thị Hòa Nam

Tôi sinh ra và lớn lên ở một vùng quê nghèo hẻo lánh, Bà Lụa. Có nhiều người sẽ không biết Bà Lụa ở đâu, nhưng nếu tôi nói đó là một cái làng nhỏ nằm cạnh Nhà Máy Đường Bình Dương thì có lẽ họ sẽ hình dung được.

Tôi có rất nhiều anh chị em, 11 người lận. Ba tôi là thầy giáo làng, bây giờ nếu ông còn sống thì đã 95 tuổi. Thầy giáo mà, có chữ nghĩa nên đặt tên con cũng theo chữ nghĩa. Ông đặt tên trước, theo thứ tự "Thanh, Trị, Thái, Bình, Yên, Dân, Việt, Nam, Cường, Quốc, Vinh, Quang, Khải", rồi mới có con sau, trùng tên nào thì xào tên này, chẳng cần biết trai hay gái. Và tôi, con gái, lại trùng vào tên Nam. Không sao, thêm chữ thị vô là được rồi, Nguyễn Thị Hòa Nam. Đó là cách của Ba tôi. Ngày xưa, khi tôi còn nhỏ, nhiều người cứ giễu cợt: "Con gái gì mà tên Nam?" làm tôi cũng mặc cảm cái tên của mình. Nhưng sau này khi lớn lên, tôi lại tự hào về cách đặt tên của Ba cho anh chị em tôi. Quên nữa, Ba tôi để cho Má tôi để thả giàn, nhưng tới thằng Vinh thì dứt, chắc hết trứng, còn lại Quang và Khải, ông đặt tiếp cho hai thằng cháu nội.

Tôi bây giờ đã gần 60 tuổi, nhưng những năm tuổi thơ ở cái làng nhỏ đó là những năm vui vẻ nhất trong cuộc đời mà tôi không thể nào quên. Tôi là con thứ tám trong gia đình, nhưng theo cách gọi của người miền Nam thì là thứ chín. Vài bạn bè thân mật gọi tôi là Cô Chín hay Chị Chín. Tôi có một ông anh ngay ở trên tôi và ba thằng em trai liền sau tôi, vì vậy các trò chơi của con trai như bắn đạn, tạt lon, nhảy dây, nhảy cò hay tắm mưa đều không thiếu mất tôi. Tôi lại có bốn bà chị ở trên tôi, nên cất chòi, nấu cơm, bán quán hay đánh sò, đánh đũa cũng không thiếu phần tôi.

Ba tôi làm thầy giáo với đồng lương căn bản, má tôi nội trợ, chỉ chữa đê và nuôi con, nên cuộc sống rất chật vật. Nhưng trong cái

làng nhỏ đó mọi người đều nghèo, thành ra chúng tôi không biết chúng tôi nghèo. Chúng tôi chỉ biết hãnh diện vì cả nhà 11 anh chị em chúng tôi đều được học hành đến nơi đến chốn. Chúng tôi chỉ biết hãnh diện vì Ba Má tôi là người được kính nể nhất làng. Thầy giáo Phướng, không ai trong làng và những vùng lân cận không biết vì đức độ của ông, nhưng cũng không ai không biết vì cách đánh học trò tàn khốc của ông. Chị Sáu tôi kể, năm đó chị học lớp hai, không thuộc bài, Ba tôi dạy ở lớp kế bên, không hiểu vì sao nghe được, xách roi qua, bắt Chị Sáu nằm trên bàn, đánh cho một trận, dữ tợn đến nỗi, đó là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng trong đời chỉ không thuộc bài.

Nhớ lại cũng còn tức cười, nhà tôi có vườn cây ăn trái với đủ loại trái cây, nhưng chúng tôi nào được ăn xả láng đâu. Má tôi mang lên chợ Bình Dương bán để phụ vào đồng lương thầy giáo khiêm nhường của Ba tôi mà mua gạo com mắm muối. Măng cụt chẳng hạn, chúng tôi chỉ được ăn những trái măng hái sót vì nằm khuất sau lá, chín đen và rụng vào ban đêm. Vì vậy mỗi sáng khi ngủ dậy, việc đầu tiên là chạy thẳng xuống mấy cây măng cụt, đừa nào dậy trước nhất thì sẽ có măng ăn. Những trái măng chín đen đó thỉnh thoảng bị chim ăn hết một



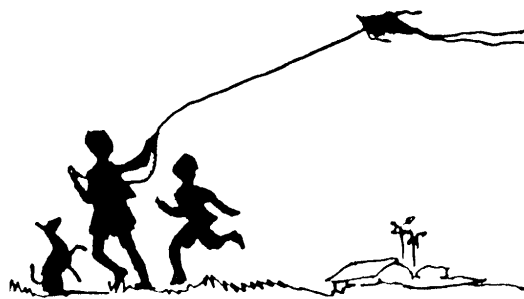
bên, từ xa không thấy, chạy lại chụp, mừng húm, rồi thất vọng, sau đó lại mỉm cười up mặt bị chim ăn xuống, lén lén chờ đến phiên đưa kế mừng hụt mà vỗ tay cười hô hô.

Tôi còn nhớ lúc đó bữa ăn sáng của chúng tôi thường là cháo trắng với đậu phộng rang muối hay dưa gang muối mặn mà đến mùa đậu phộng và dưa gang má tôi đã mua thật nhiều để dự trữ. Họa hoằn lắm chúng tôi mới được ăn một khúc bánh mì chan chút nước cá hộp với ít đồ chua của cậu Sáu Thử bán rong trên chiếc xe đạp có cái kèn bóp toe toe. Ấy vậy mà năm tôi học lớp một, cô giáo của tôi, từ chợ Bình Dương xuống, mỗi sáng đều mua theo một ổ bánh mì, bỏ trong hộp bàn, thỉnh thoảng cầm lên cắn một cái... Năm đó tôi ngồi bàn nhất, mỗi ngày nhìn cô giáo ăn bánh mì mà lòng cứ tự nhủ, lớn lên nhất định sẽ làm cô giáo để mua bánh mì ăn như cô.

Năm tôi học lớp hai, tỉnh Bình Dương tổ chức Lễ Hai Bà Trưng rất lớn. Ba tôi là thầy giáo nên đã đi dự lễ từ sáng sớm. Tôi vì ham đi quá nên đã nói láo với Má tôi là lớp hai cũng phải đi, nhưng thật ra chỉ có lớp ba mới phải đi. Dự lễ xong tôi ghé chợ mua một lon đậu phộng nấu, vừa đi vừa ăn, gặp Ba tôi, ông chở về. Ngồi sau xe, một tay vịn yên, một tay cầm đậu phộng đựng trong miếng lá chuối cuộn lại như cái phễu. Lần đó tôi bị đòn một trận quá cỡ vì tội nói láo. Nhưng mà quả thực, tôi cũng cả gan quá đi. Bảy tuổi, dám đi bộ 4 km từ Bà Lụa lên chợ Bình Dương, rồi đi bộ 4 km từ chợ Bình Dương trở về nhà nếu không gặp Ba tôi. Nói láo là tội của tôi, bị đòn là phải. Nhưng cả gan thì là tội của Ba tôi, đặt tên Nam cho tôi làm chi, tôi mới cả gan?

Trường sơ cấp Bà Lụa chỉ có đến lớp Ba, lên lớp Nhì và Nhất, tôi học ở trường Chánh Nghĩa. Mỗi ngày tôi phải đi bộ từ nhà lên Ngã Ba Đường Đất Đỏ, quẹo lên dốc Cây Sào Đỏ, rồi đâm ra trường Chánh Nghĩa, hơn 6 km mỗi trưa và hơn 6 km mỗi chiều. Nguyên cái lớp ba mấy chục đứa, chỉ có tôi và con Mỹ lên trường Chánh Nghĩa học. Sau này hồi tưởng lại quãng đường mà tôi phải đi bộ mỗi ngày để đi học lúc mới 9 tuổi, thiệt tôi cũng phục tôi luôn. Thỉnh thoảng tôi và con Mỹ gặp một ông già đạp xe ngang qua cho chúng tôi có giang. Con nít vô

tư không cần biết là ai, ở đâu và đi đâu, chỉ thỉnh thoảng đi cùng giờ và cùng chiều với chúng tôi, tốt bụng đèo chúng tôi, thì chúng tôi thót lên, đỡ một chặng đường. Còn không thì đường dài thăm thẳm, tôi hóa ngẩn bằng cách hái trái chôm chôm dọc đường hay lượm một cục đá, ném thật xa về phía trước, đi nhanh đến lượm, rồi lại ném nữa. Vậy thôi. Chiều về thì thư thả hơn, ghé vào nhà cô của con Mỹ ở dọc đường, uống ly nước, ngồi trên cầu xi măng bắt ngang qua mương trước nhà cô nó, thả hai chân xuống, thưởng thức cái mát lạnh của dòng nước mà nghe đã làm sao. Nhưng hôm nào gặp trời mưa thì thiệt là khổ sở. Người ta đồn Chùa Úp Nồi ở Ngã Ba Đường Đất Đỏ có ma. Trời vừa tối, vừa mưa, vừa gió, đi học về ngang, chúng tôi sợ ma, vừa ôm cặp chạy mà hai bàn tay phải nắm chặt hai ngón cái vào trong vì nghe người ta nói rằng làm như vậy sẽ không bị ma bắt. Thiệt tui cũng tội tui luôn. Lên lớp Nhì tôi học cô Nhận. Cô Nhận thích kêu học trò đứng cạnh quạt cho cô trong lúc cô chấm bài. Phải học trò giỏi và ngoan như tôi mới được cô cho quạt à nhen. Hạnh diện lắm đó. Con nít có những cái ngu dễ thương làm sao.



Không phải tôi chỉ cực khổ thời thơ ấu, tôi cũng có niềm vui nữa chứ. Tôi rất thích nằm nghe tiếng mưa tí tách rơi đều trên ngói vào những đêm khuya vắng lặng. Tôi rất thích nghe tiếng chim hót buổi sáng, tiếng ve kêu trưa hè. Tôi rất thích những buổi tối trăng sáng, cùng với các anh chị em, nằm trên bãi cỏ xanh êm ái ngoài bờ ruộng, lắng nghe anh Ba tôi, lúc đó đã là sinh viên Đại học Nha Khoa Sài Gòn, thỉnh thoảng về thăm nhà, kể chuyện cho chúng tôi nghe. Nào là chuyện cổ tích như chuyện Thằng Người Gỗ, chuyện Ngàn Lẻ Một Đêm... hay chuyện đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ. Bãi cỏ

xanh êm ái, gió mát từ sông Sài Gòn thổi vào, trắng sáng và câu chuyện thú vị của anh Ba tôi, lẫn với tiếng đé gáy đều đều... tạo nên những khung cảnh êm đềm mà sau này tôi không bao giờ còn tìm thấy được.

Vào những tối lễ Tết lớn như Trung Thu, Noel, hay Tết Nguyên Đán, Ba Má tôi dù nghèo cũng dành ra một số tiền, mua bánh kẹo. Còn mấy anh chị tôi thì tự tay làm những lồng đèn bằng giấy, đốt đèn cầy rồi treo từ ngoài cửa ngõ vào nhà, tụ họp con nít cả làng, vừa ăn bánh kẹo, vừa ca hát hay kể chuyện tùy theo khả năng hay sở thích của mỗi đứa. Con nít nhà quê ngô nghê, làm gì cũng thấy mắc cười. Vui lắm.



Tuổi thơ ở Bà Lụa của tôi còn gắn liền với chiến tranh, chỉ có điều tôi còn quá nhỏ để biết sợ. Có những đêm Thành Công Bình bắn đại bác ngang qua nhà tôi. Con nít, đang ngủ mê, nghe tiếng đạn bay véo véo trên nóc nhà, lăn xuống ván, chun vào gầm trong, mà vẫn còn ngủ. Nhưng hôm nào tiếng đạn nổ gần quá thì phải chun xuống hầm. Cái hầm nhỏ xíu nằm dưới đất, phía trên là bộ ván dày, chứa cả chục mạng người lớn nhỏ, ngồi một hồi tê giò tê cẳng, lại buồn ngủ nữa, bắt đầu cự lộn. Nhưng sợ nhất là lỡ có ai đó đánh rắm. Ở nhà quê mà, lại nghèo nữa, thì hột mít với khoai củ là những thứ thường ăn, nên dễ đánh rắm. Bom đạn đã sợ, mà bom hơi thì càng sợ hơn. Tha hồ mà hửi. Rồi thì đứa nọ đổ thừa đứa kia, cãi lộn chí chóe, trong khi má tôi cứ luôn miệng khấn vái. Ôi, nhắc đến vẫn còn mỉm cười.

Rồi thì tuổi thơ của tôi cũng qua đi. Các anh chị tôi lần lượt lập gia đình. Năm 80, anh Ba và anh Tám tôi vượt biên, định cư ở Amsterdam. Rồi thằng Cường với thằng Quốc

cũng vậy, định cư ở Sydney. Năm 93, đến phiên chị Sáu tôi và tôi qua Mỹ. Gia đình tôi từ năm 80 bắt đầu tứ tán. Mãi đến năm 99, Má tôi mất, anh chị em tôi mới có dịp tụ lại sau 19 năm xa cách. Năm đó Má tôi đã 80 tuổi, bà bị tai biến mạch máu não phải nằm ở phòng chăm sóc đặc biệt của Bệnh Viện Chợ Rẫy cả tháng trời, sống cuộc sống thực vật, đã bắt đầu lở loét dưới lưng, viêm phổi và suy thận... Và bà đã ra đi, chấm dứt sự đau khổ của bản thân và con cháu trong nhà. Anh chị em tôi, bên cạnh nỗi đau mất Má, lại có nỗi vui sum họp sau 19 năm xa cách, nên có lúc sơ ý, cười giỡn lớn tiếng. Lúc phát quần áo tang, anh Ba tôi đùa: "Phát cho tao bộ nào sexy nhất.". Cả đám em ò lên cười không bụm miệng kịp. Chị Năm tôi, người suốt đời sống kề cận lo cho Má tôi, bực mình cự: "Mấy người này, không sợ hàng xóm họ chửi là đồ con bất hiếu à?".

Mấy năm sau đó, làng tôi nằm trong quy hoạch của nhà nước nên thay đổi rất nhiều. Tất cả ruộng vườn kế nhà tôi ra đến sông Sài Gòn đều đã phải bán đi. Những thửa ruộng phì nhiêu với lúa vàng nặng trĩu, những vườn cây ăn trái, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt, chuối, mít... không còn nữa. Nhà lâu bắt đầu mọc lên. Nhà lâu mọc trên đất ruộng, cát chưa xong thì đã nứt nẻ, không ai dám ở. Hoang vắng. Mương rạch bị lấp. Công rãnh không thông. Công rãnh không thông thì sanh ngập lụt. Có hôm trời mưa lớn, nước ngập vô tận trong nhà, mấy bà chị tôi phải dọn dẹp gần chết. Con đường đất đỏ yên tĩnh ngày xưa tôi đi học mỗi ngày giờ cũng đã thành con đường tráng nhựa rộng lớn thênh thang với nhà cửa, quán hàng náo nhiệt. Mất rồi những cây chôm chôm trĩu trái đỏ ối, mất rồi cây cầu xi măng trước nhà cô của con Mỹ, mất rồi cái êm đềm, mộc mạc ngày xưa.

Tôi bây giờ đã gần 60 tuổi, phiêu bạt xứ người, cuộc đời thành bại, vui buồn đều nếm đủ. Thỉnh thoảng muốn trở lại quê nhà, tìm về tuổi thơ hồn nhiên êm đềm với nhiều kỷ niệm đáng yêu, nhưng đã không thể. Chỉ còn trong ký ức. Chỉ còn trong ký ức...

Tháng 12/2011

Vài hồi ức về phong trào Hướng Đạo ở Lái Thiêu

Lưu Thanh Bình

*(tưởng nhớ về Akela Ân nhận Nguyễn Lương Ích,
người Thầy, người Huynh trưởng Hướng Đạo kính mến của tôi)*

Mùa hè năm 1966, thầy Nguyễn Lương Ích, một giáo viên tiểu học năng động và tận tụy với nghề gỗ đầu trẻ tại Lái Thiêu, dự lớp huấn luyện Bạch Mã tại Vũng Tàu do Hội Hướng Đạo Việt Nam (HĐVN) tổ chức. Đây là khóa đào tạo ra các Huynh trưởng cầm Đoàn cho phong trào. Thầy tham gia hai lớp: Bạch Mã Ấu (hướng dẫn lứa 8-12 tuổi) và Bạch Mã Thiếu (hướng dẫn lứa 12-15 tuổi). Sau khóa thụ huấn, thầy về địa phương bắt tay vào thành lập đội kiểu mẫu đầu tiên gồm tám thiếu sinh do đội trưởng Nguyễn Văn Đức (cựu học sinh THPT khóa 11, đã mãn phần) và đội phó Lê Gia Hiền (cựu học sinh Nông Lâm Súc, mất tích) dẫn dắt. Từ những hạt giống này, mầm Bách hợp (còn gọi Hoa huệ, biểu tượng của phong trào Hướng Đạo) nở rộ, thu hút rất nhiều thanh thiếu niên tại địa phương và nhận được sự tín nhiệm cao của phụ huynh.

Chỉ qua vài tháng sinh hoạt, tiếng lành đồn xa, các phụ huynh đưa con em đến gia nhập ngày một đông nên từ tám thiếu sinh nòng cốt đầu tiên, phong trào Hướng Đạo tại Lái Thiêu mở rộng ra thành một Thiếu đoàn hoàn chỉnh gồm ba mươi hai em, phân chế trong bốn đội Trâu (đội trưởng Đức, cũng là đội trưởng nhất), Hổ (đội trưởng Hiền), Én (đội trưởng Đạt) và Sóc (đội trưởng Bình). Kế đến là sự ra đời của Ấu Đoàn với bộ đồng phục Sóc con thật đẹp, thật dễ thương mà cho đến nay chưa thấy có đồng phục nào đẹp bằng.



Thực ra Hướng Đạo không phải là một hội đoàn thể thao hay giải trí như nhiều người có thể lầm tưởng. Cho dù trong Hướng Đạo có rất nhiều trò vui chơi, thể thao, giải trí... nhưng nó được dùng như một phương tiện để đạt tới một mục tiêu giáo dục, chứ tự nó không phải là mục đích. Có thể có nhiều nguyên nhân thu hút các em đến với phong trào, do lời động viên của phụ huynh, do muốn lấp kín thời gian nghỉ hè, do ham đi trại xa hoặc đơn giản chỉ do đồng phục đẹp... nhưng sau này tất cả đều công nhận Hướng Đạo là một sân chơi lành mạnh bổ ích, giúp các em định hình nhân cách sống tốt đẹp sau này.

Những năm 1965, 1966 chiến sự bắt đầu lan rộng, điều kiện an ninh không cho phép đi xa nên địa điểm họp đoàn thường loanh quanh sân đình, sân vận động ấp Trường, khu tạm cư Bình Hòa, Piscine Bạch Đằng hoặc sân trường tiểu học Tân Thới. Nhưng cũng nhờ không có nhiều sự chọn lựa vui chơi nên các thiếu niên gia nhập phong trào Hướng Đạo rất đông, lúc cao điểm (1971) lên đến hơn 100 em, gồm cả bốn ngành Ấu, Thiếu, Kha, và Tráng.

Năm 1967, Liên Đoàn Quang Trung gia nhập Đạo Vạn Thắng (Phú Cường - Thủ Dầu Một), trở thành một nhân tố chính trong phong trào Hướng Đạo Bình Dương nói chung. Đây là đơn vị Hướng Đạo lớn nhất tỉnh, tập hợp được nhiều thanh thiếu niên, trụ sở nằm trong khuôn viên nhà thờ Phú

Cường đến nay hãy còn. Nhưng chỉ một thời gian ngắn, nhận thấy Vạn Thắng quá thiên về sinh hoạt tôn giáo, không giống với tôn chỉ nhân gian, thể tục của phong trào, hơn nữa khoảng cách sinh hoạt quá xa, nên các huynh trưởng xin tách ra để về với Đạo Hoa Lư (sinh hoạt trong khuôn viên trường kỹ thuật Phú Thọ).

Về với Hoa Lư, Liên Đoàn nhận được sự quan tâm ưu ái của Trưởng Trương Trọng Trác, Thiếu trưởng Đống Đa đồng thời cũng là một giáo sư trường Kỹ thuật Phú Thọ. Cứ vài tuần, anh lại dẫn dắt các thiếu sinh đạp xe lên Lái Thiêu sinh hoạt chung, vừa giúp các em đi thám du mở rộng tầm nhìn, vừa thắt chặt tình thân hữu giữa hai đơn vị. Đoàn sinh của Đống Đa rất giỏi trong kỹ thuật chuyên môn như nghi thức, phương hướng, dấu đường, cứu thương, morse & semaphore, nút dây..., còn đoàn sinh của Quang Trung lại giỏi về sinh hoạt như ca hát, trò chơi, bơi lội, thủ công trại... Nếu Quang Trung cười ngất khi thấy

cả đám Đống Đa đứng trảm trờ một gốc chanh (ăn chanh nhưng có thấy cây chanh bao giờ) thì ngược lại chuyện Đống Đa phải giúp Quang Trung chỉnh sửa nút cột giầy và khâu khăng quàng trước khi chào cờ là chuyện thường...

Do biến cố Tết Mậu Thân năm 1968, mối liên lạc giữa hai đơn vị Quang Trung - Đống Đa cách trở mờ nhạt dần, một lần nữa Liên Đoàn Quang Trung lại tách ra để trở thành một Liên Đoàn độc lập (duy nhất toàn miền Nam lúc đó) với sự cho phép của Hội HDVN và sự giúp đỡ của Tổng Ủy viên Trần Văn Lược. Nhắc lại chuyện xưa để thấy sự truân chuyên chìm nổi

của Liên Đoàn mà nếu không nhờ Trưởng Ích vững tay chèo thì không biết Hương Đạo Lái Thiêu đi về đâu.

Sau năm 1968, tình hình chiến sự tạm lắng đọng, an ninh vẫn hồi, đây cũng là thời hoàng kim của Hương Đạo Lái Thiêu. Liên tiếp nhiều trại xa được tổ chức: Vũng Tàu, Long Hải, Đà Lạt, Thủ Đức, Sài Gòn..., trại thám du Búng, Bửu Long, Phú Lợi, Sóng Thần, Thảo Cầm Viên..., đỉnh cao là tham dự trại họp bạn Hương Đạo quốc gia năm 1970 (trại Giữ Vững) tại Suối Tiên Thủ Đức, nay hãy còn lưu lại nhiều kỷ niệm trong quyển Đoàn phả. Đặc biệt



Ảnh 1 : Trại Vũng Tàu năm 1969.
Đội trưởng đội Sóc đứng thứ hai từ trái qua

nhất và cũng là lần duy nhất, Hương Đạo Lái Thiêu được bảo trợ tổ chức một cuộc trại dài ngày tại Vũng Tàu, đi và về đều bằng phương tiện máy bay quân sự.

Năm 1972 là năm có nhiều sự kiện đặc biệt. Lứa thiếu sinh đầu tiên ngày thành lập nay đã trưởng thành, một số được các huynh trưởng gởi đi học các lớp huấn luyện cầm đoàn (lớp Dự bị) để về làm công việc phụ tá Trưởng. Chiến sự bùng nổ ác liệt, Hương Đạo Lái Thiêu thường xuyên tham gia công tác xã hội tại trại tiếp cư Gò Dầu, nơi tiếp nhận đa số là đồng bào nạn nhân chiến cuộc từ Lộc Ninh, Bình Long,

Chơn Thành về tị nạn. Sau đó vài tháng, hàng chục tráng sinh, kha sinh lên đường nhập ngũ theo lệnh tổng động viên, đội ngũ thưa thớt làm cho Liên Đoàn Quang Trung yếu đi thấy rõ.

Dù sau này các huynh trưởng có cố gắng duy trì sinh hoạt nhưng không bao giờ Hướng Đạo Lái Thiêu còn được trở lại những năm tháng huy hoàng như trước. Phút lóe sáng là tại trại họp bạn Hướng Đạo Quốc Gia Tam Bình Thủ Đức năm 1974, Hướng Đạo Lái Thiêu nổi tiếng vì chiếc lều sàn bằng tre độc đáo và tiết mục múa lân sôi nổi ngày khai mạc trại, cả hai đều được đưa lên truyền hình trong loạt phóng sự ảnh dài khoảng 20 phút.

Đầu những năm 90 thế kỷ trước, một số đoàn thể Hướng Đạo nhen nhóm hoạt động trở lại ở các thành phố lớn miền Nam, đầu tiên là Sài Gòn, tại các công viên Gia Định, Hoàng Văn Thụ, Lê Thị Riêng, Lê Văn Tám... Đông nhất là tại công viên Tao Đàn. Hiện mỗi sáng chủ nhật quy tụ gần 1 ngàn Hướng Đạo Sinh. Sau đó là Nha Trang, Huế, Đà Nẵng, Ban Mê Thuột, Cần Thơ... nhưng tất cả đều hình thành đều theo dạng “tự phát”, “chui”, “xé rào”. Một vấn đề tế nhị (gọi theo bây giờ là “nhạy cảm”)

là có sự dè dặt, nghi ngại của nhà cầm quyền Việt Nam khi xét đến việc cho Hướng Đạo sinh hoạt công khai: sợ làm giảm đi ảnh hưởng của phong trào Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiên phong... trong giới thanh thiếu niên. Mặt khác cho công khai tức là chấp nhận cho có trụ sở hội đoàn, có phát hành ấn phẩm, có lớp huấn luyện trong ngoài nước, có sở hữu đất trại, có trại giao lưu quốc tế, có tài trợ nước ngoài... cùng một loạt các hệ lụy khác phát sinh theo. Và cuối cùng, giải pháp tốt nhất là quản- không- được- thi- cấm.

Phong trào Hướng

Đạo tồn tại là một sự thực hiện nhiên khó phủ nhận, cũng như nhu cầu được chơi Hướng Đạo của các em thiếu niên, thiếu nhi là một nhu cầu chính đáng, do tính chất vui chơi hấp dẫn, lành mạnh, bổ ích, hướng thiện và rèn luyện nhân cách, đạo đức giúp cho các em sau này trở thành một công dân tốt. Nếu gọi ba yếu tố cấu thành nên một nền Giáo dục công dân hoàn chỉnh là gia đình, nhà trường và xã hội thì phong trào Hướng Đạo chính là một nhân tố quan trọng trong về “xã hội”. Hiện nay, tất cả các nước ASEAN đều có Hội Hướng Đạo do nhà nước bảo trợ kể cả Campuchia, chỉ trừ Việt Nam và Lào. Hongkong và Macao vẫn duy trì Hướng Đạo sau khi đã sát nhập vào Trung Quốc.

Uống nước nhớ nguồn:

Năm tháng qua mau, nay nhìn lại đa số các cựu Hướng Đạo Sinh Lái Thiêu đều đã qua tuổi ngũ thập, da mồi tóc bạc, những ký ức về một thời hoạt động sôi nổi đã lùi xa, nhưng vẫn còn đó những lời tâm niệm ngày tuyên hứa như kim chỉ nam cuộc sống; dù may mắn thành đạt hay



Tác giả dự trại kỷ niệm 80 năm thành lập HDVN (1930-2010) tại khu du lịch Đại Nam - Bình Dương

lặn dạn trên con đường đời, dù còn trong nước hay xa cách nơi chân trời góc biển, mọi hướng đạo sinh Lái Thiêu đều nhớ về anh, người huynh trưởng Hướng Đạo đã cống hiến suốt cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục thanh thiếu niên tại địa phương.

Sau biển cô 75, số phận gia đình anh cũng chìm nổi theo vận nước như nhiều gia đình miền Nam khác. Sáu con theo mẹ xuất dương, năm con theo cha ở lại giống như tích Lạc Long Quân – Âu Cơ. Nay cuối đời, anh may mắn có được người bạn thủy chung nâng khăn sửa túi, âu cũng là cơ duyên của số phận hay sự đền đáp của tạo hóa cho những cay đắng mà anh đã nếm trải.

Năm 2010 vừa qua, các con anh đã vượt trùng dương về Việt Nam, họp sức cùng các anh chị trong nước và các cựu Hướng Đạo Sinh tổ chức lễ tiệc mừng thượng thọ 80 tuổi cho người Cha, người Thầy, người Huynh trưởng đáng kính của họ. Chỉ một nửa gia đình mà đã lên tới con số 22 người vừa con vừa cháu. Dĩ nhiên là rất đông cựu Hướng Đạo Sinh từ các nơi xa về dự, trong đó có nhiều Lão Huynh trưởng ở độ tuổi 70, 80 nhưng vẫn còn tráng kiện. Tương cũng nên nói thêm, trường nữ của anh là Nguyễn Thị Phụng Loan, cựu học sinh THĐ lớp A2 khóa 13 hiện định cư tại Úc. Thời sinh hoạt Hướng Đạo, Loan là Baloo tận tụy của Bầy Quang Trung.

Điểm lại trong số bốn đội trưởng đầu tiên ngày thành lập, hai đã bỏ cuộc chơi (Đức, Hiền), một đang ở tận phương trời xa (Đạt), chỉ còn đội trưởng đội Sóc sinh sau đẻ muộn (Bình) đang cố gắng nối lại mối dây đã đứt, hàng năm chủ trì cuộc họp mặt cựu Hướng Đạo Sinh Lái Thiêu để mừng sinh nhật Akela Ấn Nhộn và chúc Tết đầu năm, như một đền đáp cho những gì tốt đẹp đã nhận được từ phong trào, nhất là từ các huynh trưởng Ích, Hường, Ý, Trác...

(Lập Đông Tân Mão 12-2011)



Thơ

Mùa mới

(cho áo-trắng-cây-đa THĐ)

*Bỗng thấy ngày Xuân về rất vội
bỏ quên chiếc lá lẻ loi sầu
có phải mùa đông chìm trong tối
một mình gió hát khúc tình ca*

*Vẫn đứng bên thềm nghe thật lạ
nửa đêm chợt tỉnh, giấc mơ buồn
ở đó còn không chiều băng giá
thần thờ nhớ quá chuyện quê hương*

*Đã hết bao năm đời viễn xứ
Tết không giống Tết, chỉ như là...
bóng đổ nghiêng nghiêng, hồn tư lự
đất trời đã hóa kiếp cô miên*

*Mắt khóc môi cười lay sóng áo
lệ mềm đậu xuống chút vai xa
hạt bụi về đâu mùa-thu ảo
ngủ ngàn một thuở đợi chờ nhau*

*Cũng nhớ bài thơ hòa tiếng nhạc
hát cho biển cả nổi sóng dài
sóng ngủ bình yên bên triền cát
gió ngừng tóc rối cũng thôi bay*

*Bỗng thấy ngày Xuân giờ chậm lại
mộng về khép kín giữ dư hương
chốn ấy hoa vàng in trên giấy
dấu chân lạc giữa nẻo mù sương*

*Dáng cũ liêu xiêu tìm chút Tết
hững hồ đợi một chút duyên xưa
trót đã lao đao, đời mỗi mết
đốc về ngược hướng đứng nghe mưa...*

Thúy Đình (01/2012)



Xuân này con vắng Mẹ.

Nguyễn Thị Hai

Thời tiết của những ngày cuối đông se se lạnh, đường phố nhộn nhịp hẳn lên, người người đi mua sắm,

ai cũng hối hả làm việc để chào đón một mùa xuân nữa lại về trên quê hương, làng xóm. Tôi lặng lẽ trong dòng đời ấy, cũng háo hức đón chờ mùa xuân đến, mà trong lòng thì buồn vô hạn vì thiếu mất một người mà tôi thương yêu nhất. Tôi cứ nghĩ rằng Mẹ sẽ sống mãi bên tôi, bên đàn cháu mà Mẹ hết mực yêu quý, mà không nghĩ đến việc Mẹ ra đi.

Mẹ ơi! Lúc còn trẻ Mẹ đã phải trải qua bao nhiêu vất vả để lo cho những đứa con cô cút của mình. Mẹ vừa làm mẹ mà cũng vừa làm cha trong suốt quãng đời của Mẹ, không có một ngày sung sướng, an nhàn. Vậy mà bây giờ, khi các con của Mẹ đã lớn khôn, yên bề gia thất, sao Mẹ không vui sống tuổi già với con, với cháu mà lại vội vã ra đi???

Mẹ ra đi bỏ lại ngôi nhà yêu dấu, bỏ lại cái ngạch cửa mà Mẹ hay ngồi ngóng cháu, chờ con về thăm. Những bụi chuối, khóm mía, vườn rau cũng không còn bàn tay của Mẹ chăm sóc, bón phân. Đã biết cuộc đời là vô thường nhưng con lại không sao ngăn được những dòng nước mắt cứ tuôn rơi, và con cũng biết những dòng nước mắt ấy cũng không sao níu Mẹ ở lại cuộc đời này được nữa. Mẹ ơi!!! Tết năm nay sẽ không còn Mẹ ngồi gói những đòn bánh tét để cúng ông bà. Những tiếng cười giòn tan của mấy đứa cháu khi được Mẹ lì xì cũng sẽ im vắng.

Lúc sanh thời lúc nào Mẹ cũng mở rộng vòng tay che chở cho con những phiên nảo, đau khổ của cuộc đời. Mẹ rộng lượng và sống nhân

hậu với mọi người. Vậy mà có lúc con lại vô tâm mà quên mất rằng:

*Mẹ già như chuối chín cây,
Gió lay Mẹ rụng con rày mò côi...*

Mẹ ơi, Mẹ bỏ lại tất cả những gì Mẹ yêu quý nhất để về nơi quê hương mới. Con ước nguyện Mẹ sẽ sống bình yên. Còn con Tết năm nay và mãi mãi con không có Mẹ trên đời rồi Mẹ ơi !!!

(12/2011)

Thơ

Viết trên sân cỏ Trịnh Hoài

*Buổi chiều có nắng thật vàng dưới gót
Gió bốn phương tám hướng rủ nhau về
Hôn môi ta hôn ngắt ngắt say
Tóc lướt thướt cuốn đời bay rạng rỡ*

*Lá cuối mùa úa tàn rơi trên lối
Phím tơ sầu chùng xuống ngân vang
Ngày rồi qua ... tuần tự sẽ chia xa
Này bè bạn - biết bao là nồng ấm*

*Ơi trường yêu - những ngày vàng xưa cũ
Vời áo kiêu sa, hồn trắng lụa mềm
Đùa với phấn, với mực loang trên giấy
Vời thơ hồng - chuyên tay trong lớp học
Thoáng chút hương cho mắt long lanh
Ơi tuổi đại - hoài đời ghi dấu Thánh*

T.T. Nhung 12 A2

(trích Giai Phẩm Xuân THĐ - 1974)

Hoa Nắng, Chút kỷ niệm ngày xưa

CHS Khóa 9 - Lớp A2

Lời ngỏ,

Trong lần thăm quê hương, một người bạn lớp chúng tôi đã gửi tặng 2 quyển báo Hoa Nắng (thực hiện năm học lớp đệ Tứ và năm học lớp đệ Nhị). Cầm 2 quyển báo trên tay, cả một dòng thác kỷ niệm tràn về. Tôi đã ngẩn ngơ mấy ngày, nhất là khi đọc 2 bài phỏng vấn giáo sư. Ôi! Bao nhiêu lời dặn dò, nhắn nhủ của Thầy Cô cho mãi đến bây giờ mới thấm thía.

Xin mạn phép tác giả (Thanh Diệu và nhóm phỏng vấn) để ghi lại những lời khuyên bảo quý giá của Quý Thầy Cô THĐ và cũng để tưởng nhớ đến những Thầy Cô đã ra đi.

Phỏng Vấn Tóc Hành (trong Hoa Nắng Tứ A2 niên khóa 1966-1967)

Đây rồi, thầy Thuật, với chiếc răng khểnh "to tướng", làm chúng ta liên tưởng tới ca sĩ thân đồng Phương Mai. Mừng quá, tôi chạy gần 100 cây số một giờ đến Thầy, thở hổn hển. Sau khi biết ý định của tôi, Thầy vui vẻ nói:

- Học hành rất chăm chỉ và thông minh làm cho giáo sư thích dạy nhưng đôi khi quá chăm nên rất tội nghiệp. Tính tình ngoan ngoãn, cởi mở, ham hoạt động, nhưng...giận rất dai. Nói chung thì... rất tốt.

Tự nhiên tôi nhớ những giờ học với Thầy. Chúng tôi đã ghi lại từng chi tiết, từng chi tiết Thầy giảng, đôi khi Thầy phải ngừng lại để đợi. Nếu Thầy hỏi tại sao thì chúng tôi trả lời: "Sợ khi Thầy hỏi ngoài đề thì chết!"

Kể đến, tôi tìm gặp Cô Hưng, giáo sư Vạn Vật. Cô cho biết:

- Ngoan thì có ngoan, nhưng hay than thở lắm: "Nào bài khó, nào bài dài, học hoài không thuộc, phát điên từng chap, lại vôi thứ này

thứ kia, luôn miệng nói chuyện rào rào như tằm ăn lên!". Trời ơi! Tội tui em quá Cô. Tại Cô cho chép dài quá, tui em mỏi tay, tui em mới kêu!

Xong, thầy văn phòng đã vắng giáo sư, tôi chạy vòng vòng để tìm những vị quen thuộc. Ô! Thầy Đô kia rồi! Thầy đang đẩy xe sửa soạn ra về.

- Thưa Thầy, thưa Thầy. Tôi háp tấp chạy lại, cho biết ý định.

Thầy hơi do dự, vì chỉ dạy có 2 môn, e rằng sự phê phán chỉ có giới hạn, vì thế Thầy chỉ nêu ra vài nhận xét:

- Tôi thấy hầu hết các em đệ Tứ A2 là những học sinh vui tính. Các em có đặc tính là hay cười đùa trong lớp. Điều này nhiều khi tôi cũng hơi bức bối, nhưng cũng có lúc vui lây vì sự hồn nhiên của các em. Nhưng các em cũng nên coi chừng đó, ngày thi gần kề mà thời gian cứ len lén trôi mau. Trong dịp đầu Xuân, tôi ước mong các em vẫn giữ tính vui vẻ, hồn nhiên ấy, cười đùa đúng lúc, học hành chăm chỉ. Mỗi em sẽ tự ganh đua lấy mình chứ không lấy sự thua em kém chị làm điều phiến muộn. Ngày mai tiến bộ hơn hôm nay, đó là điều các em đáng lấy làm vui vẻ, phấn khởi...

- Thưa Thầy, các em sẽ ghi nhận lời Thầy, và xin thành thật kính Thầy như một vị cứu tinh của chúng em vậy.

Sau đó, tôi tìm đến cô Trần Mộng Hải, giáo sư Nữ Công. Cô xem bài phỏng vấn của tôi rồi mới cho ý kiến:

- Mới đặt chân lên Bình Dương, nơi đây rất mới mẻ đối với tôi, nhưng vừa thấy trường Trịnh Hoài Đức, tôi đã có rất nhiều cảm tình. Nhất là khi bước vào lớp đầu tiên là đệ tứ A2, tôi thấy những gương mặt ngày thơ, vui mừng đón



tiếp tôi. Lúc đó tôi cảm thấy vui vui, và tin rằng các em sẽ có cảm tình đối với tôi, và như vậy sự học nữ công sẽ khả quan hơn. Tuy nhiên, đôi lúc các em hay nói chuyện than "tồn vãi". Nhưng đây là lời nói vui của các em, và có lẽ không bao giờ tôi quên được các em 4A2..."

Ngày hôm sau, tôi gắng tìm thêm ý kiến của vài giáo sư nữa để trao bài cho kịp. Vừa vào lớp, chưa kịp phỏng vấn Thầy Ngạc, tôi đã bị gọi lên văn phòng cùng Kim Mai và Thúy đi "xin" tiền các giáo sư cho trại tất niên. Tôi liền nhờ Thầy Ngạc cho ý kiến trên giấy. Khi cầm đọc mảnh giấy Thầy trao lại, thú thật tôi mò hoài không ra, Thầy viết gì mà... Cuối cùng tôi cũng "dịch" ra được như sau:

- Về lớp học: Nhiều màu sắc của nhiều khuôn mặt, tạo cho lớp một không khí đặc biệt, linh động mà vẫn sáng tạo tinh thần bạn hữu và đoàn thể. Có thể nói là một lớp học với đầy đủ ý nghĩa của nó, một lớp học của nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò. Nhưng vẫn là cái thứ ba của một lớp nữ sinh.

- Về tờ báo: Là một cần thiết và đáng nói vì nó đánh dấu, lưu giữ những gì của đời học sinh. Nghĩa là có một ngày chúng ta sẽ từ giã bằng phần, sống một cuộc đời khác. Tất cả rồi sẽ mất đi, ý nghĩa của nó là cả ở chỗ đó. Tờ báo là một chứng tích, một dấu hiệu, nên làm sao để cả lớp cùng viết. Đời học sinh cần phải có những việc làm như vậy, và nhiều nữa như du lịch, văn nghệ... ngoài việc học. Chúc tờ báo của các em sẽ được lột xác sang năm.

Thời gian cấp bách, tôi đành phải chấm dứt nơi đây, mặc dù còn một vài vị giáo sư chưa kịp gặp.

Nhân dịp Xuân về, chúng em xin kính chúc quý vị Giáo sư một mùa xuân tràn đầy hạnh phúc.

Thanh Diệu

Kính thưa Quý Thầy Cô,

Phải đến hơn 40 năm sau, ở lứa tuổi 60 này, chúng em mới thấm thía những lời dặn dò quý báu của Thầy Cô. Tiếc thay, chúng em không còn cơ hội nào để nói lời tạ ơn chân thành đến Thầy Ngạc, thầy Đô ... Nhưng chắc

chắc rằng dù ở chân trời, góc bể nào, chúng em vẫn luôn luôn ghi nhớ những lời khuyên bảo đầy thương yêu Thầy Cô đã dành cho tất cả chúng em.

**Phỏng Vấn Giáo Sư
(trong Hoa Nắng Nhị A2 niên khóa 1968-1969)**

Sau khi dạy 2 giờ Quang, Cô Muôn, vị nữ giáo sư độc nhất của Nhị A2 bước ra cửa. Theo thói quen, Cô hay dừng lại ở cửa lớp để quay lại nhìn chúng tôi một lần rồi mới đi xuống văn phòng. Lợi dụng lúc đó, chúng tôi chạy lại xin Cô một vài cảm nghĩ về "Áp" II A2 của chúng tôi và chúng tôi đã được Cô trả lời như sau:

- Các em đều ngoan, vui vẻ và chăm chỉ nhất là mỗi khi gọi trả bài, Cô thích nhất vì các em siêng năng và hoạt động nhiều.

- Điều mong ước duy nhất của Cô là mong các em cố gắng đều đều cuối năm thi đỗ.

Giáo sư Đặng Thanh Châu phụ trách môn Vạn Vật ở lớp Nhị A2 của chúng tôi. Thầy rất thông cảm những "khó khăn" của học sinh.

- Xin Thầy cho chúng em biết những cảm tưởng của Thầy sau những tháng Thầy dạy lớp II A2.

Thầy sốt sắng trả lời như sau.

- Tôi nghĩ rằng đây là một lớp học ngoan, chăm, rất dễ mến do sự góp lại của nhiều bộ mặt, có đùa nghịch mà vui trẻ, có trầm mà có nhiều ưu tư, cần có những người thông cảm để hướng dẫn. Đây là lớp học làm tôi yêu nghề hơn.

- Xin Thầy cho chúng em một lời dạy dỗ.

- Chỉ có điều phải nói là những em nào hoàn cảnh giống như tôi ngày xưa nên kiếm nghề lo cho gia đình, các em khác làm thế nào vui cho tròn tuổi học trò là nhất rồi.

Thầy Phạm Viết Tích, vị giáo sư Sử Địa mà chúng tôi xem như bậc cha mẹ, Thầy rất vui vẻ và thương chúng tôi. Chúng tôi gặp Thầy để xin cảm nghĩ về lớp II A2, Thầy bảo chờ Thầy suy nghĩ một "xí" và sau đó Thầy vui vẻ trả lời chúng tôi như sau :

- Học sinh lớp Nhị A2 ngoan ngoãn và rất hoạt động, có nhiều khả năng, đôi khi có vài nữ sinh lại có những câu hỏi hay những ý kiến khá

xuất sắc. Riêng cá nhân tôi rất mến lớp này vì các lớp nữ sinh thường thường buồn tẻ, nhưng riêng lớp này các em chứng tỏ rất linh hoạt, chăm học và biết vâng lời. Mong rằng những đức tính và sự cố gắng của các em sẽ được đền bù xứng đáng trong kỳ thi sắp tới.

Chiều thứ năm, sau 2 giờ toán chúng tôi gặp Thầy Nhờ sau văn phòng trường Nam. Biết ý định chúng tôi, Thầy chỉ cười và lắc đầu bảo rằng:

- Tôi không có ý kiến gì, chỉ xem lớp nào cũng như lớp nào mà thôi!

Giáo sư Lê Tấn Lộc, một Ông Thầy rất cởi mở. Trong những giờ học của Thầy, lớp học luôn luôn vui vẻ. Thầy rất tán thành khi biết ý định làm báo của chúng tôi và vui lòng trả lời một loạt những cảm nghĩ của Thầy:

- Các em nên áp dụng kỹ luật tự giác (thuyết phục nhau). Ngoài các môn có tính cách chuyên môn, các em phải đọc sách nhiều để có một nền văn hóa tổng quát, rất có ích khi ra đời.

- Sau khi rời trường, cần phải liên lạc thường xuyên với trường, cố gắng thành lập Hội Cựu Học Sinh Trịnh Hoài Đức. Giác mơ của Thầy là một buổi sáng nào đó, Thầy bước vào lớp, lớp này biến thành Đệ Nhất với đầy đủ những khuôn mặt Nhị A2.

Thầy Cử, chúng tôi đã học với Thầy suốt hai năm Đệ Tam và Đệ Nhị, chúng tôi "rất thích lối giảng bài của Thầy". Thầy chỉ cho biết:

- Năm sau, tôi mong rằng không dạy các em nữa (vì các em có bốn phần phải lên lớp Đệ Nhất chứ không còn ngồi lại Đệ Nhị nữa).

Riêng hai Giáo sư Sinh Ngữ, Thầy Nhượng và Thầy Cường, chúng tôi có hỏi ý kiến của hai Thầy, nhưng vì bận rộn công việc Thầy không trả lời cho chúng tôi kịp.

Vậy bài phỏng vấn đành phải kết thúc ở đây.

Nhóm Phòng Vấn.

Thưa Quý Thầy Cô,

Thêm một lần nữa, những lời khuyên bảo của Thầy Cô đã làm chúng em phải suy nghĩ thật nhiều. Và phải đợi đến vài mươi năm sau chúng em mới có thể thực hiện được những điều Thầy Cô đã chỉ bảo. Tuy muôn màng nhưng vẫn "có còn hơn không" Thầy Cô nhi.

Bước sang năm mới, chúng em xin kính chúc Quý Thầy Cô và gia đình mọi điều an lành, như ý.

Học trò của Thầy Cô
CHS Khóa 9 Lớp A2

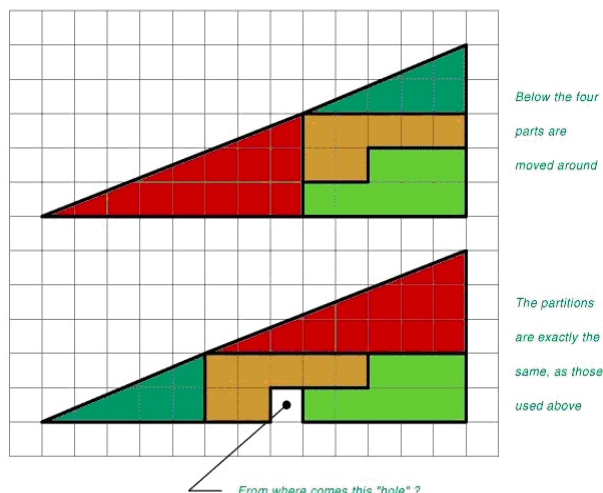


Đố vui

Sao kỳ vậy ta?

Mời bạn xem hình dưới đây. Bốn phần của hình vẽ bên trên tạo nên một tam giác vuông. Sau khi di chuyển như hình dưới thì không biết tại sao diện tích của hình lại mất đi hết một 0. Sao kỳ vậy ta? Xin mời bạn giải thích.

HOW CAN THIS BE TRUE ?



Nếu không biết tại sao, xin bạn chờ tới ngày mừng ba Tết sẽ có lời giải trên trang nhà GS & CHS Trịnh Hoài Đức, địa chỉ:
<http://trinhhoaiduc.netfirms.com>

Cội mai già nhà ông Ngoại

Từ Minh Tâm

Về VN tháng 3 vừa rồi, mình có ghé thăm thầy Nhung. Anh Nhung trông cũng khỏe, an nhàn. Cảnh nhà Tâm khác hẳn xưa - sân trước và căn nhà cổ đã đổi khác! Cảnh trông sáng lên, mới hơn, nhưng không đẹp bằng hình ảnh trong trí nhớ của mình. Tết năm nào, lối vào nhà có cây mai cổ thụ, căn nhà xưa như là Thủ Dầu Một xưa, nhóm bạn xưa. Hai Bác hiền và vui quá, đâu rồi!

Bạn bè gặp lại thì vui quá nhưng thay đổi nhiều lắm, già hơn (dĩ nhiên). Nếu về Bình Dương mà không gặp ai, thì buồn biết để đâu? Vui buồn lẫn lộn. Có bạn đã ra đi vội vã như sậu riêng non rụng sớm trong vườn. Ba tuần qua mau như là chưa có nhưng giờ mình vẫn se se nhớ. Lại mong ngày trở về!

Cũng có ít thời gian lớn vờn trước cổng trường Trịnh Hoài Đức với nhiều cảm xúc, khi khác có dịp mình kể...

Trên đây là email của bạn Nguyễn Hoàng ở Úc viết về chuyến thăm viếng nhà tôi khi bạn ấy về thăm Bình Dương vào tháng 3/2011. Trong thư anh có nhắc tới cội mai cổ thụ ở ngay lối vào. Email của Hoàng làm cho tôi bồi hồi nhớ lại cội mai già nhiều kỷ niệm.

Năm nay tôi đã gần 60 tuổi. Khi tôi sinh ra thì cội mai trước nhà đã có mặt. Tôi không biết ông Ngoại tôi trồng nó từ năm nào nhưng chắc chắn là phải mấy chục năm trước vì vào khoảng năm 1960 thì nó đã to lớn lắm rồi. Mai là giống cây chậm phát triển. Cội mai nhà ông tôi có đường kính của thân chính khoảng hơn một tấc cho thấy nó có tuổi rất già. Trong khu đất nhà tôi có hai căn nhà. Một căn là nhà ông Ngoại tôi ở phía trái. Căn kia là nhà chúng tôi ở sâu vào trong, phía trước mặt. Cội mai được trồng trước nhà Ngoại và cũng ở trước nhà tôi nên chúng tôi được hưởng kẻ sự xinh đẹp của nó.

Khi tôi có chút hiểu biết về sự xinh đẹp của hoa mai vào dịp Tết thì cội mai này đang ở vào tuổi sung sức nhất. Nó không tròn trịa mà hình dáng giống như một cây quạt cao chừng 7-8 mét. Bề ngang từ ngoài đường vào phía trong khoảng 12 mét, nhưng bề dày của nó chỉ khoảng 2-3 mét mà thôi. Hình như ông tôi đã tìm cách ép nó có hình dạng như vậy. Đây là loại mai liễu. Cảnh lá của nó từ trên cao rớt xuống lòa xòa như một cảnh liễu. Với kích thước như vậy, đây là một trong những cây mai lớn nhất ở Bình Dương thời đó.



Hàng năm vào khoảng rằm tháng chạp, chúng tôi phụ với ông Ngoại lo lật lá mai. Chúng tôi phải bắc thang leo lên tận ngọn để lật từng lá mai. Dịp này chúng tôi cũng phải cắt bỏ những đám chum gởi bám vào cành mai để hút mù. Đây làm một công việc cũng khó khăn và đòi hỏi nhiều công sức bởi vì cây mai lớn quá. Hai ba người cùng làm thì cũng tốn cả một ngày mới xong.

Nhưng tất cả sẽ được đền bù xứng đáng. Tới khoảng 27-28 Tết thì nụ hoa đã lớn, có màu xanh, và chuẩn bị ra hoa. Tới 30 hay mùng một Tết thì cả cây nở hoa vàng rực rất đẹp. Ai đi ngang qua khu vực cũng đều khen và đều chúc mừng rằng năm mới mà mai nở đẹp như vậy thì sẽ đem nhiều may mắn cho gia đình. Có năm, chúng tôi còn gắn những dây đèn màu nhỏ lên cây. Vào buổi tối, đèn màu chớp tắt càng làm cho cây mai thêm xinh đẹp. Lúc đó, nó giống như một thiếu nữ có thêm những món trang sức quý giá làm tăng thêm vẻ rực rỡ của mình.

Sau Tết, hoa mai kết trái và cho hạt nhỏ màu đen. Những hạt này rụng xuống rồi nhờ trời mưa mà mọc lên cây con nhiều lắm. Nhiều con của nó đã mọc thành một hàng rào trước nhà. Có cây đã lớn và cao khoảng 4-5 mét.

Bạn bè thường đến nhà chúng tôi vào dịp Tết nên có dịp trông thấy cây mai ra hoa nở rực và nhớ tới ngày nay. Những bạn ấy không gần gũi mà còn biết và nhớ đến nó, thì chúng tôi là con cháu trong nhà, hàng năm đều có dịp trông thấy mai nở vàng rực thì làm sao không nhớ nhưng về một cội mai già đầy hương sắc!



Ông tôi mất năm 1978. Nhà của ông để hoang phế không ai cư ngụ. Những năm sau đó, chúng tôi lưu lạc tứ phương lo kiếm sống nên cũng không ai săn sóc cây mai già. Lúc đó mọi người nghèo quá, chuyện lo sinh sống hàng ngày còn chưa xong làm sao lo tới cây mai được. Do đó, vào dịp Tết, cây mai ứ rũ, hoa chỉ ra thưa thớt, trông rất buồn bã.

Năm 1983, anh Tư của chúng tôi đi học tập ngoài Bắc về và gia đình của anh chị cư ngụ

trong nhà ông Ngoại. Cuối năm đó, chúng tôi cùng với anh mới lật lá mai trở lại. Công việc kỳ này còn cực hơn các kỳ trước vì lâu năm không săn sóc, cây bị chùn gời bám vào rất nhiều. Năm này tuy còn chưa khá giả gì lắm nhưng cuộc sống cũng hơi có vẻ hồi sinh. Cành mai đã bắt đầu nở rực rỡ trở lại như vui mừng cho ngày đoàn tụ. Nhưng cũng chỉ được vài năm mà thôi bởi vì cội mai cũng đã quá già. Mấy năm sau đó thì nó đã héo úa rồi chết đi trong sự thương tiếc của chúng tôi!

Trong email, Nguyễn Hoàng còn nhắc tới căn nhà xưa của ông Ngoại tôi nữa. Căn nhà này cũng thuộc loại cổ vì tôi cũng không biết nó đã được xây từ năm nào. Nhà này có nền cao nhưng nóc nhà lại thấp và làm bằng gỗ. Nhà lợp ngói âm dương, vách ván gồm hai phần: nhà trên và nhà ngang. Nhà trên có ba gian nhà ngang cũng vậy. Hai nhà nối liền nhau nhưng ở giữa hai căn nhà có một khoảng sân trống để lấy ánh sáng. Trong nhà trên, phía trước có một bộ bàn ghế để tiếp khách với mặt bàn là một tấm cẩm thạch nguyên khối nhập cảng từ bên Ý. Hai bên là hai bộ ván gỗ. Phía trong có ba tủ thờ cẩn ốc. Bên trong nữa là hai phòng ngủ hai bên. Những cột gỗ trong nhà màu đen và rất bóng vì được lau chùi thường xuyên. Những cây kèo to lớn ở trong nhà có chạm trổ khá mỹ thuật. Trên các cây cột, kèo có gắn nhiều hoành phi câu đối, nhưng tất cả đều bằng chữ Hán nên chúng tôi không biết nói gì. Có một tấm hoành chạm trổ chữ Hán đã được GS Phan Thanh Đào đọc dùm. Ba chữ đại tự đó là chữ: Vĩnh Thế Xương với ý mong muốn con cháu đời đời hưng thịnh. Nhà dưới có thêm những bộ bàn ghế, những bộ ván và nhà bếp, phòng ăn ... Đây là một căn nhà được cất theo lối cổ nên tuy rộng rãi, nhưng hơi tối vì thấp. Nói thật, hồi nhỏ tôi vào nhà ông Ngoại thì cũng hơi sợ vì thấy nhiều chữ Hán quá. Nó giống một nhà từ đường vì có nhiều bàn thờ và hơi âm u vì cửa nhà hay bị đóng nên hơi tối.

Căn nhà dưới, sau này được chúng tôi chuyển thành một lớp dạy luyện thi đại học với các môn Sinh Vật do anh Nhung dạy và Vật Lý hay Toán do tôi dạy. Nhiều bác sĩ, kỹ sư ngày nay đang làm việc ở tỉnh nhà đều đã có dịp ngồi học dưới mái nhà này.

Gia đình anh Tư chúng tôi cư ngụ trong nhà ông Ngoại đến năm 1991 thì được đi Mỹ theo diện HO. Căn nhà không ai cư ngụ, sãn sóc nên bị môi mọt hư hại dần và phải dỡ bỏ mấy năm sau đó. Khi chúng tôi ở trong nước thì không thấy giá trị cổ xưa của căn nhà. Sau này ra nước ngoài mới thấy rằng các kiến trúc như vậy thật vô giá vì bây giờ xây cất một căn nhà mới rất dễ nhưng làm sao kiếm được một ngôi nhà gỗ theo kiến trúc xưa. Hiện giờ số nhà cổ như vậy ở Bình Dương chỉ đếm không quá đầu ngón tay.

Tới năm 1997, anh chị Tư và anh chị Sáu bên Mỹ mới hùn nhau xây nên một căn nhà mới tại vị trí cũ nhưng day mặt ra đường. Di tích còn sót lại của căn nhà xưa là tấm hoành phi với ba chữ Vĩnh Thế Xương. Các câu đối, tủ thờ, bàn ghế xưa đều không còn nữa. Con đường trước nhà mở rộng nên những cây mai con gần đường cũng bị chặt bỏ, chắm dứt các thế hệ của cội mai già trước nhà ông Ngoại...

Người đi xa hay nhớ chuyện cũ. Bạn bè luôn nhắc đến căn nhà thơ ấu của tôi với nét đẹp cổ xưa cùng cội mai độc đáo của nó. Còn chúng tôi, nay lưu lạc xứ người nhân đó cũng viết lại đôi hàng ghi nhớ, và hoài niệm về quê hương. Bài này viết lên để nhớ lại một chút nào đó về quê nhà. Có anh bạn cùng quê nói rằng: *“Bây giờ về Bình Dương thấy toàn người lạ. Kiếm bạn cũ, người xưa sao khó quá chừng”*. Xã hội đổi thay, cuộc sống tiến lên. Bình Dương ngày nay có thể phát triển hơn, văn minh hơn ngày xưa nhưng Bình Dương trong tâm hồn của người viễn xứ chắc chắn còn đẹp hơn bội phần. Cội mai già, căn nhà cổ, bờ sông xưa, người bạn cũ ... tất cả kỷ niệm và hình ảnh ấy sẽ đi theo tâm hồn của họ cho tới khi xuôi tay nhắm mắt mà không thể có bất cứ một điều gì thay thế được./.



Thơ

Xuân và Chim

Đêm toa rập với những vì tinh tú
Bao thôn làng, loài dã điều bơ vơ
Đêm tăm tối như cuộc đời tăm tối
Dã điều buồn, buông từ lời xin tội
Đêm hoang vu không nói năng số kiếp
Dã điều buồn nên chấp cánh bay cao
Sáng mờ sương hoa thì thắm bên lá
Cánh chim hoang cúi đầu thăm lạy tạ
Xuân đây rồi, kiếp muôn chấp cánh bay xa.

MH A2



Chiều Xuân

Chiều Xuân bóng ngả ở ven sông
Chạnh nhớ sầu đau cả tác lòng
Hình ảnh cô yêu chiều hôm ấy
Đã làm thay đổi mảnh hồn tôi,
Đến khi tôi lớn tuổi hoa niên
Mà chẳng còn cô bước trở về
Vi đời trăm mối làm sao bước
Lỡ sẩy chân sa chôn lụy đây
Cô hỏi Xuân về em nhớ cô?
Đuối nhìn trong mộng lệ rơi khô
Thấu chăng cô hỏi: em in trí
Hình ảnh cô hiền hôm tất niên.

Hoài Lãng Cổ A 2

Gió thổi chiều cuối năm

Thúy Đình

(tặng Kim Nên, Từ và những ngày ở Houston)

Lại thêm một chiều cuối năm trong bốn mươi bốn năm trôi qua. Thời gian, đôi khi giống như chiếc lá rơi nhẹ nhàng trên mặt hồ đời êm ả; đôi khi lại là hòn đá ném xuống biển đời làm nổi sóng không yên. Ngày tháng cứ cuốn đưa tới phía trước nên thời khắc này phải hụt hơi lội ngược dòng trở về. Tôi đã quay về khung trời cũ, ngồi thật lâu bên mộ em giữa vườn măng bóng mát âm u. Ngồi thật im và thương em rờn rờn nước mắt.

Bốn mươi bốn mùa Xuân đã âm thầm ghi dấu rêu phong trên chỗ em nằm, vậy mà mỗi bận về lại tôi vẫn quay quắt nhớ thương. Nhớ một nụ cười hồn nhiên, một ánh mắt trong veo ngây thơ... là em những ngày không thể nào quên được...

Chiến tranh đã đi qua một thời tuổi trẻ của tôi, của em, của mùa-thu... và của mọi người. Dấu ấn đã khắc sâu trong trái tim nhiều buồn nên chưa hề phai một chút nào. Súng đạn vô tình đã làm em ngã xuống, cũng một chiều Xuân bên chiếc cầu nhỏ đó. Thời loạn lạc thông tin đến thật chậm, chỉ khi tôi đứng bên thềm nhà bà; chỗ tôi vẫn thường đứng trông một vòng xe đạp qua ngang để gạt đầu cho một đôi mắt; chờ dứt cơn mưa buổi sáng trên vòm trời xứ Búng mới sững sờ nhận được lời nhắn vội vàng. Tôi đã quy xuống trong vòng tay những người thân, tên em cũng không gọi nổi, tim tôi như ngừng đập, khoảnh khắc thật kinh khủng ủa đến, bao vây bất ngờ.

Làm sao để hiện thực biến thành giấc mơ, ý nghĩ ngược đời khi mà ai cũng muốn mơ thành thực. Làm sao để tin dữ hóa lành, để nghe là báo nhằm địa chỉ... và em vẫn đang tung tăng ở góc phố đó. Làm sao đây khi mà đất trời như sụp đổ và đôi chân

tôi đã hóa đá nặng nề, thật nặng nề.

Nhưng rồi tôi cũng tới nơi, mẹ khóc, tôi khóc, họ hàng khóc còn em thì nằm im lìm. Bàn tay khê khàng chạm vào gương mặt em lạnh giá, bàn tay vuốt đôi mắt to tròn nhắm kín mãi mãi...muôn đời muôn kiếp không nhìn tôi nữa.

Mùa Xuân bay đi mang theo tuổi mười sáu tôi đến một chốn mù xa, mờ mịt. Mùa Xuân đưa em về giữa mảnh vườn quê nhà quen thuộc. Mùa Xuân khép lại giấc mộng cùng tôi bước chân qua cổng Trịnh Hoài Đức với áo dài trắng em từng ước ao. Mùa Xuân lặng lẽ nhớ em trong hầm tránh đạn pháo kích những đêm giao tranh không ngủ. Mùa Xuân không còn em tóc mẹ thêm nhiều sợi trắng, tóc tôi dài thêm trên những ngón tay đan.

Và cứ thế, cứ thế chắt chùng những năm tháng cuộc đời trên đôi vai mà lầm lũi đi, lầm lũi bước tới. Mãi đến kỷ niệm lần thứ bốn mươi ba tôi nhận được những lời sẻ chia chân tình của mùa-thu-xa, muộn còn hơn không, một email đầy nước mắt trong hàng trăm email mùa-thu đã viết. Thấy lại một Tết Mậu Thân kẹt ở Saigon, thương mẹ già mỏi mắt đứng ngồi không yên chờ tin con, thương con đường chông chênh Gò Vấp - Lái Thiêu về xóm đạo ... Thương em đã bay về Trời, mùa-thu đã bay bên kia trời, chỉ còn tôi ngồi ôm kỷ niệm buồn đau một mình. Tất cả trống không, mệnh mông những cơn mộng du từng đêm, từng đêm.

Tháng Giêng mang Tết về đây thật sớm, mùi vôi còn nồng ngói mộ nhỏ. Em làm sao nghe được tiếng tôi thì thầm trong gió chiều se se lạnh. Em làm sao thấy một khóm hoa cúc vàng tôi mừng em tuổi mới. Em làm sao biết vườn nhà sẽ đổi chủ, sẽ không còn mẹ quét lá cho em mỗi



ngày nữa. Sẽ không còn vườn măng giống như mùa-thu không còn vườn đất ở gần nhà thờ nữa. Không còn những ngày hè treo cây hái trái, không còn những vòng xe đạp ngày xưa. Không còn, không còn...sương khói mờ ảo quá...áo em trắng quá nhìn không ra...

Chuyến xe buýt cuối cùng mang tôi trở lại thành phố, nghe trái tim mình hát bài tình buồn chiều cuối năm, thật lạ. Xe qua ngang trường cũ, học trò Trịnh Hoài Đức nghỉ Tết cả rồi nên cổng vắng không người. Tháp thoáng bóng cây đa già của mùa-thu lẻ loi bên ngôi nhà mới. Con đường 13 phố xá lao xao, hai quán bánh bèo Mỹ Liên cũng ngưng bán nghỉ Tết. Ngõ vào trường Nữ không như ngày xưa. Đổi thay... thay đổi hết rồi.

Góc chợ Búng sáng đèn như soi rõ hai câu thơ “góc nào anh đứng chờ em đó, giờ không ai gọi để em thưa...”. Qua phố Cây Xoài, qua đường Thủ khoa Huân có cổng nhà hoa giấy tím dẫn lối lên Dốc Sỏi, rẽ phải là của mùa-thu. Xe qua ngang cầu Bà Hai thấy tháp cao ngôi giáo đường có đèn sao lấp lánh mà nghe chùng tiếng chuông vọng hồn ai chấp chới trong gió trong mây. Dọc bờ sông nhỏ xuôi về cầu Cây Trâm, Cầu Ngang nhộn nhịp hàng hoa và trái cây, người mua kẻ bán cười nói xôn xao một đoạn đường đẹp nhất quê nhà. Ngôi trên xe ngắm nhìn và nhớ bài thơ của mùa-thu đăng trong báo Xuân năm ngoái quá... những địa danh một thời bây giờ tôi lặp lại, chắc đọc thấy là buồn cười. Chỉ có Bình Sơn thôn, nhà thờ Bình Sơn nhỏ bé nằm khiêm nhường bên sông là xe tôi không đi qua. Nơi mà mùa-thu sinh ra, nơi mà tôi có ba năm ngồi học ở đó, nơi có thầy Thiển tận tụy dạy dỗ bao nhiêu lớp học trò giỏi thi đỗ vào đệ Thất Trịnh Hoài Đức ngày xưa.

Và ngày xưa tôi vẫn từng đạp xe chở em về ngang, dừng lại vào viếng Chúa. Nhớ em vẫn cười ngơ ngác trên lưng tôi mà không hỏi vì sao như thế...Có mùa-thu biết vì sao nhưng hồn nên im lặng không chịu mở lời.

Sài Gòn đón tôi trong đêm ồn ào, người xe chen nhau vội vã, nhìn thôi đã muốn ngọt thờ. Chia tay em, gọi lại góc vườn yên ả đó một hình bóng thân thương để bước lại đường trần gian nghiệt ngã này, thật tình tôi chỉ muốn khóc, muốn quên. Nhưng không sao bỏ quên

được, mùa-thu-em-tôi đã mãi gắn dính muôn năm rồi.

Ở đâu đó hình như còn âm vang nhắc nhớ và mỗi bận giao mùa tôi vẫn thường ngâm nga:

Chiều cuối năm vẫn chiều cuối năm cũ

Gió tự trong lòng gió thổi ra...

Thơ

Xuân về trong mắt em

Tôi thấy Xuân về trong mắt em,
Trên đôi môi thắm ý Xuân nồng
Trên làn tóc mượt mùi hoa dại
Trên áo em hồng đan trắng trong.

Tôi thấy Xuân về trong mắt em,
Chiều nao gặp gỡ gió vương thềm
Bên giàn thiên lý em thắm nói,
Xuân lại về đây ai biết không?

Tôi thấy Xuân về trong mắt em,
Gió Xuân nhẹ nhẹ bước êm đềm
Hoa Xuân đua nở khoe màu thắm,
Ngào ngạt hương nồng mộng ấm êm.

Tôi thấy Xuân về trong mắt em,
Ngàn hoa vương giả nở trong lòng.
Ngôi vị mùa Xuân tôi dâng tặng,
Ngự trị lòng tôi em biết không?

D.T.L A 2



Hội Ngộ

Kim Nên

Mùa Xuân vừa qua mình và Bì rủ nhau đi Nhật để ngắm nhìn hoa anh đào nở, hai đứa nôn nao đầu tháng giêng đã lo để dành tiền, mua vé máy bay chuẩn bị đủ mọi thứ cho chuyến du lịch thật thích thú này. Thích thú vì từ báo chí, phim ảnh, từ những bài hát ca ngợi cái đẹp tuyệt vời của hoa anh đào nở rực rỡ giữa mùa Xuân trên mảnh đất Phù Tang đầy thơ mộng, đã quyến rũ mình từ thuở còn cắp sách đến trường.

Một tuần lễ trước ngày khởi hành đi Nhật thì thiên tai động đất khủng khiếp đã xảy ra bên ấy. Thế là chuyến đi du lịch bị huỷ bỏ làm hai đứa tiu ngui. Mọi chi phí cho chuyến đi được hoàn trả trừ vé máy bay từ Houston sang Los Angeles. Ngày Lễ Tạ Ôn năm nay mình được 5 ngày nghỉ phép, lại nhân dịp có bà chị từ Pháp sang San Jose thăm con, thế là mình mượn cơ hội này dùng cái vé máy bay sắp hết hạn bay qua bên ấy thăm gia đình.

Các bạn thân yêu, hai tuần trước tụi mình rủ nhau đi Plano thăm thầy Cao, sau ngày hội ngộ ấy niềm vui không dùng lại bởi tình các bạn như làn gió Xuân êm dịu ru mát tâm hồn ông đồ già khó tánh phải xuống núi, ngồi khai bút “Hãy loan báo cho toàn thể giới biết thầy trò mình đã hội ngộ nghe”. Sự phụ cảm ơn tất cả A 2 vẫn luôn luôn dành tình cảm cho sự phụ vẫn như thời “non dại” (Thúy Đình gọi thầy Cao là sự phụ). Hôm nay mình lại đưa các bạn bay xa ngàn dặm về “Thung Lũng Hoa Vàng” mãi tận miền Tây nước Mỹ để hội ngộ người sáng lập cái tên Hoa Nắng năm nào, cô Tô Mỹ Hạnh.

Sacramento, thủ đô của tiểu bang California nơi cô Mỹ Hạnh cư ngụ, cách thành phố San Jose còn gọi là “Thung Lũng Hoa Vàng” khoảng 2 giờ lái xe. Ban đầu mình và Bì tính chờ nhau đến nhà cô Hạnh, sau đó hai đứa sẽ đi một vòng thăm viếng thành phố, nhưng cô bảo thứ bảy cô sẽ về San Jose đám giỗ, tiện đường

cô sẽ ghé nhà Bì gặp tụi này. Mình đến nhà Bì sớm để đón cô Hạnh. Nhà Bì có cái vườn rau nho nhỏ xanh tươi. Nào cải bẹ xanh, nào cải tần ô mọc đầy, rồi rau thơm đủ mọi thứ, có cây ớt trái dài mấy gang tay, có giàn bí, mướp trái treo lủng lẳng trông thật dễ thương. Khí hậu ở đây lành lạnh như Đà Lạt nên rau cải tốt tươi, dễ trồng. Mình yêu thích thiên nhiên, lấy trời mây nắng gió, cây cỏ làm niềm vui, nên rất thích trồng trọt. Đến nhà ai là đi thẳng sân sau nhà để ngắm nhìn xem có vườn rau, vườn hoa gì không. Nhìn thấy vườn rau xanh mình mê quá, liền ngồi xuống nhổ mấy cọng cỏ dại mọc trong luống rau tần ô. Bì nói: “Thôi đừng nhổ Nên ơi, tay mày dơ hết”... “Không sao đâu tao thích mà. Cải bẹ xanh này mà đồ bánh xèo thì ngon lắm”. Nhắc bánh xèo làm mình nhớ những ngày còn đi học ở trường Trịnh Hoài Đức, hôm nào giáo sư không đến dạy thì cả lớp vui mừng, lý lão um sùm như cái chợ chồm hổm vì được về nhà sớm. Mà có về nhà đâu. Có đám thì rủ nhau đến nhà bạn nào có vườn trái cây gần trường. Có đám thì kéo nhau về Lái Thiêu. Riêng cái đám nhà ở Bình Dương thì hồi hả đón xe về, đi chợ mua bột, rồi cùng nhau vào nhà nhỏ Nga đồ bánh xèo. Mình không nhớ là bánh xèo có ngon không, mà cũng không nhớ bánh xèo có tôm thịt không, nếu có thì lấy tiền ở đâu mà mua. Nhớ mỗi lần cả đám đi chợ là phải đi ngang qua cái quán cơm của má mình, không nói dối được thế là cả đám cười trừ rồi vô tư theo nhau đến nhà Nga.

Tiếng anh Bá nói đưa mình trở về hiện tại: “Sáng nào tôi ăn mì gói thì ra sân cắt vài cọng cải cúc là ngon lành”. Cô cháu gái hỏi: “Cải cúc là cái gì chú?”... “Cải tần ô đó”. Mọi người vừa cười vừa nói, đưa cắt rau, đưa nhổ cỏ dại. Thấy vui quá con cháu gái nhỏ nói: “Con nhỏ cỏ được không?”. Hai bà cháu đang mãi mê ngoài vườn thì Bì kêu: “Nên ơi! Cô Hạnh tới rồi”. Mình vội vã rửa tay, chạy vào...

Vừa gặp cô Mỹ Hạnh là cô nhận ngay ra mình: “Kim Nên trưởng lớp...”. “Dạ chào cô...”. Cô Hạnh vui vẻ hỏi chuyện lớp tụi mình: “À, em có đem tờ Hoa Nắng cho cô không?”. “Dạ không vì tờ Hoa Nắng em nhận được chỉ nhắc đến thầy Vượng dạy Anh Văn thôi”. “Sao lại là thầy Vượng cái tên Hoa Nắng là cô chọn

đặt mà”. “Dạ em cũng nhớ như vậy, để em liên lạc với Nga, Thuý coi có còn tờ Hoa Nắng nào nữa không?”.

Cô Hạnh muốn xem hình lớp mình nên Bì đưa cô lên phòng mở trang nhà Trịnh Hoài Đức cho cô xem. Thế là thầy và các con cô Hạnh cũng tháp tùng đi. Minh ngồi với cô Hạnh. Mọi người đứng chung quanh. Minh vào trang nhà tìm lá thư cô Hạnh viết cho nhỏ Nga ngày xa xưa. Trong lá thư đó cũng có mấy tấm hình Nga chụp chung với cô Hạnh trước nhà thờ Đức Bà ở Sài Gòn. Bì nói: “Ưu con Nga đi đâu mà chụp với cô Hạnh ở Sài Gòn vậy”. (Cô Hạnh dạy tụi mình lớp đệ ngũ thì lúc ấy tụi mình mới khoảng 13, 14 tuổi, mà nàng Nga đi Sài Gòn một mình thì gan thật. Hèn chi lúc nào nó cũng như Sư Tử vậy). “Tao đâu có biết, con Nga thì thân với cô lắm”. Có lẽ lần đầu tiên các con cô Hạnh được nhìn hình ngày cô mới đi dạy ở Trịnh Hoài Đức nên suýt soa khen mẹ đẹp quá.

Minh tìm mấy tấm hình các bạn họp mặt ở quê nhà. Thoạt đầu mình giới thiệu hình như là Hồng Bò thì cô Hạnh đã bật khóc vì quá xúc động làm mọi người ngậm ngùi theo. Sau đó là hình của tất cả các bạn. Cô nhớ không sót đứa nào. Cô bảo em ơi nhớ copy hình này, thư này cho cô, đâu Nga đâu?. Lời cô hỏi hả như muốn níu lấy, muốn ôm chặt vào lòng những hình ảnh của đám học trò đã cho cô thật nhiều kỷ niệm yêu thương.

Trờ xuống dưới nhà, cô trò lại tiếp tục nói cười. Cô Hạnh rất chân thật cởi mở. Cô bảo bây giờ ai cũng thay đổi, nếu gặp nhau ngoài đường phố thì khó mà nhận diện. Riêng mình thì thấy cô khác nhiều dù mình cố nhớ lại nhưng cũng không hình dung được hình dáng cô ngày xa xưa. Gần năm mươi năm rồi còn gì nữa, lúc đó



Thầy và cô Tô Mỹ Hạnh, CHS Nguyễn Thị Bì, Nguyễn Kim Nên

tụi mình học lớp đệ ngũ, tuy nhiên cái nét dịu dàng và thích làm đẹp vẫn còn trong cô. Tóc cô xoã dài như nàng M. Lan của tụi mình, khi chụp hình thì cô thích để mái tóc một bên vai, thích có bình hoa tím... Thầy của cô hiền lành ít nói, các con cô dễ thương đã vui vẻ chụp mấy tấm hình lưu niệm cho cô trò mình.

Tụi này mời gia đình thầy cô đi ăn trưa nhưng cô từ chối vì phải đi đám giỗ. Ngày vui qua mau, đến giờ cô phải đi... Cô trò lại lưu luyến già từ, chúc nhau bình an hẹn tái ngộ mùa Hè sang năm. “Cô ơi nhớ đừng quên giỏ rượu...” “Không, rượu đó là quà cho hai em, cô tính ghé qua chợ mua heo quay nữa nhưng đi lạc đường...” “Sao cô lại cho tụi em quà, tụi em biếu quà cho cô mới đúng”.

Cô Mỹ Hạnh đi rồi mình bước vào nhà nhìn cái giỏ rượu chợt thấy lòng ấm áp, bùi ngùi, nhớ thương thương, tình Người, tình Cô. Lời thầy Chu Bá Cao vẫn còn vương vấn đâu đây: “Tạ ơn Trời, tạ ơn Đồi, tạ ơn Trò, tạ ơn cái không gian rộng lớn này vẫn còn đủ chỗ chứa cho cái ân tình giữa thầy trò chúng ta“. Tạ ơn Thầy, tạ ơn Cô.

(12/2011)

Nam Sơn Luận Kiếm

Phóng viên không chuyên nghiệp

Khi anh Lý Phước Sanh ở bên Úc hay tin CHS Trịnh Hoài Đức Nam Cali sẽ đón tiếp thầy Nguyễn vũ Hải khi thầy có dịp đến Little Saigon vào tháng 11 năm 2011 thì viết email với tựa đề như trên. Thấy hay hay nên phóng sự này xin lấy tựa đề là Nam Sơn Luận Kiếm cho vui vui một chút.

Thầy Nguyễn Vũ Hải định cư ở TP Santa Clara miền bắc California , từ khi liên lạc được với hội CHS Trịnh Hoài Đức thì cũng muốn gặp mặt các anh chị em một lần. Nay nhân đi dự đám cưới của một người cháu ở Nam Cali

nên đầu tháng 10, thầy gọi email cho anh Nguyễn văn Diệp đề mong sẵn dịp này, thầy trò gặp mặt hàn huyên. Thầy viết: “Mình ở gần nhau, sẽ còn gặp nhau nhiều lần nên chỉ mong được gặp lại nhau vui vẻ ở nhà một anh/chị nào đó là tốt rồi”.

Thế là anh Nguyễn Văn Diệp và phụ tá là Từ minh Tâm lo thông báo cho quý thầy cô và anh chị CHS THĐ cư ngụ trong vùng Nam Cali, hẹn nhau tại nhà hàng Hồng Ân ngày 11/11/2011 .

Đúng như lịch trình, ngày đẹp trời thứ sáu



Ảnh kỷ niệm cuộc hội ngộ giữa thầy Nguyễn Vũ Hải và CHS, GS Trịnh Hoài Đức, Nam Cali. Từ trái sang phải: CHS Vương văn Kiệt, Trần Minh Tâm, Trần văn Ngôi, Nguyễn văn Diệp, Từ Minh Tâm, thầy Nguyễn vũ Hải và phu nhân, thầy Nguyễn Trí Thành và phu nhân, thầy Phó Đức Long. (Anh Diệp là “phó nhòm” nên không có mặt trong hình).

11/11/2011 thầy cô đi xe đò Hoàng xuống tới Nam Cali. Anh Diệp đã đến tận nhà bà con của thầy ở Garden Grove để đón thầy cô đến nhà hàng. Ở đây đã thấy có thầy Nguyễn Trí Thành và phu nhân đang nói chuyện với CHS Từ Minh Tâm. Theo nhận xét của vài CHS có mặt hôm nay thì thầy Hải, tuy đã hơn 70 mà sức khoẻ còn rất tốt và trí nhớ thì rất siêu phàm. Thầy chỉ bị lãng tai nên khi nói chuyện thì thường phải nhìn thầy, nói rõ ràng và ngắn thì thầy mới hiểu hết ý được, đôi khi thấy cô thì thầm bên tai thầy, đó là lúc cô đang “thông ngôn lại”, có điều phóng viên tôi thắc mắc là cô nói rất khẽ mà sao thầy vẫn hiểu được !!!.

Do hôm nay là một ngày tốt có tới 6 con số 1: 11/11/2011 nên trong vùng có nhiều đám cưới. Nhiều CHS và GS phải đi dự đám cưới, một số bị bệnh và bận rộn việc nhà nên phóng viên chỉ ghi nhận sự có mặt của GS Nguyễn Trí Thành và phu nhân, GS Phó Đức Long, các CHS Nguyễn Văn Diệp, Vương Văn Kiệt, Nguyễn Văn Diệp, Trần Minh Tâm, Trần Văn Ngôi, Từ Minh Tâm.

Lúc 7 giờ, nhà hàng bắt đầu dọn tiệc với các món Việt thuần túy như: cá nướng, thịt bò nướng lá lốt, thì bò nướng, chả đùm, cháo bò ... Thầy Hải, anh Diệp uống bia, những người khác thì uống Coca Cola hay uống trà vì luật Cali cấm uống rượu lái xe. Thầy trò nói chuyện với nhau rất vui vẻ.

Thầy Hải cho biết thầy về Trịnh Hoài Đức dạy lúc thầy tuổi dưới 30. “Còn nhỏ hơn tuổi của con các anh bây giờ”, đó là nguyên văn của thầy. Thầy dạy trong ba niên khoá, từ năm 1963 đến năm 1966, dưới thời các GS Nguyễn Thanh Liêm, Đặng Trần Thường, Nguyễn Đức Lâm, Nguyễn Trí Lục làm Hiệu trưởng THPT. Sau đó thầy được đổi về Sài Gòn dạy ở trường Mạc Đĩnh Chi cho đến tháng 3/1977. Do đó các anh chị thuộc các khoá 3, 4, 5, 6, 7 thì có thể đã được học thầy. Thầy cũng không ngại nói chuyện đời của thầy như: Cô nhỏ hơn thầy 14 tuổi (thầy nói đùa là $\Delta x = 14$). Thầy nay vẫn uống được một lon bia, hay một ly rượu khi có người đối ẩm và khi đi du lịch thì thích đến nhà bạn bè để trò chuyện với nhau. Thầy có về thăm trường THPT hai lần. Thầy rất cảm kích về sự đón tiếp của quý anh chị CHS THPT

ở Việt Nam đã dành cho thầy. Thầy cho biết hồi xưa, khi thầy dạy Trịnh Hoài Đức thì chỉ dạy hết giờ là về Sài Gòn chờ ít khi tham gia các sinh hoạt của trường nên “cũng nhận là có lỗi với học trò trường nhà”, đó là nguyên văn của thầy.

Dịp này, CHS Từ Minh Tâm đã tặng cho thầy một quyển du ký của anh là Đi Cruise Bắc Mỹ để thầy đọc giải trí.

Trong lời phát biểu trước khi kết thúc buổi tiệc, anh Diệp đã cảm ơn công lao dạy dỗ của thầy thời trung học và chúc thầy có nhiều sức khoẻ trong thời gian tới và hy vọng sẽ gặp lại thầy trong dịp GS và CHS Trịnh Hoài Đức hội ngộ lần thứ hai dự định tổ chức ở Nam Cali vào đầu tháng 7/2011.

Đáp lời, thầy Hải cảm ơn quý thầy cô và CHS hiện diện và mời nếu có dịp đến vùng Bắc Cali thì ghé nhà thầy chơi. “Có gì ăn nấy, có gì uống nấy” thầy nói như vậy (nhưng phóng viên nghe đồn rằng thầy có một tú với nhiều chai rượu quý, nếu các bạn có dịp đến TP Santa Clara thì nên tìm thưởng thức cho được!).

Buổi tiệc kết thúc lúc 9 giờ. Cả đoàn ra trước nhà hàng chụp một tấm hình kỷ niệm chuyến Nam Du của thầy Nguyễn Vũ Hải.

Danh Ngôn:

** Tin tưởng lẫn nhau là trụ cột của tình bạn.*

** Bạn là người đến với mình khi mọi người bỏ đi.*

** Không ai toàn diện cả. Bạn bè là phần mà mình còn thiếu.*

** Hãy tìm những người bạn mới nhưng phải giữ bạn cũ*

** Bạn mới là bạc, bạn cũ là vàng.*

Trang Thơ

Nhớ trường xưa

Dù đi muôn dặm nẻo đường,
 Tình thầy, nghĩa bạn mái trường quên sao
 Ước gì như giấc chiêm bao,
 Bạn Trịnh Hoài Đức gặp nhau những ngày
 Hàn huyên tâm sự chuyện dài,
 Ôn sâu, nghĩa nặng tháng ngày không vơi.
 Dòng sông in bóng mây trời,
 Mây thì tan hợp, lòng người thủy chung.

Phạm Thị Bé

Để nhớ

Nơi chợ Búng, đất Bình Dương.
 Trường Trịnh Hoài Đức thân thương thuở nào
 Sân trường phượng vĩ khoe màu
 Bóng diệp xanh mát chào tuổi xuân
 Hôm nay trường đã phục hưng
 Thi đua học tập không ngừng nâng cao
 Truyền thống tốt đẹp năm nào
 Góp công xây lại biết bao công trình
 Việc làm không chỉ riêng mình
 Anh em đồng nghiệp tấm tình dựng xây
 Mai sau ở chốn nơi này
 Dấu xưa kỷ niệm ngày rày khó quên

HMH

Nhớ Thầy Hiệu Trưởng Trương Văn Di

Ngày ấy xa rồi xa thật xa!
 Bao nhiêu năm ấy vẫn đây mà
 Tâm tình Hiệu trưởng con ghi nhớ
 Động lại người Thầy mãi chẳng nhòa.

Trường Trịnh giờ đây thay áo mới
 Uy nghi bề thế giữa trời cao
 Về trường, nay có nhà truyền thống
 Kỷ niệm trào dâng một thuở nào!

Vĩnh Xuyên

Ghé lại trường tôi

Ai về vùng đất Thuận An
 Ghé qua An Thạnh, Cầu Ngang tuyệt vời
 Ở đây cây trái chào mời
 Người dân mình đó ngàn đời âm no
 Trường tôi trung học chăm lo
 Ở gần chợ Búng danh nho anh hùng
 Trường tôi danh tiếng trong vùng
 Làng trên xóm dưới ngõ cùng biết danh
 Thuận An thắng cảnh lên nhanh
 Ghé thăm Trịnh Hoài Đức vòng quanh rồi về.

HMH

Chung tay hướng về trường Trịnh

Hồi tưởng năm mươi sáu năm về trước (1)
 Trường ta Trịnh Hoài Đức thân thương
 Vì sao cứ mãi vẫn vương ?
 Trường xưa trò cũ bốn phương hướng về ?

Bởi nơi ấy tràn trề hy vọng
 Thi đậu vào thỏa mộng tương lai
 Ra trường đủ đức đủ tài
 Dựng xây đất nước nhớ hoài trường xưa

Năm 2011 chợt vừa nhìn lại
 Bạn bè ta tuổi phải bảy mươi
 Qua đặc san đáp tiếng mời
 Vui Xuân sức khỏe đẹp tươi cửa nhà

Chúc trường ta, mạnh đà tiến tới
 Xuân Tân Mão (*) phơi phới tương lai
 CHS trong, ngoài nước chung tay
 Hướng về Trường Trịnh đẹp thay tấm lòng!

(1): 56 năm từ 1955 – 2011

Vĩnh Xuyên

Hạt cát và cội nguồn

Đời là bãi phù sa
 Tôi chỉ là hạt cát
 Tích tụ bao năm cát nổi cồn
 Sống ở cồn tôi nhờ hạt cát
 Làm sao quên được cát là nguồn

Từ ý tưởng này
(trinhhoaiduc.netfirms.com)
Nhiều năm qua tất bật luôn
Đốt lò hương cũ khơi niềm nhớ
Sưởi ấm đời nhau lúc chiều buông

Ba mươi sáu năm đã qua
Vài chim lia tổ vượt phong ba
Mang tài đức trí khơi nguồn sống
Mái ấm trường xưa vẫn đậm đà

Tân Mão (*) Xuân này chúc trường ta
Cây đời Trịnh Hoài Đức thặng hoa
Bạn bè bốn biển vươn vai rộng
Thế giới Đông Tây cùng một nhà.

Vĩnh Xuyên

(*) Bài thơ này làm năm Tân Mão nhưng hơi trễ sau khi báo xuân 2011 đã phát hành, nay xin đăng lại để chúng ta cùng thưởng thức (BPT)

Hãnh Diện Chào

Đọc nhân ngày họp 1/5/2009 tại THĐ

Ngày 1 tháng 5 hen gặp nhau
Dù đời xé bóng vẫn tươi màu
Bồi hồi kỷ niệm còn ghi đậm
Thổn thức thời gian đã quá mau
Trường cũ bây giờ nhiều biến đổi
Tình xưa ngày ấy mãi thanh cao
Về đây cảm thấy lòng vui sướng
Mến tặng bài thơ hãnh diện chào

VX

(Năm ấy sau khi đọc xong bài thơ trên, tôi xuống bàn ngồi, sẵn sờ gặp lớp trưởng Đệ Tứ 1 từ bên Úc về trường họp mặt, mừng quá tay tôi đập vào vai Đỗ Thị Anh và hỏi "Nhớ không?" và tôi lấy giấy làm bài thơ tại chỗ, lên đọc. Sau khi họp xong, cả lớp đi xuống chợ Búng vào uống nước, giỡn cười vui vẻ)

Nhớ Nhung

(Riêng tặng Đỗ Thị Anh nhân dịp về họp chung K2 tại trường)

Xa nhau đã mấy thu rồi
Bây giờ gặp lại bồi hồi lắm thay!

Xa nhau mấy ngàn ngày có lẽ
Biết nói gì biết kể gì đây
Thẹn thùng tay đập vào vai:
"Ồi đau, đau quá nhớ rồi anh ơi!"

Nhớ cái thuở đầu xanh mà quý
Nhớ câu ca "nhất quý" mà yêu
Cùng nhau học tập sớm chiều
Sắn khoai lấy trộm thiếu điều bị thưa

Năm 58 Anh vào nhà tôi nhận giấy
Cầm tay đưa tay phải run run
Tim mình nóng bỏng phập phồng
Phải lo ăn học chứ đừng nghĩ suy
Nhớ hoài "Anh Đỗ" xuân thi !
VX

Gởi người xưa...

Bacsinhaque

*Riêng tặng Người Xưa
(và "mối tình học trò" của tôi ngày nào)*

Có một lần
Tôi "nhờ" nói yêu em
Để ân hận
Suốt một thời trai trẻ
Em hỡi em,
Có hay chăng từ đây
Ở trong tôi
Thầm nhận: mối tình đầu

Mối tình đầu của tôi
Là con đường,
Và sân trường đầy mộng tưởng
Là lá vàng rải thảm với hàng cây
Dáng em về mái tóc bay bay
Anh theo với lòng bao bồi rối.

Khai Bút Đầu Năm

*Khai bút đầu năm hạnh phúc đây
 Quê nhà tổ ấm hẳn là đây
 Gió Xuân nhẹ thoảng xuyên phòng ốc
 Nắng Tết nồng soi khắp cỏ cây
 Bè bạn xa gần chờ họp mặt
 Cháu con lớn nhỏ đã sum vầy
 Cuối đời ước mộng nay thành thực
 Rực rỡ trong nhà hoa mãn khai*

GS TS Trần Văn Khê**Mừng bậc hiền tài quý hiếm**

(Kính họa bài Khai Bút Đầu Năm)

*Tổ nội nghìn xưa phước độ đầy
 Hiền tài quý hiếm trời ban đây
 Năm châu rạng mặt đàn muôn điệu
 Bốn biển ngợi ca dạy "một cây" (dạy giỏi)
 Tế thể an bang vang giọng trời
 Xuất dương du học bén duyên vầy
 Người Nam rung chuyển trời Âu Á
 Trái rộng lòng mình ý bút khai*

Vĩnh Xuyên**Xuân**

*Đào mai thơm nụ lộc trời ban
 Rực rỡ muôn hoa dưới nắng ngàn
 Đôi bướm tung tăng bên chậu cúc
 Đàn ong hý hứng giữa giàn lan
 Ên vui dang cánh đàn trời rộng
 Tâm cảm thánh thơ gửi bạn vàng
 Kính chúc an khang đời thịnh vượng
 Gia đình hạnh phúc đón Xuân sang*

Phú Thuận**Xuân về trên quê hương tôi**

(Kính họa "Xuân" của Phú Thuận)

*Quê hương tươi đẹp đất trời ban
 Ruộng lúa mênh mông mây gió ngàn
 Đây đó chập chờn đàn sếu trắng
 Xa gần khoe sắc nhóm rừng lan
 Dân tình ôm ấp cơ duyên mới
 Đất nước mến yêu trang sử vàng
 Trăm họ sum vầy an lạc thịnh
 Đón mừng Xuân mới Nhâm Thìn sang*

Vĩnh Xuyên**Đố vui ngày Tết**

- Một mình mà ở hai nhà
 Mẹ cha không có, ruột rà cũng không
 Xuất vật dụng
- Hai anh em song sinh. Anh cả là tài xế, em là phụ xế. Hai người giống nhau như đúc, lấy hai cô vợ trẻ đẹp.
 Sau một thời gian lái xe đi làm ở xa, 3 tháng mới về, hai cô vợ vẫn nhận ra ai là anh, ai là em không sai tí nào.. Giải thích cô vợ làm sao nhận biết được anh nào là chồng?
- Hầm chui cao 7m. Một xe tải cao 7,08m làm sao chui qua được? (Không

- được đào đường cho thấp xuống để xe chui, không được dỡ mui xe)
- Tài xế được gọi là "Bác tài". Trường hợp nào tài xế không được gọi là "Bác tài"?
- Vừa bằng hạt đỗ (đậu), ăn đỗ cả làng
 Xuất : Con vật
- Mình tròn, mũi nhọn.
 Chẳng phải bò, trâu.
 Uống nước ao sâu.
 Lên cây ruộng cạn.
 Xuất : Đồ vật (là cái gì?)
- Trên trời có giếng nước trong
 Con kiến chẳng lọt con ong chẳng vào
 Xuất : Quả (Trái gì?)

Sẽ giải đáp trên trang nhà THĐ sau ngày mừng ba Tết Nhâm Thìn 2012

Thư Tín về Đặc San Tân Mão

BBT

Quý thầy cô và các anh chị CHS THĐ thân mến,

Chỉ một thời gian ngắn sau khi phát hành Đặc San Trịnh Hoài Đức Xuân Tân Mão 2011, chúng tôi đã nhận được rất nhiều hồi âm từ độc giả CHS THĐ bốn phương. Đa số thư đều khen ngợi Đặc San như một món ăn tinh thần cho CHS THĐ khắp nơi trong dịp Xuân về. Lúc đầu, chúng tôi không có ý sẽ đăng tải những thư tín này lên mạng vì tính cách riêng tư. Nhưng các thành viên của BBT lại cho rằng những thư tín này cần phải được trích đăng vì những lý do sau:

-Đặc San gồm nhiều tác phẩm của các anh chị CHS THĐ đã đóng góp, nên phổ biến thư để chúng ta có cùng chung một niềm vui.

-Có những bạn bận bịu công việc mà không thể viết bài, thì vẫn có thư đăng lên cho bằng hữu đều xem.

-Có nhiều bạn nói không biết viết gì, nhưng chính lá thư bạn viết lại rất có duyên. Viết ra từ một tấm lòng rất ư là “Trịnh Hoài Đức”.

-Hãy xem những lá thư này là một khích lệ, một phần thưởng tinh thần đáng quý cho BBT.

-Và hơn hết tất cả mọi điều, từng lời thư của các bạn, từng chữ mà các bạn viết ra, góp lại thành một tác phẩm chung. Tác phẩm này sẽ lưu lại mãi mãi như một kỷ niệm đẹp tuyệt vời.

Vì vậy, chúng tôi xin mạn phép các độc giả đã góp ý để trích đăng lại những lời nhận xét về Đặc San THĐ Xuân Tân Mão 2011 như dưới đây. Chúng tôi sẽ không để tên tác giả với sự dè dặt thường lệ.

●....Minh Tâm ơi,

Nhận được email của em chị mừng vô cùng. Đọc Đặc San Trịnh Hoài Đức chị cảm thấy như mình trẻ lại và hồi tưởng đến những ngày ồm

cặp đến học dưới mái trường thân yêu Trịnh Hoài Đức. Hồi đó học bài mệt quá, chỉ muốn mình “thành người lớn”, nhưng bây giờ chị muốn mình trở lại kiếp học trò, nó vô tư và sung sướng làm sao em nhỉ?

Trước thềm năm mới, chị cầu chúc gia đình em luôn hạnh phúc và gặp muôn điều may mắn...

Chị không quên cảm ơn em thật nhiều, thật nhiều nha Minh Tâm ...

●... Rất cảm ơn các anh chị và các bạn CHS THĐ đã cố gắng làm nên một quyển Đặc San Xuân nhiều ý nghĩa, một món ăn tinh thần cho những CHS Trịnh Hoài Đức của nhiều thế hệ. Do quá bận công việc nên mình đã không thể viết bài nên rất tiếc. Nếu ngồi nghĩ lại, thật tình trong năm qua cũng có nhiều sự cố, quý Thầy, Cô ngày càng yếu hơn, ngay cả những CHS khoá 12 cũng có bạn đã ra đi, có bạn đang bệnh nan y, mình cố liên lạc một số Thầy Cô còn lại nhưng cũng rất khó tìm !!

Mong rằng <http://trinhhoaiduc.netfirms.com> sẽ là cầu nối giữa quý Thầy Cô và giữa các thế hệ học trò, qua đó biết trân trọng, biết tự hào và giữ gìn những gì tốt đẹp nhất dưới mái trường thân yêu dù chỉ còn là kỷ niệm, hay chìm trong ký ức của mỗi chúng ta.

Rất cảm ơn...

●... Đặc San trình bày đẹp lắm, nhất là vẫn còn giữ được theo phong cách cũ, với các hình minh hoạ của hồi xưa. Tôi và một người bạn dự tính sẽ in ra một số để tặng thân hữu dịp Tết này, hy vọng sẽ là món quà đặc biệt cho những người cũ ...

●... Mến gửi các em cựu THĐ,

Thầy rất ngạc nhiên và thật vui khi nhận

được Đặc San Xuân của các em. Hai chữ Đặc San đã đủ gói ghém những tâm tình và hình ảnh của tuổi học trò. Cái ngày xưa ấy, cái ngày mà ấn loát, lên trang, vỏ bìa là những lời thôi, cắt xén, chấp vá hình ảnh cho trọn trang.. là những cái nhưc đầu.. vô tội. Bây giờ, lật từng trang của Đặc San THĐ, thấy trang nhã, mỹ thuật.. thầy chỉ còn biết mỉm cười thú vị.

Cám ơn các em đã đem lại bất ngờ rất ý nghĩa, không phải chỉ cho thầy, mà chắc chắn còn cho tất cả những ai đã một thời mài dũa quần ở THĐ. Giữa những cái xô bồ bận rộn vô lối, được sống lại, dù chỉ trong tưởng tượng, những ngày thở hít cái không khí trong lành của ruộng đồng xứ Búng, với đám môn sinh ‘tinh quái’, trong cái không khí nghinh Xuân, cũng tưởng tượng, thầy tự dung cảm thấy hình như Xuân thực sự đang ‘về trước ngõ’.

Cám ơn các em đã gửi Mùa Xuân có thực đến cho thầy.

Chúc tất cả các em một Mùa Xuân Xứ Búng thực trở về trong lòng mỗi người.

Ông thầy nhiều khi ‘khó tính’ ngày xưa..

●... Mới đọc lướt qua từ đầu đến cuối. Mà chắc mất thời gian nhiều để sắp xếp, trình bày. Tao cũng có lần làm một Đặc San như vậy cho lớp chủ nhiệm. Những bài viết trong Đặc San đặc sệt giọng Nam Bộ.

Có cảm tưởng như đây là một quyển Đặc San cũ lôi ra từ đống sách báo cũ, văn phong hầu hết rất chân chất, trừ một vài bài có vẻ sát cuộc sống hơn như bài của Lưu Thanh Bình. Tiếc nếu rảnh tao cũng viết một bài.

Cái hay xuyên suốt của Đặc San là không dính dáng gì đến chính trị.

Hình ảnh thì hơi ít đó ...

●... Mới đọc một ít bài của tờ Đặc San rồi. Thấy vui vui ngày Tết. Chỗ của mình chẳng có gì là không khí nhộn nhịp của ngày Tết cả. Phải về San Jose thì may ra mới có thấy không khí Tết.

Cám ơn anh Tâm đã bỏ thì giờ công sức cho tờ Đặc San, để mọi người được thưởng thức cho vui ngày Xuân và còn có một chút gì đó về Tết. Ngày Xuân sắp đến, chúc anh Tâm và gia đình vui vẻ, mạnh khoẻ, để đi cruise nhiều

nhiều và viết về những chuyến du lịch nhiều hơn nhé...

●... Anh chị Tâm thân mến,

Tụi này đã nhận được Đặc San Trịnh Hoài Đức rồi. Cám ơn anh rất nhiều. Tôi đã đọc xong trong một ngày và chuyển đến các bạn học cũ cùng trường. Chắc tất cả đều thích lắm đó anh. Tụi này hy vọng mình sẽ có một quyển Đặc San đặc biệt của các CHS THĐ trong lần họp toàn cầu kỳ tới, khi chúng ta sẽ gặp được các thầy cô và bạn học cũ. Nghĩ tới đó tụi này cảm thấy vui làm sao đó!. Cám ơn anh chị và tất cả các bạn đã góp công sức để có Đặc San của trường, tạo niềm vui cho tất cả mọi người, nhất là những người “già cả” như tụi này. Thân chúc anh chị và gia quyến luôn mạnh khoẻ, vạn sự an lành và hạnh phúc...

●... Tâm ơi,

Chị đã nhận và đọc một mạch tờ báo Xuân THĐ, phải ghi nhận công sức và lòng nhiệt tình của Ban Biên Tập cùng với những đóng góp của rất nhiều CHS.

Thật tình mà nói chị (và có thể rất nhiều CHS khác... đồng cảnh ngộ nghĩa là thuộc loại... văn dốt vũ nát) rất muốn đóng góp bài vở nhưng khổ nỗi... không biết viết Tâm ạ. Thôi đành làm... đọc giả vậy. Có điều ngoài chuyện viết lách ra, bất cứ lúc nào Ban Đại Diện cần, chị rất sẵn lòng, chỉ cần Tâm... ới một tiếng chị sẽ đáp ứng liền.

Phải gửi cho Tâm vài hàng để... bớt áy náy trong lòng. Một lần nữa chị hết sức cảm động khi thấy các anh chị em CHS THĐ vẫn còn trân trọng những kỷ niệm của thời cắp sách ở THĐ thân yêu...

●... Tâm thân mến,

Đọc Đặc San THĐ Xuân Tân Mão ai cũng vui vì lâu lắm rồi mới được cầm trên tay một Đặc San mùa Xuân mang tên THĐ, nhất là có tấm hình lớp A2, khoá 9 hân hạnh nằm ngay trang bìa. Bạn bè chị gửi lời cảm ơn nồng hậu đến Tâm, người đã bỏ nhiều công sức để hoàn

thành tác phẩm này, cảm ơn sự đóng góp của các cựu dân THĐ trong và ngoài nước... nghĩa là tất cả, tất cả...

Vài hàng tin em biết, hy vọng còn nhiều lớp khác làm giống như lớp chị và em vui nhé!...

●.... Thanks...

●... Cám ơn Minh Tâm. Đặc san hay lắm.

●... Đặc san THĐ Xuân Tân Mão đã phát hành và thành công mỹ mãn. Thế nên bây giờ phải gọi Tâm là “Ông Chủ Bút” hay là “Tổng Biên Tập” đây? Thật ra, mình cũng hồi hộp và chờ đợi báo giống như hồi xưa trường của tui mình làm báo Xuân vậy đó. Khi thấy báo rồi thì lật đật lia “con chuột” để tìm coi bài của mình nằm ở đâu hay bị “Ông Chủ Bút” quên đăng rồi vì góp bài trễ quá!. Mình nhớ hồi xưa sau khi đã có tờ báo trong lớp rồi, mỗi lần thấy bài của ai được đăng là cả lớp mừng rỡ và đưa nào cũng nhảy lên cười vui quá cỡ. ...

Thôi mình tạm dừng để đọc tiếp nhé. Cám ơn bạn nhiều nha. Thân chào bạn...

●... Đã đọc báo xuân THĐ rồi, đủ để cho mình nhớ lại ngày xưa mùa này, gió heo may về lạnh lạnh, trời ít nắng, bông cỏ nở ngập đất trời, và “tui mình” đi bán báo, báo trường, báo lớp...

Tui đã đọc hết những bài của Tâm, Tâm viết hay lắm, rất thích giọng văn của bạn, tự nhiên, đơn giản không cầu kỳ, nhưng đi vào lòng người thật đậm thắm...

Trong báo Xuân, mình thích những bài kể chuyện ngày đó của THĐ, và những chuyện tình của một thời áo trắng...

Mình có một dấu hỏi vì chỉ có Từ Minh Tâm mới biết bài đó của ai?

Bên mình mùa này, không khí mát mẻ, rất dễ chịu, trời ít nắng hay có ngày không nắng..., cuộc sống gần Tết như nhanh hơn, mọi người hối hả hơn, vì còn 17 ngày nữa tới Tết... Chợ búa phố phường tung bừng rộn rã buôn bán, hoa kiểng đầy đường, câu đối đỏ, hoa mai vàng, ngập đường phố...

Vài hàng cho bạn nhớ quê hương chơi, thôi không kể nữa. Tết năm nay bạn không về...?

Chúc bạn, một mùa đông ở bên đó an lành, hạnh phúc...

●... Em có vào THĐ website và đọc "sơ sơ" tối qua tờ báo Xuân 2011. Sẽ đọc rì rã trọn năm... Bài Sớ Táo Quân đọc thật vui. Hình ảnh rất đẹp và bài vở cũng thật phong phú.



●... Về Đặc san Trịnh Hoài Đức, mấy em làm khá công phu. Nếu so sánh với đặc san Hoàng Diệu (Sóc Trăng) thầy thấy mỗi cuốn đều có cái hay riêng. Nhưng tình cảm yêu trường, thương mến thầy cô giống nhau. Có những kỷ niệm như nhau.

Nhưng thầy có nhận xét là các em gom góp các bài không chọn lọc, bất cứ bài nào cũng đăng (điều này đúng vì đó là kỷ niệm, đâu cần hay hoặc dở).

Còn Hoàng Diệu là do một em bây giờ là thi sĩ khá nổi tiếng trong làng văn, lại là chuyên viên làm báo ở San Jose (USA). Anh ta gây quỹ xin tiền các Mạnh Thường Quân ở Mỹ thuộc tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, ngân quỹ khá lớn, đồng thời lập một hội đồng tuyển chọn để làm đặc san, nên bài vở chọn lọc và in ấn đẹp hơn, rồi làm một buổi họp mặt Hoàng Diệu Sóc Trăng, đồng thời ra mắt Đặc San luôn, có quay DVD nữa, quy mô lắm.

Thầy thầy Trịnh Hoài Đức Bình Dương có trang nhà quá phong phú, bài vở đầy đủ nhiều hơn chờ mong, tui em làm đặc san Tết như vậy để vui chơi thì được lắm rồi, đâu cần phải chọn lựa. Thầy chủ trương, nếu là đặc san thì bài nào cũng nên đăng, không phải chọn lọc vì là kỷ niệm, đâu cần hay dở, phải không em. Thầy trò mình bây giờ chỉ cần kỷ niệm thôi mà, kỷ niệm một thời trẻ trung yêu đời. Nếu chọn lọc thì có thể hay nhưng mất đi cái ngây thơ, ầm áp...

Thầy khá lớn tuổi nên viết ít hơn lúc trước

nhưng khi nào thầy có bài về THĐ thầy sẽ gửi ngay cho tụi em. Làm sao mà thầy thương Hoàng Diệu hơn Trịnh Hoài Đức được, phải không em.

Thầy chúc em và gia đình trong Năm Mới gặp nhiều may mắn, mọi sự an lành.

●... về báo Xuân các bạn làm như vậy thì quá chuyên nghiệp rồi còn gì! Qua con mắt không nghề nghiệp như tôi, thì "tốt quá đi thôi!".

Nhân một năm mới sắp đến, tôi xin gửi đến các bạn và gia đình lời chúc một mùa Xuân, một Năm Mới tràn đầy hạnh phúc, may mắn và sức khoẻ!

●... Đặc san dạng .pdf rất tiện, mình có thể in ra đọc từ từ, chớ nhiều khi không rảnh để vào internet ...

●... chưa đọc hết đặc san THĐ nhưng chắc chắn không chê chỗ nào cả. Gần 40 năm rồi mà các em còn nhớ thầy xưa bạn cũ thì làm sao mà chê được ...

●... có đọc bài Tết Hải Ngoại. Rất hay để chia sẻ với bạn bè ở xa, nhất là ở Việt Nam ...

●... đặc san THĐ 2011 có rất nhiều bài, nếu in ra chắc cũng khá dày. Chỉ đọc qua danh sách bài viết thì đã thấy các đề mục về học đường đều được quan tâm tới. Thú thật thầy cũng chưa đọc hết được (cần nhiều thời gian!) và lại cặp mắt của một ông già trên 70 tuổi này khó mà nhìn lâu vào màn hình computer được. Qua đây thầy xin thành thật ghi nhận công khó của ban tổ chức cũng như sự đóng góp đầy nhiệt tình của các CHS THĐ/BD để hoàn tất được đặc san này. Xin gửi lời chúc lành để mọi thành viên thuộc đại gia đình THĐ/BD...

●... thầy cô khen ngợi sự cố gắng và nhiệt tình của các em đã nỗ lực thực hiện tờ báo Xuân năm nay ...

●... Chào các anh chị Cựu Học Sinh Trịnh Hoài Đức thân mến,

Mãi đến hôm nay, tình cờ vào Yahoo Inbox thì thấy thư chúc Tết của anh chị. Ngạc nhiên và với một chút áy náy là chúng tôi không đọc email của anh chị, một email với lời lẽ chúc Tết thật nồng ấm tình nghĩa, đọc đến đâu thì trong tâm vui vẻ đến đó... vậy mà chúng tôi lại "missed" nó hơn 4 tháng nay ... tiếc không?.

Thật là một niềm hãnh diện khi đọc được những lời tâm tình của quý anh chị. Đọc qua tám chân tình gửi đến tất cả thầy cô, khiến chúng tôi không khỏi bồi ngùi cảm động. Thời gian qua mau, bao nhiêu thay đổi, thế mà đạo đức ở những người học sinh Trịnh Hoài Đức vẫn đậm đà, vẫn thân ái như ngày nào. Rất cảm ơn những lời chúc lành của Quý Anh Chị.

Chúng tôi cũng xin thân chúc Quý Anh Chị và Quý Quyển luôn Mạnh Khỏe, Bình An

Những lá thư tiêu biểu trên đây dù ngắn (như chỉ có một chữ Thanks), hay dài đã nói lên sự hài lòng của bạn đọc đem lại sự khích lệ lớn lao cho toàn Ban Biên Tập. Đặc San thành công cũng nhờ sự đóng góp tích cực của các CHS THĐ khắp nơi. Một lần nữa xin chân thành cảm ơn quý anh chị. Đặc biệt BBT cũng xin cảm ơn CHS Phạm Thị Nhung đã bỏ nhiều thì giờ thu thập những thư tín các nơi để chúng ta có bài tổng kết hôm nay.

BBT cũng thành thật xin lỗi vài cộng tác viên đã gửi bài về hơi trễ, nên không đăng kịp vào bản chính của Đặc San được, dù các bài này rất xuất sắc và đầy ý nghĩa.

Trước thềm năm mới, Nhóm Phụ Trách Đặc San Xuân Trịnh Hoài Đức xin kính chúc quý vị Giáo Sư và quý anh chị CHS THĐ một năm nhiều sức khoẻ, an khang, hạnh phúc. Mong đón nhận thêm những thư nhận xét mới về Đặc San THĐ Xuân Nhâm Thìn 2012 để tổng hợp trong phần thư tín Báo Xuân năm tới. Đồng thời, chúng tôi cũng ước mong nhận được nhiều hợp tác về mọi mặt trong tương lai ...

Trân trọng.

Vui Chười

Chười ai

Một ông mới về hưu, ở nhà giữ các cháu nội, ngoại cho đỡ buồn.

Một hôm đứa cháu gái chạy đến nói với ông: “Ông ngoại ơi! thằng Tân nó giận ông, nó chười ông kia.”

Thằng Tân nghe con Yến mét, nó tức giận la lớn: “Tao chười ông nội tao, chứ tao chười ông ngoại mày đâu mà mày mét.”

Những bài luận của học sinh Việt Nam

Đề: Bình luận câu tục ngữ "Uống nước nhớ nguồn".

Uống nước nhớ nguồn là khuyên chúng ta phải nên tiết kiệm nước, khi tắm phải từ từ, không được xối ào ào...

Đề: Hãy đặt câu có từ "dở đần".

Vì em chăm học nên em đỡ đần.

Đề: Tả một loại cây mà em biết.

Hàng ngày chúng em vui đùa dưới bóng cây khoai lang.

Đề: Tả mái đình.

Hôm nay cô giáo cho chúng em về làng quê chơi, đầu làng có cái mái đình cong cong, khi chúng em đến mái đình rung rinh chào đón chúng em.

Đề: Tả vườn rau muống.

Nhà em có một vườn rau muống. Chiều chiều mẹ em lại bắc thang lên hái lá về nấu canh.

Đề: Hãy phân tích bài ca dao: "Trên đồng cạn, dưới đồng sâu. Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa".

Đây là cảnh làm nông của một gia đình khá giả. Họ có ít nhất ba thửa ruộng. Một thửa ruộng do chồng cày, một thửa thì vợ đang cấy

và một ruộng đang bừa. Họ có ít nhất hai con trâu. Một con đi cày, một con đi bừa.

Đề: Tả chú thương binh.

Gần nhà em có một chú thương binh, chú đã bị thương 2 lần. Một lần ở Buôn Mê Thuột và một lần ở đùi.

Đề: Tả cây hoa hướng dương.

Hôm nay em đi học về nhặt được một hạt hướng dương. Em cho nó vào chậu, sau nó mọc một cây như chiếc đũa. Em chăm bón nó và nó nở một bông hoa như cái nắp ấm. Sau đó hoa rụng hết cánh, em lấy hạt vào rang ăn.

Đề: Tả cây đàn bầu.

Đàn bầu là đàn có một dây. Dây bầu nằm trong ruột bầu, ruột bầu để mẹ em nấu canh chua.

Đề: Tả con đường làng.

Xa xa con đường có bác nông dân tay dắt cày, vai vác trâu đang từ từ tiến về đầu làng.

Đề: Tả ông nội.

Nhà em có nuôi một ông nội. Năm nay ông 70 tuổi. Ông nội em ăn rất khỏe, lại còn biết trông nhà.

Đề: Tả công viên.

Gần nhà em có một cái công viên. Buổi sáng hay có các cụ già đi bộ tập thể dục. Buổi trưa hay có các bác xe ôm đỗ xe ngủ. Buổi tối hay có các cô chú ngồi ôm nhau.

Đề: Tả một loại cây mà em biết.

Nhà bà ngoại em có trồng một cây dưa hấu. Lá cây xanh thăm diệu kỳ. Thân cây rất to, 5 người ôm không xuể.

Đề: Tả chú gà trống.

Nhà em có nuôi một chú gà trống. Chú khoác trên mình bộ váy sặc sỡ. Sáng nào chú cũng dậy sớm chạy ra sân và kêu cục ta cục tác để dụ đám gà mái. Em rất yêu quý chú vì hàng ngày chú đều đẻ trứng cho mẹ em đi chợ bán.

Những kỷ niệm xưa

Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại. Tuổi học trò hoa mộng đã rời xa chúng ta. May mắn thay, tuy gần nửa thế kỷ rời xa mái trường thân yêu, một số anh chị còn giữ lại nhiều kỷ niệm ngày xanh. Đó là những hình ảnh rất quý báu được chụp trong các lễ phát thưởng, các chương trình văn nghệ, các giải thể thao ... Báo xuân Trịnh Hoài Đức xuân Nhâm Dần xin mạn phép đăng lại một vài hình ảnh thân thương thuở nào để chúng ta cùng ôn lại vài kỷ niệm xưa để xem ai còn ai mất. Bạn có thể xem thêm những hình ảnh khác trên trang nhà GS và CHS Trịnh Hoài Đức theo địa chỉ: <http://trinhhoaiduc.netfirms.com>. Xin cảm ơn quý anh chị đã gửi hình ảnh cho trang nhà và mong nhận được nhiều hình ảnh khác. Do hình gửi cũng khá lâu nên một vài tấm không nhớ rõ người gửi là ai, xin vui lòng email cho Minh Tâm theo địa chỉ: minhtam_08@yahoo.com để bổ túc.



Lớp 12A2 – khoá 14 chụp ảnh kỷ niệm cùng GS Nguyễn thiện Thuật

Hàng thứ 1 (ngồi, từ trái sang phải): Nông Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Trừ, Huỳnh Thị Giàu (lớp trưởng, Lê Thị Kiều Nhung, Nguyễn Phi Oanh, Thầy Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Thị Mốt, Nguyễn Thanh Thủy, Giang Thị, Võ Thị Ánh Vân, (không nhớ tên), Lê Thị Xanh, Trần Thị Hoa (đã mất)
 Hàng thứ 2 (đứng, từ trái sang phải): Nguyễn Ngọc Lê, Phùng Thị Huệ, Phùng Thị Lan, Nguyễn Thị Tuyết Nga, Lê Thị Lan, Nguyễn Thị Xuân, (không nhớ tên), Trương Ngọc Triết, Nguyễn Phương Loan, (không nhớ tên), Hà Thị Thu Mai, Ngô Thị Ánh Hồng, Bùi Thị Mỹ Anh, Lê Ngọc Phương, Trần Thị Dồi, (không nhớ tên), (không nhớ tên), (không nhớ tên), Trần Thị Cẩm Hồng (đã mất), Từ Thanh Hưng, Võ Thị Nguyệt, Phạm Thị Lệ Thủy (con thầy Phạm Ngọc Em)
 (Ảnh do CHS Ngô Thị Ánh Hồng gửi)



Những người đẹp khoá 9 trong sân trường Nữ Trịnh Hoài Đức:
Kim Nên, Thanh Diệu, Thuý Đình, Kim Dung, Minh Lan, Cúc Hương
(ảnh do CHS Kim Nên giữ được)



Đội bóng chuyên học sinh Trịnh Hoài Đức – vô địch giải thanh niên Bình Dương năm 1971
Hàng đứng: GS Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Văn Hộ, (không biết tên), HS: Từ Minh Thạnh, Từ Minh Tâm, Lê Quang Phước, GS Đoàn Phê
Hàng ngồi: Võ Thành Hậu, Trần Văn Lực, Võ Văn Nhân, Trần Thiện Nguyễn, Phan Châu Tuấn
(ảnh do CHS Từ Minh Thạnh gửi)



Trại Mê Linh khoảng năm 1974 (ảnh do GS Phạm Hoàng gửi)



Nguyễn Kim Ngân, Nguyễn Văn Thiện Hoà, Huỳnh Văn Tiên
với tiết mục: Gái Trai Thời Đại trong lễ phát thưởng hè 1966-1967 (ảnh do CHS khoá 6 gửi)



Học sinh lớp 12A1 (khóa 6) với vũ khúc "Chiếc Nón Bài Thơ" tham dự Lễ Tắt Niên của trường ngày 23/1/1971. Trong hình từ trái sang phải: Lê Thị Hạnh (ngồi), Hồ Mỹ Phương (đứng), Tô Lê Huệ (ngồi), Lê Ngọc Phượng (đứng), còn có Lê Thị Hoa, Đỗ Thị Kim Lang (Ảnh do CHS Hồ Mỹ Phương gửi)



Trại Đoàn Kết tại Chùa Hội Khánh năm 1971

Không nhớ rõ tên các học sinh trong ảnh ngoài Nông Thị Ngọc Liễu, Nguyễn Hữu Hiệp.
Có các Giáo sư: Lê Tấn Lộc, Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Văn Mẹo, Bùi Thế San, Phạm Đức Liên.



CHS khoá 1 Trịnh Hoài Đức giờ đã ở lứa tuổi 70. Ảnh chụp khoảng năm 1956
(do Hoàng Anh sưu tầm)



Học sinh khoá 5 Trịnh Hoài Đức và GS Nguyễn Trí Thành
(ảnh do CHS Nguyễn Thị Thanh Tuyết gửi)



Những vị thầy kính mến của trung học Trịnh Hoài Đức:
GS Lê Đức Cừ, Nguyễn Văn Đô (đã mất), Phạm Ngọc Em (đã mất), Bùi Thế San

Nhóm thực hiện

Đặc San Xuân Nhâm Thìn – 2012 - Trung Học Trịnh Hoài Đức Bình Dương

Phụ trách tổng quát: Từ Minh Tâm

Với sự cộng tác của các CHS: Nguyễn Văn Diệp, Vĩnh Xuyên TVS, Nguyễn Kim Nên, Hoàng Anh, Lưu Thanh Bình, Phạm Thị Bé, Nguyễn Ngọc Thạch, Chu Ngạn Thư, Đinh Thị Thuý, Từ Thị Cảnh, Lê Anh, NTĐ, Ý Thu, MH, Thương Hoài A2, DTL, Hoài Lãng CỎ, Nguyễn Thị Hiếu, Hồ Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Cẩm, Nguyễn Thị Hòa Nam, Huỳnh Thị Nhung, Nguyễn Thị Tư, Nguyễn Thị Hai ...

Trình bày: Minh Tâm

Liên lạc: Email: minhtam_08@yahoo.com,
Điện thoại: (310)523-1857
Hoàn tất: 5/1/2012

Có thể đọc Đặc san Xuân Nhâm Thìn 2012
trên trang nhà GS & CHS Trịnh Hoài Đức – Bình Dương
<http://trinhhoaiduc.netfirms.com>
(không có www.)

Mục lục:

Chúc Tết thầy cô	2	Thơ: Xứ tôi	59
Lời ngỏ	3	Một thuở thanh bình	60
Thơ: Chúc xuân Nhâm Thìn	3	Thơ: Xuân nhớ bạn	62
Tâm thư Hội Trường	4	Dưới mắt học trò	63
Một năm nhìn lại	7	Xuân suy tư	68
Xuân tha hương nhớ Tết quê nhà	9	Chỉ còn trong ký ức	70
Thơ: Xuân Nây – Ý Xuân		Vài hồi ức về Phong Trào Hương Đạo	
- Đợi Xuân	11	ở Lái Thiêu	73
Trịnh Hoài Đức - Một thời để nhớ	12	Thơ: Mùa mới	76
Thơ: Nghĩa tình sư đệ và bằng hữu		Xuân này con vắng mẹ	77
- Nhớ mãi ơn thầy	14	Thơ: Viết trên sân cỏ Trịnh Hoài	77
Múa cù	15	Hoa Nắng, chút kỷ niệm ngày xưa	78
Trường xưa ngày trở lại	19	Cội mai già nhà Ông Ngoại	81
Thơ: Mừng tuổi em	24	Thơ: Xuân và Chim - Chiều Xuân	83
Ngỡ ngác cuối năm	25	Gió thổi chiều cuối năm	84
Dấu yêu còn mãi	27	Thơ: Xuân về trong mắt em	85
Chuyện học trò làm báo	30	Hội Ngộ	86
Nhớ về một thuở	32	Nam Sơn Luận Kiếm	88
Thơ: Ước mơ	36	Trang thơ	90
Năm Đệ Thất	37	Đổ vui ngày Tết	92
Mùa xuân có gì vui	41	Thư tín về đặc san Tân Mão	93
Những con đường Chợ Thủ	43	Vui cười	97
Ngày xưa: tôi về Tân Uyên	55	Những kỷ niệm xưa	98

Hình bìa:

Tượng Hiệp Biện Học Sĩ Trịnh Hoài Đức trước văn phòng trường. Tượng được thực hiện khoảng năm 1972. Đây là di tích cuối cùng còn lại sau khi xây trường mới.

(Ảnh do Minh Tâm chụp năm 2000)